

Bá Dương

Người dịch

Nguyễn Hồi Thủ



**NGƯỜI
TRUNG QUỐC
HẦU XÁ**

CMCT

NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ

Bá Dương

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

Người Trung Quốc xấu xí

Bá Dương

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

*Bìa: **NXB CMCT***

*Nguồn: **Chim Việt càn Nam***

*Trình bày: **Muôn Phương***

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Người Trung Quốc xấu xí

BÁ DƯƠNG

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

Chân Mây Cuối Trời
Paris - 1988

Tác phẩm “Chōu lòu de Zhong Gúo rén” (“Xấu lậu đích Trung Quốc nhân”) của Bo Yang đã được Nguyễn Hồi Thủ dịch và xuất bản tại Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời, Paris 1998, với nhan đề “Người Trung Quốc xấu xí”, tác giả là Bá Dương, sau được Nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1999 tái bản. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ theo bản của Nhà xuất bản Hoa Thành, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, năm 1989–1990.

Đầu năm 2002, Nữ Lang Trung hoàn thành một bản dịch khác, với nhan đề

«Người Trung Quốc xấu xí», tác giả là Bá Dương, hiện chưa được xuất bản trọn vẹn tại Việt Nam, tuy đã được trích đăng vài kỳ trên Văn Nghệ Trẻ. Bản dịch này theo bản của Nhà xuất bản Văn nghệ Thời đại, Trung Quốc, 1987.

Cũng bởi thằng dân ngu quá lộn,
Cho nên quân nó dễ làm quan.
(Tản Đà)

Mến tặng thầy Diệp Truyền Hoa,
người 30 năm trước đây đã vỡ lòng
văn Bạch thoại cho tôi.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Năm năm trước, tôi sang Trung Quốc đọc được quyển sách này rất lấy làm thích thú. Ngay sau đó, từ Trung Quốc về đến Việt Nam, tôi đã chụp lại đưa cho một người bạn ở Hà Nội và động viên anh dịch ra tiếng Việt. Tôi nghĩ rằng người Việt ở trong nước nếu được đọc nó, chắc cũng thích thú như tôi.

Bản thân tôi trước kia cứ mỗi lần đọc phải những quyển sách kiểu Người Việt cao quý, Người Việt đáng yêu là một lần không những không cảm thấy mình

được dự phần vào cái cao quý, đáng yêu ấy một tý nào, mà càng thấy mình thấp hèn và đáng ghét làm sao, chỉ muốn viết ngay một quyển sách khác để nói về những tính hư, tật xấu của mình. Đang lúc lúng túng với nỗi bức dọc ấy thì may thay tôi gặp được quyển sách của Bá Dương.

Thế mà suốt năm năm qua tôi đã ôm cái hy vọng quyển sách dịch sẽ ra đời ở Việt Nam. Tại sao tôi lại có hy vọng như vậy? Bởi vì, quyển sách này tuy được viết và xuất bản ban đầu ở Đài Loan, tuy có một cái nhìn độc đáo về văn hóa và các chế độ chính trị Trung Quốc, đặc biệt chỉ trích những phong trào Phản hữu, Cách mạng Văn hóa,v.v...và cả Mao Trạch Đông, nhưng sau đó nó lại được tái bản tại Trung Quốc lục địa (Bản tôi có là bản năm 1989 – 1990 do Nhà xuất bản Hoa

Thành, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông ấn hành).

Không những đã có nhiều sách khác viết về nó, gần đây còn có nguyên cả một quyển sách phỏng vấn Bá Dương về quyển sách này của ông. Các tác phẩm khác của Bá Dương cũng đã lục tục được in ra, và cuối cùng là hai tuyển tập tạp văn lớn của ông vừa được Nhà Xuất Bản Hữu Nghị tại Bắc Kinh phát hành.

Ngoài ra ở Âu, Mỹ, Úc châu hiện nay, đối với những người sắp phải tiếp cận với Trung Quốc, cuốn sách của Bá Dương cũng được xếp vào trong danh sách những quyển cần đọc để có một cái nhìn tổng quát về văn hóa nước này.

Nước Trung Quốc “cộng sản” đã chấp nhận và hoan nghênh nó, người Âu Mỹ cũng thế, thì không có lý do gì người

Việt Nam lại không thể được đọc nó, cho dù không phải để học hỏi, mà có thể chỉ vì hiếu kỳ, thông tin về một nước láng giềng.

Đến nay quyển sách dịch vẫn chưa ra đời ở Việt Nam. Và tôi vẫn chưa mất hy vọng, nhưng tôi hơi thấy tiếc cho cái thời gian tính của nó. Chẳng hạn, trong sách có những đoạn nói về tâm sự người Trung Quốc ở Hồng Kông khi mảnh đất này chưa “trở về tổ quốc” thì bây giờ Hồng Kông đã thuộc Trung Quốc lục địa rồi. Vì vậy, mặc dù chỉ vẽ vẽ tiếng Trung, lại không phải là người quen nghề dịch, tôi cũng đã mầy mò cố dịch nó ra, chắc chắn có nhiều sai sót, ở đây thành thật xin những người cao minh hơn chỉ bảo cho.

Trong thập niên trước một thiên

niên kỷ mới này, người ta hay nói về nền văn minh hậu công nghiệp, hậu hiện đại, cách mạng và văn minh điện tử tin học, đợt sóng thứ ba,... Người Việt Nam vừa thoát ra được cuộc nổi da xáo thịt, còn phải mất hơn 20 năm để chì chiết lẫn nhau, bỗng một hôm tự thấy mình đang đứng bên lề đường phát triển; đói rách, nghèo nàn, lạc hậu, bối rối không biết đi về đâu. Vì cục diện thế giới đã thay đổi quá nhanh, các phe phái, chiêu bài mà mình vì nó mất bao xương máu và cả một thời son trẻ đã chỉ còn là những dấu vết mờ nhạt.

Trí thức Việt Nam, hoặc những người còn chút suy tư, nhìn sang các nước láng giềng, nhìn ra thế giới cũng hoang mang, lúng túng chẳng kém các cụ nhà Nho cách đây một thế kỷ khi tỉnh dậy vì những tiếng cà-nông của nền văn

minh công nghiệp Tây phương bắn vào các cửa biển.

Trong thời kỳ gọi là “đổi mới” gần đây, các nhà lãnh đạo Việt Nam hay những người tự cho mình có sứ mệnh lãnh đạo, lại phát động phong trào đi tìm kiểu mẫu phát triển, giống phong trào “canh tân” của các cụ đồ ngày xưa.

Nhưng cái khác với thời hai cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là ngoài các mô-đen Mỹ, Pháp, Nhật, ngày nay còn có một lô những mô-đen mới nữa, trong đó phải kể mấy con rồng, con cọp châu Á ngay sát nách mà ở thời các cụ họ cũng chẳng khác gì mình.

Người có đầu óc một lần nữa phải thắc mắc tại sao bây giờ lại có sự khác biệt đó? Dân tộc Việt Nam cơ bản khác gì những dân tộc khác để ra nông nổi

này? Không khỏi có những người, cũng như các cụ Phan ngày xưa, lại đi đào bới trong văn hóa, lịch sử Việt Nam, suy gẫm để tìm cho ra nhẽ. Nhưng số ấy không nhiều như ta tưởng, mà rồi cũng chẳng ai để ý đến những lời tâm huyết của họ, nếu không thì lịch sử và vận mệnh nước nhà cũng đã khác.

Mặc dù dưới áp lực của xu hướng toàn cầu hóa trên mọi địa hạt, tôi vẫn tin rằng mỗi một dân tộc phải có một phương thức, một giải pháp riêng đối với cái vận mệnh riêng của mình. Cho nên, trước khi đi cóp nhặt các mô-đen, cần nhất phải biết mình là cái thứ gì, và có thể làm được gì ngay trước mắt. Muốn biết được điều ấy không thể chỉ cứ tinh tướng, huyễn hoặc để tiếp tục tự kỷ ám thị hoặc lừa dối nhau, tiếp tục dùng cái

lưỡi gỗ để nói những điều cường điệu, hãnh tiến.

Thường trong lịch sử Việt Nam vốn đã rất ít người thật tình có can đảm và trung thực để tìm hiểu, phê bình, những cái xấu, cái dở của dân tộc mình. Gần đây lại chỉ toàn thấy ca tụng đất nước rừng vàng biển bạc, con người cần cù, thông minh, cao cả, đẹp đẽ, kiên cường, anh hùng, trong sáng... Thậm chí lại có cả người lãnh đạo lấy tên giả viết sách để ca ngợi cá nhân mình, có cả nhà văn bịa tên một người nước ngoài để ca ngợi dân tộc mình. Nếu so sánh với những nước giàu mạnh nhất thế giới hiện nay thì lại là cả một chuyện ngược đời.

Mà cái chuyện tìm những khuyết tật, những cái dở của dân tộc mình thì không ai có thể làm hộ cho mình cả,

không thể trông chờ vào người nước ngoài được – mặc dù quá trình lịch sử Việt Nam đã chứng minh ngay đến cả cái chữ viết cũng là do người nước ngoài làm cho (Tôi không cho rằng chữ Nôm là một thứ chữ viết đúng nghĩa của nó. Đó chỉ là một thứ chữ làm từ chữ Hán, chủ yếu dùng để ký âm tiếng Việt cho những người đã biết chữ Hán, quá phức tạp, thiếu quy phạm để được phổ cập và đứng vững).

Rồi khi người nước ngoài không lo cho nữa thì đến nay nó vẫn ở tình trạng của đầu thế kỷ, không có một canh tân, chuẩn hóa gì thêm, thậm chí một bàn phím máy tính để đánh cái thứ chữ viết đó cũng không hề có nổi ở thời đại xa lộ thông tin này.

Trung Quốc đã là một mô-đen lớn của Việt Nam cho đến lúc người Pháp

đô hộ chúng ta. Và nếu tôi không lầm thì hiện nay một lần nữa nó vẫn còn là một mô-đen phát triển cho một nước theo chế độ đảng chủ, lại thuộc về thế giới Hán hóa như Việt Nam.

Quyển sách này soi sáng thêm một bề mặt, có thể là mặt trái của văn hóa Trung Quốc, của dân tộc Trung Quốc. Theo tôi nghĩ nếu lấy cái bề mặt này đem tham chiếu để phản tỉnh, việc này không những chỉ ích lợi cho người Hoa mà còn cho tất cả các cộng đồng có liên quan ít nhiều đến văn hóa Trung Quốc.

Ông Bá Dương cơ bản chỉ là một nhà báo, một người viết tạp văn và chính ông cũng xác nhận điều này. Bởi vậy chúng ta không nên chờ đợi ở quyển sách những phân tích khoa học sâu sắc, những ý nghĩa triết học cao siêu thường thấy ở mấy trường phái Trung Quốc học tại các

đại học Mỹ như Havard hoặc Standford. Phần chính của quyển sách lại gồm những bài diễn thuyết, mang lối hành văn của kẻ nói chuyện, nên có người phê bình là bố cục lỏng lẻo.

Cho dù có thật sự thiếu trình độ uyên bác và cái chặt chẽ của lý luận, quyển sách lại đem đến cho người đọc nhiều chất liệu cụ thể rút từ lịch sử và đời thường qua cái nhìn của một người Trung Quốc đã bị “nhào trộn như một viên sỏi trong cái máy trộn bê-tông” của lịch sử Trung Quốc hiện đại. Những thứ rất phổ cập và dễ hiểu này cộng với giọng văn châm biếm chua cay mà thành khẩn của Bá Dương đối với một người Việt bình thường dù ở trong hay ngoài nước sẽ là một cống hiến không nhỏ cho việc hiểu rõ hơn về Trung Quốc và qua đó nhìn lại mà đánh giá bản thân, dân

tộc và văn hóa của mình trong giai đoạn hiện nay.

Phần cuối sách gồm một số bài của những người phê phán Bá Dương. Phần tranh luận đầy cảm tính này, dầu không có thêm nhiều phát hiện gì mới, lại là một cái phong cần thiết làm nổi bật thêm tính độc đáo và cú sốc khá mạnh của sự kiện Bá Dương trên cộng đồng người Hoa tại hải ngoại.

Trong lúc dịch tôi vẫn chưa tìm được ở tiếng Việt từ nào đúng để diễn tả đồng thời hình dáng xấu và tính xấu của một người. Cho nên, tùy mạch văn, lúc tôi dùng chữ “xấu xí”, lúc dùng “xấu xa”. Tiếng Trung và Hán Việt vốn có nhiều từ giống nhau, khiến người dịch có khuynh hướng hay sử dụng cái có sẵn, nên câu văn mang vẻ cũ kỹ, tối nghĩa. Vấn đề

này khó hơn, nếu có một ấn bản khác tôi sẽ cố gắng thêm.

Nhân dịp này tôi cũng không thể không nói lên rằng, ngoài những khó khăn gặp phải của một người dùng một thứ tiếng nghèo nàn để dịch một thứ tiếng phong phú hơn, tôi đã gặp phải quá nhiều đau khổ trong việc chế bản và chuyển đổi (đối với quyển này cũng như những quyển trước, vì cho đến nay tôi vẫn chưa tìm được một chương trình soạn thảo văn bản nào đạt tiêu chuẩn, thật đáng buồn!), nếu không quyển sách này có thể đã ra đời trước đây sáu tháng hay một năm là ít.

Ngoài ra tôi cũng đã tự ý lược bỏ một số đoạn, không nhiều lắm, vì thấy có sự trùng lặp với các đoạn khác.

Tôi chỉ mong có nhiều người đọc được quyển sách dịch này, đó là một điều an ủi rất lớn cho cái thiện ý của tôi.

Paris – Bắc Kinh, 1966–1997

Nguyễn Hồi Thủ

Vài lời về Tác giả và bản quyền

Ông Bá Dương sinh năm 1920 ở Trung Quốc lục địa, chạy sang Đài Loan năm 1949 khi cộng sản thắng tại Trung Quốc. Là một nhà thơ, nhà văn, nhà báo và sử gia. Ông đã bị bỏ tù 10 năm tại Lục Đảo (Đài Loan) vì dịch sang tiếng Trung Quốc một tranh hý họa Popeye (Pôp-pay) mà chính phủ Đài Loan cho là phạm thượng. Năm 1977, khi ra khỏi nhà tù, ông bắt đầu đi nói chuyện về hiện tượng “người Trung Quốc xấu xí”. Những bài nói chuyện của ông và của những người tranh luận với

ông được tập trung lại thành quyển sách mà các bạn đang cầm ở tay. Ông hiện sống ở Đài Loan với vợ là bà Dương Hương Hoa, một thi sĩ.

Vì chỉ có một bản in tại lục địa, chúng tôi không biết phải liên lạc làm sao để xin phép ông Bá Dương, nên nhân đây xin lỗi ông về việc đã mạo phép dịch sách của ông ra tiếng Việt trước khi được phép. Tôi nghĩ nếu ông biết được chắc cũng vui lòng tha thứ. Nếu có ai mách cho tôi biết ông ở đâu tôi sẽ trực tiếp xin lỗi ông một lần nữa và chính thức xin phép ông sau.

(NHT)

THẦY THUỐC VÀ NGƯỜI BỆNH Ở NƯỚC HỮ TƯƠNG

* * *

Thay lời tựa của Bá Dương

Chuyện kể rằng ngày xưa có một nước gọi là “Nước vại tương”. Ở đó mỗi ngày việc trọng đại nhất của mọi người là bàn luận xem họ có đúng là một nước hũ tương không. Náo nhiệt nhất ở đó lại là việc tranh chấp giữa thầy thuốc và bệnh nhân. Kết quả đương nhiên là thầy thuốc bị thua. Đại khái tình hình như sau:

Người Trung Quốc xấu xí

Bệnh nhân: – Tháng sau tôi kết hôn, sẽ làm lễ cưới ra trò. Rất vinh hạnh được đón tiếp ngài. Ngài sẽ là thượng khách. Thế kết quả khám nghiệm bệnh tình của tôi ra sao rồi?

Thầy thuốc: – Xin lỗi, tôi sợ phải báo cho ông một tin không vui. Đây là kết quả bảng phân chất. Có khả năng ông bị mắc bệnh phổi đã đến thời kỳ thứ ba. Triệu chứng thời kỳ đầu là ho...

Bệnh nhân: – Quái thật. Bác sĩ bảo là ho. Thế vừa rồi bác sĩ cũng chẳng mới ho là gì. Tại sao đấy lại không phải là bệnh phổi?

Thầy thuốc: – Cái ho của tôi và cái ho của ông không giống nhau đâu.

Bệnh nhân: – Tại sao lại không giống nhau? Ông có tiền, có học thức, tốt nghiệp cả đại học, từng uống cả nước

sông A-ma-dôn, chắc phải thuộc loại người có dòng máu cao sang chứ gì? Có phải vậy không?

Thầy thuốc: – Nói thế chẳng phải, lại còn nửa đêm lên cơn sốt.

Bệnh nhân: – Chẳng nói thế thì nói thế nào cho vừa ý ông? Sốt nửa đêm?! Cái quạt máy nhà tôi dùng đến nửa đêm sờ vào có thể bỏng tay như chơi. Thế nó cũng bị lao phổi đến thời kỳ thứ ba chắc?

Thầy thuốc (gắng gượng giải thích):
– Thổ huyết cũng là một trong những triệu chứng của bệnh trạng.

Bệnh nhân: – Sát nách nhà tôi có một nha sĩ. Những người đến chữa răng đều bị ông ta làm cho khạc ra máu. Khó mà nói rằng họ đều bị lao phổi ở thời kỳ thứ ba cả.

Thầy thuốc: – Chuyện đó đương nhiên không phải như vậy rồi. Nhưng tổng kết tất cả lại ...

Bệnh nhân: – Được rồi! Nói lại từ đầu. Cứ cho là lao phổi đến thời kỳ thứ bảy, thứ tám đi thì đã sao? Có cần phải nặng xị lên thế không? Người nước ngoài không phải vẫn mắc lao phổi như thường hay sao? Tại sao anh cứ xoáy vào mỗi tôi? Tháng tới tôi kết hôn, việc này ai cũng biết, sao anh không có thể nói vài câu khích lệ tôi? Tại sao anh lại đả kích tôi? Anh thù oán gì tôi? Anh muốn làm cho đời chúng tôi tan nát à?

Thầy thuốc: – Anh hiểu lầm tôi rồi. Tôi chỉ muốn nói...

Bệnh nhân: – Tôi chẳng hiểu lầm anh tí nào. Tôi chỉ nhìn thoáng một cái là thấy cả tim gan anh. Anh mất mẹ sớm,

không có được một gia đình êm ấm. Đến tuổi trung niên lại ngồi tù vì án cướp của, giết người, hiếp dâm, xem thường công bình, luật pháp, cừu hận chất chồng. Thấy người khác hạnh phúc là không chịu được, không muốn thấy nước nhà rạn vỡ, vẻ vang.

Thầy thuốc: – Chúng ta phải tùy việc mà xét.

Bệnh nhân: – Chính tôi đang tùy việc mà xét đây. Anh cứ thú thật cái bà già mà anh mang ơn ấy, khi giết bà ta anh hạ thủ như thế nào?

Thầy thuốc (hơi hoảng sợ): – Giấy chẩn bệnh đã căn cứ vào phân chất máu và nước bọt, có lẽ nào tôi bịa đặt ra được?

Bệnh nhân: – Đương nhiên là anh không bịa đặt. Cũng như con dao của

anh đã cắm vào ngực của bà kia. Anh sỉ nhục những người tiến bộ và yêu nước như vậy là đủ rồi. Anh một lòng thù hận đồng bào, bảo họ đều bị lao thời kỳ thứ ba, anh không tự thấy là vô liêm sỉ à?

Thầy thuốc: – Ông anh ơi, chỉ vì thương ông, mong ông chóng bình phục tôi mới nói thẳng sự việc chứ thật tình không có ác ý.

Bệnh nhân (vừa cười nhạt vừa ho):
– Anh là một thằng đồ tể giết người không gớm tay. Tất cả nhân sĩ yêu nước có lương tâm sẽ liên kết lại để ngăn chặn ý đồ mưu sát tổ quốc của anh mà anh gọi là lòng yêu nước hòng che mắt thiên hạ.

Thầy thuốc: – Tất cả tôi chỉ căn cứ vào những bản phân tích, như phân tích nước bọt chẳng hạn của trường Thiên Trúc đã làm ...

Bệnh nhân: – Đồ vọng ngoại! Đồ sùng bái và nịnh hót nước ngoài! Anh chính là cái mầm mống hạ lưu đã táng tận lòng tự trọng dân tộc. Đồ tồi! Tôi nghiêm túc cảnh cáo anh! Thế nào rồi anh cũng sẽ phải trả giá rất đắt về hành vi vọng ngoại này.

Thầy thuốc (mạnh dạn thêm): – Thôi, không nói lung tung, không tránh né nữa. Cũng không nên dùng ngôn ngữ đấu tố để thay thế lý lẽ. Chuyện quá khứ và chủ đề của tôi thì có liên quan gì? Cái chủ đề của chúng ta là « Anh có bị lao hay không? »

Bệnh nhân: – Cứ xem mô hình cái “Người Trung Quốc xấu xí” của anh. Quả là già mồm! Từ bối cảnh đời anh, ai cũng có thể nhìn thấy được cái dã tâm của anh độc ác dường nào. Tại sao không liên quan với nhau? Nước Trung

Quốc rồi hồng về tay những loại người như anh, làm cho người nước ngoài tin rằng người Trung Quốc chúng ta đều bị lao vào thời kỳ thứ ba hết thấy. Vì thế, họ xem chúng ta không ra gì. Cái loại Hán gian số một, ăn táo rào sung này lẽ trời không thể dung được. Cẩm y vệ (ho xù xụ)! Lôi nó đi!

Đương nhiên không nhất định phải là cẩm y vệ (lính vua) lôi đi (Bá Dương tiên sinh cũng đã hơn một lần bị lôi đi rồi), mà bọn này không chỉ lôi đi, lại còn có thể hành hung, đánh đập, chưa kể chửi bới, thóa mạ bằng lời nói hoặc bằng bút.

Đài Bắc, ngày 23-07-1985.

PHẦN I – CÁC BÀI NÓI CHUYỆN NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ

Diễn văn đọc tại Đại học Iowa (Iowa),
ngày 24-09-1984.

Đã nhiều năm nay tôi muốn viết một quyển sách dưới tên gọi “Người Trung Quốc xấu xí”. Tôi nhớ quyển sách “Người Mỹ xấu xí” sau khi viết xong đã được Quốc vụ viện Mỹ dùng làm tài liệu tham khảo cho sách lược của mình. Người Nhật cũng có một quyển “Người Nhật xấu xí”. Tác giả là Đại sứ Nhật tại Ác-hen-ti-na. Ngài Đại sứ này (sau khi viết

ra cuốn sách đó) liền bị cách chức. Đây có lẽ là cái khác nhau giữa Đông phương và Tây phương. Trung Quốc so sánh với Nhật Bản có lẽ còn kém một bậc. Giả thử tôi viết quyển sách này, có nhiều khả năng các vị phải vào tận nhà lao để đưa cơm cho tôi. Vì thế tôi vẫn không viết, nhưng luôn luôn tôi tìm một cơ hội nói chuyện về vấn đề này để thỉnh giáo các cấp, các giai tầng trong nước. Thế mà cái chuyện báo cáo bằng miệng này cũng không phải đơn giản. Tại Đài Bắc, người mời tôi đến nói chuyện, chỉ nghe đến đề mục này đã vội bỏ lời mời. Cho nên suốt đời tôi đến nay đây là lần thứ nhất tôi được nói về “người Trung Quốc xấu xí”. Tôi cảm thấy rất là hứng thú. Xin cảm tạ quý vị đã cho tôi cơ hội này.

Có một lần Đại học Đông Hải tại Đài Trung mời tôi đến diễn giảng. Tôi báo họ

về đề mục này. Tôi hỏi Hội trưởng Hội Sinh viên xem có thể gây ra vấn đề gì không. Anh ta bảo:

– Tại sao lại thành vấn đề?

Tôi nói với anh ta rằng:

– Anh đi thăm dò nơi ông Hiệu trưởng xem sao, bởi vì cá nhân tôi vốn đã là người có vấn đề, lại nói về một đề mục có vấn đề nữa sẽ có thể thành nặng đấy.

Sau khi nói chuyện với Hiệu trưởng, anh ta gọi điện đến Đài Bắc cho tôi bảo:

– Vấn đề thì không có, nhưng có thể sửa đổi đề mục không? Hiệu trưởng bảo cái tí này hơi khó nghe.

Tiếp đó anh đề nghị tôi một đề mục dài lòng thòng, với mũ áo đảng hoàng,

rồi hỏi tôi có đồng ý không? Tôi bảo:

– Dĩ nhiên là không đồng ý, nhưng nếu anh nhất định phải sửa thì tốt hơn là cứ sửa.

Đó là lần đầu tôi nói chuyện chính thức mà có liên quan đến “người Trung Quốc xấu xí”. Trước khi nói chuyện, tôi bảo:

– Tôi mong rằng khi tôi nói sẽ thu băng lại để sau đó tôi có thể chữa lại thành một bài văn.

Anh ta khẳng khái hứa sẽ làm. Sau khi nói xong, lúc nghe băng thâu lại thì chỉ có mỗi vài câu đầu, sau đó toàn băng trắng!

Năm nay tôi 65 tuổi. Ngày 7 tháng 3, hôm bạn bè ở Đài Bắc làm lễ sinh nhật cho tôi, tôi bảo họ:

– Tôi đã sống 65 năm, toàn là những năm tháng gian nan. Ý tôi muốn nói rằng đây không phải là sự gian nan của riêng tôi, nhưng của tất cả những ai đã làm người Trung Quốc. Bạn bè ngồi đó đều rất trẻ tuổi, đặc biệt bạn bè ở Đài Loan đa số là những người lớn lên trong hoàn cảnh kinh tế sung túc. Cùng các bạn lại nói chuyện gian nan chắc các bạn không thích nghe, lại có thể không tin hoặc không hiểu.

Sở dĩ tôi nói gian nan đây không phải là vấn đề cá nhân, lại không phải vấn đề chính trị. Cái vấn đề của mọi người Hoa này lại vượt ra ngoài phạm vi cá nhân và chính trị nữa. Đây không phải là gian nan một cá nhân đã trải qua, cũng không phải hoạn nạn của riêng thế hệ cá nhân tôi. Nếu chúng ta không thấu hiểu được cái hoạn nạn này, không hiểu

được những nhân tố độc hại của văn hóa Trung Quốc thì vĩnh viễn chúng ta không thể ngăn ngừa được sự tái sinh của nó.

Chín mươi phần trăm người trong trại tỵ nạn Khao-Y-Đăng ở Thái Lan là người Hoa bị trục xuất từ Việt Nam, Kampuchia, Lào (không nói quốc tịch mà chỉ kể huyết thống và văn hóa). Lúc ấy, có một nữ sinh viên do một viện văn hóa Hoa kiều tại Đài Loan phái đến Thái Lan gia nhập đoàn phục vụ. Đến nơi được vài hôm, cô ta đã không chịu nổi, khóc lóc rồi xin về. Cô ta bảo: “Cái thảm trạng này không ai chịu nổi!”

Tôi đến Thái Lan sau đó, thấy hoàn cảnh những người tỵ nạn quả tình không thể nào không rơi nước mắt được. Ví dụ người Hoa không được phép có tài sản riêng, không được buôn bán. Nếu

áo anh rách, anh trả cho bà cụ bên cạnh nửa bát cơm để bà cụ vá áo cho anh, đó cũng bị xem là một hành vi buôn bán. Cảnh sát Thái vì vậy có thể lột truồng bà cụ này, giải ra tòa án địa phương để tra hỏi: “Tại sao mày lại làm chuyện phạm pháp như vậy?” Đây, chỉ đơn cử một sự kiện nhỏ trong những bức nhục người tỵ nạn phải chịu. Ngoài đau xót và phẫn nộ, tôi chỉ có một suy nghĩ sau: Người Trung Quốc đã làm điều gì ác để phải chịu cái cảnh đối xử như vậy?

Năm trước, hai vợ chồng tôi sang Pa-ri. Từ trong tàu điện ngầm ra, thấy một quầy hàng bán nữ trang, chủ quầy là một phụ nữ trung niên nét mặt Á đông. Tôi và vợ tôi vừa xem hàng vừa nói chuyện. Bỗng nhiên chủ quầy dùng tiếng Hoa giải thích cho chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy rất thân thiết bèn hỏi bà ấy:

“Tại sao bà lại nói được tiếng Hoa?” Bà bảo: “Tôi là người Hoa, từ Việt Nam trốn sang”. Lại đúng là người đã từ trại tỵ nạn Khao-Y-Đăng. Bà vừa nói vừa nức nở. Tôi chỉ biết an ủi bà rằng: “Thôi, ít nhất là bây giờ cũng đỡ, không bị đói”. Lúc sắp chia tay, bà ta thở dài nói: “Ôi! Làm người Hoa sao mà khổ nhục thế!” Đối với lời than thở này suốt đời tôi sẽ chẳng bao giờ quên được.

Thế kỷ thứ XIX, quần đảo Nam Dương – thời nay tức là Đông Nam Á, (Thật ra Đông Nam Á còn rộng hơn ý ông Bá Dương muốn nói – ND) – còn là thuộc địa của Anh và Hà Lan, có một chuyên viên Anh đóng ở Ma-lai-xi-a nói rằng: “Làm người Trung Quốc ở thế kỷ thứ XIX là một tai họa”. Bởi vì ông này đã thấy cộng đồng người Hoa sống ở quần đảo Nam Dương giống một lũ lợn,

vô tri vô thức, tự sinh tự diệt, tùy thời còn có thể bị sát hại hàng loạt. Thế mà tôi thấy người Hoa ở thế kỷ XX so với người Hoa ở thế kỷ XIX tai họa của họ còn lớn hơn.

Điều làm chúng ta đau khổ nhất là bao mong đợi của người Hoa từ một trăm năm nay cơ hồ như đã bị tiêu tan toàn bộ. Cứ mỗi lần có một mong chờ trở lại, hứa hẹn nước nhà một tương lai sáng sủa hơn, thì kết quả lại càng làm cho chúng ta thất vọng và tình hình lại càng trở nên tệ hại hơn. Một mong chờ khác lại đến, để rồi lại đem về những ảo vọng, thất vọng, những tội tệ liên miên vô tận.

Dân tộc cố nhiên là trường tồn, sinh mệnh của cá nhân là hữu hạn. Một đời người có được bao ước vọng lớn? Có được bao lý tưởng lớn, chịu được mấy

lần tan vỡ? Con đường trước mặt sáng
sủa thế nào? Hay lại đen tối? Thật khó
nói cho hết!

Bốn năm trước, lúc tôi diễn giảng tại
New York, đến đoạn “chối tai”, có một
người đứng dậy nói: “Ông từ Đài Loan
đến, ông phải nói cho chúng tôi nghe về
những hy vọng, phải cổ vũ nhân tâm.
Sao lại đi đả kích chúng tôi?” Con người
đương nhiên cần được khích lệ, vấn đề
là khích lệ rồi sau đó làm gì nữa? Tôi từ
nhỏ cũng từng được khích lệ rồi. Lúc 5, 6
tuổi, tôi được người lớn nói với tôi: “Tiền
đồ của Trung Quốc nằm trong tay thế hệ
các cháu đấy!” Tôi cho rằng trách nhiệm
của tôi lớn quá, chắc không thể nào đảm
đương nổi. Sau đó tôi lại nói với con tôi:
“Tiền đồ của Trung Quốc nằm trong tay
thế hệ các con đấy!” Bây giờ con tôi lại
nói với cháu tôi: “Tiền đồ Trung Quốc

nằm trong tay thế hệ các con đây!”

Một đời, rồi một đời, biết bao nhiêu lần một đời? Đến đời nào thì mới thật khá lên được? Tại Trung Quốc đại lục rộng lớn, sau thời Phản hữu (Phong trào chống phe hữu năm 1958), tiếp theo lại là Đại Cách Mạng Văn Hóa long trời lở đất. Từ ngày loài người có lịch sử đến nay chưa bao giờ thấy được một tai họa do con người làm ra to lớn đến như vậy. Chẳng nói đến tổn thất sinh mạng, cái tổn thương lớn lao nhất là sự chà đạp nhân tính, dây xéo lên phẩm hạnh cao quý. Con người nếu rời bỏ nhân tính và những đức hạnh cao quý thì sánh với cầm thú có khác gì? Mười năm tai vạ lớn làm cho bao người đã biến thành cầm thú. Một dân tộc như vậy, phẩm chất sa đọa tới mức đó làm sao có đủ sức lại đứng lên được? (Mao Trạch Đông tuyên

bố dân Trung Quốc từ đây lại đứng lên rồi – ND).

Tại Mã-lai-á (Malaysia), nơi người Hoa chiếm hơn 30%, có lần tôi đi tham quan bảo tàng viện, bên trong dùng văn tự Mã-lai, có chua cả tiếng Anh, nhưng chẳng có tiếng Hoa. Nói thế không phải cứ có tiếng Hoa là tốt, không có là không tốt, đó là một vấn đề khác. Nhưng hiện tượng này nói lên một phần lòng dạ hẹp hòi của người Mã-lai, một phần lại nói lên tình trạng thiếu lực lượng, địa vị và không được tôn trọng của người Hoa. Người Hoa ở Thái Lan nói: “Chúng tôi nắm chắc trong tay mạch máu của lúa gạo Thái”. Đây chỉ là điều tự mình an ủi mình. Chỉ cần một pháp lệnh được ban hành là các người sẽ chẳng còn gì cả!

Bây giờ người ta nói nhiều về Hương

Cảng [Hong Kông]. Bất cứ nước nào, nếu có đất đai bị nước ngoài chiếm cứ đều cảm thấy tủi nhục. Chờ cho đến lúc lấy được về chẳng khác nào lòng mẹ bị mất con. Ai cũng nhớ chuyện nước Pháp lúc phải cắt hai tỉnh Alsace và Lorraine giao cho Đức đã đau khổ như thế nào, lúc lấy lại được về đã sung sướng ra sao.

Nhưng Hương Cảng của chúng ta chỉ cần nghe đến việc trả về tổ quốc là lập tức hồn bay phách lạc. Chuyện gì mà lạ thế?

Còn nói về Đài Loan, hiện nay nhiều thanh niên người tỉnh này hoặc người nơi khác ở đây đều chủ trương Đài Loan độc lập. Tôi nhớ lại 30 năm trước đây, lúc Nhật Bản trả lại Đài Loan cho Trung Quốc (1945), mọi người sung sướng như si cuồng chẳng khác nào đứa con lạc mẹ

lại tìm được đường về nhà. Cái gì đã xảy ra sau 30 năm đó để cho đứa con kia lại muốn bỏ nhà ra đi?

Ở Cộng hòa Síp, một bên là người Thổ Nhĩ Kỳ, một bên là người Hi Lạp, khác nhau về văn tự, ngôn ngữ, chủng tộc, tôn giáo mà còn có thể sống chung được. Tại sao chúng ta, những người cùng huyết thống, cùng mặt mũi, cùng tổ tiên, cùng văn hóa, văn tự, ngôn ngữ, chỉ khác nhau có khu vực địa lý mà lại có thể xảy ra hiện tượng này?

Sự kiện trên khiến cho việc “làm một người Hoa” không những gian nan mà còn khổ nhục nữa. Ngay cả đối với những người Hoa sống tại Mỹ cũng vậy, nào cánh tả, cánh hữu, trung lập, độc lập, thiên tả trung, trung thiên hữu, hữu thiên trung, vân vân và vân vân, chẳng

biết đường nào mà mò. Người này đối với kẻ nọ đều mang mối cừ thù như nó giết bố mình. Thật không hiểu là thứ dân tộc gì?

Trên thế giới không có nước nào có lịch sử lâu đời như Trung Quốc, không có nước nào có một nền văn hóa không đứt đoạn như Trung Quốc, mà cái văn hóa đó lại đã từng đạt đến một nền văn minh cao độ. Người Hy-Lạp thời nay với người Hy-Lạp ngày xưa chẳng liên quan gì với nhau. Người Ai-Cập cũng vậy. Nhưng người Trung Quốc hôm nay thì đúng là hậu duệ của người Trung Quốc cổ đại. Tại sao một nước khổng lồ như vậy, một dân tộc to lớn như vậy ngày nay lại ra nông nổi xấu xa ấy? Chẳng những bị người nước ngoài ức hiếp mà còn bị ngay dân mình ức hiếp. Nào là vua bạo ngược, quan bạo ngược, mà cả dân (quần

chúng) cũng bạo ngược.

Ở nước ngoài, có lúc tôi dừng lại trong công viên, nhìn trẻ con ngoại quốc, thấy sao chúng sung sướng thế. Trong lòng tôi lúc ấy tự nhiên cảm thấy thèm thuồng quá. Chúng không phải mang gánh nặng, con đường chúng đi bằng phẳng, rộng rãi quá, tâm lý khỏe mạnh, sung mãn, sáng khoái. Con trẻ Đài Loan chúng ta đến trường học, đeo kính cận, mặt khó đăm đăm vì phải đối phó với áp lực bài vở. Mẹ ngất ngã xuống đất, con đến đỡ mẹ dậy, mẹ kêu rống lên: “Mẹ có chết cũng chẳng sao, việc gì đến con! Con đi học bài đi! Đi học bài đi!”

Vợ tôi lúc dạy học ở Đài Loan, thỉnh thoảng cứ đề cập đến đạo đức làm người, tức thì sinh viên nhao nhao phản đối: “Chúng tôi không cần học làm người, chỉ cần học để ứng phó với việc thi cử”.

Lại nhìn về trẻ con ở Trung Quốc lục địa, từ nhỏ đã phải học đánh đấu nhau, lừa dối bịp bợm nhau, lại luyện tập cách lừa bịp, phản đồng chí, lại phải học cách bốc phét, bịa đặt. Một nền giáo dục đáng sợ thay! Một thế hệ nữa những đứa trẻ này lớn lên sẽ như thế nào?

Tôi sống ở Đài Loan hơn 30 năm, mười năm viết tiểu thuyết, mười năm viết tạp văn, mười năm ngồi tù, còn mười năm tới sẽ dùng để viết lịch sử. Một sự phân phối rất quân bình.

Tại sao tôi không viết tiểu thuyết nữa? Tôi cảm thấy rằng tiểu thuyết thông qua một số hình thức, nhân vật tương đối chỉ nói lên sự thật một cách gián tiếp. Cho nên tôi mới quay qua viết tạp văn. Tôi muốn dùng tạp văn như một lưỡi gươm ngắn trực tiếp đâm vào tim tội ác.

Nhưng rồi viết tạp văn cũng giống như ngồi cạnh một anh lái xe. Cứ phải luôn nhắc nhở anh ta lúc nhâm đường, lúc rẽ phải, lúc rẽ trái, lúc dừng vượt, lúc có cầu trước mặt, lúc bớt ga, lúc gặp ngã tư, đèn xanh, đèn đỏ, v.v... không lúc nào ngừng nhắc nhở, ngừng kêu. Nhưng nếu kêu nhiều lại có thể bị đi tù. Những kẻ có quyền bính đều biết rằng chỉ cần không có người khám phá ra những sai lầm của mình là mình được xem như không bao giờ sai lầm cả.

Ở trong tù, lúc trầm tư tôi đã tự hỏi: “Tại sao tôi ngồi tù? Tôi phạm tội gì?”. Ra khỏi ngục tôi không ngừng tìm hiểu về cảnh ngộ của tôi. Phải chăng đó là một trường hợp đặc biệt? Đến lúc tới Iowa (Mỹ), chính thức cùng ở chung với những tác gia tù lục địa đến, tôi mới hiểu những người như tôi là Thượng Đế

đã chủ định bắt ngồi tù, dù ở Đài Loan hay lục địa. Họ giải thích cho tôi rằng: “Tính nết của anh như vậy, làm sao sống nổi với Hồng Vệ Binh, làm sao chịu nổi Cách Mạng Văn Hóa? Phong trào Phản Hữu sẽ đánh anh không còn manh giáp”.

Tại sao một người Trung Quốc chỉ hơi bạo gan sơ xuất nói lên một ít sự thật, lại phải chịu số phận như vậy? Tôi gặp không ít người đã ngồi tù ở lục địa. Tôi hỏi họ: “Tại sao anh bị ngồi tù?” Họ đáp: “Bởi vì tôi đã nói lên một vài sự thật!”. Thì ra vậy. Tại sao nói lên vài câu về sự thật lại phải chịu một số phận như vậy? Tôi cho rằng đấy không phải là một vấn đề cá nhân, mà là một vấn đề của văn hóa Trung Quốc.

Mấy hôm trước, có một vị từ Bắc Kinh đến, Bí thư đảng ủy của Hiệp Hội Các Tác Gia Toàn Quốc. Lúc nói chuyện

với ông ta, tôi tức đến nghẹn lời. Tôi biết tôi cãi nhau cũng không đến nỗi tồi, nhưng lần ấy tôi đã bị đánh gục. Tuy nhiên tôi cũng chẳng trách anh ta được, mà thậm chí cả cái người đặc vụ đã bắt tôi ở Đài Bắc cũng thế. Bị đặt vào cái hoàn cảnh đó, đi vào quỹ đạo đó, ai cũng đều có phản ứng tương tự và cảm thấy rằng mình làm đúng. Tôi có thể cũng vậy, vì tôi nghĩ mình làm đúng. Thậm chí tôi có thể còn tồi tệ hơn thế nữa. Người ta thường nói: “Mình nắm tương lai mình trong tay mình”. Lúc đã luống tuổi, tôi thấy câu này không ổn; sự thực, có lẽ chỉ nắm được một nửa trong tay mình, còn một nửa lại ở trong tay của kẻ khác.

Kiếp người trên đời này giống như một cục sỏi trong một máy nhào xi măng, sau khi bị nhào trộn, thân chẳng tự chủ được. Điều ấy khiến tôi cảm thấy

đó không phải là một vấn đề của riêng một cá nhân nào, nhưng là một vấn đề xã hội, văn hóa.

Lúc chết, chúa Giê-Su (Jesus) bảo: “Hãy tha thứ cho họ, họ đã làm những điều mà họ không hề hiểu”. Lúc trẻ, đọc câu này tôi cho rằng nó chỉ là một câu tầm thường. Lớn lên rồi lại vẫn thấy nó không có gì ghê gớm cả, nhưng đến cái tuổi này rồi tôi mới phát hiện rằng nó rất thâm thúy, thật đau lòng thay! Có khác nào người Trung Quốc sở dĩ trở thành xấu xí như ngày nay bởi chính vì họ không hề biết rằng mình xấu xí.

Vì Mỹ và Đài Loan đã cắt đứt bang giao nên khi vợ chồng chúng tôi đi Iowa, kinh phí một nửa do Đại học Iowa đài thọ, nửa còn lại do một tư nhân tên Bùi Trúc Chương tiên sinh đài thọ. Ông Bùi là chủ tiệm ăn Yến Kinh, một người

chưa hề biết Trung Quốc là gì. Chúng tôi cũng chưa hề gặp ông bao giờ nên rất cảm động khi biết ông đã gánh vác một nửa chi phí. Sau này, lúc nói chuyện, ông bảo tôi: “Trước khi đọc sách của ông, tôi vẫn tưởng người Trung Quốc là ghê gớm lắm, sau khi đọc sách của ông rồi mới thấy là không phải vậy, cho nên tôi càng muốn gặp mặt để nghe lời chỉ giáo”. Khi đã thấy văn hóa Trung Quốc là có vấn đề, ông Bùi Trúc Chương lại tự hỏi không hiểu phẩm chất người Trung Quốc có vấn đề không?

Lúc tôi ra nước ngoài lần đầu tiên, Giáo sư Tôn Quan Hán nói với tôi: “Sau khi trở về lại đây, anh đừng có mà nói với tôi rằng người Trung Quốc ở đâu cũng vẫn là người Trung Quốc nhé!” Tôi trả lời: “Được rồi, tôi sẽ không nói!” Sau khi trở về nước lần đó, lúc ông hỏi tôi: “Anh

thấy thế nào?” Tôi nói: “Ông bảo ông không cho tôi nói câu ấy, nhưng tôi vẫn phải nói: người Trung Quốc ở đâu cũng vẫn là người Trung Quốc!” Ông Tôn chắc hy vọng rằng với thời gian người Trung Quốc sẽ thay đổi mà không thể nào nghĩ được rằng chuyện đó đã không hề xảy ra.

Thế có phải là phẩm chất của người Trung Quốc đúng là có vấn đề không? Có phải chẳng Thượng Đế đã phú cho chúng ta một cái nội tâm xấu xa?

Thật tình tôi không nghĩ rằng phẩm chất chúng ta có vấn đề, mà đấy cũng không phải là một điều an ủi. Người Trung Quốc là một trong những dân tộc thông minh nhất. Tại các đại học Mỹ, những người đứng đầu bảng thường là người Trung Quốc. Nhiều nhà khoa học lớn, gồm cả người cha đẻ của nền nguyên tử Trung Quốc Tôn Quan Hán, người được

giải thưởng Nobel như Dương Chấn Ninh, Lý Chính Đạo đều là những bộ óc hạng nhất. Người Trung Quốc quả là không phải loại người có phẩm chất xấu. Phẩm chất này có thể đưa Trung Quốc đến được một thế giới lành mạnh và hạnh phúc.

Chúng ta có đủ tư cách làm chuyện đó và chúng ta có lý do tin rằng Trung Quốc có thể trở thành một nước rất tốt đẹp. Chúng ta không cần cứ phải muốn có một quốc gia hùng mạnh. Quốc gia không hùng mạnh thì có can hệ gì? Chỉ cần sao cho nhân dân hạnh phúc rồi thì đi tìm quốc gia hùng mạnh cũng chưa muộn.

Tôi nghĩ người Trung Quốc chúng ta có phẩm chất cao quý. Nhưng tại sao cả trăm năm rồi, cái phẩm chất ấy thủy chung vẫn không làm cho người Trung

Quốc thoát khỏi khổ nạn? Nguyên do vì sao?

Tôi muốn mạo muội đề xuất một câu trả lời có tính cách tổng hợp: Đó là vì văn hóa truyền thống Trung Quốc có một loại siêu vi trùng, truyền nhiễm, làm cho con cháu chúng ta từ đời này sang đời nọ không khỏi được bệnh.

Có người sẽ bảo: “Tự mình không xứng đáng, lại đi trách tổ tiên!” Xét cho kỹ câu nói này có một sơ hở lớn. Trong vở kịch nổi tiếng “Quần ma” (Những con ma) của Ibsen (Íp-sen) có kể chuyện hai vợ chồng mắc bệnh giang mai sinh ra một đứa con cũng bị bệnh di truyền. Mỗi lần phát bệnh nó lại phải uống thuốc. Có lần tức quá nó kêu lên: “Con không uống thuốc này đâu! Con thà chết đi thôi! Bố mẹ đã cho con cái thân thể như thế này à!?” Trường hợp này thì nên trách đứa

bé hay trách bố mẹ nó? Chúng ta không phải trách bố mẹ, cũng không phải trách tổ tiên chúng ta, nhưng nhất quyết phải trách cái thú văn hóa họ đã truyền lại cho chúng ta.

Một nước rộng ngàn đó, một dân tộc lớn ngàn đó, chiếm đến một phần tư dân số toàn cầu, lại là một vùng cát chảy của sự đói nghèo, ngu muội, đấu tố, tắm máu mà không tự thoát được. Tôi nhìn cách cư xử giữa con người với nhau ở những nước khác mà lại càng thêm. Cái văn hóa truyền thống kiểu nào để sinh ra hiện tượng này? Nó đã khiến cho người Trung Quốc chúng ta mang sẵn trong mình nhiều đặc tính rất đáng sợ!

Một trong những đặc tính rõ nhất là dơ bẩn, hỗn loạn, ồn ào. Đài Loan đã từng có một đạo phải chống bẩn và chống hỗn loạn, nhưng chỉ được mấy

ngày. Cái bếp của chúng ta vừa bẩn vừa lộn xộn. Nhà của chúng ta cũng vậy. Có nhiều nơi hễ người Trung Quốc đến ở là những người khác phải dọn đi. Tôi có một cô bạn trẻ tốt nghiệp đại học chính trị. Cô này lấy một người Pháp rồi sang Pa-ri sinh sống. Rất nhiều bạn bè đi du lịch Âu châu đều ghé nhà cô trú chân. Cô ta bảo với tôi: “Trong tòa nhà tôi ở, người Pháp đều dọn đi cả, bây giờ toàn người Á đông nhảy vào!” (Người Á đông có khi chỉ người châu Á nói chung, có khi lại chỉ người Trung Quốc). Tôi nghe nói vậy rất buồn, nhưng khi đi xem xét tận mắt mới thấy là chỗ nào cũng đầy giấy kem, vỏ hộp, giày dép bừa bãi, trẻ con chạy lung tung, vẽ bậy lên tường, không khí trong khu bốc lên một mùi ẩm mốc. Tôi hỏi: “Các người không thể tổ chức quét dọn được hay sao?” Cô ta đáp: “Làm sao nổi!”

Không những người nước ngoài thấy chúng ta là bẩn, loạn, mà qua những điều họ nhắc nhở chúng ta cũng tự thấy mình là bẩn, loạn.

Còn như nói đến ồn ào, cái mồm người Trung Quốc thì to không ai bì kịp, và trong lĩnh vực này người Quảng Đông phải chiếm giải quán quân. Ở bên Mỹ có một câu chuyện tiểu lâm như sau: Có hai người Quảng Đông lạng lẽ nói chuyện với nhau, người Mỹ lại tưởng họ đánh nhau, bèn gọi điện báo cảnh sát. Khi cảnh sát tới, hỏi họ đang làm gì, họ bảo: “Chúng tôi đang thì thầm với nhau”.

Tại sao tiếng nói người Trung Quốc lại to? Bởi tâm không yên ổn. Cứ tưởng lên cao giọng, to tiếng là lý lẽ mình mạnh. Cho nên lúc nào cũng chỉ cốt nói to, lên giọng, mong lý lẽ đến với mình. Nếu không, tại sao họ cứ phải gân cổ lên như thế?

Tôi nghĩ những điểm này cũng đủ để làm cho hình ảnh của người Trung Quốc bị tàn phá và làm cho nội tâm mình không yên ổn. Vì ồn ào, dơ bẩn, hỗn loạn dĩ nhiên có thể ảnh hưởng tới nội tâm, cũng như sáng sủa, sạch sẽ với lộn xộn, dơ bẩn là hai thế giới hoàn toàn khác xa nhau.

Còn về việc xâu xé nhau thì mọi người đều cho đó là một đặc tính nổi bật của người Trung Quốc. Một người Nhật đơn độc trông chẳng khác nào một con lợn, nhưng ba người Nhật hợp lại lại thành một con rồng. Tinh thần đoàn kết của người Nhật làm cho họ trở thành vô địch. Bởi vậy trong lĩnh vực quân sự cũng như thương mại người Trung Quốc không thể nào qua mặt được người Nhật. Ngay tại Đài Loan, ba người Nhật cùng buôn bán thì lần này phiên anh, lần sau

đến lượt tôi. Người Trung Quốc mà buôn bán thì tính cách xấu xa tức thì lộ ra bên ngoài theo kiểu: Nếu anh bán 50 tôi sẽ bán 40. Anh bán 30 tôi chỉ bán 20.

Cho nên, có thể nói, mỗi người Trung Quốc đều là một con rồng, nói năng vanh vách, cứ như là ở bên trên thì chỉ cần thổi một cái là tắt được mặt trời, ở dưới thì tài trị quốc bình thiên hạ có dư. Người Trung Quốc ở một vị trí đơn độc như trong phòng nghiên cứu, trong trường thi – nơi không cần quan hệ với người khác – thì lại có thể phát triển tốt. Nhưng nếu ba người Trung Quốc họp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con giò, hoặc thậm chí không bằng cả một con giò nữa. Bởi vì người Trung Quốc có biệt tài đấu đá lẫn nhau.

Chỗ nào có người Trung Quốc là có đấu đá, người Trung Quốc vĩnh viễn không đoàn kết được, tựa hồ trên thân thể họ có những tế bào thiếu đoàn kết. Vì vậy khi người nước ngoài phê phán người Trung Quốc không biết đoàn kết thì tôi chỉ xin thưa: “Anh có biết người Trung Quốc vì sao không đoàn kết không? Vì Thượng đế muốn thế. Bởi vì nếu một tỷ người Hoa đoàn kết lại, vạn người một lòng, anh có chịu nổi không? Chính ra Thượng Đế thương các anh nên mới dạy cho người Hoa mất đoàn kết!” Tôi tuy nói thế nhưng rất đau lòng.

Người Trung Quốc không chỉ không đoàn kết, mà mỗi người lại còn có đầy đủ lý do để có thể viết một quyển sách nói tại sao họ lại không đoàn kết. Cái điều này thấy rõ nhất tại nước Mỹ với những hình mẫu ngay trước mắt. Bất cứ một xã

hội người Hoa nào ít nhất cũng phải có 365 phe phái tìm cách tiêu diệt lẫn nhau.

Ở Trung Quốc có câu: “Một hòa thượng gánh nước uống, hai hòa thượng khiêng nước uống, ba hòa thượng không có nước uống”. Người đông thì dùng để làm gì? Người Trung Quốc trong thâm tâm căn bản chưa biết được tầm quan trọng của sự hợp tác. Nhưng nếu anh bảo họ chưa biết, họ lại có thể viết ngay cho anh xem một quyển sách nói tại sao cần phải đoàn kết.

Lần trước (năm 1981) tôi sang Mỹ ở tại nhà một người bạn làm giáo sư đại học – anh này nói chuyện thì đầu ra đũa; thiên văn, địa lý; nào là làm sao để cứu nước... – Ngày hôm sau tôi bảo: “Tôi phải đi đến đảng anh A một tý!” Vừa nghe đến tên anh A kia, anh bạn tôi trừng mắt giận dữ. Tôi lại bảo: “Anh đưa tôi đi một

lát nhé!” Anh ta bảo: “Tôi không đưa, anh tự đi cũng được rồi!”

Họ cùng dạy học tại Mỹ, lại cùng quê với nhau mà tại sao không thể cùng đội trời chung? Có thể nào nói như vậy là hợp lý được? Bởi vậy việc người Hoa cắn xé nhau là một đặc trưng nghiêm trọng.

Những người sống tại Mỹ đều thấy rõ điều này: đối xử với người Trung Quốc tệ hại nhất không phải là người nước ngoài, mà chính lại là người Trung Quốc với nhau. Bán rẻ người Trung Quốc, hăm dọa người Trung Quốc lại cũng không phải là người Mỹ mà là người Hoa. Tại Ma-lai-xi-a có một chuyện thế này. Một ông bạn tôi làm nghề khai thác mỏ khoáng sản. Anh ta bỗng nhiên bị tố cáo một chuyện rất nghiêm trọng. Sau khi tìm hiểu mới biết rằng người tố cáo mình lại là một bạn thân của anh

ta, một người cùng quê, cùng đến Ma-lai-xi-a tha phương cầu thực với nhau. Người bạn tôi chất vấn anh kia: “Tại sao anh lại đi làm cái việc đê tiện đó?” Người kia bảo: “Cùng đi xây dựng cơ đồ, bây giờ anh giàu có, tôi vẫn hai tay trắng. Tôi không tố cáo anh thì tố ai bây giờ?”

Cho nên kẻ thù của người Trung Quốc lại là người Trung Quốc.

Nói ví dụ tại Mỹ, một nước rộng mênh mông, con người như hạt cát trong sa mạc, ai biết anh là người nhập cảnh không hợp pháp? Nếu có người tố cáo anh, thì đó là ai? Là ai, nếu không phải là một người Trung Quốc khác, không phải là bầu bạn gần gũi anh?

Nhiều bạn ở Mỹ còn bảo tôi: “Nếu sếp của anh là người Trung Quốc anh hãy chú ý! Đặc biệt phải coi chừng! Không

những anh không được giúp đỡ mà lúc cần anh lại còn có thể là người đầu tiên bị tổng cổ đi để cho người chủ ‘biểu thị’ tinh thần chí công vô tư nữa”.

Không hiểu vì sao người ta lại so sánh người Trung Quốc với người Do Thái được? Tôi thường nghe nói “người Trung Quốc và người Do Thái giống nhau ở chỗ cần cù”. Điều này phải chia làm hai phần:

Phần thứ nhất: cái đức tính cần cù từ mấy nghìn năm nay cũng chẳng còn tồn tại nữa, nó đã bị thời kỳ “Tứ nhân bang” (bè lũ bốn tên) phá tan tại lục địa rồi.

Phần thứ hai: chúng ta còn gì để có thể đem so sánh với người Do Thái được? Báo chí Trung Quốc thường đăng: “Quốc hội Do Thái (Knesset) tranh luận mãnh liệt, ba đại biểu là ba ý kiến trái ngược

nhau”, nhưng cố ý bỏ sót một sự kiện quan trọng là sau khi họ đã quyết định với nhau thì hình thành một phương hướng chung. Tuy bên trong quốc hội tranh cãi toí bời, bên ngoài đang giao chiến, bốn phía địch bao vây, nhưng I-xra-en vẫn tổ chức bầu cử.

Ai cũng biết cái ý nghĩa của bầu cử là vì có đảng đối lập. Không có đảng đối lập thì bầu cử chỉ là một trò hề rẻ tiền.

Tại Trung Quốc chúng ta, hể có ba người sẽ cũng có ba ý kiến, nhưng cái khác nhau là: sau khi đã quyết định xong, ba người đó vẫn làm theo ba phương hướng khác nhau. Giống như nói hôm nay có người đề nghị đi New York, người đề nghị đi San Francisco. Biểu quyết, quyết định đi New York, nếu ở I-xra-en cả hai người sẽ cùng đi New York, nhưng ở Trung Quốc thì một người sẽ bảo: “Anh

đi New York đi, tôi có tự do của tôi, tôi đi San Francisco!”

Có một lần coi một phim Anh, tôi thấy mấy đứa trẻ cãi nhau xem cùng leo cây hay bơi lội. Sau khi đã biểu quyết leo cây thì tất cả đều đi leo cây. Chuyện này đối với tôi có ấn tượng rất sâu sắc. Bởi vì dân chủ không phải là vấn đề hình thức, mà là một phần của sự sống. Cái dân chủ của chúng ta là dân chủ bề ngoài. Trong lúc bỏ phiếu, các quan lớn cũng cần được chụp ảnh với lá phiếu trên tay ra điều ta đây cũng bỏ công tham gia vào cái cuộc chơi bầu cử này đấy. Dân chủ thật ra có là cái quái gì trong sinh hoạt của họ đâu, chẳng qua chỉ là một hành vi để biểu diễn!

Người Trung Quốc không thể đoàn kết, hay cắn xé nhau, những thói xấu đó đã thâm căn cố đế. Không phải vì phẩm

chất của họ không đủ tốt. Nhưng vì con siêu vi trùng trong văn hóa Trung Quốc ấy làm cho chúng ta không thể đè nén, khống chế hành vi của chúng ta được. Biết rõ rành rành là xấu xí nhau, nhưng vẫn xấu xí nhau. Nếu nổi võ thì chẳng ai có ăn, nhưng nếu trời sụp thì người nào cao hơn người đó phải chống đỡ.

Cái loại triết học xấu xí nhau đó lại đẻ ra nơi chúng ta một hành vi đặc thù khác: “Chết cũng không chịu nhận lỗi”. Có ai nghe thấy người Trung Quốc nhận lỗi bao giờ chưa? Giả sử anh nghe một người Trung Quốc nói: “Việc này tôi đã sai lầm rồi!” Lúc đó anh phải vì chúng tôi mà uống rượu chúc mừng.

Con gái tôi hồi bé có một lần bị tôi đánh, nhưng cuối cùng hóa ra là nó bị oan. Nó khóc rất dữ, còn tâm can tôi thì đau đớn. Tôi biết rằng đứa con thơ đại

và vô tội của tôi chỉ biết trông cậy vào bố mẹ, mà bố mẹ bỗng nhiên trở mặt thì nó phải sợ hãi biết nhường nào. Tôi ôm con vào lòng rồi nói với nó: “Bố xin lỗi con. Bố không đúng. Bố làm sai. Bố hứa lần sau bố không làm như vậy nữa. Con gái ngoan của bố, con tha thứ cho bố nhé!” Nó khóc mãi không thôi. Cái sự việc này qua rồi mà lòng tôi vẫn còn đau khổ. Nhưng đồng thời tôi lại cảm thấy vô cùng kiêu hãnh bởi tôi đã dám tự nhận lỗi của mình đối với nó.

Người Trung Quốc không quen nhận lỗi và có thể đưa ra hàng vạn lý do để che dấu cái sai trái của mình. Có một câu tục ngữ: “Đóng cửa suy gẫm lỗi lầm” (Bế môn tư quá). Nghĩ về lỗi của ai? Dĩ nhiên của đối phương.

Lúc tôi đi dạy học, học sinh hàng tuần phải viết tuần ký để kiểm thảo hành

vi trong tuần. Kết quả kiểm thảo thường là: “Hôm nay tôi bị người này người nọ lừa tôi. Cái người lừa tôi ấy đã được tôi đối xử mới tốt làm sao, cũng bởi vì tôi quá trung hậu!” Lúc đọc đến kiểm thảo của đối phương, lại cũng thấy anh học trò kia nói mình quá trung hậu. Mỗi người trong kiểm thảo của mình đều là người quá trung hậu. Thế còn ai là người không trung hậu?

Người Trung Quốc không thể nhận lỗi, nhưng cái lỗi vẫn còn đó, đâu phải vì không nhận mà nó biến mất.

Để che đậy một lỗi của mình người Trung Quốc không nể hà sức lực tạo nên càng nhiều lỗi khác hòng chứng minh rằng cái đầu tiên không phải là lỗi. Cho nên có thể nói người Trung Quốc thích nói khoác, nói suông, nói dối, nói láo, nói những lời độc địa.

Họ liên miên khoa trương về dân Trung Quốc, về tộc Đại Hán, huyền thuyên về truyền thống văn hóa Trung Quốc, nào là có thể khuếch trương thế giới, v.v... Nhưng bởi vì không thể đưa ra chứng cứ thực tế nào nên tất cả chỉ toàn là những điều bốc phét.

Tôi chẳng cần nêu ví dụ về chuyện nói khoác, láo toét làm gì. Nhưng về chuyện nói độc của người Trung Quốc thì không thể không nói được. Ngay như chuyện phòng the, người phương Tây vốn rất khác chúng ta, họ thường trêu mếu gọi nhau kiểu “Em yêu, em cưng” [Bá Dương dùng chữ “đường mật” và “ta linh” để dịch chữ Honey, Darling của tiếng Anh –ND] thì người Trung Quốc gọi nhau là “kẻ đáng bầm vằm làm trăm khúc” (sát thiên đao đích).

Hễ cứ có dính đến lập trường chính trị hoặc tranh quyền đoạt lợi là những lời nói độc địa sẽ được tuôn ra vô hạn định, khiến cho ai nấy nghe thấy cũng phải tự hỏi: “Tại sao người Trung Quốc lại độc ác và hạ lưu đến thế?”

Tôi có một người bạn viết tiểu thuyết kiếm hiệp sau bỏ nghề đi buôn bán. Một lần gặp anh tôi hỏi thế nào, làm ăn có phát tài không?

Anh bảo: “Tài gì, hiện đang muốn treo cổ tự tử đây!” Tôi hỏi làm sao mà bị thua lỗ? Anh đáp: “Anh không hiểu chứ nói chuyện với thương nhân Trung Quốc cả ngày cũng chả hiểu họ muốn gì!”

Nhiều người nước ngoài cũng nói với tôi là giao thiệp với người Hoa rất khó, nói chuyện cả ngày cũng chẳng hiểu trong thâm tâm họ nghĩ gì. Tôi bảo: “Cái

đó thì có gì mà kỳ quặc? Không phải chỉ người Tây phương các anh, mà ngay cả người Trung Quốc chúng tôi cũng gặp vấn đề đó”.

Nói chuyện với người Trung Quốc anh phải biết quan sát sắc mặt, điệu bộ, cử chỉ, phải biết quanh co úp mở. Hỏi người nào “Anh ăn cơm chưa?”, anh sẽ nghe người đó đáp “Tôi ăn rồi!” nhưng kì thực anh ta chưa ăn, cứ để ý nghe thì thấy bụng anh ta hiện đang sôi lên sùng sục.

Lại nói ví dụ về chuyện tuyển cử. Nếu là người phương Tây thì tác phong như sau: “Tôi cảm thấy tôi có khả năng giữ chức vụ đó, xin mọi người hãy bầu cho tôi!” Còn người Trung Quốc sẽ xử sự như Gia Cát Lượng lúc Lưu Bị tới cầu hiền (tam cố thảo lư). Nghĩa là nếu được mời, anh ta sẽ năm lần bảy lượt từ chối,

nào là “Không được đâu! Tôi làm gì có đủ tư cách!” Kỳ thực, nếu anh tưởng thật mà đi mời người khác thì anh ta sẽ hận anh suốt đời.

Chẳng khác nào nếu anh mời tôi diễn giảng, tôi sẽ nói: “Không được đâu, tôi chẳng quen nói chuyện trước công chúng!” Nhưng nếu anh thật sự không mời tôi nữa, sau này nếu nhớ lại gặp nhau ở Đài Bắc, có thể tôi sẽ phang cho anh một cục gạch vào đầu.

Một dân tộc hành xử theo kiểu này không biết đến bao giờ mới có thể sửa đổi được lầm lỗi của mình; sẽ còn phải dùng mười cái lỗi khác để khóa lấp cái lỗi đầu tiên, rồi lại dùng thêm trăm cái khác để che đậy mười cái kia thôi.

Có lần tôi đến một trường đại học ở Đài Trung để thăm một vị giáo sư người

Anh. Một anh bạn tôi cũng dạy cùng đại học đó chợt đến. Thấy tôi, anh nói: “Tối nay đến đằng tôi ăn cơm”. Tôi đáp: “Xin lỗi, tôi còn có hẹn”. Anh bảo: “Không được, nhất định phải đến”. Tôi trả lời: “Được rồi, ta bàn sau”. Anh lại bảo: “Nhất định phải đến đấy, xin chào!” Giữa người Trung Quốc với nhau chúng tôi hiểu rõ tâm lý của nhau. Nhưng người Tây phương lại hoàn toàn mù tịt.

Đến lúc làm việc xong, khoảng giờ cơm tối, tôi bảo: “Thôi, tôi phải về đây!” Người giáo sư Anh nói: “Ê! vừa rồi chẳng phải anh vừa hẹn với anh kia sao? Anh phải tới nhà anh ta chứ!” Tôi bảo: “Làm gì có chuyện ấy?” Ông giáo sư nói: “Anh ấy nhất định là đã làm cơm chờ anh đấy!” Người nước ngoài thật khó mà biết được cái kiểu “tâm khẩu bất đồng” này của người Trung Quốc.

Tình trạng nói trên khiến người Trung Quốc ngay từ thừa lọt lòng đã rất khổn khổ. Bởi vì mỗi ngày đều phải tìm hiểu ý tứ người khác. Nếu là bạn bè đồng lứa thì còn đỡ, nhưng nếu phải tiếp cận với những kẻ quyền thế, quan trên, kẻ có tiền, anh sẽ phải từng giây từng phút khổ công tìm hiểu đến nơi đến chốn, xem họ nghĩ gì. Cái việc này là một sự lãng phí tinh thần kinh khủng.

Cho nên có câu tục ngữ: “Tại Trung Quốc làm việc dễ, làm người khó”.

Nghệ thuật “làm người” thuộc về cái “văn hóa thân mềm” (để dễ uốn cong, chui luồn, nghĩa bóng đến từ động vật thân mềm). Các vị ở nước ngoài lâu năm về lại Trung Quốc chắc biết cái sức nặng của câu này như thế nào. Làm việc thì dễ như $2 + 2 = 4$, nhưng làm người khó bởi vì có khi $2 + 2 = 5$, hoặc cũng có khi

= 1, hay = 853. Anh nói sự thật, nhưng người ta lại cho rằng anh công kích và muốn lật đổ chính quyền. Đây là một vấn đề nghiêm trọng, nó làm cho chúng ta không thể nào thoát khỏi sự nói khoác, nói suông, nói dối, nói độc.

Cái bản lĩnh ghê gớm của tôi là có thể ngủ trong hội nghị. Ngủ xong tỉnh dậy thì hội nghị cũng vừa kết thúc. Tại sao thế? Vì trong hội nghị mọi người đều nói những chuyện mà chính bản thân họ không hề tin, nghe hay không nghe đều như nhau.

Không chỉ ở Đài Loan mới như vậy, ở lục địa còn nghiêm trọng hơn nhiều. Năm nay (1984) trong « Chương trình các tác gia quốc tế tại Đại học Iowa » có một nữ tác gia nổi danh của lục địa tên là Trầm Dung tham gia. Cô có một tác phẩm mang tên « Chân chân giả giả »

(Thật thật giả giả) mà tôi muốn thành thật giới thiệu với quý vị.

Hoàn cảnh bắt chúng ta nói láo, bắt chúng ta không thành thật, nhưng ít nhất chúng ta phải biết cái xấu là cái xấu. Nếu một khi cái xấu lại được chúng ta xem là điều vẻ vang, hoặc vô thưởng vô phạt, thì đó là lúc mà cái “văn hóa thân mềm” của chúng ta đang bắt đầu xuống cấp.

Nói thí dụ việc ăn cắp, nếu được coi là chuyện vô thưởng vô phạt, hoặc chẳng phải chuyện quang vinh hay không quang vinh, thậm chí có thể xem là chuyện quang vinh nữa, thì đây là một nguy cơ, nguy cơ mà người Trung Quốc chúng ta đang phải đối đầu hiện nay. Vì người Trung Quốc vẫn liên tục giấu diếm những lỗi lầm của mình, vẫn nói khoác, nói suông, nói dối, nói láo, nói độc, thành thử tâm linh người Trung

Quốc hoàn toàn bị phong tỏa, không mở rộng được.

Trung Quốc diện tích rộng thế, văn hóa lâu đời thế, đường đường là một nước lớn. Thế mà, thay vì có một tấm lòng bao la, người Trung Quốc lại có một tâm địa thật hẹp hòi.

Cái tấm lòng bao la đáng lẽ chúng ta phải có ấy chỉ đọc thấy được trong sách vở, nhìn thấy được trên màn ảnh. Có ai bao giờ thấy một người Trung Quốc có lòng dạ, chí khí sánh ngang được với tầm vóc nước Trung Quốc không? Nếu chỉ cần bị ai lườm một cái mà đã có thể rút dao ra rồi, thử hỏi nếu có người không đồng ý với mình thì sự thế sẽ ra sao?

Người Tây phương có thể đánh nhau vỡ đầu rồi vẫn lại bắt tay nhau, nhưng người Trung Quốc đã đánh nhau rồi thì

cừu hận một đời, thậm chí có khi báo thù đến ba đời cũng chưa hết. Tại sao chúng ta có thể thiếu lòng bao dung đến như vậy?

Không có lòng bao dung, bụng dạ hẹp hòi đưa đến hai điều cực đoan và mất cân đối như sau:

Một đẳng tuyệt đối tự ty, một đẳng tuyệt đối tự kiêu. Lúc tự ty thì thành ra tội tở, nghĩ mình không bằng đồng phân chó. Lúc tự kiêu thì thành ra ông chủ, xem mọi người đều là cút chó hết, chẳng đáng cho mình ngó ngang đến. Riêng bản thân mình lại không hề biết tự tôn là gì.

Sự phân biệt nhân cách kiểu đó biến người Trung Quốc thành một loại động vật kỳ dị.

Tại Trung Quốc nếu muốn làm một kỳ công thì rất dễ, trong một chốc có thể xuất hiện những thành tích làm mọi người kinh dị. Nhưng người Trung Quốc lại không có khả năng để giữ cho cái kỳ công này bền vững.

Một người có được một thành tựu nho nhỏ đã hoa mắt, ù tai, đứng không vững, vì lên cơn sốt. Viết được dăm ba bài văn là đã thành văn hào. Đóng được hai bộ phim đã là ngôi sao sáng của nền điện ảnh. Hai năm có được ít chức quyền nghiễm nhiên có thể cho mình là cứu tinh của nhân dân. Qua Mỹ học được hai năm đã trở thành một học giả chuyên gia. Mấy thứ đó đều là kiểu tự thổi phồng mình.

Ở Đài Loan có xảy ra một tai nạn xe cộ như sau: Trong xe ca sinh viên Đại học Sư phạm vừa tốt nghiệp đi du lịch,

cô hướng dẫn tán dương: “Người cầm lái vĩ đại của chúng ta là tay lái số một, vừa tài giỏi, vừa đẹp trai, vừa trẻ tuổi”. Nghe thấy thế, anh tài hứng chí liền bỏ tay lái ra quay về phía mọi người gương hai tay chào đáp lễ. Tiếp theo đó sự thể thế nào tôi không cần phải kể. Đây là một cách tự phô trương, chắc cho rằng kỹ thuật lái xe của mình cao đến độ không cần cầm tay lái cũng có thể lái được xe.

Chẳng khác nào chuyện 1.000 năm trước trong một bộ phim:

Hoàng đế La Mã một lần mời một người đến biểu diễn bay lượn. Để bay, người này chế ra một cặp cánh. Trước khi leo lên tháp anh giơ cặp cánh cho mọi người xem, tức thì toàn đấu trường tiếng reo hò hoan hô vang dội như sấm. Anh bỗng không kiềm chế nổi sự tinh tướng của mình, cảm thấy mình quá vĩ đại đến

độ có thể không cần cánh cũng có thể bay được, vì vậy vút cánh leo lên thang. Vợ anh níu anh bảo: “Không có cái đó làm sao anh bay được? Anh tưởng anh là gì?” Anh ta bảo: “Em thì biết gì!” Vợ anh ta đuổi theo lên, anh ta xéo lên tay người vợ rồi tiếp tục lên thang, đóng nắp tháp, với vẻ kiêu hùng anh nhảy xuống.

Chỉ nghe phụp một phát rồi không thấy gì nữa. Quân chúng nổi khùng hét: “Trả tiền để xem bay lượn chứ có phải để xem ngã chết đâu, bắt vợ nó bay đi!” Người vợ nhìn lên trời như nói với linh hồn của chồng một cách thâm trầm: “Chỉ vì anh tinh tướng mới ra nông nỗi này, tự hại bản thân mình mà hại cả vợ con nữa!”

Cái gì đã làm cho người Trung Quốc tinh tướng một cách quá dễ dàng như thế? Bởi vì người Trung Quốc “bụng dạ

nhỏ hẹp nên dễ đầy” (khí tiểu dị doanh), kiến thức thấp kém, lòng dạ hẹp hòi, chỉ cần có một tý gì đó đã tưởng trời đất dẫu to nhưng không chứa nổi mình nữa. Nếu chỉ có vài người như thế, chắc cũng không quan trọng gì, nhưng toàn dân tộc, đại đa số, hoặc một số lớn người Trung Quốc như vậy sẽ hình thành một nguy cơ cho dân tộc.

Người Trung Quốc tựa hồ không có tự tôn nên đối với nhau rất khó có được một quan niệm bình đẳng. Nếu anh không phải là chủ nhân của tôi thì tôi là chủ nhân của anh. Tình hình này đưa đến một tâm trạng vừa bế tắc vừa không thể nhận sai lầm của mình. Mà sai lầm vẫn tiếp diễn hoài lại gây ra một não trạng sợ sệt.

Hãy lấy một ví dụ:

Tôi có một người bạn ở Đài loan mắc bệnh nặng phải đem vào nhà thương trung tâm, bác sĩ tiếp bao nhiêu ống thuốc mới cứu sống được. Hai ba hôm sau người nhà thấy tiền nhà thương này quá đắt muốn chuyển anh sang một bệnh viện bình dân, đến nói chuyện với bác sĩ điều trị. Ông này nghe thế nổi trận lôi đình la: “Cứu sống ông ấy chẳng phải là chuyện dễ, bây giờ lại muốn đổi bệnh viện à?” Nói xong sai người rút hết các ống thuốc ra làm bệnh nhân suýt nữa toi mạng.

Anh bạn lúc kể với tôi chuyện này trong lòng vẫn còn đầy bi hận. Tôi nói với anh: “Anh cho tôi biết tên tay bác sĩ ấy đi, tôi viết một bài vạch mặt nó ra”. Anh ta giật bắn mình, vội nói: “Ấy! Anh đừng bộp chộp, hiếu sự. Nếu biết thế này tôi đã chẳng kể cho anh nghe làm gì!”

Nghe thế tôi muốn điên lên. Tôi bảo: “Anh sợ cái gì? Nó giỏi lắm thì cũng chỉ là bác sĩ thôi. Nếu anh bị bệnh lại, anh không gọi nó đến thì thôi chứ chả nhẽ nó lại cứ đến trị bệnh cho anh để báo thù à? Nếu có chuyện gì thì tôi đối phó với nó chứ can dự gì anh. Bài viết là do tôi, tôi không sợ thì anh sợ gì?”

Bạn tôi bảo: “Anh là đồ bạt mạng!”

Tôi tưởng thế nào! Thay vì khen ngợi sự can đảm của tôi thì anh lại đi chê trách tôi. Tôi nghĩ đây không phải là vấn đề của riêng mình anh, anh lại là bạn rất thân của tôi, anh cũng là người rất tốt, anh nói thế chỉ vì anh muốn bảo vệ tôi, không muốn cho tôi đi chuốc họa vào thân.

Đấy chính là cái não trạng sợ sệt, sợ sệt đủ mọi thứ trên đời mà tôi muốn nói.

Nhớ lại lần đầu tôi đi Mỹ, ở New York có một vụ án, một người Hoa bị bắn thọt thương, hung thủ bị bắt, nhưng nạn nhân lại không dám nhận diện.

Mọi người Trung Quốc đều sợ sệt đến độ không còn biết quyền lợi mình là gì thì làm sao còn biết đấu tranh, gìn giữ nó được? Mỗi khi gặp một chuyện gì xảy ra y nhiên lại nói: “Bỏ qua cho rồi!”

Mấy chữ “bỏ qua cho rồi” này đã giết hại không biết bao nhiêu người Trung Quốc và đã biến dân tộc Trung Quốc thành một dân tộc hèn mọn.

Giả sử tôi là một người nước ngoài hoặc một bạo chúa, đối với loại dân tộc như thế, nếu tôi không ngược đãi nó thì trời cũng không dung tôi.

Cái não trạng hãi sợ này đã nuôi

duỡng bao nhiêu bạo chúa, làm tổ ấm cho bao nhiêu bạo quan. Vì vậy bạo chúa bạo quan ở Trung Quốc không bao giờ bị tiêu diệt.

Trong truyền thống văn hóa Trung Quốc, các vị có thể xem ở “Tư trị thông giám” (Một pho sử của Tư Mã Quang tóm hết chuyện hơn 2.000 năm để làm gương cho người đời sau), cái việc bo bo giữ mình đã được xem là kim chỉ nam và nhấn mạnh năm lần bảy lượt. Bạo chúa, bạo quan cũng chỉ cần dân chúng cứ bo bo giữ mình là được, cho nên người Trung Quốc mới càng ngày càng khốn đốn đến như thế.

Văn hóa Trung Quốc cực kỳ rục rở ở thời Xuân Thu Chiến Quốc (770 – 221 trước Tây lịch), nhưng từ thời kỳ này về sau, văn hóa Trung Quốc đã bị các Nho gia khống chế. Đến đời Đông Hán (25 –

220 sau Tây lịch), chính phủ có quy định là tất cả những phần tử trí thức khi phát ngôn, biện luận, viết văn đều không thể vượt qua phạm vi những gì đã được dạy ở trường, việc này gọi là “sư thừa” (thừa hưởng của thầy học). Nếu vượt quá chuyện “sư thừa” này, không những học thuyết của mình không được công nhận mà còn là một việc phạm pháp.

Cứ như vậy mà tiếp tục xuống các đời sau làm cho sức tưởng tượng, óc suy xét, tư duy của giới trí thức bị bóp chết, xơ cứng hoàn toàn, chẳng khác nào lấy một cái túi nhựa bịt kín bộ não lại, không cho một cái gì lọt vào nữa.

Thế nào là không còn khả năng suy xét nữa?

Cứ đọc báo Trung Quốc là phát ngán. Suy xét là một cái gì không phải

chỉ có một mặt, hai mặt, mà nhiều mặt. Tôn Quan Hán thường dùng một ví dụ: Có một quả cầu một nửa trắng một nửa đen. Người thấy phía trắng bảo nó trắng, người thấy mặt đen bảo nó đen. Cả hai người đều không sai, cái sai là không nhìn được đến mặt bên kia của nó. Để có thể nhìn được đến mặt bên kia của nó thì phải có trí tưởng tượng, khả năng suy xét. Cho nên lúc tư duy một vấn đề cần phải nghĩ đến nhiều mặt của nó.

Có một chuyện hài hước ngắn của Mỹ kể chuyện một thầy giáo tổ chức thi, đưa cho sinh viên một máy đo khí áp và bảo dùng nó để đo chiều cao của một tòa nhà, đương nhiên ý muốn dùng khí áp để đo độ cao ở chỗ cao nhất và chỗ thấp nhất của tòa nhà. Nhưng có một sinh viên lại dùng nhiều phương pháp khác nhau song tuyệt nhiên không sử dụng “khí áp”.

Thầy giáo tức mình bèn đánh trượt anh này. Anh ta kháng tố lên hội đồng giám khảo. Hội đồng giám khảo hỏi thì anh này nói: “Thầy giáo muốn tôi dùng máy đo khí áp đo chiều cao tòa nhà, nhưng không bảo sử dụng khí áp, đương nhiên tôi được phép dùng những cách đơn giản hơn”. Hội đồng hỏi: “Ngoài phương pháp đó còn có phương pháp nào nữa?” Anh này đáp: “Còn rất nhiều, ví dụ tôi có thể buộc dây vào máy thông xuống rồi đo chiều dài của dây để biết chiều cao tòa nhà”. “Thế còn phương pháp nào khác không?” “Vẫn còn nhiều, ví dụ tôi có thể tìm người quản lý nhà đưa máy cho anh ấy để anh ấy cho tôi biết chiều cao của tòa nhà”.

Người sinh viên này rõ ràng không có gì là ngược đời.

Ý nghĩ của anh ta biểu hiện một thứ trí tưởng tượng và tư duy thường làm cho những bộ óc bã đậu điên lên.

Còn có một loại “Nghệ thuật mua dưa” như chuyện một người chủ bảo nhân viên: “Anh ra cửa, đi về phía Tây, đến một cái cầu thì có chỗ bán dưa hấu, mua cho tôi hai cân dưa hấu”. Anh người làm ra cửa, rẽ hướng Tây, đi mãi không thấy cầu, cũng chẳng thấy ai bán dưa hấu lại tay không quay về. Người chủ mắng anh là đồ lú lẫn, chẳng có đầu óc gì cả. Anh ta liền bảo: “Ở phía Đông mới có chỗ bán dưa”. Người chủ nói: “Thế tại sao không đi sang hướng Đông mà mua?” Anh ta đáp: “Ông có bảo tôi đi về hướng Đông đâu?” Người chủ lại chửi anh ta là đồ ngu. Kỳ thực người chủ biết anh ta là loại người chỉ biết phục tùng, không có năng lực suy nghĩ, hoàn toàn có

thể tin cậy được. Giá như người này biết phía Tây không có bèn qua phía Đông mua, dưa vừa ngọt vừa rẻ, thể nào lúc về nhà người chủ cũng khen: “Anh rất thông minh, lanh lợi! Làm người phải như thế chứ! Tôi rất cần có được người như anh”. Nhưng trong thâm tâm người chủ sẽ nghĩ cái người làm này không thể tin cậy được, có thể tráo trở lúc nào không biết. Đối với những kẻ nô lệ kiểu này, chủ nhân không giết thì cũng đuổi đi.

Cái văn hóa thai nghén ra những thứ người này làm sao có thể chủ trương được một tư duy độc lập. Vì vậy người Trung Quốc chúng ta do không được huấn luyện suy nghĩ độc lập nên rất sợ suy nghĩ độc lập, thiếu năng lực thưởng thức và đánh giá, không có cái gì là không ba phải, chẳng có cái gì là tiêu chuẩn cả. Trung Quốc ra nông nổi này tất phải

tìm ra nguyên nhân trong chính cái văn hóa của nó.

Cái văn hóa này trong 4.000 năm – từ Khổng Khâu (Khổng Tử) trở đi – không còn có được một nhà tư tưởng nào lớn nữa. Những kẻ biết chữ đều chỉ lẩn quẩn ở học thuyết Khổng Khâu đã giảng hoặc môn đồ ông giảng lại chứ không hề có ý kiến độc lập của riêng mình. Bởi vì cái văn hóa chúng ta không cho phép làm như vậy. Cho nên mọi người chỉ cầu sống ở cái vũng nước ao tù ấy thôi. Cái ao nước tù hãm này chính là cái hũ tương văn hóa Trung Quốc, cái hũ tương thối làm cho người Trung Quốc trở nên xấu xí.

Cũng chính vì cái hũ tương sâu không lường được này nên đối với biết bao vấn đề người Trung Quốc đều không thể dùng tư duy của mình để tự giải quyết,

mà phải bắt chước, phải dùng cái tư duy của kẻ khác.

Nhưng cái vũng nước ao tù này, cái hồ tương này đâu có vút mứt đào vào rồi cũng sẽ biến thành cứt khô. Vì những thứ ngoại lai một khi vào Trung Quốc đều nhanh chóng biến chất.

Người ta có dân chủ, chúng ta cũng có dân chủ. Dân chủ của chúng ta là “mày là dân, tao là chủ”. Người ta có pháp chế, chúng ta cũng có pháp chế. Người ta có tự do, ta cũng có tự do. Người ta có gì, ta có nấy. Anh có chỗ dành riêng cho bộ hành sang đường, tôi cũng có, dĩ nhiên! nhưng chỗ dành cho bộ hành của chúng tôi là chỗ để dụ dỗ họ đến cho xe cán chết.

Để biến cải cái hình tượng xấu xí của người Trung Quốc, chúng ta chỉ có thể

bắt đầu từ bây giờ, mỗi cá nhân đều phải nghĩ cách bồi dưỡng năng lực thưởng thức và đánh giá của bản thân mình.

Chúng ta dù không biết diễn kịch, nhưng lại cần xem được kịch. Người biết ít thì xem ít, người biết thưởng thức nhiều xem nhiều. Người biết thưởng thức sẽ là một sự thành tựu không bao giờ có giới hạn.

Nhớ thời kỳ vừa đến Đài Loan, tôi có một người bạn. Anh này sưu tập rất nhiều đĩa hát của Beethoven (Bít-tô-ven). Anh phải có đến bảy, tám bộ đĩa. Tôi năn nì xin anh cho hoặc bán lại tôi một bộ. Anh từ chối ngay tại trận. Bởi vì mỗi một bộ đều do một nhạc trưởng và một dàn nhạc khác nhau trình tấu, không bộ nào giống bộ nào. Sau khi biết thế tôi rất lấy làm hổ thẹn, anh quả tình là một người biết thưởng thức.

Lần tranh cử Tổng thống Mỹ trước, chúng ta được xem trên ti-vi Đài Loan cuộc tranh luận của các ứng cử viên. Không hề có việc lật tẩy các bí mật đời tư của đối phương, bởi vì dân chúng không ưa những người có trình độ tranh cử như vậy, và nếu làm thế, thế nào họ cũng mất phiếu.

Nhưng cách làm của người Trung Quốc sẽ không như vậy. Không những chuyên môn đi bới móc đời tư của đối phương, họ lại còn bịa đặt thêm, dùng những ngôn từ rất ác độc. Không hiểu cái loại thổ nhưỡng gì đã nuôi dưỡng các loại cỏ như vậy, cái loại xã hội gì mà sinh ra những thứ người như thế?

Nếu người dân không tự nuôi dưỡng được cho mình cái trình độ phán đoán đánh giá những lãnh đạo của mình thì chẳng có lý do gì để trách ai cả.

Đi tôn thờ một kẻ không thể tôn thờ được thì còn trách ai một khi kẻ đó cưỡi lên đầu lên cổ mình?

Cái việc tung tiền ra mua cử tri là một việc chẳng ra gì, thế mà khi xếp hàng đi bầu thấy người thờ tiền ra mua lá phiếu mình cũng chìa tay ra hỏi: “Tiền đâu?”

Cái loại người như vậy mà cũng đòi thực thi dân chủ hay sao?

Dân chủ là một cái gì phải tự mình giành giật được, chẳng ai ban phát cho cả.

Bây giờ thường có kẻ bảo: “Chính phủ lỏng lẻo quá!” Đây là một suy nghĩ rất đáng sợ. Bởi vì tự do, quyền lợi là của chúng ta, không phải anh cho thì tôi mới được. Cho dù anh không cho thì tôi cũng vẫn có.

Nếu chúng ta có khả năng thưởng thức thì nhất định cần tranh thủ lựa chọn, nghiêm chỉnh lựa chọn đối tượng, nếu không biết đánh giá thì giữa một người đẹp và người mặt rỗ cũng không thể nào phân biệt được, còn đi trách ai nữa?

Nếu Bá Dương tôi vẽ giả một tranh Picasso, có người bảo: “Tranh tuyệt thật!” và trả cho tôi 50 vạn Mỹ kim thì người mua tranh giả đó phải trách ai trước? Ai là kẻ có mắt như mù, không biết phân biệt, thưởng thức?

Trong những tình huống như thế, tranh giả sẽ tràn ngập thị trường vì chẳng còn ai phân biệt được thật giả nữa. Lúc đó những nhà danh họa chỉ có chết đói mà thôi. Nếu mua phải tranh giả thì đừng nên trách người khác, phải tự trách mình trước.

Chẳng khác nào đi thuê một anh thợ may để chữa cửa cho mình, đến khi cửa bị ngược, lại đi mắng anh thợ may: “Ông mù à?” Thợ may có thể sẽ trả lời: “Không biết ai mù! Ai bảo anh đi thuê thợ may để chữa cửa?” Cái chuyện xưa này đáng để chúng ta suy ngẫm. Không biết thưởng thức thì chẳng khác nào người mù.

Có quá nhiều người Trung Quốc mang khuôn mặt xấu xí. Chỉ có nhân tài Trung Quốc mới cải tạo được người Trung Quốc. Nếu người nước ngoài có nghĩa vụ giúp đỡ chúng ta thì sự giúp đỡ ấy không phải là giúp đỡ về kinh tế mà phải về văn hóa. Vì con tàu quốc gia Trung Quốc quá lớn, người quá nhiều, một khi chìm xuống có thể sẽ cuốn theo trong vòng xoáy nước của nó những kẻ khác.

Tôi xin tất cả những người bạn Mỹ có mặt tại đây hôm nay, các bạn hãy tiếp nhận hai bàn tay chúng tôi đang giơ ra!

Còn một điểm cuối cùng.

Tôi có cảm tưởng là người Trung Quốc quá đông, mười ức những cái mồm đó mở to ra thì ngay cả rằng Hy-ma-la-ya cũng có thể bị nuốt chửng. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng khổ nạn của người Trung Quốc rất phức tạp, nó kêu gọi sự thức tỉnh của từng cá nhân chúng ta.

Nếu mỗi người đều trở thành kẻ biết thưởng thức, chúng ta sẽ có thể biết tự đánh giá mình, hiểu rõ giá trị bạn bè, thấy rõ được mặt thật những nhân vật lãnh đạo nước nhà.

Đó là con đường trước mặt chúng ta phải đi, mà cũng chẳng còn con đường nào khác nữa.

Xin cảm tạ.

NGƯỜI TRUNG QUỐC VÀ CÁI VẠI TƯỜNG

Bài nói tại New York ngày 16-08-1981, do ký giả tờ báo tiếng Hoa “Bắc Mỹ nhật báo” ghi lại.

Vừa rồi ông Chủ tịch nói cuộc họp mặt hôm nay là một vinh hạnh của Hội “Tùng Xã”, đúng ra vinh hạnh này là của tôi. Tôi xin cảm tạ quý vị đã cho tôi dịp được gặp mặt các vị ở nơi xa quê hương này để xin chỉ giáo.

Thực ra Chủ tịch và Chủ báo “Tân Sĩ Tạp Chí”, ông Trần Tiến Trung nói với tôi đây là một cuộc tọa đàm, nên tôi rất vui được đến dự. Nhưng hôm qua từ Bo-xton đến tôi mới rõ là một buổi diễn giảng, việc này làm cho tôi rất lo vì New York là một đô thị lớn bậc nhất thế giới, đây “rồng núp, hổ nằm”.

Cho nên tôi chỉ dám nêu lên đây một ít cảm tưởng tản mạn và đó hoàn toàn là ý kiến riêng tư chứ không dám kết luận gì cả. Xin các vị chỉ giáo và chúng ta cùng trao đổi với nhau.

Chủ đề hôm nay ông Chủ tịch giao cho tôi là “Người Trung Quốc và cái vai tương”. Nếu buổi hôm nay là một buổi thảo luận về học thuật thì trước tiên chúng ta phải định nghĩa người Trung Quốc là gì? Cái vai tương là gì? Tôi nghĩ tôi không phải định nghĩa nữa, sợ thành

vẽ rắn thêm chân. Bởi vì có một hiện tượng trên đời là cái gì mọi người đều đã biết mà lại đi thêm cho nó một định nghĩa, việc này vô tình có thể biến nội dung và hình thức của nó trở thành mơ hồ, biến chân tướng của nó thành khó hiểu, và do đó còn khó bắt đầu thảo luận hơn.

Phật giáo vốn cho rằng con người phải qua vòng luân hồi. Việc này làm tôi nhớ đến một tích xưa.

Có người đến hỏi một vị cao tăng đã đạt đạo:

“Đời tôi bây giờ là do tiền kiếp mà tái sinh, thế thì kiếp trước tôi là người thế nào? Nếu còn phải đầu thai một lần nữa, ngài có thể cho tôi biết kiếp sau tôi sẽ trở thành người ra sao không?”

Vị cao tăng trả lời anh nọ bằng bốn câu thơ sau:

Dục tri tiên thế nhân

Kim sinh thụ giả thị

Dục tri hậu thế quả

Kim sinh tác giả thị

(Muốn biết cái nguyên nhân của kiếp trước

Cứ xem những gì mình nhận được ở kiếp này

Muốn biết cái hậu quả ở kiếp sau

Cứ xem những gì mình đang làm ở kiếp này)

(Tạm dịch thơ:)

Muốn biết kiếp trước thế nào

Cứ xem mình sống ra sao kiếp này

Đầu thai rồi thế nào đây

Hãy nhìn vào việc hiện nay đang làm

(NHT)

Giả sử kiếp này anh được sung sướng, kiếp trước nhất định anh là một người chính trực, độ lượng. Nếu kiếp này anh gặp nhiều khổ nạn thì phải suy ra rằng kiếp trước anh đã làm những điều ác. Cái tích xưa này gọi cho chúng ta rất nhiều ý nghĩa. Các vị ở đây, nếu là con nhà Phật hẳn cảm thụ dễ dàng, nếu không phải là người theo đạo Phật chắc không tin vào tiền oan nghiệp chướng, nhưng có thể xin các vị cứ suy nghĩ về cái triết lý của nó.

Ý tôi muốn nói chuyện này làm chúng ta liên tưởng đến văn hóa Trung Quốc.

Các vị ở đây, bất kể quốc tịch gì, đại đa số đều có dòng máu Trung Quốc, các vị thích hay không thích nó vẫn vậy, chẳng làm sao thay đổi được. Tôi nói người Trung Quốc là theo nghĩa rộng, theo nghĩa huyết thống chứ không phải nghĩa địa lý.

Người Trung Quốc từ 200 năm gần đây, lúc nào cũng có một ước mong cho đất nước hùng cường, ước mong cho dân tộc chúng ta trở thành một dân tộc ưu tú trong thế giới. Nhưng đã bao nhiêu năm nay, chúng ta luôn luôn yếu kém, mãi bị ngoại nhân khinh thị, nguyên nhân tại đâu?

Đương nhiên trách nhiệm là do nơi chúng ta. Nhưng nhìn dưới góc độ văn hóa mà đặt câu hỏi đó thì có thể nghĩ đến cái tích xưa vừa kể trên. Tại sao có ngày hôm nay? Vì sao nước nhà vẫn chưa lớn mạnh? Nhân dân vẫn còn biết bao khổ nạn? Từ kẻ cùng đinh không quyền thế đến kẻ phú quý với đặc quyền đặc lợi đều có một nguyện vọng tha thiết như nhau cho đất nước, cũng như đều có cùng một đau buồn sâu sắc.

Tôi nhớ thuở bé thầy học bảo chúng tôi: “Hy vọng của nước nhà đặt nơi các em”. Nhưng rồi chúng ta bây giờ thì sao? Lại đến lượt chúng ta hưởng về đám thanh niên bảo: “Các em là hy vọng của tương lai Trung Quốc”. Cái kiểu cứ đùn đẩy trách nhiệm từ đời này xuống đời khác sẽ còn kéo dài cho đến bao giờ?

Những người Trung Quốc ở nước ngoài đối với vấn đề này lại càng nhạy cảm và kỳ vọng của họ lại càng sâu nặng. Ngoài việc tự thân chúng ta đã không thể mang hết được cái trọng trách về chuyện nước nhà rơi xuống một mức độ tồi tệ với những khổ nạn như vậy, chúng ta lại còn phải è cổ vác cái gánh văn hóa truyền thống nặng nề kia.

Đây là nghiệp báo như đã nói ở trên.

Hôm trước, lúc đi thăm Viện bảo tàng Boston, tôi thấy bên trong có bày đôi giày cho phụ nữ bó chân của thời đại các bà nội chúng ta. Kinh nghiệm bản thân cho tôi biết những người phụ nữ khoảng tuổi tôi thời ấy đều phải bó chân. Ngày nay những người trẻ tuổi nghe đến chắc không thể nào tưởng tượng nổi. Tại sao trong văn hóa chúng ta lại có thể sinh ra một cái tập quán tàn khốc thế? Lại có thể

áp đặt nó lên trên một nửa dân số trong hàng nghìn năm, làm cho những người bị bức hại phải tàn phế cả hai chân, thậm chí có khi còn gãy cả xương, thối cả thịt, không thể đi đứng được. Tại sao văn hóa Trung Quốc lại có thể kéo dài cả hàng nghìn năm trong lịch sử một yếu tố dã man như vậy? Tại sao lại cho phép trường tồn qua một thời gian dài như thế mà không có một người nào đứng lên bảo nó phản tự nhiên, hại sức khỏe? Ngược lại, đại đa số nam nhi còn xem bó chân là hay ho, đẹp đẽ.

Còn nói đến việc bách hại nam nhi thì thế nào? Đó không phải chỉ riêng chuyện các hoạn quan. Theo ghi chép của lịch sử, từ các triều vua Tống trở về trước, các nhà có quyền và có tiền đều có thể tự do thiến các nô bộc của mình. Sự việc kinh rợn này kéo dài cho đến

triều Tống - thế kỷ XI - mới bị cấm. Chỉ căn cứ vào hai việc trong biết bao nhiêu việc không hợp lý và vô nhân đạo của văn hóa Trung Quốc suốt quá trình lịch sử của nước này, ta cũng có thể thấy là những thành phần không hợp lý của nó đã lên đến một mức độ không thể nào khống chế được.

Bất kỳ văn hóa của một dân tộc nào đều như một dòng sông lớn, thao thao bất tuyệt trôi đi. Và với thời gian dần dần biết bao thứ nhơ nhớp bẩn thỉu trong dòng sông lớn ấy, - như cá chết, mèo chết, chuột chết - sẽ bắt đầu chìm lắng. Lắng đọng quá nhiều sẽ làm dòng sông không thể chảy nữa, biến thành một cái đầm nước chết, càng sâu càng nhiều, càng lâu càng thối, lâu dần thành một cái vại tương, một cái đầm bùn bắn phát chua, phát thối.

Nói đến cái hũ tương có lẽ những bạn trẻ không thể hiểu, tôi vốn sinh ra ở phương Bắc, nơi quê tôi cái thứ này rất nhiều. Tôi không thể nói chính xác cái chất tương trong vại ấy làm bằng những chất liệu gì (chất chính là đậu tương và bột mì), nhưng các vị nếu đã ăn qua vệt quay tại các tiệm ăn Trung Quốc thì chính là loại tương đó. Nó là một chất đặc không chảy được, không giống nước sông Hoàng hà từ trên trời chảy xuống một tý nào. (Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai, bồn lưu đảo hải bất phục hồi - thơ Lý Bạch). Nó là một thứ nước ao tù, lại được để cho bốc hơi, cho lắng đọng nên nồng độ càng ngày càng đông đặc. Cái văn hóa của chúng ta, cái tiền oan nghiệp chương như đã nói cũng là như thế.

Trong văn hóa Trung Quốc, cái có

thể gọi là điển hình nhất cho cái đặc sắc này là chế độ “quan trường”. Thời xưa mục đích học hành của các phần tử trí thức là làm quan. Cái chữ “trường” nhìn không thấy, sờ không đụng này được hình thành qua chế độ khoa cử. Một khi người đọc sách đã lọt vào được chốn quan trường liền ở vào trạng thái đối nghịch với người thường, với nhân gian.

Dưới chế độ đó người đi học cốt chỉ được làm quan, vì có câu nói rằng trong sách có nhà vàng, có nhan sắc như ngọc. Đọc sách để có thể làm quan, làm quan ắt có mỹ nữ, kim tiền.

Thời xưa có người nói: “Hàng hàng xuất trạng nguyên”, kỳ thực chỉ trong số những người đi học mới có trạng nguyên, còn những người khác cũng chỉ là thợ thuyền không đáng một đồng trinh. Thời đó những người của các giai tầng khác

bị rất nhiều giới hạn, nào là không được mặc loại áo quần nào đó, không được đi thứ xe nào đó, ở loại nhà nào đó.

Xã hội phong kiến đặt cái lợi ích của những người làm quan lên trên hết, và vì nó đã khống chế Trung Quốc quá lâu, nên tạo thành một lực lượng và một ảnh hưởng vô cùng lớn.

Về mặt kinh tế không có gì thay đổi đáng kể, nhưng về mặt chính trị nó đã kìm hãm chúng ta lâu dài trong cái hũ tương văn hóa đó. Một trong những cái đặc trưng của nó là đặt tiêu chuẩn của giới quan lại thành một cái chuẩn cho xã hội, biến lợi ích các quan thành cái lợi chung. Vì vậy nó đẻ ra một thứ ngày nay gọi là “Chính trị thống soái” theo kiểu nói của Mao, làm cho cái hũ tương văn hóa của chúng ta càng thêm sâu đậm, càng thêm nồng nặc.

Chìm đắm lâu dài trong cái hũ tương đó, người Trung Quốc trở thành ích kỷ, nghi kỵ.

Tôi tuy đến Mỹ chỉ là du lịch ngắn ngày, nhưng nhìn bề ngoài tôi thấy người Mỹ khá thân thiện, hạnh phúc, lúc nào cũng tươi cười.

Tôi cũng đã gặp con em các bạn bè người Hoa ở đây, trông tuy có vẻ sung sướng, nhưng rất ít cười. Có phải là các bắp thịt ở mặt của người Trung Quốc chúng ta cấu tạo không giống họ? Hay là vì dân tộc chúng ta mang một cái gì vốn quá u ám?

Chúng ta có nghĩ được rằng dân tộc chúng ta sở dĩ như vậy vì thiếu sức sống trẻ, mà điều đó lại là do chính trách nhiệm của chúng ta không? Giữa chúng

ta, chúng ta chèn ép lẫn nhau, không hề hợp tác.

Tôi nghĩ đến chuyện một người cảnh sát trưởng Nhật Bản, khi huấn luyện các học viên của mình, bảo thuộc hạ phải nghi ngờ tất cả mọi người, vì họ đều có thể là đạo tặc. Cái trạng thái tâm lý này dùng để huấn luyện cảnh sát hình sự thì được, nhưng tâm lý phổ biến của người Trung Quốc lúc bình thường lại cũng như thế, lúc nào cũng nghĩ kẻ khác có thể làm hại mình, nó hình thành một nỗi lo sợ về bất cứ một cái gì. Cái nỗi lo sợ này làm người Trung Quốc biến thành “một đồng cát rời” nằm bè, bảy mắng (như lời của Tôn Dật Tiên).

Một nước lớn như Trung Quốc, có tài nguyên, có nhân khẩu hơn một tỷ người nếu đồng tâm hiệp lực, trong Á châu này chẳng lẽ không bằng được Nhật Bản?

Mòn mỏi dưới chế độ xã hội phong kiến chuyên chế tự bao đời, đắm chìm ngụp lặn trong cái hũ tương đó, óc phán đoán cùng tầm nhìn của người Trung Quốc đã bị tương làm ô nhiễm nặng, không vượt ra nổi cái phạm vi ảnh hưởng của nó.

Qua bao nhiêu niên đại, đa số chúng ta mất dần năng lực phán đoán cái gì đúng cái gì sai, mất khả năng phân biệt cái gì là đạo đức, chỉ phản ứng bằng tình cảm và trực giác mà không biết suy nghĩ. Tất cả giá trị của hành động rồi đều bị cái tiêu chuẩn chính trị và đạo đức của cái hũ tương đó chi phối. Vì vậy thị phi, phải trái, đen trắng không còn có vẻ đối nghịch nữa. Trong hoàn cảnh này, khi tìm hiểu sự vật, chẳng ai còn đi đến chỗ phân tích cặn kẽ. Cứ qua loa lấy lệ một cách lâu dài rồi cuộc sẽ đưa đến cái quả

báo nhãn tiền, đó là "Chiến tranh Nha phiến" (1840).

Chiến tranh Nha phiến là sự đột nhập của văn hóa nước ngoài theo chiều ngang. Đối với người Trung Quốc nó đánh dấu một kỷ niệm “quốc sỉ” (cái nhục của một nước), nhưng nhìn từ một góc độ khác nó lại là một lần thức tỉnh lớn không thể tránh được.

Nhật Bản trên mặt này đã phản ứng hoàn toàn khác chúng ta. Ở thế kỷ XVIII khi Mỹ đánh chìm hai tàu Nhật, nước Nhật đã mở cửa. Đối với người Nhật sự kiện này mang lại một cơ hội tốt, họ biết biến sự sỉ nhục thành một sự thức tỉnh.

Thực ra chúng ta phải cảm ơn Chiến tranh Nha phiến, nếu không có nó thì tình cảnh hiện tại sẽ như thế nào? Có lẽ các vị ngồi đây không chừng trên đầu

vẫn còn cái đuôi sam, phụ nữ vẫn còn bó chân, còn mặc áo dài, áo ngắn (Áo kiểu ngày xưa của người Trung Quốc), trên bộ còn ngồi kiệu do người khiêng, dưới nước còn ngồi thuyền tam bản.

Ví thử Chiến tranh Nha phiến xảy ra sớm hơn 300 năm, có lẽ Trung Quốc đã biến đổi sớm hơn một tý; nếu nó xảy ra sớm hơn 1.000 năm thì lịch sử đã hoàn toàn chẳng như ngày nay. Tôi cho rằng cái “kỷ niệm quốc sỉ” này là một cú đập mạnh vào cái hũ tương văn hóa của chúng ta. Không có nó người Trung Quốc vẫn còn chìm đắm dưới đáy, có khi còn ngạt thở mà chết rồi.

Sự đột nhập của văn hóa ngoại lai trong Chiến tranh Nha phiến làm cho chúng ta có thể nghĩ rằng nhà Thanh là một thời đại quan trọng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Nếu chiến tranh này xảy

ra vào thời nhà Minh chưa chắc Trung Quốc chịu nổi cú sốc và tình hình đã khác. Văn minh hiện đại phương Tây đối với nước Trung Quốc già nua thật ra càng đột nhập sớm càng tốt. Cái sự xung kích lớn lao này chắc hẳn là một sự kiện khiêu chiến nghiêm trọng đối với lịch sử và văn hóa, nhưng đem lại cho chúng ta cái văn minh vật chất và văn minh tinh thần mới.

Cái gọi là văn minh vật chất Tây phương như máy bay, trọng pháo, xe hỏa, tàu điện ngầm, v.v... làm cho chúng ta bỗng nhiên thấy thế giới bên ngoài mới mẻ làm sao, có biết bao nhiêu thứ không giống chúng ta, làm cho chúng ta có một nhận thức biết coi trọng cái mới, cái văn minh vật chất. Còn nói đến văn minh tinh thần, những ý thức hệ chính trị Tây phương cùng các tư tưởng học

thuật cũng cho chúng ta bao nhiêu quan niệm và gợi ý mới mẻ. Xưa nay chúng ta nào biết dân chủ, tự do, nhân quyền, pháp trị là gì. Tất cả những thứ này đều là các sản phẩm lấy giống từ phương Tây.

Trước đây người Trung Quốc chỉ biết câu: “Nhân mệnh quan thiên” (số mệnh con người là do nơi trời). Thực ra số mệnh một con người có phải là do trời hay không cũng còn tùy. Nếu tôi giết chết một người, có lẽ sẽ do trời thật, nhưng nếu hung thủ là một kẻ quyền thế thì đã chắc gì? Vì vậy còn phải xem vấn đề là dính dáng đến ai.

Có một nhân vật cổ quái còn nói một câu: “Dân vi quý, quân vi khinh” (Dân là quý, vua là thường). Đây chỉ là một thứ lý tưởng mà Trung Quốc chưa bao giờ thực hiện. Thời phong kiến xưa, sau một triều vua lại đến một triều vua, chẳng có

gì thay đổi. Lật đổ triều đại trước, thiết lập triều đại mới, cách biểu thị duy nhất về sự bất đồng của mình với triều vua trước là đốt phá các cung vàng điện ngọc mà triều trước đã xây để làm cung điện mới của mình.

Lý do viện dẫn để đốt phá vẫn được đưa ra là vì triều trước chính sách bạo tàn, triều đại của mình mới là nhân hậu. Nhân hậu nên mới phải làm cái việc đem chính sách nhân hậu của mình để tàn phá nhà cửa của chính sách hung tàn.

Cứ đời này sang đời khác như thế, về mặt tư tưởng chính trị chẳng có xây dựng được gì, nhưng nhà cửa thì cứ tiếp tục đốt phá để biểu lộ sự khác nhau. Chẳng trách ở một nước lâu đời như Trung Quốc sau mấy nghìn năm các kiến trúc cổ chẳng còn được là bao!

Trong hệ tư tưởng chính trị Trung Quốc, có vài khái niệm lý tưởng gần với Tây phương như “Vua phạm pháp cũng bị tội như thứ dân” (Vương tử phạm pháp dã thứ dân đồng tội). Nhưng điều này chẳng qua cũng chỉ là một hy vọng và ảo tưởng mà thôi. Sự thực cái điều vua và dân cùng tội này trên căn bản tuyệt đối không thể có.

Người Trung Quốc xưa nay có bao giờ biết dân chủ, tự do, pháp trị là gì. Tuy có người bảo chúng ta cũng có tự do, có thể chửi cả hoàng đế, song thật ra quyền tự do của chúng ta rất có hạn, bị kẻ thống trị khống chế trong phạm vi cho phép. Nhân dân nếu được phép chửi hoàng đế chắc cũng chỉ dám lén lút chửi sau lưng. Phạm vi của tự do rất hẹp hòi. Đương nhiên có thể có cái tự do suy nghĩ vớ vẩn chứ các khái niệm dân chủ, pháp trị thì hoàn toàn chẳng có.

Dân tộc chúng ta là một trong những dân tộc lớn, đương nhiên trong vấn đề tình cảm không nói thế thì không xong.

Nhưng trên thế giới này còn có một dân tộc vĩ đại khác là dân Anglosaxon (Ăng-glô-sắc-xân). Dân tộc này đã thiết lập cho văn minh thế giới những khuôn khổ như chế độ quốc hội, tuyển cử, tư pháp độc lập, tư pháp bồi thẩm, v.v..., cống hiến cho cộng đồng nhân loại những cơ cấu văn minh tốt đẹp như vậy, và đó cũng là một nguyên nhân cho phép những xã hội Tây phương về mặt chính trị hướng đến công bình, hợp lý.

Cái việc tuyển cử dù lãng phí thế nào đi nữa so với việc giết người như núi, máu chảy thành sông vẫn còn tốt hơn. Đối với những thứ tốt đẹp này của Tây phương chúng ta phải có can đảm mà tiếp nhận.

Có người bảo tuyển cử kiểu Tây phương không phải tuyển cử nhân tài, chỉ bầu cử tiền, mà cái loại tiền này thì không phải người bình thường nào cũng có thể bỏ ra được. Dù có thể chẳng nữa, lãng phí tiền bạc vẫn tốt hơn lãng phí đầu người.

Hết thấy những điều tốt chúng ta phải tự đấu tranh mới có được, không giống trong vườn Eden (Ê-đen) của Thượng đế nơi cái gì cũng đã được an bài một cách tốt đẹp.

Người Trung Quốc sống trường kỳ trong cái hũ tương, lâu ngày quá tự nhiên sinh ra một tâm lý cầu thả. Một mặt tự đại khoe khoang, còn mặt khác tự ti, ích kỷ.

Tôi nhớ có xem một bộ phim - mà đã quên mất tên - trong đó một phụ nữ quý

phái có hai nhân cách: một mặt đẹp đẽ, đáng quý làm cho người ta có thể sùng bái, mặt khác lại hoang dã, vô liêm sỉ. Cô ta không làm sao hợp nhất được hai nhân cách này lại với nhau. Khi bị bác sĩ tâm thần bắt phải đối diện với thực tại, cô ta đã tự sát.

Khi tự kiểm hồ sơ bệnh của mình chúng ta có dám đối diện với thực tại không? Có dám dùng cái tâm lý khỏe mạnh để xử lý bệnh tình của mình một cách hợp lý không?

Chúng ta cần học tự nhận xét mình. Người Trung Quốc thường không có tập quán dùng lý trí để tự tìm hiểu mình mà chỉ dùng cảm tính. Ví như vợ chồng cãi nhau, chồng bảo vợ: “Bà đối với tôi không tốt”. Vợ bèn vút thức ăn lên bàn cãi: “Tôi đối với ông không tốt thế nào? Không tốt mà tôi còn nấu cơm cho ông

ăn à?” Cái động tác này cũng đủ nói lên sự đối xử không tốt của bà ta rồi. Tự xét mình như thế thì thà không tự xét còn hơn.

Từ khi văn hóa Tây phương được du nhập vào (Trung Quốc) dĩ nhiên về mặt tư tưởng chính trị có thay đổi dần, mặt quan niệm đạo đức cũng vậy. Ngày trước chồng đánh vợ là chuyện cơm bữa. Bây giờ cứ thử đánh một tý xem sao!

Tuổi trẻ thời nay thật may mắn, rất nhiều thứ văn hóa hủ lậu đã bị đào thải. Không kể đến vấn đề chính trị và đạo đức, ngay cả trên các lĩnh vực nghệ thuật, thi ca, văn học, tuồng kịch, vũ điệu đều có ảnh hưởng của sự thay đổi này.

Hễ nói đến văn hóa, văn minh phương Tây, thế nào cũng có người chụp

mũ, bảo tôi “sùng bái Tây phương, nịnh hót nước ngoài”.

Theo ý tôi tại sao không thể sùng bái Tây phương? Cái lễ nghĩa của người ta đúng là hơn hẳn cái thô lậu của mình. Súng ống của người ta đích thực là hơn hẳn cung tên của mình. Nếu như giữa bạn bè với nhau có người đạo đức, học vấn hơn hẳn mình tại sao lại không có thể không hâm mộ được?

Người Trung Quốc không có cái can đảm dám khen người khác, chỉ có cái dũng khí dùng để đả kích kẻ khác. Cũng bởi cái “văn hóa hũ tương” của chúng ta quảng đại tinh thông quá mới làm cho người Trung Quốc thành “cây quýt bên sông Hoài” tất cả (tích Án Tử và vua Sở). Cây quýt này vốn mọc ở một địa phương nọ thì rất to và ngọt, đem trồng ở một

nơi khác, không hợp thủy thổ, thì vừa nhỏ vừa chua.

Ông Tôn Quan Hán, một người bạn đã tìm cách cứu tôi suốt trong thời gian 10 năm tôi ở tù, từng đem một thứ cải trắng gốc Sơn Đông trồng tại Pittsburg (Pít-xbơ), nhưng ở đây nó lại thành một thứ cải hoàn toàn khác.

Người Nhật có biệt tài bắt chước cái gì là giống cái đó, còn người Trung Quốc thì học cái gì cũng chả giống cái gì. Cái tinh thần này ghê gớm lắm, nó cho phép người Nhật học được những ưu điểm mà học giống hệt. Người Trung Quốc thường chỉ giỏi tìm lối tránh né, viện cớ “không hợp với hoàn cảnh nước nhà” để bào chữa cho lý do tại sao mình lại cự tuyệt nó.

Trước chiến tranh Giáp Ngọ (1895)

người Nhật đến thăm hải quân Trung Quốc, thấy binh sĩ đem phơi quần áo la liệt trùm cả lên súng cà-nông, bèn xác định rằng cái loại quân đội này không thể tác chiến được. Chúng ta căn bản không tính đến chuyện xây dựng và làm mới các quan niệm, nên khi chúng ta không muốn làm một cái gì, ngay cả như chuyện dùng phơi quần áo trên trọng pháo, thì chúng ta tìm cách thoái thác, bảo: “Cái đó không hợp với hoàn cảnh đất nước”.

Cũng như vấn đề giao thông ở Đài Bắc, có thể là một vấn đề rất đơn giản, thế mà bấy nhiêu năm nay vẫn không dứt điểm được. Theo tôi cứ phạt nặng những kẻ phạm luật là xong. Nhưng có người lại đề xuất nào là phải dạy dỗ sự “lịch thiệp” cho những kẻ phạm luật, bởi vì như vậy mới hợp lẽ với Trung Quốc.

Chúng ta đã lịch thiệp quá lâu rồi, bị giỡn mặt hoài không chịu nổi nữa, lại còn nhường nhịn đến bao giờ? Chúng ta làm những chỗ qua đường cho người đi bộ để bảo vệ họ, nhưng kết quả là biết bao người đã bỏ mạng ở đó.

Tôi có một người bạn lúc ở Đài Bắc là loại hay phóng nhanh vượt ẩu, đến lúc sang Mỹ bị phạt hơi bởi, phạt đến đầu tối mắt hoa, cuối cùng không thể không chú ý được. Có mỗi luật đi đường, một việc thật đơn giản mà tại Trung Quốc vẫn còn là một vấn đề.

Cứ nói đến cái hay của các nước khác là lại bị nghe câu “Sùng bái Tây phương, nịnh hót nước ngoài” (Sùng dương, mị ngoại). Sự thực nếu các nước Mỹ, Pháp, Anh, Nhật có điều gì tốt thì chúng ta phải học, cái xấu thì không học, chỉ đơn giản thế thôi!

Có một người Mỹ viết một quyển sách: “Người Nhật làm được tại sao chúng ta lại không thể làm được?” Thế mà chẳng có ai bảo ông giáo sư này là “sùng bái Đông phương, nịnh nọt nước ngoài”. Vì vậy mới biết cái hũ tương văn hóa đã sâu đậm làm người Trung Quốc mất hết khả năng hấp thụ và tiêu hóa, chỉ một mực trầm luân trong cái cảm tính của mình.

Một anh bạn tôi lúc lái xe cứ thỉnh thoảng lại đột nhiên bóp còi một cái. Tôi hỏi tại sao. Anh đùa bảo: “Để cho thấy rằng tôi không mất gốc đấy!” Chúng ta hy vọng chúng ta có đầy trí tuệ để nhận rõ những khuyết điểm của mình, có đủ năng lực phán đoán phân biệt phải trái, làm cho, cái hũ tương kia nhạt đi, mỏng đi, thậm chí biến thành một hũ nước trong, hoặc một hồ nước mênh mông.

Người Trung Quốc bị cảm tính chi phối, chủ quan thái quá, đối với việc gì cũng chỉ nhận thức, phán đoán bằng các tiêu chuẩn của những gì mình vốn thấy. Chúng ta nên nuôi dưỡng được cái con mắt nhìn sự vật một cách toàn diện, toàn thể. Rất nhiều sự tình phát sinh từ những góc độ không giống nhau, nên từ một góc độ càng phải xem xét một cách toàn diện. Từ hai điểm, đường ngắn nhất là một đường thẳng, đó là theo vật lý. Nhưng trong cuộc đời, cái cự ly ngắn nhất thường lại là cái quanh co nhất.

Cho nên để trở thành một người biết thưởng thức, chúng ta phải tìm tòi được mục tiêu. Xã hội có trình độ thưởng thức sẽ đề cao được tài năng và phân biệt được cái tốt, cái xấu.

Trước đây tôi từng được xem Khương Diệu Hương diễn kịch, lúc ấy

bà đã ngoài 60, mặt đầy vết nhăn, chẳng còn cái đẹp của thừa nào, nhưng việc ấy không hề ảnh hưởng đến những thành tựu của bà. Đương lúc bà hát khúc “Em bé chăn trâu”, anh có thể hoàn toàn quên mất cái hình tượng già nua của bà. Một khi mọi người đều có trình độ thưởng thức cao, những điều ác sẽ tránh xa.

Chẳng khác nào tranh tôi vẽ và tranh của Van Gogh để cùng một chỗ, có người không phân biệt được lại bảo: “Tranh của Bá Dương và Van-Gogh cũng như nhau!” Nếu thế thì các nhà nghệ thuật chân chính phải chết hết và xã hội sẽ vĩnh viễn chẳng bao giờ có được những tác phẩm nghệ thuật giá trị nữa.

Trung Quốc là một nước lớn, nhưng người Trung Quốc thật nhỏ mọn và hẹp hòi.

Hôm kia tôi đáp máy bay tại phi trường Kennedy ở New York, lên phi cơ ngồi chợp mắt một tiếng, tỉnh lại vẫn chưa thấy máy bay bay, sau khi nghe ngóng mới biết họ đang đình công. Tôi rất kinh dị khi thấy hành khách vẫn trật tự bình thường, nói năng cười đùa như không có gì xảy ra.

Nếu sự việc này mà xảy ra ở đất nước chúng ta cục diện sẽ hoàn toàn khác hẳn. Hành khách tất nhao nhao nhảy xổ ra hò hét: “Tại sao vẫn chưa bay?” Nhưng hành khách Mỹ lại nhìn từ một góc độ khác; vì họ nghĩ: Nếu tôi là nhân viên hàng không, không chừng tôi cũng tham gia cuộc đình công này. Nhìn vào đó người ta có thể thấy được khí độ của một nước lớn.

Ở Mỹ tính khoan dung rất lớn. Không những nước Mỹ có thể khoan dung được các màu da và chủng tộc, lại còn

chứa chấp được cả những ngôn ngữ, phong tục, tập quán khác nhau; thậm chí còn chịu đựng được cả những người Trung Quốc thô lỗ như chúng ta. Thái độ này nói lên tính bao dung của một nước lớn.

Cứ nhìn lúc Reagan và Carter tranh luận trên ti-vi, bên này bên kia phát biểu chính kiến của mình, nhưng không ai dùng những lời lẽ thô lỗ để công kích nhau. Ri-gân không hề nói ông làm tổng thống mấy năm toàn chỉ dùng những người thân tín của mình. Các-tơ cũng không hề nói từ trước đến nay ông chưa hề có kinh nghiệm chính trị, làm sao có thể leo lái được một quốc gia. Hai bên đều biểu lộ một thái độ cực tốt. Đó cũng là phẩm chất của một nền dân chủ cao độ.

Đối với chính trị, cá nhân tôi không mấy quan tâm. Tôi cũng không khích lệ mọi người làm chính trị. Nhưng nếu ai thích thú thì phải tham dự, bất kể đang làm nghề gì, bởi vì chính trị thật quan trọng. Chỉ cần một điều luật được ban hành, có thể gia sản, tự do và ngay cả sinh mạng anh cũng có thể bị nó làm tiêu tan.

Chúng ta không nhất thiết ai cũng phải làm chính trị, nhưng đều phải có khả năng đánh giá. Việc này không kém tầm quan trọng. Đánh giá không phải chỉ trong lĩnh vực chính trị, mà cả trong văn học nghệ thuật. Chẳng hạn như về tranh vẽ thì trình độ thưởng thức cực kỳ quan trọng. Nó sẽ bắt những người vẽ tranh như Bá Dương tôi phải thu mình vào một xó. Bởi nếu bày tranh mình ra người ta chỉ nhìn thoáng một cái đã biết

giá trị, có thể nói: “Anh gọi thế này là vẽ à? Thế mà còn dám đem cho người ta xem ư?”

Một xã hội có trình độ thưởng thức tức biết cái hay cái dở, tức không hồ đồ trước bất cứ một sự việc gì; chứ mọi người cứ ù ù cạc cạc như ở trong hũ tương, bản sạch, cao thấp cũng không phân biệt thì làm sao tiến bộ và phát triển được?

Tôi chỉ có vài ý kiến này đưa ra xin các vị thảo luận và chỉ giáo cho.

Xin đa tạ!

ĐỜI SỐNG, VĂN HỌC VÀ LỊCH SỬ

Diễn văn đọc tại Phân khoa Sử, Đại học Stanford, San Francisco, ngày 22-08-1981.

Cái chủ đề tôi được giao phó hôm nay đối với tôi quá lớn, tôi cảm thấy hầu như không đảm đương nổi và sợ không đủ tư cách để đề cập đến một chủ đề lớn như thế. Tôi chỉ tình nguyện cố gắng đóng góp cảm tưởng riêng tư về những gì mà 5.000 năm lịch sử Trung Quốc gợi ý cho tôi.

Trước khi bắt đầu, tôi xin nói đến một cảm tưởng khác về người da đỏ châu Mỹ (chủ nhân nước Mỹ, cư dân nguyên thủy và chân chính của châu Mỹ).

Tôi đã được đi tham quan những vùng đất hoang phế của dân da đỏ ở Mỹ. Tôi cũng đã đến thăm những khu biệt lập dành riêng cho người da đỏ và gặp một số người da đỏ. Thời gian tuy rất ngắn, không nói được nhiều chuyện, nhưng ấn tượng đối với tôi rất sâu sắc. Tôi khám phá ra rằng các sản phẩm thủ công của người da đỏ ngày nay so với các sản phẩm của người da đỏ sáu trăm năm trước, không nói về hình thức và hoa văn, chỉ nói về những thủ pháp đan dệt và chất liệu sử dụng thì không có gì thay đổi. Chỉ từ cái sự kiện nhỏ đó, tôi suy nghĩ và tự hỏi rồi không biết số mệnh của dân tộc này sẽ đi về đâu?

Chúng ta không thể tưởng tượng được một dân tộc lớn với lịch sử lâu đời như thế lại có thể đang thoi thóp, ngặt ngoải trong các khu biệt lập tại Mỹ hiện nay. Cảnh ngộ của chính những người da đỏ này sau khi bị lừa gạt, tàn sát và sỉ nhục, so với cái lịch sử bi thương của người Trung Quốc chúng ta thì nên nghĩ thế nào cho phải?

Riêng tôi có một ý nghĩ và nó làm cho tôi rất chán nản. Đó là vấn đề trước mắt của người da đỏ chẳng phải vấn đề đạo đức hoặc kinh tế gì cả nhưng đơn thuần là một đe dọa diệt chủng. Tôi không phải là một nhà tiên tri hoặc tướng số, tôi chỉ dùng sự suy đoán riêng tư và căn cứ trên những điều bạn bè cho tôi biết. Chúng ta có thể đoán rằng 100, 500, 1.000 năm sau, có thể sớm hơn hoặc chậm hơn, một ngày nào đó người da đỏ

có thể hoàn toàn bị diệt chủng. Bởi vì họ không tiếp thu được văn minh hiện đại.

Đương nhiên trước mắt, họ vẫn có những khu vực riêng họ không xâm phạm người khác, người ngoài cũng không xâm phạm họ. Nhưng những khu này lại là đất của nước Mỹ, có thể nói là do những người da trắng ban phát cho. Dĩ nhiên, trên vấn đề lý luận hoặc tình cảm chúng ta có thể nói không phải là ban phát cho, mà do họ tự tranh đấu mới có được một ít đất cũ vốn của họ. Nhưng nếu cái tình cảm của ta không dính dáng gì đến văn học, thơ ca nhưng đơn thuần về lý tính thì chúng ta sẽ thấy rằng vài vùng đất riêng này là do ân huệ của nước Mỹ da trắng. Cho nên, nếu có một ngày nào đó, nước Mỹ đông dân hơn cần lấy lại những khu vực này thì cái kết cục của người da đỏ sẽ vô cùng thâm thảm.

Phải chăng chúng ta cần phải có cách nhìn như thế này: Sự hủy diệt của một dân tộc là một điều vô cùng lớn lao, nhưng không phải không có thể xảy ra?

Những lúc tôi nhìn thấy những khu hoang phế của dân da đỏ, và cái sự trì trệ về văn hóa của chúng ta là trong lòng tôi như dao cắt; không thể nào không nghĩ rằng một ngày nào đó dân tộc Trung Quốc cũng chẳng khác gì dân tộc da đỏ.

Có một người bạn bảo tôi: “Không thể thể được, dân tộc Trung Quốc có một lịch sử lâu đời, dân lại đông như thế”. Tôi nghĩ đấy chẳng qua chỉ là một cách an ủi về mặt tinh thần. Vì đem 5.000 năm lịch sử ra để bảo chứng cho sự bất diệt của một dân tộc thì không hiểu căn cứ trên cơ sở nào? Vũ trụ mệnh mông, 5.000 năm chỉ là một khoảnh khắc, nhân loại sẽ còn tồn tại đến cả 5.000 ức năm nữa là

ít. So với 5.000 ức năm thì 5.000 năm có là bao! Còn nói về dân số nhiều ít, đó là một điều chẳng quyết định gì trong vấn đề hưng vong của một dân tộc. Thời đầu, lúc người châu Âu đổ bộ lên châu Mỹ, dân số người da đỏ còn rất lớn, lớn hơn nhiều so với người da trắng.

Cái ý nghĩ hồ đồ này làm tôi rất buồn và thấy rằng người Trung Quốc chúng ta đang gặp rất nhiều vấn đề. Một vấn đề nổi bật thật khó hiểu là tại sao đến bây giờ người Trung Quốc không thể hùng mạnh? Trong khi chúng ta thật ra có đủ các điều kiện để trở nên hùng mạnh. Thế thì nhất định các điều kiện cản trở sự hùng mạnh của ta phải vượt xa các điều kiện giúp chúng ta hùng mạnh.

Tôi xin nói trước tôi nghiên cứu lịch sử không có bài bản gì cả, cũng giống kiểu luyện thép thô sơ mà người Trung

Quốc làm trong “Bước nhảy vọt lớn”, nhưng luyện rất chuyên cần nên bây giờ rất tâm đắc, xin đóng góp một ít suy nghĩ sau đây để mọi người tham khảo.

Tôi bắt đầu bằng một câu chuyện thế này: Ở Mỹ có một công ty phái nhân viên của mình đi Âu châu khảo sát. Sau mấy tháng người ấy trở về làm báo cáo dày cả 200 trang cho công ty, nói rằng về phương diện kỹ thuật cũng như quản lý châu Âu đều lạc hậu kinh khủng, không thể nào bì được với Mỹ.

Khi ban giám đốc đọc xong bản báo cáo liền ra lệnh khai trừ nhân viên này. Tổng Giám đốc nói: “Chúng tôi gửi anh đi châu Âu để tận mắt khai thác những sở trường của họ chứ không phải tìm những sở đoản của họ. Chúng tôi không cần anh phát hiện những gì mình đã làm tốt rồi. Chúng tôi cần biết những điểm

họ mạnh hơn mình và thấy được những khuyết điểm của mình để sửa chữa. Chúng tôi không cần nghe những lời tự ca tụng, cái đó nghe nhiều sẽ bị ru ngủ, làm cho phẩm chất sản phẩm của chúng ta xuống thấp, công ty chẳng mấy lúc mà đóng cửa”.

Câu chuyện này có thể xem là một chuyện ngụ ngôn vì từ nó chúng ta rút ra được một bài học lớn. Cái chúng ta cần hôm nay không phải là phát hiện những thứ hay ho của mình mà tìm ra những cái ngăn chặn sự tiến bộ của dân tộc Trung Quốc, cho chúng ta thấy được nguyên nhân đang cản trở sự hùng mạnh của đất nước.

Lúc này ăn cơm trưa, có vài người bạn quan tâm đến việc học tập của con cháu chúng ta, sự tốn kém của học phí đại học. Tôi cũng thấy được rằng người

Trung Quốc dù khổ sở nghèo khó thế nào đi nữa cũng đều cố gắng cho con cháu mình được học hành. Đó là một điểm mạnh, một ưu điểm của dân tộc Trung Quốc, tôi không cần các bạn nhắc lại quá nhiều nữa. Cái tôi muốn nói hôm nay là những khuyết điểm của dân tộc chúng ta. Vì chỉ nói ưu điểm thì không thể tự cứu được mình, muốn tự cứu được mình phải biết nói lên những khuyết điểm của mình.

Điểm thứ nhất:

Trung Quốc có lịch sử 5.000 năm. Trong 5.000 năm ấy, lực lượng phong kiến chà đạp lên phẩm giá, nhân tính con người không phải ngày càng giảm thiểu mà ngày một gia tăng.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, vua và quan còn gần như cùng ngồi ngang

hàng nhau, có thể nói nằm cùng giường ăn cùng mâm. Đến thời Tây Hán, thế kỷ thứ II trước Công nguyên (206 BC-AD 25), Thúc Tôn Thông đặt ra nghi lễ triều đình dưới triều hoàng đế Lưu Triệt vào lúc học phái Nho gia đang nắm quyền. Nghi thức này biến đế vương thành một thứ quyền uy, không những rất trang nghiêm, cung kính mà còn làm cho mọi người khiếp sợ.

Khi Đại thần vào triều kiến Hoàng đế có vệ sĩ kè kè bên cạnh, bất kỳ ai có thái độ không hợp quy cách, như kiêu vô tình ngẩng đầu lên nhìn một cái cũng có thể bị xử phạt. Những thay đổi này làm cho vua chúa xa cách nhân dân, lúc nào cũng giữ một khoảng cách, nhưng dưới trướng Hoàng đế các Đại thần vẫn còn có chỗ ngồi.

Đến thế kỷ thứ X dưới triều Tống

(960- 1279) thì cái địa vị này cũng không còn nữa. Việc Tể tướng cùng ngồi với Hoàng đế để luận đạo đã vĩnh viễn mất. Cái cải cách rất nhỏ này nhưng ý nghĩa rất lớn. Nghĩa là giữa vua tôi, quan dân khoảng cách càng ngày càng lớn.

Đến thế kỷ XIV dưới triều Minh (1368 - 1644), cái nhân phẩm còn bị chà đạp đến độ không tưởng tượng được. Nhà vua đối với thần dân của mình khinh thị như cừu thù. Triều Minh này lập ra cái quan niệm “vua cha”. Vua là cha, Hoàng đế là bố của tất cả mọi người trong nước. Cái quan niệm này khi được thiết lập rồi lại sinh ra các hủ tục khác không kể xiết. Trong những thứ ấy, cái đáng sợ nhất là “đình trượng”. Từ Tể tướng đến tiểu quan, chỉ cần bị xem là phạm pháp đều có thể bị nọc ra giữa cung điện, giữa công đường, hoặc ngay tại một chỗ công

cộng, dùng gậy đánh cho đến thịt rơi máu vãi. Cái chế độ “đình trượng” kết hợp với tư tưởng “vua cha” làm cho lòng tự trọng của người Trung Quốc gần như mất hẳn, làm cho nhân cách của họ hầu như không còn gì. Cách duy nhất để giữ được lòng tự trọng là cố gắng không kêu la khi bị đánh. Để khỏi kêu la thường những viên quan kiên cường đã chà xát mặt xuống đất mạnh đến nỗi sau đó râu rụng không còn sợi nào. Thời đó, phản ứng duy nhất có thể làm được là như vậy, không có cách phản kháng nào khác.

Chúng ta thường bảo rằng dân Trung Quốc là một dân tộc có sức đồng hóa phi thường, và cho đến ngày nay vẫn đúng như vậy. Chúng ta có thể thấy bao lần trong lịch sử, sau khi chiếm được Trung Quốc, những dân tộc ngoại xâm cuối cùng cũng đều bị đồng hóa. Sớm nhất

là thời Bắc Ngụy (368 - 534), Hiếu Văn Đế Thác Bạt Hoành (Hoảng) sau khi chiếm được Trung Quốc lại sử dụng hệ thống chính trị của Trung Quốc để cải cách, canh tân. Triều Mãn Thanh cũng thế. Hai lần bị xâm lược lớn nhất này lại là hai lần thắng lợi lớn nhất của văn hóa Trung Quốc.

Nhưng ta phải chú ý điều này: Những kẻ xâm lược cố nhiên đều hấp thụ và kế thừa văn hóa Trung Quốc, nhưng lại tiếp thu cái phần kém nhất của văn hóa Trung Quốc, nên kết cục cũng chẳng ra gì. Thay vì trở nên hùng mạnh thì cả dân tộc họ lẫn dân tộc Trung Quốc lại càng suy thoái. Ví dụ như hoàng đế Bắc Ngụy là Thác Bạt Hoành tuyên bố cấm người Tiên Bi (Ty) nói tiếng Tiên Bi, nhất loạt đều dùng tiếng Trung Quốc, ngoài ra lại đổi tên họ mình thành tên họ Trung

Quốc, áp dụng chế độ cung đình phong kiến, chế độ gia thế, quý tộc Trung Quốc mà họ không hề có. Trước kia họ là dân du mục trên các thảo nguyên, đầu óc khoáng đạt. Tôn ty trật tự, khoảng cách giữa các giai tầng xã hội không lớn lắm. Những thứ tốt đẹp đó đều bị phá hoại cả.

Thính giả: – Xin hỏi “đình trượng” là thế nào?

“Đình trượng” là “đánh đít”. Người bị đánh nằm sấp, bốn hoạn quan giữ tay chân buộc chặt vào cọc, sau đó dùng bao tải trùm đầu, hai hoạn quan đề đầu sát xuống đất. Vua ra lệnh đánh 100 trượng là đánh 100. Thông thường không đánh quá 100 trượng, vì 100 là cũng đủ chết rồi. Bọn tay sai chấp hành lệnh quan sát sắc mặt vua. Nếu vua chỉ ghét thôi mà không muốn giết, thì đánh xong 100 trượng, kẻ bị đánh vẫn còn có thể sống

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

được. Nhưng nếu ý ông con trời kia lại muốn giết, thì chỉ cần ba bốn mươi trượng là đủ toi mạng.

Nói chung các quan viên hay người có chức phận khi bị đánh phải đứt lót cho bọn hoạn quan, bọn này sẽ dùng thủ pháp đánh kêu rất to, trông rất đau, máu thịt tươi bời, nhưng lại không phạm vào gân cốt, không chết người. Bọn này đều được huấn luyện đến độ có thể dùng giấy bọc một bó rơm, đánh cho rơm bên trong nát mà tờ giấy không hề rách. Ngược lại họ có thể đánh làm sao không để lại thương tích gì trên da thịt mà bên trong gân cốt đều nát bấy. Chế độ đánh đòn này làm nhân phẩm hoàn toàn bị phá sản. Thế kỷ XIV, XV tại châu Âu đã là thời Phục Hưng nhưng tại Trung Quốc, hỡi ôi! vẫn còn là thời kỳ đánh đít.

Xin quay lại vấn đề. Dân Mông Cổ

là một dân tộc rất kỳ quái, sau khi đã xâm nhập vào Trung Quốc vẫn giữ một thái độ chống đối văn hóa Trung Quốc. Trong vòng 180 năm, lúc đến thế nào thì ra đi thế ấy, không hề bị nhiễm văn hóa Trung Quốc.

Còn nhà Thanh, sau khi được thành lập lại thừa kế cấu trúc xã hội và hệ thống chính trị của triều Minh, thời kỳ hắc ám nhất, làm cho chính quyền mới đã có mầm mống bị đục ruỗng để cuối cùng không thể nào cứu vãn được nữa.

Nhân quyền bị chế độ phong kiến, xã hội phong kiến chà đạp trong một thời gian lâu dài như vậy cơ hồ chẳng còn gì. Cái ảnh hưởng của việc này rất lớn đối với người Trung Quốc, nó làm người Trung Quốc không giữ được lòng tự trọng nữa.

Cái tự trọng còn lại chẳng qua cũng chỉ là cái tinh thần tự dối mình như A Q trong truyện của Lỗ Tấn. Cái tinh thần đó và cái lòng tự trọng chân chính khác nhau một trời một vực. Ví dụ tôi đến thăm anh, thấy anh nhà cao cửa rộng, học vấn uyên bác, trong lòng tôi kính phục, hâm mộ anh. Trên đường về đáng lẽ tôi nghĩ phải cố gắng phấn đấu, làm việc, học hành để có thể được như anh. Đằng này lúc ra khỏi nhà anh tôi lại bảo: Ở nhà đẹp thế! Không biết ăn cắp hay ăn cướp ở đâu ra lắm tiền! Cầu trời cho ngày mai có đám cháy thiêu trụi cái nhà nó đi cho rồi!

Tâm lý dân tộc ta bị ức chế lâu ngày chỉ biết dùng cái tinh thần đó để tự thỏa mãn.

Điểm thứ hai:

Trong suốt 5.000 năm lịch sử, Trung Quốc chỉ có ba thời đại hoàng kim. Thời đại đầu là Xuân Thu Chiến Quốc (770 - 476 trước Công nguyên) – thời này có rất nhiều trường phái tư tưởng, nhiều lối sống khác nhau cùng xuất hiện. Thời đại thứ hai phải là đời Đường (618 - 907) – từ Đường Thái tông Lý Thế Dân đến Đường Minh Hoàng Lý Long Cơ khoảng 100 năm (650 - 756). Thời kỳ thứ ba là 100 năm đầu của nhà Thanh (1644 - 1911).

Trong 5.000 năm lịch sử Trung Quốc chỉ có ba thời đại hoàng kim này. Còn hơn 4.000 năm kia, cơ hồ mỗi năm, thậm chí mỗi ngày đều có chiến tranh.

Một học giả Tây phương đã làm thống kê chứng minh rằng từ khi nhân loại có lịch sử đến giờ, không năm nào không có chiến tranh. Hiện tượng này

đối với lịch sử Trung Quốc cũng chẳng khác.

Riêng tôi cũng đã làm qua thống kê, lại còn viết thành một bộ sơ cáo: “Lịch biên niên những thời đại chiến loạn của sử Trung Quốc” (Trung Quốc sử đại chiến loạn biên niên lịch) cho thấy ở Trung Quốc năm nào cũng có chiến tranh. Nhưng không thể đem Trung Quốc so sánh với thế giới được. Thế giới là một đơn vị quá lớn so với Trung Quốc, nhất là vào đời nhà Minh thì bản đồ Trung Quốc chỉ bằng thời Tần ở thế kỷ thứ II trước Tây lịch, nghĩa là bằng khoảng một nửa bản đồ hiện nay.

Thế mà trong một bản đồ nhỏ như thế, mỗi năm đều có chiến tranh! Chỉ căn cứ trên những chiến tranh lớn được ghi chép lại, các chiến sự nhỏ không thuộc phạm vi thống kê này, thì cũng có thể

thấy rằng loạn lạc, chiến tranh ở Trung Quốc đáng sợ vô cùng.

Khi một triều vua này thay thế một triều vua khác, cái thời kỳ quá độ đầy hỗn loạn có thể kéo dài từ 30 đến 50 năm. Từ lúc đoạt chính quyền đến lúc ổn định, lại cần khoảng 20 năm nữa. Rồi tiếp đó là cái vòng luẩn quẩn bắt đầu bằng sự thối nát của chính quyền vừa đoạt được, các lực lượng phản kháng lại trỗi dậy, rồi kéo đến những hỗn loạn lớn. Chiến tranh lại bắt đầu, rồi cái vòng trị loạn, tranh giành, chém giết cứ tiếp diễn.

Có thể nói rằng người Trung Quốc trường kỳ, thậm chí vĩnh viễn, sinh ra và lớn lên trong tham ô, hỗn loạn, chiến tranh, giết chóc, bần cùng, cho nên chẳng bao giờ có cảm giác được an toàn, lúc nào cũng hoảng hốt, lo âu.

Chúng ta có lịch sử lâu đời, lại có đất nước mệnh mông, đầu óc tất phải khoáng đạt, lớn lao, cởi mở, tự tin. Thế mà ngược lại chỉ vì bản cùng, giết chóc, đổ kỵ một cách lâu dài thành ra lòng dạ chúng ta thành hẹp hòi.

Chỉ cần ngày hôm nay có thể qua đi là được rồi, ngày mai thế nào không cần biết. Chiến tranh sẽ còn kéo dài đến mức độ nào, ai mà thấy trước được! Chiến tranh ảnh hưởng đến thủy lợi, thủy lợi bị phá hủy rồi thì đến hạn hán lớn, sau hạn hán là đến nạn châu chấu.

Những tai họa này, hạn hán, ngập lụt, châu chấu, rồi đất hoang nghìn dặm. Trong lịch sử, cái câu « Người ăn thịt lẫn nhau » không biết đã xuất hiện đến mấy chục lần hay mấy trăm lần. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta là một dân tộc có văn minh cao, sao lại có thể có cái hành vi đã

man ấy? Cũng chỉ vì những tai nạn đối với chúng ta quá nhiều, lại bị tai nạn quá lâu!

Chẳng cần nói quốc gia dân tộc gì cả, chỉ nói từng cá nhân, một con người nếu bền cùng quá lâu ngày, quá ư khổ sở, người ấy rồi đối với bất cứ sự việc gì cũng đều sinh ra cái tâm lý nghi ngờ.

Mấy hôm trước khi ra tù, một quan chức kêu tôi ra bảo: “Tôi báo cho anh một tin mừng, anh sắp được thả rồi!” Tôi nói: “Tôi chán thật thỏ lắm rồi!” Anh ta bảo: “Anh không tin tôi à? Tôi nói dối anh làm gì?” Tôi phải yêu cầu anh ta đem giấy đến cho tôi xem.

Bởi vì tôi đã từng quá tin, từng bị gạt quá nhiều, mỗi lần như vậy đều thất vọng. Một người bị nạn quá lâu có quyền không tin vào những tin tức tốt. Một dân

tộc cũng vậy. Bị đày đọa lâu ngày, mọi người cho rằng sang một triều đại mới có thể rồi sẽ như thế này, thế nọ. Kết quả gần như không có một lần nào là không hụt hẫng.

Có người hỏi: tại sao Trung Quốc không có kiến trúc lớn mà nước ngoài lại có? – Ấy là vì các kiến trúc Trung Quốc thường làm bằng gỗ, dễ bị mục. Tôi cho rằng đó không phải là câu trả lời đúng mà nguyên nhân là vì cứ sau mỗi một triều đại mới lên là chúng lại bị đem đốt đi.

Nhà Tần để lại những cung A Phòng đẹp như thế, nhưng Hạng Vũ cho rằng đó là mồ hôi nướ mắt của dân, do chính trị bạo ngược làm ra, bèn cho một mối lửa. Chỉ mấy hôm sau, Hạng Vũ lại cho xây một cung điện khác. Rồi qua mấy hôm nữa sẽ có một kẻ khác phê bình cho

rằng đây là bạo chính, là mồ hôi nước mắt nhân dân, lại thiêu rụi đi. Cứ như thế mà đi đến chỗ mãi mãi nghèo xơ xác, không có cách nào mở mang được đầu óc, xây dựng được lòng tự tôn.

Lại có câu cách ngôn “Đa nạn hưng bang” (nhiều nạn thì dựng được nước). Trước tiên chúng ta cần hiểu rằng cách ngôn thuộc về cảm tính, trong một điều kiện đặc biệt nào đó, nó là chân lý, nhưng nó không hề có tính khoa học. Nếu “nạn” mà quá nhiều thì làm cách nào “hưng bang” được? Đối với cách ngôn nhất định cần có nhận thức.

Lại lấy một ví dụ nói “Ai binh tất thắng” (Quân lính đau buồn thì sẽ thắng trận), điều này có thể không có gì là chắc chắn. Ai binh chẳng đã từng thất bại đây rầy! Một đội quân dù lớn mà rốt cuộc bị tiêu diệt, lúc đó không phải thành “ai

binh” thì là gì? Giống như khi Carthage (Các-ta-giơ ở Bắc Phi) chống lại La Mã, đến lúc cuối cùng cơ hồ cả nước đều là quân binh, có thể nói “vừa khóc vừa đánh”, kết cục vẫn bị La Mã tiêu diệt. “Ai binh” chưa chắc đã thiêng. “Nạn” mà quá nhiều chắc gì đã dựng được nước? Phải nói rằng “nạn” nhiều đúng mức, đúng thời may ra mới có thể “hưng bang” được.

Còn Trung Quốc thì sao? Dường như cái “nạn” lại quá nhiều. Cũng may là cái quá nhiều đó chưa đạt đến độ tiêu diệt cả chúng ta, nhưng cũng đã đến cái chỗ đủ nhiều để làm cho chúng ta mất cả linh tính.

Điểm thứ ba:

Chúng ta phát hiện được trong lịch sử Trung Quốc một hiện tượng kỳ quái

mà các nước khác không có, đó là chế độ khoa cử, hay gọi tắt là “Quan trường”.

Nhật Bản hấp thụ văn hóa Trung Quốc một cách toàn diện. Không cái gì Trung Quốc có mà họ không từng tiếp nhận, từ cái nhỏ như manh chiếu (Tatami), đôi guốc (Geta), đến cái lớn như chế độ, tổ chức chính trị, v.v., nhưng chỉ có một điểm mà họ không tiếp nhận, mà điểm này đã giúp họ trở thành một nước hùng cường rất nhanh chóng trong thời Minh Trị Duy Tân, đó là chế độ khoa cử.

Chế độ khoa cử Trung Quốc cũng có những tác dụng tốt, nhưng lại đẻ ra “vấn đề quan trường”. Quan trường là một cái mạng nhện kỳ quái, nhìn thì không thấy, sờ không đụng, nhưng lúc bị rơi vào rồi mới biết. Ta không thể dùng chữ Bureaucrats tiếng Anh để dịch chữ “quan liêu” trong tiếng Trung Quốc được, bởi chữ

này không lột tả hết được cái đặc trưng của nó. Quan liêu chẳng trung thành với quốc gia, lãnh tụ gì cả, chỉ tận tâm tận lực với kẻ cất nhắc nó lên làm quan. Các triều đại Trung Quốc có thể thay đổi, song quan trường vẫn thế.

Người Mãn Thanh sở dĩ thống trị được người Tây Tạng, người Mông Cổ, người Hán vì biết nhắm vào nhược điểm của các dân tộc này.

Đối với người Tây Tạng họ dùng đạo Lạt-ma, mời những tăng lữ lạt-ma đến Bắc Kinh và đối xử với họ cực kỳ cung kính.

Đối với người Mông Cổ thì họ dùng thủ đoạn hôn nhân, gả những công chúa cho những hoàng tử Mông Cổ, con cái lai sinh ra thành ra con cháu của mình, đem chúng nuôi dưỡng ở cung đình nhà

Thanh. Các vương tử đó một khi lớn lên không thể nào phản lại chú bác cô dì của chúng.

Trong khi đó công chúa Mãn Châu không bao giờ lấy người Hán. Người Mãn Châu trị người Hán bằng phương pháp khoa cử. Họ biết người Trung Quốc có cái khuyết điểm là thích làm quan. Nếu tôi cho anh cái hy vọng được làm quan thì anh có thể ngoan ngoãn đem giao ngay hết cả ý thức dân tộc lẫn phẩm giá con người.

Sở dĩ “Quan trường” có cái bộ mặt của các xã hội thần bí vì nó mang những tiêu chuẩn cư xử và những quan niệm về giá trị rất đặc thù.

Nó không trung thành với vua, vua thay thì nó vẫn làm quan. Nó cũng không sợ mất nước, nước mất, chỉ cần nó vẫn

được làm quan thì nó vẫn làm. Cái xã hội ăn chơi, phù hoa là nơi các quan ra oai, tự nhiên hình thành một hệ thống tương hỗ bao che giữa các quan với nhau - một quan hệ vô cùng phức tạp.

Quyển sách “Quan trường hiện hình ký” là một quyển sách phân tích cái cấu trúc của chế độ quan trường Trung Quốc dưới cặp mắt nghiên cứu những vấn đề xã hội. Bởi vì từ khi quan trường được thiết lập, những quan hệ giữa người với người tại Trung Quốc càng trở nên tinh xảo. Các vị ở Mỹ lâu năm có thấy rằng cái quan hệ giữa con người ở Mỹ so với Trung Quốc thì quá đơn thuần không?

Ở Trung Quốc có một câu nói: “Làm việc thì dễ, làm người thì khó!” Làm người là thế nào nhỉ? Tức là làm sao cho cái quan hệ giữa con người với nhau được tốt đẹp.

Có một vở Kinh kịch (kịch Bắc Kinh) nhan đề “Thẩm đầu thích thang” (khám đầu tìm kẻ giết ông Thang) trong đó có một quan tòa, một vị bồi thẩm và một góa phụ nhan sắc xinh đẹp mà chồng vừa bị mưu sát. Trong phiên tòa người đàn bà góa ôm một đầu người đứng khóc. Nhiệm vụ của tòa là phải xác minh xem đây là đầu của ai. Nếu đúng là đầu của chồng bà ta thì vụ án xem như có thể kết thúc. Nhưng nếu là đầu của một người khác thì vụ án này còn liên quan đến rất nhiều người, và có thể sẽ còn nhiều người khác sẽ chết. Ông bồi thẩm có ý thích người đàn bà góa trẻ đẹp này, và bà này cũng ra ám hiệu cho ông ta biết là bà ta sẽ ứng thuận tái giá với ông ấy, nên ông này một mực rằng đây là đầu của chồng bà ta. Nhưng sau khi xem chừng vụ án có vẻ xong xuôi, bà góa bèn tỏ ý không muốn lấy ông bồi thẩm

nữa. Ông này cũng lập tức quay phắt ra nhất quyết bảo cái đầu ấy lại không phải là của chồng bà ta nữa. Vở kịch này tiêu biểu cho cái phản phúc trong quan hệ quan trường của người Trung Quốc chúng ta. Đầu thật, đầu giả cho đến phút cuối cùng cũng không ai có thể biết như thế nào.

Tôi nghĩ rằng trong chúng ta nhiều người đã về làm việc ở Trung Quốc hoặc sẽ về làm việc trong tương lai, tôi tin chắc khó khăn các vị gặp phải thường không dính dáng đến bản thân công việc, mà dính đến những người cùng làm việc với các vị.

Nói ví dụ anh làm việc ở một lò nguyên tử. Anh có biết gì về nguyên tử hay không, đó là một vấn đề thuộc công việc. Nhưng sẽ rầy rà to nếu một hôm anh cần một đinh ốc cho lò phản ứng mà

người quản lý ốc vít lại nghỉ việc. Anh ta bị ốm, đương nhiên xin nghỉ, anh không thể cấm người ta ốm được. Nhưng sự thật anh ta lại không hề cảm cúm gì cả, chỉ nghỉ để đi đánh mà chược? Tại sao?

Bởi vì quan hệ giữa anh và người ấy không được tốt đẹp. Cái lò nguyên tử của anh có hoạt động được hay không, thậm chí có bị nổ tung đi nữa, cái việc ấy người đó cũng cóc cần. Nếu anh bảo nước nhà bị thiệt hại thì cũng kệ, tôi cứ việc quan tôi làm.

Đó là cái đầu óc quan trường tích lũy từ mấy nghìn năm, một chứng bệnh vẫn còn duy trì đến cuộc Bắc Phạt của quân Cách mạng Quốc dân năm 1928.

Về mặt quân sự, trong khi quân đội đánh dẹp các sứ quân ở miền Bắc, thì về mặt chính trị cái chất độc của quan

trường lại tràn xuống miền Nam. Trước kia giữa những đồng chí cách mạng tình cảm rất trong sáng, nhưng khi đã bị cuốn hút vào giới quan trường bỗng trở thành phức tạp ghê gớm, phức tạp đến độ một người lành mạnh không thể nào chịu nổi.

Cái quan hệ giữa con người với nhau trở thành một loại keo dính đến độ hễ dán vào rồi là không thể nào gỡ ra được nữa. Có ai trong các vị thấy điều đó khi về nước không?

Lấy một ví dụ khi anh về nước, bạn bè mời anh đi ăn cơm, anh dám cả gan từ chối thì tình bạn sẽ từ đó bị sổ toẹt ngay. Đó là đặc tính của quan trường, nó làm cho quan hệ con người trở nên khúc mắc ghê gớm. Tại sao lại như thế? Tại sao anh ta phải xử sự như vậy? Bởi vì

làm như thế thì cái địa vị của anh ta mới càng thêm vững chắc.

Tôi có một người bạn về Đài Loan được một người chưa hề quen mời ăn cơm. Sau khi ăn xong, người này mới nhờ anh đem dùm về Mỹ một món đồ. Người này làm ra vẻ nhờ vả rất tự nhiên, như thể bạn bè vẫn thường giúp đỡ nhau chứ không phải đánh đổi một bữa cơm để lấy chuyện đưa đồ.

Cái hiện tượng quan trường là như vậy, giống kiểu anh làm lò nguyên tử, cái lò phản ứng hạt nhân này rất nguy hiểm không phải ai cũng mó vào được. Nhưng người nọ lại cho rằng đã là bạn bè với nhau cho anh ta sờ đến một cái thì đã sao.

Thường thường một người trước khi làm quan và sau khi được làm quan là

hai loại người khác nhau. Thật ra nói như vậy không lô-gíc. Chỉ có thể nói rằng hễ cái “quan tính” của một người càng hưng thịnh thì cái nhân tính của người đó càng biến mất đi. Không còn nhân tính nữa, chỉ còn cái quan tính lúc làm quan. Cho đến một ngày tất phải về hưu, lúc đó cái nhân tính may ra mới hồi phục.

Sự tồn tại của quan trường làm cho cách làm việc tại Trung Quốc trở thành rất đặc biệt, khiến cho quỹ đạo của sự phát triển văn hóa đi lệch hướng.

Điểm thứ tư:

Tôi cho rằng Khổng Khâu (Khổng Tử) là một nhân vật vĩ đại, tri thức uyên bác, lại có một tấm lòng nhân hậu và những cống hiến lớn đối với xã hội. Cái Nho giáo do Khổng Khâu cùng những học phái Nho gia sau này lập ra đều đã

ảnh hưởng đến người Trung Quốc một cách sâu rộng, và còn ảnh hưởng ngay cả đến chúng ta ngày nay. Nhưng tinh thần nhà Nho là một tinh thần bảo thủ, nói một cách nghiêm túc hơn thì nhà Nho không những rất bảo thủ mà còn phản tiến bộ.

Chữ “Nho” này vào thời Xuân Thu Chiến Quốc chỉ được dùng theo nghĩa sử dụng trong nghi lễ cúng tế. Một nhà Nho là một người hiểu biết cái trình tự cúng tế. Gặp lúc quốc gia cần các nghi lễ mới cần loại người này đóng góp ý kiến. Bản chất loại người này vốn nệ cổ. Thời đó chưa có lễ nhạc mới, phải dùng lễ nhạc thời cổ. Để có miếng cơm nhà Nho phải giữ gìn sao cho nghề nghiệp của họ được ổn định nên sinh ra thói nệ cổ. Nếu chúng ta không dùng từ nệ cổ, sùng bái những cái cũ, vì cho rằng nó có nghĩa

xấu thì cũng phải bảo là họ rất bảo thủ.

Cái tinh thần bảo thủ này ở Trung Quốc đã trở thành một ý thức bền bỉ, làm cho xã hội mất hết sức sáng tạo, mất tập quán tự tìm hiểu, tự phê phán.

Bạn bè lúc nói chuyện về nước Mỹ (xin lỗi, tôi cứ múa búa trước cửa Lỗ Ban, tôi muốn nói chơi thôi, xin quý vị cứ nghe chơi chứ đừng tin thật!), có người nói về việc đàn áp chủng tộc, nào tàn sát dân da đỏ, ngược đãi da đen, kỳ thị da vàng. Tôi đã từng đi tham quan đảo Angel (En-giơn), đã được nhìn thấy chữ và những dòng thơ người Trung Quốc để lại nói lên những sầu thảm và đau khổ của đời họ.

Những khuyết điểm này của nước Mỹ có thật không? Dĩ nhiên là có thật, thậm chí còn hơn sự tưởng tượng của

chúng ta nữa. Nhưng chúng ta phải lưu ý thêm một vấn đề khác, đó là đối với các khuyết điểm kia họ có khả năng sửa đổi không? Tự họ có ý thức được vấn đề không? Tình hình hiện nay so với trước có khá hơn không? Nếu không thì tiền đồ của nước này chắc chắn cũng không sáng sủa gì. Nếu có thì chúng ta phải thấy rằng đây là một quốc gia vĩ đại, có một sức sống dồi dào.

Trước kia nước Mỹ có “cây treo cổ người”, bây giờ không còn nữa. Xưa kia nước Mỹ đối với tù nhân có dùng “nhà lao nước”. Bây giờ khi bắt bớ người, họ phải đọc điều thứ 9 của Hiến pháp cho người ấy. Nước Mỹ đã có những điều sai lạc, nhưng lại có năng lực sửa sai.

Nhưng dân tộc Trung Quốc chúng ta lại hoàn toàn không có năng lực này. Tình trạng nệ cổ lâu dài, không cầu tiến,

bảo thủ, đã làm cho cái năng lực này tiêu tan.

Nhìn lại lịch sử chúng ta sẽ thấy Thương Ưởng - một nhà tư tưởng đời Tần - đã dùng luật pháp biến đổi nước Tần như thế nào. Trước đó dân chúng sinh hoạt trong gia đình, bố mẹ, con cái, anh chị em, lớn nhỏ đều nằm chung trên một giường gạch lớn (cái kháng, một loại giường xây bằng gạch hoặc đất, ở dưới có bếp lửa vừa để nấu ăn vừa sưởi ấm vào mùa đông).

Thương Ưởng dạy họ cách sống văn minh bằng cách bắt bố mẹ, con cái không được ngủ chung phòng, anh trai, em gái cũng vậy. Điều này cho thấy vào thời đó chúng ta là một quốc gia man rợ và lạc hậu đến dường nào.

Thương Ưởng chẳng phải đã phát minh ra bom nguyên tử, cũng không phải đã cải cách về mặt vật chất, nhưng đã dùng pháp chế để tạo ra một chế độ mới, một xã hội mới, giáo dục con người về mặt văn hóa. Và cải cách đó của ông cơ bản đã thành công.

Thương Ưởng là người của thế kỷ thứ IV trước Tây lịch. Hơn 2.000 năm sau đó chưa có ai đột phá thêm một lần nữa, làm được những cải cách cơ bản như vậy. Cứ mỗi lần có người muốn đột phá, cuối cùng đều thân bại danh liệt, cửa nhà tan nát, tính mạng không còn. Chính số phận Thương Ưởng rồi cuối cùng cũng bị ngũ mã phân thân. Nho gia học phái thường thường vẫn lấy cái kết cục bi thảm của Thương Ưởng để răn đe những kẻ muốn cải cách và uy hiếp sự tiến bộ của người Trung Quốc.

Trong lịch sử Trung Quốc còn có một nhà cải cách lớn nữa là Vương An Thạch, một người mà đạo đức, học lực cùng sức làm việc đều không có chỗ nào có thể chê được. Nhưng những cải cách của ông toàn gặp trắc trở lớn. Trương Cư Chính cũng vậy, ông cũng gặp một kết cục thê thảm như Thương Ưởng, lúc vừa mất thì nhà bị niêm phong, con bị bỏ đói cho chết. Rồi đến cuộc cải cách năm Mậu Tuất (1898) của Khang Hữu Vi cũng chẳng khác gì, tất cả đều thất bại!

Nho gia học phái có một cách nói: “Nếu không có lợi mười phần thì không cần cải cách!” (Lợi bất thập, bất biến pháp). Đại ý muốn nói rằng nếu lợi ích không đạt 100 % thì không nên cải cách. Cái quan niệm này là một nguyên nhân lớn nhất làm cho dân tộc Trung Quốc

chúng ta không thể tiến bộ, không thể hùng mạnh được. Vì bất cứ một cái cách nào cũng không thể đem lại mười phần mười lợi ích cả. Chỉ cần đạt lợi ích lấy năm phần mười của mười phần cũng là lớn lắm rồi.

Tối hôm qua có vài vị nói chuyện về vấn đề phiên âm tiếng Hán, có người đề cập đến khuyết điểm này, có người nói đến khuyết điểm khác, nhưng trên đời này thử hỏi có cái cái cách nào mà không có khuyết điểm? Cái thì có vấn đề về mặt tình cảm, cái thì về mặt lý luận. Nếu anh muốn 100 % không có vấn đề thì trên đời này làm gì có được cái chuyện quái dị đó.

Vì tinh thần nhà Nho vốn bảo thủ nên có lần một vị hoàng đế triều Tống hỏi Tư Mã Quang: “Có nhất định cần cái cách không? Ví như cứ giữ được luật

pháp của Tiêu Hà từ triều Tây Hán mà không thay đổi gì có được không?” Tư Mã Quang đáp: “Đương nhiên là được, bởi vì có quá nhiều kẻ nông cuồng, bọn hiếu sự cứ muốn sửa đổi lằng nhằng chỉ tổ tạo dịp may cho đạo tặc hoành hành. Nếu không muốn thay đổi gì thì những phong tục tốt đẹp từ thời Nghiêu Thuấn cũng có thể giữ đến ngày nay”.

Tư Mã Quang là một kiện tướng trong giới quan trường thời bấy giờ. Cái loại sâu mọt hại nước, hại dân này là một trở lực cực lớn cho sự tiến bộ của Trung Quốc.

Lúc vừa lên Tể tướng, việc đầu tiên Tư Mã Quang làm là xóa sạch toàn bộ những luật pháp mới của Vương An Thạch, gồm cả đạo luật rõ ràng mười phần hiệu quả về cách tuyển người (Mộ dịch pháp). Tô Đông Pha và con của

Phạm Trọng Yên là Phạm Thuần Nhân đều đứng ra phản đối. Tư Mã Quang liền trở mặt ngay với họ.

Điều này cho thấy ở thời đại Bạn Cước Thạch bọn quan trường chẳng kể thị phi, chẳng nghĩ đến lợi ích nhân dân, chẳng trung thành gì với nguyên thủ quốc gia, mà chỉ trung thành với lợi ích bản thân.

Tư Mã Quang thật ra cũng chẳng phải là một nhà chính trị gì cả, bất quá chỉ là một tên quan trường dơ bản thể thôi.

Điểm thứ năm:

Vấn đề cuối cùng tôi muốn nói là cái tác hại của nạn dân số quá đông. Cứ sau các cuộc nội chiến, thay đổi triều đại là dân số nổ bùng. Thế rồi cái vòng luẩn

quần bi thảm lại bắt đầu: chiến tranh, tàn sát, tử vong.

Có người bảo cái đất Mỹ sướng quá, mức sống cao thế! Không biết các vị có chú ý một điều là dân số Mỹ chỉ có 260 triệu người. Giả sử dân số Mỹ tăng lên một tỷ người hoặc tất cả dân Trung Quốc lại dọn sang Mỹ ở thì tình hình sẽ ra sao?

Vấn đề dân số là một vấn đề nguy ngập. Nếu Trung Quốc muốn trở nên giàu mạnh tất phải liều mạng giảm dân số.

Có câu nói “Nhiều người thì làm bằng bằng, ít người thì ăn bánh mì hấp” (một loại bánh rẻ nhất). Thời xưa thì có thể như thế thật nhưng thời nay thì không. Người nhiều quá chỉ tổ thất nghiệp. Một trăm người làm chẳng bằng một cái điện não (máy vi tính).

Câu “Ít người thì ăn bánh mì hấp” là một chân lý đã lỗi thời. Thu nhập gia đình nuôi hai, ba đứa con thì còn đủ để duy trì một mức sống tương đối khá. Nhưng nếu chẳng may không để ý mà có 200 đứa, thì lấy gì mà nuôi chúng nó? Tiền ăn, ở, tiền học, tiền quần áo,... lấy đâu ra?

Trung Quốc người quá đông, nghèo khổ quá lớn, quan trường quá mạnh, cạnh tranh quá khắc nghiệt, những lý do này sinh ra nơi người Trung Quốc cái hiện tượng bản, loạn, ồn, xâu xé lẫn nhau. Người Trung Quốc có câu “Khí thế hung hang” (lại thế hung hung) để nói việc chúng ta không biết đối xử với nhau một cách có lễ độ.

Lúc tôi ở Los Angeles (Los Angeles) có người hỏi tôi cảm tưởng về nước Mỹ. Tôi bảo nước Mỹ là một nước trọng lễ

nghĩa. Lại hỏi thế Trung Quốc có phải là một nước trọng lễ nghĩa không? Tôi cho là Trung Quốc là một nước tuyệt đối không trọng lễ nghĩa. Người Trung Quốc thật thô lỗ, hầu như lúc nào cũng chuẩn bị sẵn một đòn để đánh phủ đầu đối phương.

Các vị chắc hẳn có thể thấy người Trung Quốc rất ít cười. Phải chăng vì quá nhiều hoạn nạn, đau khổ, sầu não quá lâu làm cho họ không thể cười nổi nữa? Cho nên tôi mới thấy dân Mỹ thật là rất vui sướng, ít nhất đó là nước Mỹ mà tôi gặp, tôi tiếp xúc. Một nước rất hạnh phúc, lương thiện, hay giúp đỡ người khác. So sánh với người Mỹ thì người Trung Quốc lúc nào cũng lo âu, lòng đầy những ý tưởng hận thù, chỉ sợ người khác làm cho mình thiệt hại. Trong cuộc sống lúc nào cũng lo ngay ngáy, đôi mắt

để tự vệ lúc nào cũng sẵn sàng long lên sòng sọc.

Có người nói ở Mỹ người ta kỳ thị chủng tộc. Dĩ nhiên là có, nhưng sự thật là không phải chỉ riêng ở Mỹ. Ở nước nào mà không có kỳ thị chủng tộc? Nhưng ít nhất nước Mỹ cũng còn bao dung chúng ta, không những bao dung con người mà còn dung túng cả những cái bất lịch sự, dơ bẩn, hỗn loạn, ồn ào và sự xâu xé lẫn nhau của chúng ta nữa.

Đây là những điều tôi đã “khảo sát” được khi đến Mỹ. Tôi rất tâm đắc và nói ra thành thực không dấu diếm. Còn những ưu điểm của chúng ta, không cần nhắc lại làm gì, vì có nói đi nói lại nó vẫn còn đó, không nói nó cũng chẳng đi đâu mất. Tôi chỉ nhắc đến khuyết điểm để chúng ta có thể tự phản tỉnh. Những khuyết điểm này vô cùng nghiêm trọng.

Cái hũ tương văn hóa của chúng ta chứa đựng biết bao vấn đề phức tạp. Phải làm sao bây giờ?

Tôi xin có vài ý kiến sau đây:

Những vấn đề này – nếu là vấn đề – thì đối với chúng ta cái phản ứng đầu tiên như một con người là phải tự mình tìm tòi, suy nghĩ. Từ mấy nghìn năm nay, toàn những người khác – thánh nhân, các quan lớn hoặc những loại người như thế – đã thay chúng ta suy nghĩ. Tự mình, chúng ta thấy không cần suy nghĩ hoặc không dám suy nghĩ xem nên làm thế nào mới đúng. Người Trung Quốc tựa hồ cứ như kẻ có nhu cầu luyện tập cho mình thành người ngốc đi.

Sau khi báo chí Đài Bắc đăng tin con trai tỷ phú Rockefeller (Rốc-cơ-phê-lơ) đi thám hiểm New Guinea (Tân Ghi-ne) â

bị thổ dân ăn thịt, tức thì có nhiều người bảo: “Có phúc mà không biết hưởng, mình mà như nó thì đi Ghi-nê làm khí gì!”

Khi ở Phoenix (Phê-nic) tôi trú chân lại nhà một gia đình Mỹ khoảng năm, sáu ngày. Con gái chủ nhà tên là Margaret (Ma-ga-rét), 16 tuổi đã đi Honduras (Ôn-đu-rát) để dạy cho người bản xứ hiểu được cách giữ gìn đôi mắt. Trình độ vệ sinh ở nước này còn tệ hơn ở Trung Quốc nữa, nghĩa là một nơi rất bẩn. Thế mà đúng lúc tôi ở đó thì cô ta về nhà, kể chuyện cho mẹ nghe, mặt mày hớn hớn bảo rằng sang năm cô sẽ lại đi nữa, vì cô thấy cần giúp đỡ những người nghèo và lạc hậu ở nơi đó. Mẹ cô không những đồng ý mà còn khích lệ cô.

Người Trung Quốc chúng ta có lẽ sẽ nghĩ rằng nếu là mình chắc chẳng cần

đi đến cái nơi khỉ ho cò gáy đó làm gì. Nhưng người mẹ ở nước Mỹ kia lại ca ngợi con gái mình, cho rằng con gái mình có ý thức, có lòng tốt, biết tỏ ra có thể xả thân vì người khác, và vì vậy rất lấy làm hãnh diện. Thật ra đối với tôi bà ta cũng chẳng có nhu cầu khoe khoang cái lòng tốt của cô con gái làm gì. Mà tôi cũng không thể cho cô ta làm quan hay tiền bạc gì cả. Dưới mắt của bà ta chẳng qua tôi cũng chỉ là thành viên của một dân tộc lạc hậu mà thôi. Cái động cơ trong thâm tâm người mẹ ấy chỉ là lòng chân thành.

Trong những hoàn cảnh tương tự người Trung Quốc lúc nào cũng sẽ quá thông minh. Bởi tôi nghĩ rằng trên thế giới này không dân tộc nào, kể cả dân tộc Do Thái, có thể thông minh như kiểu người Trung Quốc được. Nếu một đối

một, người Trung Quốc tất phải thắng. Nhưng nếu từ hai trở đi, người Trung Quốc không thể nào không thua, bởi tựa hồ như thiên tính của người Trung Quốc là không đoàn kết được với nhau. Ý nghĩa của đoàn kết là mỗi người đều phải hy sinh một phần quyền và lợi của mình. Ví dụ, có hai vật hình tròn muốn dính sát lại với nhau thì phải gọt ra thành hai hình vuông bé hơn một tý. Nhưng chẳng ai muốn mình bị gọt cả, chỉ muốn người khác bị gọt thôi, kết cục làm sao đoàn kết được?

Người Trung Quốc thông minh đến mức nào? Đến độ khi bị đem đến lò sát sinh, còn cố cò kè về giá cả của mình, nếu kiếm thêm được vài đồng thì chết rất hả hê.

Cái kiểu thông minh quá cỡ này nhất định sẽ thành kiểu ích kỷ quá cỡ.

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

Ở Trung Quốc người nào mà không suy nghĩ một cách ích kỷ, cư xử một cách ích kỷ đều bị chế diễu là ngu ngốc.

Người Trung Quốc không khoan dung, hễ ai có tâm địa tốt, rộng lượng với người khác, tán dương người khác đều bị chửi là đồ ngốc. Có người tát anh mà anh lại phản kháng, có người phạm pháp mà anh lại can ngăn thì anh đúng là ngốc. Hễ cứ làm một việc mạo hiểm để sau đó không thể làm quan, hoặc không thể phát tài, là mọi người đương nhiên cho anh là thằng ngốc.

Tôi cho rằng để cứu dân tộc mình, mỗi người Trung Quốc cần có ít nhiều cái ngốc đó, nếu không rồi cũng sẽ dần mòn suy đồi như dân da đỏ.

Tục ngữ có câu: “Người không ích kỷ thì trời tru đất diệt” (nhân bất tự tư,

thiên tru địa diệt), nghĩa là ai mà không ích kỷ thì bị người khác xem là không có cách gì cứu chữa được. Chúng ta không thể nào tự mình bắt đầu, không cần dựa vào chính phủ hoặc người khác mà vào chính bản thân mình để làm một vài điều mà mọi người cho là ngốc nghếch chẳng?

Để kết luận, tôi cho rằng chúng ta đừng nên làm cho cái quan hệ con người trở thành phức tạp. Phải bắt đầu bằng sự rèn luyện bản thân mình, con cái mình. Ví dụ trẻ con ở Mỹ được mẹ chúng dạy cách thu dọn, lau chùi bàn ăn, vớt rác vào thùng sau khi ăn xong. Những thứ giáo dục đó phải bắt đầu từ bản thân, bắt đầu từ tấm bé. Sự huấn luyện này phải bắt đầu như một khởi điểm cũng như một lịch trình.

Người Trung Quốc có rất nhiều đức

tính, nhưng đáng tiếc chúng chỉ ở trên sách vở. Bây giờ chúng ta mong rằng chúng sẽ xuất hiện trên hành động. Hãy thử xem chúng ta có làm nổi hay không?

Tôi xin dứt lời vì đã lạm dụng quá nhiều thì giờ của quý vị, xin thứ lỗi và xin chỉ giáo.

Phần thảo luận

Thính giả: Ông vừa nói đến chế độ phong kiến dày xéo nhân quyền, cụ thể trong thời nhà Minh. Thực ra tình hình phương Tây thì có khác gì? Tôi nghĩ văn hóa hóa Tây phương cũng trải qua những thử thách của thời đại quân chủ chuyên chế như vậy, nhưng tại sao họ lại có thể đẻ ra được quan niệm nhân quyền và chủ nghĩa tự do mà Trung Quốc cho

đến ngày nay vẫn không làm được?

Bá Dương: Rất tiếc tôi không thể trả lời vấn đề này. Cứ cho rằng chúng ta không thể hiểu được vì sao người phương Tây lại ăn bằng dao nĩa mà người Trung Quốc lại ăn bằng đũa. Văn hóa phát triển dần từng bước, hai nền văn hóa này từ thuở xa xưa không có gì dính dáng với nhau, không có khả năng ảnh hưởng lẫn nhau, mỗi cái phát triển theo mô hình riêng của nó. Sinh hoạt của từng cá nhân và vận mệnh của mỗi dân tộc thường bị những yếu tố rất lớn hoặc đôi khi rất nhỏ làm chuyển đổi phương hướng. Nhưng chúng ta lại không hiểu cái nhân tố lớn, nhỏ ấy là cái gì và ở đâu.

Thính giả: Những điều ông vừa nói làm chúng tôi cảm thấy buồn về cái thời trẻ tuổi lạc quan của chúng tôi. Tôi thuộc vào thế hệ những người lớn lên sau chiến

tranh, và từ trước đến giờ tôi vẫn cho rằng thể hệ chúng tôi từ cách suy nghĩ cho đến nếp sống xã hội đều nhất nhất không giống thể hệ đàn anh.

Nói ví dụ, hiện giờ tôi không làm quan chức gì, nhưng biết đâu có một ngày nào đó tôi lại chẳng có một chức vị, để rồi chỉ có quan tính mà mất nhân tính. Nhưng dù có rơi vào trường hợp đó, tôi tin rằng cái quan tính của tôi so sánh với quá khứ vẫn ít hơn một tý, mà nhân tính nhiều hơn một tý. Tuy nhiên hôm nay ông nói vậy, tôi lại thấy không giống cách nghĩ của tôi.

Bá Dương: Tôi nghĩ tôi chỉ nói lên sự thực lịch sử. Nhưng vì thời đại và hoàn cảnh vẫn đổi thay, giáo dục tiến triển, có thể ngày nay rồi sẽ không như thế nữa. Và lại tôi tin tưởng vào sự thành tâm của

anh và tin rằng anh sẽ làm được chuyện ấy.

Thính giả: Tôi vẫn thấy cách giải thích của ông khác tôi.

Bá Dương: Tôi cần nhấn mạnh thêm rằng cái chuyên chế chính trị ở Trung Quốc với cái chuyên chế chính trị của Tây phương về nông độ và kích thước hoàn toàn không giống nhau.

Tôi học sử phương Tây không nhiều, nhưng nếu đem so sánh thì chuyên chế Trung Quốc rất cực đoan.

Ở cung đình phương Tây chỉ quỳ một gối, trừ phi đối với thượng đế thì mới quỳ hai gối. Ở Trung Quốc không những phải quỳ cả hai gối mà còn phải khấu đầu, thậm chí đập đầu xuống đất cho kêu thành tiếng (Khải hưởng đầu).

Cuối đời nhà Thanh có câu: “Đập đầu nhiều, nói ít” (Đa khải đầu, thiểu thuyết thoại). Cái khái niệm nội tại cùng trình độ của chuyên chế Trung Quốc e rằng Tây phương không thể so sánh nổi.

Tôi được thấy một bức tranh sơn dầu vẽ Louis XIV (Lu-is XIV) của Pháp. Ông này ngồi giữa, các đại thần và hoàng hậu ngồi chung quanh. Cái cảnh này không thể nào có ở Trung Quốc được, các đại thần ở Trung Quốc nhất định phải nơm nớp lo sợ, lăm la lăm lét quỳ mọp chung quanh.

Thính giả: Xin ông cho biết ý kiến về chữ giản thể (chữ Hán đơn giản hóa, dùng ở lục địa, so với chữ cũ nhiều nét vẫn dùng ở Đài Loan).

Bá Dương: Tôi tán thành chữ giản thể, lại càng tán thành việc phải phiên

âm tiếng Trung Quốc. Tối hôm qua nhiều bạn tụ tập nói chuyện về vấn đề này, đại khái không ai nhất trí. Cái tâm lý bị bế tắc của những người phản đối chữ phiên âm cần phải được giải tỏa.

Lấy ví dụ, lúc gọi điện tôi hỏi anh họ gì? - Tôi họ Lưu! Chữ Lưu này viết thế nào có lẽ trên điện thoại khó mà giải thích cho rõ ràng được. Nếu tôi bảo anh đi tra từ điển, dĩ nhiên không phải tra được ngay, tra đến lần thứ hai, thứ ba vẫn không thấy chắc phải nổi điên lên.

Ngày xưa chúng ta trách cứ cổ văn không có dấu chấm câu, không biết ngắt câu thế nào và hiểu làm sao. Có ai đọc qua “Sử đời Nguyên” chưa? Tên Mông Cổ như mớ bòng bong, dài lòng thòng không biết là mấy người. Ngày nay tuy đã có dấu chấm câu, nhưng những khuyết

điểm lớn của cái loại chữ vuông này lại càng lộ rõ.

Vấn đề đầu tiên là tách chữ. Vì tiếng Trung Quốc có nhiều từ ghép, dù biết hết các chữ đơn ở trong câu cũng chưa chắc đã hiểu.

Sau đó là không thể phiên âm. Loại chữ vuông này thông thường chữ nào đọc riêng chữ đó, không thể dính liền âm tiết lại với nhau, nên phải phí rất nhiều sức lực để tập trung mới hiểu được ý từ những âm tiết rời rạc đó. Ví dụ tôi nói “Tôi từ Mã-lai-xi-a đến” (Ngã tòng mã lai tây á lai), ở đây chữ Malaisia phải liên âm và cách âm với chữ lai sau đó. Nếu không “Mã lai” (ngựa đến), “Tây Á lai” (Tây Á đến), và nếu có em bé nào lại lấy tên là Tây Á thì câu nói này lại thành vấn đề lớn.

Ngày nay máy chữ, điện não (máy tính điện tử) đánh nhanh biết bao, tôi chỉ sợ rằng cái thứ chữ vuông này không thể nào bắt kịp bước tiến. Tôi chỉ mơ ước có được một cái máy đánh chữ tiếng Trung Quốc để khỏi phải ngày ngày làm cái loại động vật bò lên trang giấy.

Nhưng phiên âm tiếng Trung Quốc không phải dễ, chủ yếu vì cái trở ngại tâm lý nơi chúng ta, vì chúng ta cho rằng dùng ABCD là dùng mẫu tự tiếng Anh, chữ phiên ra là tiếng Anh. Kỳ thực không phải như vậy. Chúng ta phải hiểu là chữ ABCD này là mẫu tự Trung văn. Chữ phiên ra là chữ Hoa, không đến nỗi có cảm giác nhục nhã vì bị đồng hóa. Đúng vậy, nó là tiếng Trung Quốc, tiếng Hoa chứ không phải tiếng Anh, tiếng Đức. Nếu dùng ABCD mà lại thành tiếng Anh thì người Đức, người Pháp có thể tức

chết được.

Văn tự hoàn toàn là công cụ, giống như cái xe, anh mua nó thì nó là của anh, ai mua nó thì nó là của người đó. Kỳ thực nếu chúng ta dùng văn tự phiên âm ngay hôm nay, người chết đói đầu tiên sẽ là tôi vì tôi đang dùng cái loại chữ vuông này để kiếm cơm. Nhưng tôi cảm thấy sinh mệnh của riêng mình rất ngắn ngủi, những lý do chính trị cũng rất ngắn ngủi, chỉ có văn hóa dân tộc là quan trọng, rất quan trọng. Nhất là các vị tại Mỹ, các vị có thể thấy con cháu đời thứ hai nói được tiếng Trung Quốc mà không viết được. Khó như thế thì làm sao mà dạy chúng?

Cứ như chữ Quốc (国) [nước] viết thế nào? Muốn biết nó chỉ có cách học thuộc lòng, không có phương pháp nào khác. Ngay cả lúc trẻ con gào lên: “Tôi

ghét tiếng Trung Quốc!” mà chúng ta vẫn còn chưa thức tỉnh sao? Chúng ta không thể làm cho những khó khăn trên đường tiến bước của Trung Quốc tăng thêm, không thể tự xích tay, cùm chân được.

Tại sao lại phải sống cho quá khứ, cho tổ tiên thay vì sống cho con cháu mình? Nếu chỉ vì phiên âm mà rồi không đọc được sách cổ nữa thì cũng chẳng sao. Hiện giờ chưa phiên âm mà anh đọc cũng đã chẳng hiểu rồi còn gì!

Việc quá khứ, việc tổ tiên, chúng ta có thể nhờ một số người để chuyên đi quét dọn miếu đường. Chúng ta phải vì con cháu, vì thế hệ sau này, vì tương lai của nước nhà và dân tộc. Một ngày nào đó, nếu tiếng Trung Quốc bỗng nhiên trở thành tiếng quốc tế, chắc chắn nó không thể phổ cập được trừ phi dùng phiên âm.

Hôm nay tôi nhai đi nhai lại những khuyết điểm của Trung Quốc chắc có người nghe bị mất tinh thần. Nhưng tôi thấy rằng cần như vậy, vì nếu cứ lải nhải khoe khoang những ưu điểm, đức hạnh, sự thông minh của mình, rồi sẽ chẳng còn ai tôn trọng mình nữa, vì chính mình đã không tôn trọng mình gì cả.

Các bạn nên biết, những hoạn nạn của người Trung Quốc, không phải là chỉ của riêng người Trung Quốc mà còn là của cả thế giới. Một chiếc thuyền nhỏ chìm thì không sao, một chiếc tàu lớn bị chìm có thể cuốn theo vào vòng xoáy nước của nó những chiếc thuyền nhỏ xung quanh.

Tại sao Nhật Bản lại đến xâm lược chúng ta?

Chính vì sự yếu đuối của chúng ta

đã dụ dỗ họ ra tay. Chúng ta phải tự cứu lấy mình. Điều đầu tiên để tự cứu là phải biết được những khuyết điểm của mình. Nếu không tự biết những khuyết điểm của mình thì chẳng khác gì suốt ngày chỉ nghĩ đến những chuyện đặc ý, chỉ sợ rồi cũng như Giả Bảo Ngọc (một nhân vật trong Hồng Lâu Mộng) suốt ngày luẩn quẩn với những ý tưởng dâm dật.

Thính giả: Tôi thường nghe được hai câu này – “Dĩ bất biến ứng vạn biến” (Lấy sự không thay đổi để ứng phó với mọi thay đổi), và câu “Báo thiện bất báo ưu” (Đáp lại bằng điều thiện, không đáp lại bằng sự lo buồn).

Bá Dương: Đối với câu “Dĩ bất biến ứng vạn biến” thì tôi không dám có ý kiến gì, còn câu “Báo thiện bất báo ưu” tôi cho rằng đây chỉ là một đặc trưng của giới quan trường.

Thính giả (người Mỹ): Hôm nay hình như ông chỉ nói về khuyết điểm của người Trung Quốc, tôi muốn xin ông cũng nói về những cái xấu của người Mỹ. Qua những sách ông đọc, những việc ông nhìn, ông thấy được những điều gì nước Mỹ cần phải học hỏi ở năm nghìn năm lịch sử Trung Quốc?

Bá Dương: Về những điều xấu của nước Mỹ, chính người Mỹ đã nói lên nhiều rồi, đó là chỗ tôi rất khâm phục. Vì nước Mỹ có cái khả năng tự cân đối, tự phản tỉnh và tự điều chỉnh. Tự mình có chỗ sai trái đều dám tự nói ra, tự mình có thể tiếp thu, đánh giá. Đây là những điểm mà người Trung Quốc chúng tôi không có được. Dĩ nhiên nước Mỹ không phải mười phần toàn mỹ, vì trên thế giới này chưa có gì như vậy, mà nước Mỹ nếu như vậy chỉ sợ rồi nó sẽ xơ cứng mất.

Thính giả: Lúc ở đại học tôi có đọc qua vài tác phẩm của ông, tôi rất thích cái ngòi bút châm chọc, cay chua, mỉa mai những điều không hợp lý trong xã hội. Hôm nay, được nghe ông nói về những khuyết điểm của người Trung Quốc, tôi rất cảm động mà cũng rất khổ tâm, chán nản, buồn rầu. Nhưng tôi cho rằng cũng giống như một con bệnh, nếu đã biết mình bị bệnh tất phải tìm cách cứu chữa, thuốc thang. Tôi không biết trong các tác phẩm của ông có những gì mách bảo chúng tôi làm chuyện đó? Ngoài ra tôi muốn ông nói một tý về tình hình trên văn đàn Đài Loan, giới thiệu cho chúng tôi những tác giả và những tác phẩm hay.

Bá Dương: Tôi xin nói về vấn đề thứ hai trước. Trần Ánh Chân, Vương Thập, Tam Mao, Ai Quỳnh Quỳnh, Trần Minh

Bàn, Dương Thanh toàn là những nhà văn hạng nhất. Tôi không đọc được nhiều vì ngồi tù mắt bị yếu đi, đọc chữ bé quá không được, mà sách báo Đài Loan chữ quá bé. Vấn đề này có lẽ phải xin nhà tôi đáp hộ.

Nói đến khuyết điểm, đến bệnh tình của người Trung Quốc, tôi biết các bạn rất buồn và tôi cũng rất buồn. Bởi vì trước kia tôi toàn nghe nói đến những vinh quang của Trung Quốc, như kiểu Chu Nguyên Chương là một vị anh hùng dân tộc. Sau này tôi mới khám phá ra rằng không phải vậy. Trong lúc những người khác chiến đấu với quân Mông Cổ, thì y ở tại hậu phương mở rộng địa bàn của mình, đánh triệt hậu những người khác để chiếm đất, cuối cùng cướp chính quyền, hoàn toàn tính toán cho ý đồ riêng tư, chờ cho mọi người khác đánh

xong quân Mông Cổ rồi y tọa hưởng kỳ thành.

Phát hiện được chuyện này tôi rất lấy làm chán nản. Tôi nghĩ nếu muốn phục hưng dân tộc phải bắt đầu bằng việc thừa nhận các khuyết điểm, những sai trái của mình. Nếu không thừa nhận thì làm sao cải cách được? Không cải cách thì làm sao tiến được? Thời trước mình đã không thừa nhận vì không biết phân biệt phải trái, dù có thấy khuyết điểm cũng không dám nói. Nếu có kiểm thảo thì chỉ toàn thấy những điều hay. Cho nên chúng ta toàn bị người ta bắt nạt, lúc thì người này, lúc người nọ.

Mỗi người Trung Quốc phải tự xét mình trước khi oán thán, kêu ca, trách cứ người khác. Tại Đài Bắc có cặp vợ chồng cãi nhau tìm tôi phân bua. Người chồng hùng hổ bảo: - “Vợ tôi không yêu

tôi”. Tôi nói rằng nếu muốn người khác yêu anh, điều kiện đầu tiên là tự anh phải là người khả ái. Nếu tự mình không khả ái làm sao người khác có thể yêu mình. Nếu mình muốn người khác tôn trọng, thì trước hết phải có cái điều kiện để được tôn trọng. Cái điều kiện này không thể cứ chửi bới hoặc hô khẩu hiệu là có được. Ví thử nơi này là nơi không thể tùy tiện khạc nhổ mà anh cứ khạc nhổ; tiểu tiện phải vào nhà xí, anh lại cứ ở trên đại lộ mà làm, thì hỏi rằng làm sao người ta tôn trọng anh được? Vì vậy, để được tôn trọng chúng ta phải có những điều kiện tiên quyết, phải biết chúng ta khác người ở điểm nào, phải biết cái dở của ta, cái hay của người.

Nếu anh bảo người Mỹ tốt, người ta sẽ bảo anh là sùng bái Tây phương. Sùng bái thì đã sao? Hệ tư tưởng của chúng ta

ngày nay, về kinh tế, học thuật, dân chủ, chính trị, nhân quyền có cái nào là do cha ông chúng ta truyền lại không? Chế độ xã hội, hình thái ý thức, phương thức sinh hoạt đều do từ nước ngoài đến, có cái nào là truyền thống không? Những sinh hoạt vật chất của chúng ta như xe ô-tô, máy bay, kính mắt, cách cắt tóc, cạo râu, nhà ở, v.v... đều chẳng phải do người Trung Quốc phát minh ra. Cho nên tôi thấy không phải là vấn đề sùng bái mà là vấn đề học tập. Hiện nay ở Đài Bắc người ta thích ăn gà ta, mà tôi cũng rất thích, không ai thích ăn gà tây, không ngon thành ra không ai ăn cả. Tóm lại cái gì hay thì người ta thích.

Cái tinh thần người Trung Quốc không hiểu thế nào mà hễ cứ tôn sùng Tây phương là họ nghĩ tất yếu phải nịnh bợ nước ngoài. Không hiểu vì sao lại

đưa đến cái kết luận đó? Sùng bái ở đây chẳng qua là học những ưu điểm của họ. Ví dụ có một ngày nào đó người Mỹ đều hút thuốc phiện tự sát, chẳng nhẽ chúng ta cũng lại bắt chước họ sao? Chúng ta phải có cái tiền đề là làm sao cho người ta tôn trọng mình, phải có khả năng tự tìm hiểu mình. Đó là điều kiện tối cần để dân tộc mình có thể tồn tại và phát triển.

Trách tới trách lui rồi chung quy cũng chỉ đi trách người khác thì không thể nào cứu được dân tộc. Dân da đỏ nói mãi là người da trắng giết hại họ, họ thù hận đến xương tủy, nhưng thù họ thì làm được gì? Phải tự mình mạnh lên mới được. Không tự ngoi lên được, trong tương lai có thể còn bị giết nhiều hơn nữa. Không nên trách cứ oán thán ai cả, mà phải thấy được cái sai, khuyết

điểm của mình thì mới có khả năng khá lên được.

Thính giả: Trong quyển “Những con trùng dậy sớm” ông lên án những tiểu thuyết huyền ảo, khuyên mọi người không nên xem tiểu thuyết kiếm hiệp. Trên nguyên tắc tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Nhưng Nghê-Khuông lại bảo: “Ở trên đời nếu không đọc tạp văn của Bá Dương đã là một sự mất mát lớn, nếu không xem được chuyện kiếm hiệp của Kim Dung lại là một sự mất mát lớn khác nữa”. Không hiểu ông nghĩ gì về câu nói này? Vấn đề thứ hai là nghe nói lúc ở Lục Đảo ông đọc rất nhiều sách về tướng số. Tôi cho rằng môn tướng số là một bộ phận của văn hóa Trung Quốc rất thần bí, ông nghĩ sao?

Bá Dương: Khi tôi viết quyển sách đó tôi chưa đọc tác phẩm của Kim Dung, bởi vì thời đó tiểu thuyết của Kim Dung chưa xâm nhập vào Đài Loan (từ Hồng Kông). Sau khi đọc Kim Dung rồi thì không thể đọc các loại truyện kiếm hiệp khác. Tôi đọc qua Vương Độ Lữ, Bất Tiêu Sinh và rất nhiều kiếm hiệp khác. Nhưng sau khi đọc Kim Dung rồi, thấy chẳng ai sánh kịp. Cái trình độ văn tự, cảnh ý của Kim Dung đều cực giỏi, thêm nữa tiểu thuyết kiếm hiệp của ông ta lưu hành ở nước ngoài nên ý nghĩa lại càng lớn. Nó làm mọi người say mê, giúp phổ cập hóa tiếng Trung Quốc. Ông ta viết quả là hay, bút pháp thật tài tình, đúng là không tiền khoáng hậu, tôi rất khâm phục.

Lúc ngồi tù tôi cũng đã đọc nhiều sách tướng số. Vì 12 năm vừa qua, thời

cuộc đổi thay, có khả năng tôi không kiểm được cách sinh nhai, định ra ngôi lẽ đường bốc quẻ. Tôi đọc được hơn một năm. Sau đó có người bảo tôi là một chính trị phạm không được phép làm thầy bói, cho nên tôi cũng bỏ luôn. Nói đến vận mệnh thì tôi tin là có. Các bạn trẻ thường không tin số mệnh, tôi thời trẻ cũng thế. Tăng Quốc Phiên có một lần nói với Lưu Thử Thanh rằng: “Đừng tin sách, tin số mệnh”. Lưu Thử Thanh bảo: “Lời nói đúng, truyền vận thế”. Đời người có những thứ mình không thể khống chế, nếu không dùng số mệnh để giải thích thì dùng cái gì để giải thích được? Những hiện tượng không thể điều khiển được, chúng ta gọi là vận mệnh, anh gọi là “bất vận mệnh” cũng được, miễn là đặt cho nó một cái tên. Tối hôm qua, phi cơ của Đài Bắc Viễn Đông Hàng Không bị nổ. Trước đó tôi có hay dùng

phi cơ từ Đài Bắc đi Cao Hùng để khám mắt, nhưng bình thường vẫn chỉ ngồi viết bài tại tòa soạn “Đài Loan thời báo”, còn chủ báo là Ngô Cơ Phúc và Tổng biên tập Tô Đăng Cơ rất hay đi đi về về giữa Cao Hùng và Đài Bắc bằng phi cơ, nên hiện nay tôi rất lo cho họ. Đây chỉ là một dẫn chứng. Anh có thể cho phi cơ bay được, nhưng không thể làm cho phi cơ tránh được những chuyện xảy ra ngoài ý muốn.

Thính giả: Hôm nay là lần đầu tôi được gặp ông tại nước ngoài sau những năm ông bị tù đày. Tôi có một chuyện nhỏ muốn hỏi là sau bao năm khổ ải ấy bây giờ đứng trước mọi người đây, cái tâm tình của ông như thế nào, ông có gì để nói về những gian truân ấy?

Bá Dương: Tôi cho rằng riêng tôi chẳng có gì thay đổi cả. Trong nhà lao

cái gì phải khóc thì tôi đã khóc, lúc phải cười thì tôi cũng đã cười. Có người bảo ở trong tù thì mặt ủ mày ê, đó là chưa thật ở tù. Nếu 10 năm mà lúc nào cũng sầu não thì sống thế nào được? Lúc được vui thì cứ vui, đó là cách nhìn của tôi. Nhất là đời người mà gặp hoạn nạn như tôi, thậm chí nghiêm trọng tưởng có thể bị tử hình, sau bị xử 12 năm tù.

Mười hai năm là một khoảng thời gian rất dài chả lúc nào thích ứng được. Gia đình lại xảy ra biến cố, nào vợ xa chồng, chồng xa vợ, dù hẹn biển thề non lúc này đều hoàn toàn thay đổi.

Ngoài ra lại còn tác động đến tình bè bạn, đột nhiên rất nhiều bạn đâm ra sợ tôi. Có những bạn, bình thường có thể phó thác tài sản tính mạng được, bây giờ bỗng dưng thay đổi hẳn. Có những người chẳng thân thiết gì lại nhờ vả được. Cho

nên tôi quan niệm rằng không thể khái quát hóa vấn đề này được, nó tùy theo mỗi trường hợp riêng.

Tôi ngồi tù được hai tháng thì vợ tôi bỏ tôi, chưa được hai năm sau thì chính thức ly hôn. Tôi ký giấy ly hôn gửi cho vợ tôi, cô ta hỏi còn đồ đạc của anh thì sao? Tôi hỏi đồ đạc nào? Đồ đạc trong nhà vốn tất cả là của tôi. Tôi bảo cho cô ấy toàn quyền định đoạt, những cái gì thuộc về tôi thì cứ vứt hết ra đường, vì ở Đài Loan tôi không có người thân, chẳng có chỗ nào để cất giữ.

Tôi nghĩ đây là một trường hợp cá biệt, chẳng phải người đàn bà nào cũng như vậy. Đàn ông cũng thế, cũng có người thay lòng đổi dạ, nhưng không phải tất cả đàn ông trong thiên hạ này đều như vậy.

Bạn bè thì cũng chẳng khác mấy, có bạn lại sợ tôi mượn tiền, có người thì dậu đồ bìm leo, chờ người ngã xuống giếng để ném đá theo, có người chẳng đoái hoài đến mình nữa, có người lại lên án kịch liệt, chỉ muốn tôi bị xử bắn đi cho rồi.

Cái này cũng chỉ là vài trường hợp cá biệt và cũng chỉ có dăm ba người nào đó như vậy thôi. Vẫn còn những người khác sẵn sàng giúp đỡ mình. Sự thật là như vậy.

Tôi hoàn toàn không cảm thấy bị mất mát, có mất chẳng, đó là những kẻ không phải là bè bạn.

Phần II - CÁC BÀI VIẾT

Phô bày bệnh già nua, lẩm cẩm

1. Cái Triết học bắt đầu bằng kính và sợ
2. Chỉ trừ tôi ra
3. Tại sao không có thể mưu lợi được?
4. Giữ mình là thượng sách
5. Loài động vật không biết cười
6. Nước có lẽ nghĩa
7. Ba câu nói
8. Cả nước xếp hàng

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

9. Rút cuộc là cái nước gì? (Đám cưới, đám ma, quán ăn)

10. Chẳng kể thị phi, chỉ nói đến chính đạo

11. Phố Tàu, một động quẻ nuốt tươi người Trung Quốc

12. Nói chuyện về người Trung Quốc xấu xí

13. Kiêu ngạo hão

14. Noi gương Tây phương nhưng không làm nô lệ

15. Kỳ thị chủng tộc

16. Lấy hổ thẹn làm vinh dự

CÁI TRIẾT HỌC BẮT ĐẦU BẰNG KÍNH VÀ SỢ

Năm nghìn năm văn hóa truyền thống của chúng ta lấy sự sùng bái làm nền tảng, làm cho cái quan hệ giữa người và người chỉ dựa trên sự kính sợ hơn là trên tình cảm yêu thương.

Viết đến đây thế nào cũng có người gào lên: « Còn cái chữ NHÂN của chúng ta thì sao? »

Nếu nói đến chữ NHÂN phải phân biệt rõ hai mặt. Một mặt là nếu bảo có

chữ nhân thì tất nhiên là có, nhưng chỉ có trong sách vở, mà trên hành động thì cái thành tố của nó quá nhỏ bé. Sở dĩ chúng ta hơi một tí là lòi cái chữ “nhân” này ra chỉ vì có thể dễ dàng tìm nó trong sách vở mà khó tìm được nó trong hành động. Mặt khác, chữ “nhân” tựa hồ không phải là “ái”; chữ “ái” tựa hồ không phải là “nhân”. “Nhân” là phe nắm quyền, đối với thứ dân ở dưới có một chút tình thương xót và thông cảm nên mới bố thí, ban phát cho để tỏ ra mình độ lượng, khảng khái - như cô trông trẻ đối với trẻ con ở vườn trẻ.

Sự thực là giữa người và người đầy những “cung kính” và “sợ sệt”. Có nhiều người vì kính mà thành sợ, chẳng khác nào con đối với cha. Có nhiều người vì sợ thành ra kính, giống gái đi đối với khách làng chơi, như đại thần đối với hoàng đế,

tiện dân đối với quan lại, tù nhân với cai ngục.

Anh không thấy Chu Toàn Trung tiên sinh làm cái tiết mục gì lúc hoàng đế mở quần thần đại yến sao? (ông này mưu phản mà tên Toàn Trung – nhưng không trung – lại là tên vua ban) Anh ông ta là Chu Dục tiên Sinh mắng: “Lão tam, mày làm phản như vậy không sợ diệt tộc à?”, làm cho mọi người cụt hứng bỏ ra về. Sử sách lập tức xưng tụng anh ông ta là đại đại trung thần, kỳ thật anh ông ta chỉ vì sợ “diệt tộc” mà thôi. Trong chính sử, cái loại tiết mục này nhiều lắm. Bất cứ sự kiện nào, nếu loại bỏ cái phần sợ hãi đi thì những tình cảm còn lại chả có ý nghĩa gì nữa.

Trong Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc tiên sinh viết cho Lâm Đại Ngọc nữ sĩ: “Trong lòng tôi, ngoài bà nội, cha,

mẹ tôi, thì chỉ còn có cô thôi!” Tôi bây giờ cũng đã nhiều tuổi, tôi nghĩ câu nói này là không thật. Nói rằng Giả Bảo Ngọc yêu bà nội, yêu mẹ thì không có gì là giả tạo, chứ nói yêu ông bố thì tôi e rằng vấn đề trở nên rất to tát. Vì có dùng kính hiển vi để soi toàn bộ tác phẩm cũng không thể tìm thấy được một tý vết tích nào của cái tình yêu đó, mà chỉ toàn thấy sự hãi sợ. Chỉ nghe bố gọi là Giả Bảo Ngọc đã rụng rời tay chân. Tình cảm của con đối với cha như vậy thì nơi tiềm thức chắc phải mong sao cho ông già anh ta chết phứt đi cho rồi.

Cái triết học khởi từ kính, sợ làm cho khoảng cách giữa vua và tôi, giữa quan và dân, càng ngày càng thêm xa cách. Cái tôn nghiêm của hoàng đế tất phải “lên cao đến 33 thiên đường, để lợp ngói cho Ngọc Hoàng thượng đế”. Còn thần

dân thấp hèn tất phải “chết đến 18 tầng địa ngục, thay Diêm vương đào than đá”.

Trên thế giới này chưa hề có quốc gia nào lại cần đến cái phong cách xui xẻo đến như Trung Quốc vậy.

Trích từ tập “Đập tan hũ tương”

CHỈ TRỪ TÔI RA

Cái tinh túy trong nghĩa dân chủ là “Tôi không được ngoại lệ”. Mọi người đều không được vượt đèn đỏ thì tôi cũng không được. Mọi người không được tùy tiện khạc nhổ thì tôi cũng vậy. Mọi người tán thành pháp chế thì tôi cũng không thể đòi có đặc quyền. Cái gì đã thành định chế rồi thì tôi không được phá hoại.

Nhưng cái của quý này một khi vào đến Trung Quốc rồi, thì bỗng trở thành:

Người Trung Quốc xấu xí

“Riêng tôi là ngoại lệ” (Chỉ ngã lệ ngoại).

Tôi chống việc vượt đèn đỏ, nhưng đó chỉ là chống những người khác vượt, còn riêng tôi thì tha hồ. Tôi chống việc tùy tiện nhổ đờm, nhưng chỉ đối với những người khác thôi, còn tôi thì vẫn có thể làm. Tôi tán thành chuyện mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, nhưng bản thân tôi thì không thể bình đẳng như những người khác được. Tôi tán thành việc xây dựng pháp chế, nhưng chỉ mong rằng các anh tuân thủ nó, còn tôi vì thông minh và tài trí cao như thế, không thể nào vào cái tròng đó được. Tôi đường đường một đảng như vậy mà lại không thể là một ngoại lệ, lại chịu mất mặt thì sống còn có gì thú vị nữa.

“Cái mặt” ở đây là cái gì vậy?

Người nước ngoài nghiên cứu mãi

mà vẫn không hiểu nổi nghĩa. Có người giải thích là “da mặt”, ý chỉ muốn chú ý đến bề mặt ngoài mà bỏ mặc không đếm xỉa đến nội dung thực của nó. Người thì giải thích là “cái tôn nghiêm”, ý muốn đặt cái hư vinh của nó lên trên thực chất.

Riêng phần mình, tôi cho rằng “cái mặt” có lẽ là một sản phẩm của sự suy nhược thần kinh và của tính ích kỷ đời đời bền vững. Vì thần kinh suy nhược làm cho cái lòng gian càng thêm hư hỏng, nên chỗ nào cũng phải đem cái kiêu ngạo mà bù đắp cho cái tự ti.

Vì tính ích kỷ quá bền vững, chỉ sợ không chiếm được lợi thế, nên lúc nào cũng cầu: “được riêng mình là ngoại lệ”.

Cái lòng ích kỷ con người ai cũng có, không những không thể chê trách là quá đáng mà còn có thể xem như một động

lực thúc đẩy cho xã hội tiến. Nhưng một khi nó vượt quá mức độ lại thành một con bệnh nặng, chỉ đáng khiêng đến nhà xác chờ cho nó tắt thở thôi.

Ôi! Một kế hoạch, một phương pháp, một hội nghị, một quyết sách, thậm chí một vụ kiện cũng chỉ đều là cái cớ để cho đám người tham dự vào nghĩ ngay rằng: “trong việc này mình có lợi gì không?” hoặc “ta sẽ kiếm chác được bao nhiêu tiền đây?”, nhờ nó ta “hưởng được những quyền hành gì?”, ta sẽ “có được trách nhiệm lớn hay nhỏ?”

Một câu một chữ, nhất cử nhất động đều lòng vòng trên những thứ đó. Bề trên cũng vậy, cấp dưới cũng thế. Cả anh và tôi cũng rửa, mọi người đều ôm lấy chúng đến chết cũng không buông.

Trích từ tập “Đập tan hũ tương “

TẠI SAO KHÔNG THỂ MÙU LỢI ĐƯỢC?

Ông Tôn Quang Hán cho rằng “quan niệm cũ” và cái “hũ tương” tên tuy khác nhau mà thật ra giống nhau. Nhưng tôi nghĩ hai cái này tựa hồ chỉ có một phần giống nhau. Trong quan niệm cũ cũng có cái tốt, những hành động của nó cũng có những cái rất xán lạn. Chỉ có cái quan niệm đầy giòi bọ của cái hũ tương, cho dù nó có mới hay cũ, cũng chỉ là rất sa đọa, độc ác.

Trong quan niệm cũ còn đến ngày nay, người ta coi khinh việc buôn bán, cho rằng buôn bán một cách chính đáng để kiếm tiền cũng là mất thể diện. Nó không phải không dính dáng đến chuyện làm cho văn hóa đã đi vào một bước ngoặt. Vì cái văn hóa chúng ta vốn là quang minh chính đạo, nhưng bị cái chính thể phong kiến lâu dài và các học phái Nho gia hợp lực xô đẩy cho rơi vào trong cái hũ tương kia. Ban đầu còn kêu khóc, nhưng sau thành giòi bọ rồi thì cũng chẳng kêu được nữa, ngay cả những tiếng rên rỉ rồi cũng thành yên lặng.

Học thuyết của ông Mạnh Kha (Mạnh Tử) dạy rằng: “Nói đến lợi mà làm gì, chỉ có nhân nghĩa mà thôi!” (Hà tất viết lợi, duy hữu nhân nghĩa nhi dĩ). Cái ông tổ sư không nói đến lợi này, vì ngàn vạn con giòi trong hũ tương mà

làm ra cái mặt nạ nhân nghĩa, rõ ràng đã bị bệnh tim la nặng; mặt mũi đã lở loét, nhưng một khi đeo mặt nạ lên lại hét: “Tất cả mọi người hãy xem đây, mặt ta đẹp đấy chứ?!”

Ngoài mặt có vẻ trấn tĩnh nhưng trạng thái tâm lý bên trong không yên ổn, các nhà Nho đối với thương nhân đầy khinh thị, đổ kị và tức giận. Hễ nói đến thương nhân thì họ lại gọi là “gian thương”.

Dĩ nhiên gian thương thì cũng rất nhiều, mà trong giới viên chức nhà nước cái loại sâu mọt đó cũng chẳng thiếu, nhưng chưa bao giờ nghe ai gọi bọn đó là “gian quan” cả, nhiều lắm cũng chỉ có chữ “tang quan” (quan tham nhũng), một từ mà ta nghe thấy nhiều vô cùng tận.

Nhưng những người buôn bán đàng

hoàng, hợp pháp kiếm được ít tiền, ăn ở tương đối khá một tí tức thì có ngay những kẻ nóng mặt căm thù. Còn “ba năm làm tri phủ trong sạch, có được 10 vạn quan tiền” (Tam niên thanh tri phủ, thập vạn tuyết hoa ngân) thì cái cao quý khốn nạn đó lại có thể chấp nhận được, và mọi người đều giơ ngón tay cái lên bảo: “Giỏi thật!”

Một sinh viên lớp đêm của Học viện Văn hóa Trung Quốc kể với tôi về giáo viên của anh ta là ông Phó Tông Mậu. Ông này giảng bài được học sinh rất ưa thích, không chỉ vì ông nói hay mà còn sâu sắc nữa.

Hôm đó để chấm dứt một học kỳ, ông đã đánh phủ đầu cái loại học thuyết của Nho gia thích lãi nhãi “chỉ vì nghĩa mà không vì lợi” (Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi). Ông khuyến khích sinh

viên cứ dùng những phương thức hợp pháp và chính đáng mà kiếm tiền. Ông bảo “Mưu lợi” không phải là một điều sỉ nhục, bàn về lợi lộc, tiền bạc không phải là một điều sỉ nhục, trái lại còn là một điều vinh quang.

Cái kiểu nhà Nho, mồm không nói đến lợi, đến tiền nhưng lòng dạ lại đầy ứ những quan niệm què quặt về lợi tiền, nếu không sửa đổi lại thì xã hội, cuộc sống không thể nào vươn lên được.

Người sinh viên khi thuật lại chuyện này giọng còn đầy tôn kính ông Phó Tông Mậu, mà tôi lúc nghe kể chuyện cũng vậy.

Cái dục vọng tiềm tàng trong lòng người Trung Quốc cần phải xóa bỏ kia không phải một sớm một chiều có thể tiêu tan được. Có câu rằng: “Không có gì

buồn bằng không biết xấu hổ”. Than ôi!
Vì không biết xấu hổ nên cái lòng ích kỷ
vẫn muôn đời.

Còn có một loại hiện tượng, mà
không biết độc giả có chú ý không, là
người Trung Quốc hay nói nhân ng-
hĩa, đạo đức ở cửa mồm. Miệng lưỡi thì
không ai bằng, thông minh tài trí, khả
năng phán đoán tưởng chừng nhất thiên
hạ. Nhưng vấn đề là trong muôn vạn
người chẳng gặp được ở lòng ai có chất
chứa những thứ đó. Chỉ cần trong muôn
người có một thì tất cả những thứ mơ hồ
vớ vẩn kia mới trở thành sự thật, và làm
cho cuộc đời lên hương được.

Trích từ tập “Đập tan hũ tương”

GIỮ MÌNH LÀ THƯỢNG SÁCH

Có ông thánh nói: “Biết mà không làm, không phải biết thật” (Tri nhi bất hành, bất vi chân tri). Biết và làm đều quan trọng, không kết hợp được hai cái đó với nhau thì không phải thật là biết. Hiểu được đoàn kết là sức mạnh, nhưng trong hành động lại không chịu đoàn kết thì cũng chưa thể cho là hiểu được.

Căn bệnh này không hẳn do bản tính của người Trung Quốc, mà vì mọi người

ăn phải bỏ của bọn Nho gia học phái, rồi không tiêu hóa được. Thật ra Khổng Tử trên nguyên tắc đề xướng Chủ nghĩa cá nhân hơn là Chủ nghĩa tập đoàn. Khổng Tử thường lái nhải dạy dỗ các môn đệ, những “ông thánh bậc hai”, về cái gọi là “giáo dục đại chúng”. Thật ra cái giáo dục mà ông ta nói cũng chẳng khác nào số những hạt trân châu trong các vỏ trai. Phần lớn những điều dạy bảo của ông chỉ nhắm vào giáo dục cá nhân, khuyến khích chủ nghĩa cá nhân là chính.

Lý tưởng của nhà Nho cơ bản gồm hai điều:

Một là làm sao cho đám dân thường cúi mặt, cúp đuôi, không dám ngó ngang gì đến chuyện chính trị, chuyện quốc gia đại sự, chỉ còn biết lo cho gia đình, tài sản riêng, như câu “Người khôn giữ mình” (Minh triết bảo thân), hoặc “Thức thời

mới là người tài giỏi” (Thức thời vụ giả vi tuần kiệt). Đây là một cách làm cho sức đề kháng của một con người trên phương diện xã hội càng ngày càng yếu đi.

Lý tưởng thứ hai là cầu xin kẻ nắm quyền nường tay đối với dân lành vô tội, lúc đập lên đầu họ thì đập nhẹ nhẹ một tí. Nên có chữ: “Hành nhân chính”, nghĩa là thi hành chính sách nhân đạo.

Khổng Tử có một đoạn văn nói cách tránh tai họa rất cao siêu như thế này:

“Nước bị nguy thì không nên vào, nước bị loạn thì không nên ở. Lúc thiên hạ có đạo lý thì ta xuất đầu lộ diện, lúc không có thì ta ở ẩn. Nước có đạo lý mà nghèo hèn là nhục. Nước vô đạo mà phú quý cũng là nhục” (Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư, thiên hạ hữu đạo, tắc

kiến. Vô đạo, tắc ẩn. Bang hữu đạo, bản thả tiện, sĩ dã. Bang vô đạo, hàn thả quý yên, sĩ dã).

Những điều dạy bảo này của thánh nhân thật là thông minh, rành mạch: Con người sống phải theo chiều gió, như hòn bi trơn. Chờ cho người khác bình thiên hạ xong rồi thì ta nhảy ra kiếm một chức quan. Lúc dầu sôi lửa bỏng thì ta ở nhà đánh giày cho thật trơn, và gửi vợ con đến những nơi an toàn nhất.

Đại khái để làm một nhà Nho chính thống – có thể làm hội trưởng Hội Khổng Mạnh được – là kiểu như vậy. Nghĩa là tìm cái thế lợi nhất để thích ứng, để cho bản thân được an toàn, “tắm thân nghìn vàng không ngồi trong căn nhà sắp đổ” (Thiên kim chi tử, tọa bất thùý đường). Những phần tử trí thức cho rằng không bao giờ nên đến gần một nơi mà một

viên ngói có thể rơi vào đầu.

Đối với những thói nát chính trị, những đau khổ của dân lành, mình chẳng dính vào làm gì cho mệt thân, có nhìn thấy cũng cứ tai ngơ mắt lấp cho xong. Vì nhìn thấy thường khó tránh khỏi tức giận, tức giận thường khó tránh khỏi nói toáng lên, nói toáng lên thường khó tránh khỏi bị tai vạ.

Than ôi! Trong toàn bộ giáo huấn của nhà Nho hầu như không có gì khuyến khích con người suy nghĩ hay ho, rất ít nói đến quyền lợi, nghĩa vụ, rất ít khích lệ cạnh tranh, mà chỉ muốn học trò mình, rồi lại học trò của học trò mình an phận với hiện trạng mà ung dung tự đắc. Cái gì cũng có thể làm, miễn là nó không đem đến cho mình cái gì nguy hiểm cả.

Tại sao Khổng Tử ít khen ai ngoài Nhan Hồi – cái anh chàng học trò nghèo rớt mùng tơi đó? Ông hết sức tán dương sự chịu đựng nghèo khổ của anh học trò này mà không hề tìm hiểu trách nhiệm của cái xã hội đã làm cho “ông thánh bậc nhĩ” này thành nghèo khổ đến như thế. Lại không hề nghĩ làm thế nào để cải tổ cái quần thể xã hội đó, mà chỉ dương đôi mắt mù quáng dạy đời rằng: “Nghèo cũng hạnh phúc được!”

Nếu mỗi người Trung Quốc đều hạnh phúc kiểu đó, quốc gia dân tộc chắc hẳn phải quay về thời kỳ đồ đá mà thôi!

Trích từ tập “Đập tan hũ tương”.

LOÀI ĐỘNG VẬT KHÔNG BIẾT CƯỜI

Vài năm trước có người bảo diễn viên ca múa dân tộc mặt chẳng bao giờ cười, ông bầu hơi ngạc nhiên, nhưng rồi cười đáp: – Cái màn đó gọi là “Cung nữ oán”, cung nữ đương nhiên mặt mày phải sầu khổ chứ! Nhưng sau đó diễn đến màn “Vui gặp gỡ”, “Sống lâu muôn tuổi” mặt mày các nàng vẫn ủ dột như cũ, không hiểu ông bầu kia sẽ nói thế nào?

Trước kia tôi cũng từng nghĩ rằng có lẽ cái giống da vàng sinh ra không biết cười, hoặc không thích cười. Nhưng đến Nhật Bản rồi tôi mới thấy họ cũng da vàng mà lại biết cười một cách hoan hỷ. Ngoài cô lái xe cười, các cô gái điều khiển cái thang máy đơn điệu và giống cái quan tài kia cũng biết cười; bởi vậy tôi mới giật mình. Thế là tôi lại đi tìm cái nguyên nhân làm cho mặt người Trung Quốc không cười được đó.

Có thể 100 năm nay chiến tranh liên miên, khóc đã quá nhiều, giống định luật chọn lọc tự nhiên của các nhà sinh vật học, người Trung Quốc chỉ biết học khóc mà dần quên mất cười để đối phó với thời cuộc đói khó. Bộ mặt thiếu cười của người Trung Quốc là một đe dọa cho sự nghiệp du lịch. Cái ảnh hưởng xấu nhất của nó là thái độ của người Trung Quốc

đối với người lạ. Tôi đã từng đi khắp các tỉnh Trung Quốc và thấy rằng, ngoài Bắc Kinh, không có nơi nào không có hiện tượng “bắt nạt người lạ”.

Con người là một loại động vật biết cười. Nhưng những cô y tá, những cô bán vé xe người Trung Quốc lại là một ngoại lệ. Về việc này hơn 10 năm nay mọi người đều than vãn nhưng cái bộ phận quản lý xe buýt và nhà thương quá bận về việc ăn tiền để có thể chú ý đến nó. Cứ xem tình hình này, trừ phi vứt tiền vào mặt họ, thì ngay cả ông trời cũng chẳng có thể cậy mồm họ ra cho họ cười được.

Thực ra gương mặt những cô bán hàng bây giờ hầu như cũng có khá lên đôi chút. Ngay lúc anh bước vào cửa hàng, giống như con mèo thấy con chuột vào ổ của mình, đôi mắt nhỏ của các cô nhìn về phía anh chứa đầy những dò xét

như đối với một địch thủ. Các cô bắt đầu bằng việc đánh giá áo quần của anh, và nói một câu gì đó kiểu: “Ấy, cái này đắt lắm đấy!” Nếu anh hỏi: “Còn thứ gì tốt hơn nữa không?” thì sẽ được trả lời: “Còn đắt hơn nữa đấy!”

Tôi có một người bạn, thời còn học Đại học Ngoại ngữ, đến một cửa tiệm bán hàng ủy thác nằm trước mặt Trung Sơn Đường ở Đài Bắc. Anh lấy ra một cái áo len giá tiền tương đối đắt, 500 đồng để ngắm nghía. Người chủ tiệm sau khi nhìn kỹ huy hiệu trường học ở cổ áo anh đã nói không do dự: “Lúc nào cậu tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ xong, thành thông dịch viên lương mỗi tháng ít nhất là 500 đồng cái đã. Bây giờ cậu phải tiết kiệm chú!” Kết quả đã hoàn toàn ngoài dự đoán của ông ta, vì người bạn tôi đã mua cái áo đó.

Không có gì khổ tâm cho khách hơn cái việc sau khi vào xem một vài mẫu hàng trong tiệm rồi cáo từ đi ra không mua gì. Lúc đó từ chủ tiệm cho đến người bán hàng, nếu không lườm nguýt thì cũng thì thầm chửi rửa như vừa gặp trộm cướp, thái độ đều lộ rõ bên ngoài không hề giấu diếm.

Thế mà có người bảo: “Có can hệ gì đâu! Bọn họ thấy người nước ngoài vào tiệm vẫn tươi cười đấy chứ!” Nhưng ai cũng nhận thấy rằng sau khi du lịch phát triển, người nước ngoài vào nhiều, một vài du khách ngoại quốc nghèo cũng bắt đầu xuất hiện, lúc ấy cái thói cũ kia lại trở dậy. Và cách đối xử rồi cũng chẳng có gì khác biệt giữa người nước ngoài và người bản xứ.

“Ngồi tắc-xi có máy tính tiền ở Đài Loan không cần cho buốc-boạ!”, nếu

có điều gì đáng quảng cáo rùm beng để kiểm khách du lịch thì đây là một.

Vì vấn đề cổ động cho chuyện dùng có hai giá khác nhau vẫn là một chuyện không triển khai nổi. Phàm hễ mua đồ gì ở Đài Bắc, mọi người ai cũng có chung một nỗi lo sợ gặp phải giá cả trên trời dưới đất. Lúc trả tiền thực ra mình có bị lừa hay không? Cái đó thật chỉ biết trông cậy vào may rủi.

Cho nên trước kia tôi có phát minh một định luật thế này: Để khỏi bị hớ, lúc có ý định mua tôi bắt đầu bằng cách trả một cái giá cơ bản thật thấp, mà tôi nghĩ với giá đó họ không thể nào chịu bán. Nhưng kết quả lại vẫn không như tôi mong đợi.

Hôm trước tôi đi tìm mua một va-li da, thấy một cái đế giá 300 đồng, tôi cho

rằng nó chỉ đáng 150 là cùng, chỉ có điều cái hình dạng của nó tôi không thích lắm nên chỉ trả cho có lệ là 70 đồng. Cứ tưởng nghe cái giá ấy, người bán hàng phải đi tự tử chứ làm sao bán được, không ngờ anh ta hồi hả bảo: “Được rồi, ông lấy đi!”

Ôi thôi! không biết làm sao mà nói cho được về cái thiện ý và lòng thành khẩn của người Trung Quốc đối với những khách lạ. Con đường du lịch đâu phải chỉ để du lịch mà còn là con đường để học làm người nữa.

Trích từ tập “Con lợn đẹp”

NƯỚC CÓ LỄ NGHĨA

Trình độ giáo dục của một cá nhân cùng phẩm chất của cả dân tộc hoàn toàn thể hiện ra qua những tiếp xúc giao tế bề mặt của xã hội. Các vị chắc nhớ tác phẩm tên là “Kính hoa duyên” (Truyện hoa trong gương). Đường Ngao đến “Nước quân tử”, định nghĩa nước lễ nghĩa nào là “thánh nhân truyền lại”, “dùng lễ nhạc để giáo hóa”, v.v... Kỳ thực chẳng qua ông chỉ căn cứ trên cái việc trẻ con và người già có bị lừa khi đi mua

bán hay không. “Nước quân tử” là nơi họ không bị lừa, và mỗi lần gặp một nước như vậy ông lại quỳ xuống vái.

Ở Mỹ, chuyện người già và trẻ con không bị lừa gần như là một chuyện đương nhiên. Vì không những giá tiền đều được quy định mà thái độ phục vụ cũng không có chỗ chê. Lúc chúng tôi ở Las Vegas vợ tôi có đến một cửa hiệu nhỏ tìm mua một cái áo khách [một loại áo cánh dây và dài – jacket]. Trong tiệm có một cái đề giá là 12 đô. Tiền đã trả xong, chỉ còn chờ gói hàng, lúc ấy vợ tôi mới chợt thấy dưới cánh tay áo bên phải hình như có một vết đen bé bằng hạt gạo, liền nói: “Ái dà, cái gì thế này?”

Bà già bán hàng cầm lên xem rất kỹ, và nói như xin lỗi: “Thực ra vết bẩn này có thể giặt sạch, nhưng cũng có thể không. Nếu bà vẫn đồng ý mua, tôi đi

hỏi chủ tiệm xem có thể bớt được ít tiền không?” Nói xong lật đặt lên lầu, rồi lại lật đặt chạy xuống bảo có thể bớt cho vợ tôi 2 đôla. Nghe vợ tôi kể lại chuyện này tôi hơi choáng váng.

Vốn bị người bán hàng ngược đãi đã thành thói quen, bây giờ như bỗng có một ngọn gió xuân đến làm rơi mưa xuống, tôi thật tình chỉ muốn đến mà hôn vào mồm bà bán hàng ấy một cái.

Nếu chuyện này mà xảy ra ở Đài Bắc hay Hồng Kông, có lẽ nó sẽ là một tiết mục đấu súng giữa cảnh sát và ăn cướp. Nhất định sẽ âm ỉ lên như kiểu này: nếu bà khách chết tiết kia dám cả gan bôi lông tìm vết, người bán hàng tất phải phùng mang trợn má sẵn số ngay:

“Cái gì? Nói thế nào? Đen à? Buồn cười thật! Bộ người ta không có mắt hay

sao? Dù có đen nữa đi mà ở dưới nách thì có hề hấn gì. Chẳng lẽ lúc nào cũng cứ dơ nách lên cho người ta xem à?

Muốn bới móc thì cứ nói thẳng ra. Người mua cũng còn khối kẻ thật thà chán! Bây giờ đã ngả giá rồi còn định trả hàng lại đấy chắc? Giảm giá à? Giời mà hiểu được! Lần sau có đi mua hàng thì cứ phải đếm trước hầu bao đi cái đã. Tiền không có mà cứ làm bộ như ta đây giàu lắm! Cái gì? Còn không đúng ấy à?

Người ta là con người của một nước lễ nghĩa, văn hóa truyền thống 5.000 năm, đối với khách như đối với kẻ về nhà, chẳng lẽ không thấy được điều ấy hay sao mà còn lậu bà lậu bậu như kiểu bị người ta lừa mình đấy!

Cửa hàng của người ta to thế này mà cứ trông mong vào mấy đồng xu của

các người thì có mà chết đói! Mấy cái đồ ngoại quốc nhà quê, văn hóa nông choẹt. Chẳng bố công cho người ta đi kêu cảnh sát.

Cứ nói huých toẹt ra! Mua không nổi chứ gì? Thôi! Quên đi! Đưa đây!”

Las Vegas là một thành phố cờ bạc; 99% người đến đây là du khách và 99% trong số này có lẽ chỉ đến đây thăm một hai lần trong đời họ. Nếu những kẻ bán hàng ở đây muốn lừa khách thì họ hoàn toàn chẳng phải lo ngại gì đến hậu quả của nó cả.

Thế mà họ vẫn cứ chẳng khác gì như những nơi khác trên đất Mỹ, rất thân thiết và đáng dẫn .

Trích từ “Dẫm lên đuôi nó”

BA CÂU NÓI

Cái lúng túng lớn nhất của người Trung Quốc khi mới đến Mỹ là gặp quá nhiều loại lễ nghi phức tạp của người Mỹ. Ngoài đường nhớ vô tình chạm vai vào một người khác, dù chạm thật nhẹ cơ hồ như không chắc có chạm không, là người kia đều nói: “Xin lỗi!” Nếu như đụng thật, da thịt đôi bên đều cảm thấy, thì cái câu xin lỗi ấy sẽ rất là ai oán. Còn nếu đụng mạnh vào nhau một cái rầm thì cái câu xin lỗi này sẽ trở

thành liên hồi, liên thanh khó mà chống đỡ được.

Tại Trung Quốc nếu hai người đụng nhau trên đường thì lại hoàn toàn khác. Phản ứng của đôi bên sẽ nhanh như chớp, mắt long lên, trợn trừng nhìn nhau như sắp biểu diễn một màn nhảy cao. Câu đầu tiên dùng để nói với nhau sẽ là kiểu: “Mắt mù à?” Đối thủ cũng lập tức nháy cõn lên phản công: “Ái dà! Ai mà cố ý! Đi đụng vào người ta mà lại còn không biết điều!” Người kia lại gân cổ to tiếng hơn: “Đụng vào người ta mà lại còn già mồm, không biết được giáo dục kiểu gì?” Đối thủ mồm cũng không kém: “Đụng vào thì đã chết chưa? Chắc muốn người ta quỳ xuống lạy mình chắc? Bảo người ta đụng mình à? Thế mình lại không đụng vào người khác đấy? Chính mình đi đụng vào người ta mà lại còn muốn đổ vấy cho

người!” Sự tình đến đây, người có vẻ yếu thế hơn sẽ bỏ đi, mồm lẩm bẩm chửi rủa, trong khi đó cái người có vẻ cứng mạnh hơn dơ chân múa tay, giọng điệu đe dọa khiến cho cả đám đông kéo nhau đến như thể sắp xem một đám đánh lộn.

Nếu độc giả chú ý, từ lúc đụng nhau cho đến lúc rẽ đám, chúng ta không hề nghe được một câu “xin lỗi”. Cái môn “đến chết cũng không nhận lỗi” rất tinh thông này của người Trung Quốc biểu hiện khá đầy đủ trong cái chuyện va vào nhau trên đường. Người Trung Quốc đã mất khả năng nói “xin lỗi!” Họ đều giống như những hỏa tiễn phun lửa, chỉ có cái dũng khí dựa trên sức lực để hơn thua với nhau mà thôi.

Một trong những đặc trưng của văn minh Tây phương là thừa nhận và tôn trọng sự tồn tại của người khác, cho nên

họ luôn luôn để ý, cẩn thận trong việc biểu lộ sự tôn trọng đó. Người ta dẫm lên chân mình, cố nhiên “Xin lỗi!” Thực ra chưa dẫm mà chỉ suýt dẫm lên thôi, cũng “Xin lỗi!” Ho một tiếng, cố nhiên là “Xin lỗi!” Hắt xì hơi một tiếng nhỏ cũng “Xin lỗi!” Đang lúc nói chuyện mà cần đi tiểu tiện, cố nhiên “Xin lỗi!” Đang ngồi ăn mà nhà bếp bị cháy phải đi dập lửa, cũng “Xin lỗi!”

Du khách vẫn thường thấy cảnh khi anh đang loay hoay chụp ảnh, có người vô ý đi vào giữa, cũng vội vàng “Xin lỗi!” Hầu như tất cả những người Tây phương khi họ thấy anh giơ máy ảnh lên đều dừng bước lại ngay, đứng cười, và chờ anh chụp ảnh xong mới tiếp tục đi. Nếu người chụp ảnh là đồng bào Trung Quốc, họ sẽ chẳng có phản ứng gì khi anh tránh chỗ cho họ chụp. Nhưng nếu

người chụp ảnh là người Tây phương mà anh làm như vậy thì họ nếu không nói “xin lỗi” thì cũng “cảm ơn ông nhiều”.

“Cảm ơn” và “Xin lỗi” đối với tôi rất đáng sợ. Cả hai thứ cùng ghê gớm như nhau. Ở trên thế giới này không hiểu sao người ta lại có thể lãng phí nước bọt cho hai cái câu này nhiều đến như thế. Tôi vốn là người tinh thông thập bát ban võ nghệ, tưởng có thể tránh thoát được sự bao vây của hai cái câu này khi đến Mỹ, nhưng không ngờ lại khó đến thế. Tôi càng cố tránh thì họ lại càng nói “cảm ơn ông”.

Anh chờ cho họ chụp ảnh xong mới đi qua, họ cố nhiên “cảm ơn” anh. Lúc đi mua đồ, đưa tay lấy hàng họ cũng nói “cảm ơn” với người bán hàng. Tại Trung Quốc, một khách hàng chẳng bao giờ nói cảm ơn đã đành, nhưng nếu người

bán hàng mà nói cảm ơn chắc cái trần nhà thể nào cũng phải sập vì cảm động.

Đến ngân hàng Mỹ rút tiền, các bà ngồi kết đưa tiền cho anh cũng cảm ơn. (Anh cứ thử cái việc này ở các ngân hàng của chúng ta xem, chắc chắn anh sẽ lập tức tương tự Tây phương ngay). Nếu anh vượt quá tốc độ hoặc rẽ ở chỗ cấm rẽ, cảnh sát đưa giấy phạt cho anh lại cũng nói cảm ơn. Một người bạn tôi, ông Chu Quang Khải, chở tôi đi đỗ xe; đến cổng một bãi đậu xe phải trả tiền, lúc cầm vé ông cũng lại “cảm ơn”. Tôi thắc mắc: “Này, sao anh đã trả tiền đằng hoàng chứ ông ta có để cho anh đậu không mất tiền đâu mà lại còn phải cảm ơn?” Anh ta nghĩ một lúc lâu rồi cũng không hiểu lý do tại sao. Nhưng đến lần thứ hai anh lại cũng vẫn “cảm ơn ông” làm tôi tức muốn chết.

Nhưng cái “cảm ơn ông” sâu đậm nhất đối với một người già đầu như tôi vẫn là trường hợp của cái cửa tự động. Lúc đi qua cái thứ cửa có lò xo tự động này tôi thường cứ buông tay cho nó tự đóng lại. Sau khi đến Mỹ, đương nhiên vẫn cứ làm như vậy. Bạn bè nhiều lần khuyên can:

“Ở đây là cái nước man rợ, anh đừng đem thứ văn hóa truyền thống 5.000 năm qua đây nhé. Khi nào đi qua cửa anh nhớ nhìn xem đằng sau có ai không trước khi từ từ buông cửa ra”.

Buồn cười thật, tôi qua Mỹ để du lịch chứ có phải để làm thằng gác cửa cho người khác đâu. Tôi đã từng đi qua nhiều cửa tự động hơn anh ta tưởng, cần gì để cho anh ta phải dạy tôi như vậy. Nhưng rồi tới một ngày, tôi đã hiểu cái chuyện anh muốn nói đó.

Lần ấy, sau khi đi qua cửa tôi đã buông cái cánh cửa có lò xo mạnh ấy cho nó tung ra như tôi vẫn thường làm. Sau lưng tôi bỗng có một tiếng kêu lớn của một ông già da trắng. Bạn tôi và tôi bắn cả người lên cơ hồ muốn quỳ xuống mà xin tha lỗi (Thực ra tôi muốn tìm đường rút lui một cách êm thấm, nhưng những người nghe tiếng kêu vội đến cứu ông già nhiều quá làm tôi không chuẩn được).

Cũng thật may là cánh cửa đập không làm chấn thương gì đầu óc ông cụ cả. Ông cụ nhìn mặt mũi và cách ăn mặc của chúng tôi, chắc đoán rằng đây là những nhân vật quan trọng của cái bộ lạc ăn thịt người ở Tân Ghi-nê, nên cũng chẳng thèm lý đến nữa.

Sau chuyện này người bạn mới bảo tôi: “Dù anh có chưa bao giờ anh ăn thịt

lợn thì cũng phải xem qua cách lợn chạy, cú bắt chước người Tây phương mà làm, đó là con đường yêu nước chân chính đấy!”

Trời ơi! thì ra người Tây phương mỗi khi đi qua cửa đều dùng chân giữ cửa, chờ cho những khách đi sau nối đuôi nhau đi vào trước mình. Hoặc ít nhất thì cũng quay lại giữ cửa cho đến khi người đi sau tiếp được cửa rồi, mới từ từ bỏ tay ra.

Đúng là đi một đàng học một sàng khôn. Bây giờ cái việc giữ cửa này tôi đã thuộc như cháo. Và từ đấy trở đi tôi liên tục nghe được từ cửa miệng những ông già, bà già Mỹ cái câu “cảm ơn ông” sượng cả lỗ tai.

Lúc quay lại Đài Loan tôi vẫn quen thói “tôn sung” Tây phương này. Nhưng

chỉ được ba hôm thì lại vẫn chứng nào tật nấy. Mà cái đó không phải vì ý chí của tôi yếu đuối, nhưng vì mỗi lần dừng lại cung kính giữ cửa, thì cái ông bạn da vàng ở đằng sau nhìn tôi như thể mồm anh ta đang ngậm cút khô, không thể nào nghe được một thanh âm gì giống như tiếng “cảm ơn” từ nó cả. Tôi bèn cứ thả cho cửa nó tung ra như thói quen cũ, mặc kệ mẹ cho nó đập vào mặt ai thì vào, có đập chết cũng được!

Tôi nghi rằng để có thể móc trong mồm một người Trung Quốc ra cái câu “cảm ơn ông” e rằng nếu không dùng đến cái cào cỏ năm răng của ông bạn Trư Bát Giới của chúng ta thì không thể được.

Thật ra cái câu “cảm ơn” và cái câu “xin lỗi” của người Mỹ cũng giống nhau. Chúng đã trở thành một bộ phận của

đời sống dân chủ, từ đứa bé vừa học nói, mẹ nó chùi đít cho nó, nó cũng biết nói cảm ơn. Cái đó làm cho nó hơi có khuynh hướng “lạm phát”.

Các người chắc đã từng xem cảnh ăn cướp nhà băng ở Mỹ. Một người vạm vỡ, tay cầm súng lục, bắt người đàn bà ngồi ở quầy nhét đầy tiền vào trong bị rồi ngả mũ chào: “Cảm ơn bà!” Sau đó mới rút lui. Theo tôi, thà cứ lạm phát như thế này vẫn còn hơn là bị cắt khô làm tắc họng mà chết.

Điều cần phải nói rõ hơn tý nữa về “xin lỗi” và “cảm ơn” là lúc nào chúng cũng đi liền với một nụ cười, và có thể dẫn đến một câu như kiểu: “Tôi có thể giúp đỡ được gì không?”

Tôi là một người ngân này tuổi đầu, sinh ra ở lục địa, hiện sống ở Đài Loan, từ

thâm sơn cùng cốc đến chốn thị thành, từ thôn làng đến đại học Tây phương, từ tiếng đọc e a cho đến thanh âm như sấm động, tiếng “ xin lỗi “ và “ cảm ơn “ dù hiếm hoi như lông phượng, sừng lân nhưng tôi cũng đã từng nghe qua. Chỉ có câu “ Tôi có thể giúp đỡ được gì không? « là chưa bao giờ tôi được nghe từ một lỗ mồm người Trung Quốc nào cả. Ở Mỹ, những ngày bình thường chúng tôi được bạn bè đánh xe đưa đón, oai phong lẫm liệt vênh vênh vào váo. Nhưng có một lần tôi và vợ tôi ngồi tàu điện ngầm đi từ khu sang trọng Tân Oa-xinh-ton tới Xơ-ring-phiu (Springfield). Xơ-ring-phiu là bến tàu điện cuối, từ đó chúng tôi phải lấy tắc-xi đi đến nhà người bạn mời chúng tôi ăn cơm.

Ở Mỹ, lượng xe tắc-xi nếu so sánh với tiền ở trong túi tôi lúc đó chắc còn

ít hơn nữa. Chúng tôi thấy mặt trời sắp lặn, vội vàng đôn đáo chạy đông chạy tây như hai con chó lạc nhà. Một người Mỹ trẻ nhìn thấy chúng tôi cuống quýt mới đến trước mặt hỏi han: “Tôi có thể giúp được gì cho ông bà không?” “Thế mà còn hỏi - tôi thậm nghĩ - đúng là một thằng ngốc!”

Anh ta bèn bỏ cái cặp xuống, đứng ở giữa đường, mắt nhìn bốn hướng tai nghe tám phương, cuối cùng chặn lại được một chiếc xe. Có lẽ ông lái xe tắc-xi đang trên đường về nhà ăn cơm tối nên không muốn đi, anh ta bèn phục tại cửa kính rất lâu, nói mãi, sau đó ngoắc chúng tôi lại để lên xe. Đến lúc chúng tôi vừa hoàn hồn định hỏi han tên họ thì anh ta đã bỏ đi rồi.

Thật tình nếu không có anh ta ra tay giúp đỡ hôm ấy, thì cứ cái đà đó chúng tôi chỉ có nước ngủ đêm tại nhà ga xe điện ngầm mà thôi.

Trích từ “Dẫn lên đuôi nó”

CẢ NƯỚC XẾP HÀNG

Người Mỹ là một loại người thích giúp đỡ người khác. Cái câu “Tôi có thể giúp đỡ gì được không?” hoàn toàn không phải là một câu nói đưa đẩy xã giao. Trừ ở New York và vài thành phố bến cảng khác, chỉ cần anh tỏ ra bối rối, lạc lõng một tý là y như rằng có người đến hỏi anh câu đó. Nếu anh trả lời kiểu đều: “Đúng rồi, tôi đang cần giúp đỡ đây, anh có thể cho tôi mượn 5 tỷ đô-la trong vòng 20 năm không?” thì chắc

chấn là không được. Nhưng nếu anh chỉ lạc đường thì họ sẽ không quản ngại mà chỉ bảo cho anh kỹ càng. Nếu chẳng may tiếng Anh của anh cũng cỡ tôi, nghĩa là sau khi nói hết nước miếng cũng chẳng ai hiểu gì thì họ sẽ chạy đông chạy tây lo cho anh như thể anh là một vương tôn công tử mà họ chỉ là kẻ hầu người hạ vậy.

Trước khi đi Mỹ vợ tôi bị thương ở lưng vẫn chưa lành, lúc đi phải mang theo một cái giá đỡ lưng đan bằng mây. Cái giá này đã dùng ở Đài Loan nửa năm nay nhưng không hề làm ai chú ý cả. Chỉ khi đến Mỹ rồi mới thấy hiệu quả ghê gớm của nó. Bất kỳ nơi nào đều có những người Mỹ lớn tuổi lo lắng cho cái lưng của nhà tôi, như thể không biết nó có thể gãy ra làm hai lúc nào không biết. Trên máy bay, xe hỏa, lúc nhà tôi đứng lên hay chỉ rướn mình là có người đến

bên tươi cười hỏi: “Tôi có thể giúp gì cho bà được không?” Dĩ nhiên là không được, vì nhà tôi muốn đi nhà xí, mà cái việc này đâu giám nhờ ai giúp. Chỉ tội vợ tôi cứ phải cố gắng nhịn vì sợ mình tỏ ra không biết điều với những người muốn giúp đỡ mình.

Cái quan hệ giữa những người Trung Quốc với nhau không hề có cái kiểu này, mà hoàn toàn ngược lại. Những người sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác vẫn được gọi một cách văn hoa là “kẻ hiếu sự”. Nếu giữa đường thấy chuyện bất bình mà ra tay thì nhất định bị gọi là “thích lo chuyện không đâu”. Dĩ nhiên những hành động đi ra ngoài cái lễ thói này đều bị xem là hành vi có ẩn ý nào đó. Bởi vì nếu như ở Đài Bắc giả sử anh có gục xuống thương thổ hạ tả, tôi có thể cá với anh một quan tiền rằng không ai đỡ anh dậy.

Một năm trước tôi đi xem xi-nê ở Đài Bắc với một người bạn Mỹ. Đang xem dở phim bỗng có một ông cụ tự nhiên từ ghế ngã xuống sùi bọt mép. Một lúc sau hai nhân viên rạp hát đến khiêng ông ấy đi, chắc là đem vào nhà thương. Nhưng không ngờ khi hết phim chúng tôi đi ra mới thấy ông cụ vẫn nguyên hình nguyên dạng bị vút nằm lăn lóc bên cửa ra vào trên nền đất đầy bùn. Ông cụ nằm đó chẳng khác gì người một bộ lạc bán khai nào đó vừa bị một bộ lạc khác bắt về chứ chả có vẻ gì là “con cháu của rồng thiêng” cả.

Làn sóng người cứ cuốn cuộn đi qua, không một ai dừng chân xem sự thể thế nào. Người bạn Mỹ của tôi cả kinh thốt lên: “Người Trung Quốc cũng gần như dân New York, thật lãnh đạm vô tình!”

Ông ta không nói lãnh đạm vô tình như người Mỹ, đó là cái chỗ khôn khéo của ông ta, mà lại nói “gần như” để tránh chạm vào lòng yêu nước của tôi. Nếu không, tôi có thể cho rằng ông ta châm biếm, muốn “chia rẽ tình cảm giữa chính phủ và nhân dân”.

Ông ta lại đưa New York ra để so sánh, vì đây là đại bản doanh của dân gian hồ tứ chiếng từ mọi nước tới, vẫn chưa hề quên nguồn gốc của họ. Ngay cả người Mỹ khi nói đến New York cũng quyết không nhận đây là một thành phố của họ.

Sinh ra làm người Trung Quốc, ở trên đất Trung Quốc mà muốn giúp người khác không phải là một việc dễ dàng. Tôi đã nói trắng vấn đề này ra trong quyển “Ngã vào hũ tương” rồi. Một người không có những tư tưởng và

tình cảm cao quý thì vĩnh viễn không thể tin mà cũng không thể hiểu được tại sao người khác có thể có được những thứ đó. “Những đứa hiếu sự”, “Những kẻ đi lo việc không đâu”, “có ẩn ý gì đó” là những mũi tên độc lúc nào cũng giương sẵn để bắn ngay lập tức vào người có ý định muốn giúp mình.

Một buổi tối mưa, một người quen tôi làm nghề lái tắc-xi, ông Dương Hy Phong, đã đón lên xe một cô gái ướt như chuột lột đang run lên cầm cập. Sẵn có bộ quần áo ấm của vợ ông vừa lấy từ tiệm giặt về, ông đề nghị: “Này cô! Cô có thể cởi quần áo ướt ra thay rồi lúc đến nhà trả lại cho tôi cũng được!” Cô gái nghe ông ta nói đến chuyện cởi quần áo, lập tức mắt trợn trừng, nói như hét: “Đồ dâm dục! Mà muốn tao kêu cảnh sát không?” Ông bạn tôi tức đến nổi rửa

thầm cho nó bị cảm mạo sưng phổi đi cho rồi.

Một người bạn khác của tôi là nhà giáo, một hôm trên xe buýt thấy một phụ nữ (xin lỗi lại là một phụ nữ) cầm một cái dù cán đã rơi ra sắp bị người ta dẫm lên. Anh vội vàng nhặt lên chen ra đến tận sau xe đưa cho cô ta. Nhờ trời, cô này là người tương đối có văn hóa nên không gọi ông bạn tôi là “Đồ dâm dục”, nhưng cũng không hề có một tiếng “cảm ơn”, chỉ dương đôi mắt ếch lên nhìn, mồm câm như hến.

Than ôi! Người Trung Quốc chúng ta tựa hồ như dừng lại ở giai đoạn tiến hóa của người rừng, ăn lông ở lỗ, trên người lúc nào cũng khoác một cái áo giáp như một con nhím, chỉ để lộ đôi mắt đầy ghê lạnh và nghi ngờ, lúc nào cũng dáo dác

nhìn như thể tâm hồn không hề được yên ổn.

Tôi xin trở lại vấn đề cái giá đỡ lưng của nhà tôi. Cái công dụng của nó không chỉ ở chỗ giúp cho nhà tôi gặp được bao nhiêu sự giúp đỡ của những người Mỹ ở khắp mọi nơi chúng tôi đặt chân đến, mà còn tránh cho nhà tôi việc xếp hàng.

Tôi vẫn cho rằng xếp hàng là một cái thước đo văn minh của nhân loại, và cứ xem cái trật tự xếp hàng ở một nước cũng có thể biết được trình độ văn minh của nước đó.

Tôi chỉ mới ở bên Mỹ có hai tháng mà đã muốn đề nghị: thay vì gọi “Hợp chủng quốc Mỹ” thì nên gọi là “Nước Mỹ xếp hàng”. Vì ở Mỹ tệ xếp hàng không những trở thành quá mức, mà còn trở thành một tai nạn nữa.

Không thể nào không thấy tội nghiệp cho những người Mỹ da đen, da trắng, lãng phí không biết bao nhiêu thì giờ quý báu vào việc này. Lên máy bay cũng xếp hàng. Xuống máy bay cũng xếp hàng. Mua tem cũng xếp hàng. Trả tiền, rút tiền cũng xếp hàng. Lên xe buýt cũng xếp hàng. Đi nhà xí cũng xếp hàng. Và tệ hơn nữa là đến tiệm ăn cũng phải xếp hàng.

Không phải nói dóc chứ thật tình tôi coi việc xếp hàng này chẳng ra cái quái gì. Mà không phải chỉ có mình tôi nhưng tất cả những người Trung Quốc khác cũng vậy.

Tuy nhiên, phải nói rằng xếp hàng ở Mỹ và ở Trung Quốc nội dung và hình thức đều rất khác nhau. Cũng giống kiểu cái chỗ qua đường dành riêng cho bộ hành ở Mỹ và ở Trung Quốc vậy. Ở

Trung Quốc xếp hàng chỉ là một loại học thuyết, ở Mỹ xếp hàng là một thú sinh hoạt.

Kiểu xếp hàng ở Đài Bắc có thể xem như xếp hàng một nửa. Vì lúc xếp hàng để lên xe thì xem cũng ra vẻ đấy, nhưng khi xe vừa đến thì mọi người lại ủa ra mặc sức tranh dành, mạnh được yếu thua. Trong chỗ trời long đất lở đó, các nhân vật anh hùng mở đường máu, trèo cả lên đầu lên cổ người khác để chiếm một chỗ ngồi trước mọi người. Đám tàn binh gồm những người già, kẻ yếu thì đầu bù tóc rối, chân nam đá chân xiêu, thất tha thất thểu lên xe mà không hiểu lúc này mình vừa khổ công xếp hàng để làm gì. Để cướp một chỗ ngồi hoặc vì sợ không chen được lên xe cho một đoạn đường dài thì còn hiểu được, đảng này đối với xe hỏa, xe ca, chỗ đã có đánh số,

không thể nào bay đi mất được, cũng không thể sợ đít người khác dính vào chỗ của mình đã mua, thế mà không hiểu sao người Trung Quốc vẫn còn phải ra sức chen lấn?

Người Mỹ có vẻ như biết rằng còn sống là còn phải xếp hàng, nên thái độ họ rất thanh thản trong khi làm việc đó. Người Trung Quốc vì quá đông, khi xếp hàng thường cứ xít lại nhau, mũi người này đụng gáy người kia, nhìn từ xa cứ giống như các chiến hữu rất thân mật, ôm ấp nhau kiểu “Áo chạm vào nhau nghe hỗn hển, dạt dào ngọc ẩm thấy thịt da” (Lũ y tương tiếp văn suyễn tức, mãn hoài noãn ngọc kiến cơ phu). Còn người Mỹ khi xếp hàng có vẻ thờ ơ, thừa thớt, gặp chỗ cửa xe ra vào hoặc đường đi lối lại, thì hàng có thể đứt ra trông quang cảnh rất thê lương, người nhìn thấy không thể

không lo cho vận mệnh nước Mỹ.

Lúc ở New York, tôi đi với một người bạn đến rút tiền ở một ngân hàng nổi tiếng đông khách. Tôi thầm nghĩ anh này nghe tiếng tôi ở Đài Bắc có nghệ thuật chen lấn xe buýt rất cao cường chắc muốn tôi biểu diễn một màn cho người Mỹ xem đây. Khi đến cửa, tôi đã thấy một hàng dài phía ngoài, nhưng trước mỗi quầy lại chỉ có một người đang đứng nói chuyện xì xồ. Tôi mừng quá, vội vàng lách đến đứng sau lưng một người ở một trong những quầy đó. Không ngờ anh bạn tôi liền tóm cổ tôi lôi ra như lôi một thằng kẻ cắp. Không những không xin lỗi vì cái hành vi lỗ mãng đó, anh bạn tôi còn nói một cách khó chịu: “Ông bạn, ông làm kiểu gì vậy?” Tôi gượng gạo đáp: “Làm gì đâu? Tôi xếp hàng mà! Từ lúc đến nước anh đến giờ hờ một tý là bị xét nét, bộ

xếp hàng cũng là phạm pháp à?” Anh ta đáp: “Chẳng phải là trái luật, nhưng trái quy tắc”.

Thì ra trước khi phóng được đến mỗi quầy, mọi người phải bắt đầu xếp hàng ở cái hàng phía bên ngoài cái đã. Giống như khi xét hộ chiếu ở phi trường, chưa được gọi đến thì không được tiến lên. Mà cái hàng kia đếm ra cũng phải đến năm sáu mươi người đang chờ đến lượt mình để đi đến các quầy khi được gọi.

Ôi! Nước Mỹ! Từ lập quốc đến giờ chưa được bao lâu mà các quy tắc lại quá nhiều! Lễ nghi phiền phức kiểu đó không hiểu rồi có ảnh hưởng đến sĩ khí, dân tâm không?

Còn một điều đáng sợ nhất là trước cái cửa hàng ăn lớn nhỏ cũng phải xếp hàng, điều này quả là vượt lên trên cái

phạm trù học vấn vĩ đại của tôi. Từ thời Bàn Cổ khai thiên lập địa đến giờ chưa bao giờ người Trung Quốc nghe nói đến việc cũng phải xếp hàng ở cửa hàng ăn cả.

Ở San Francisco có lần chúng tôi đến một tiệm cơm, tôi đang định xông vào tìm chỗ ngồi thì vợ tôi kéo giật ngược lại. Hóa ra ngay cả khi không có người chờ, khách vẫn cứ phải đứng đó đợi để người phục vụ dẫn vào. Nếu không có người ra dẫn chắc cũng phải đứng tại chỗ mà chết đói mất!

Cái ấn tượng mạnh nhất đối với tôi là đêm ở gần thung lũng Grand Canyon (Gờ-ran-đơ Ca-nhi-on) tại Colorado (Cô-lô-ra-đô) trong một quán ăn nhỏ mới mở. Vì đã không phải dễ gì tìm được nó mà cái quán này lại đặc biệt cho cái ân

huệ lớn là miễn xếp hàng. Nhưng khách vẫn phải đăng ký tên họ tại quầy trước, rồi đứng chờ gọi tên. Nên lúc bà phục vụ xuất hiện, mọi con mắt mong đợi đều đổ dồn về phía đó, chẳng khác nào Đức Mẹ Đồng Trinh đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn. Lời vàng ngọc của bà ta cất lên gọi tên này tên nọ, gia đình này kia, tức thì có sự reo mừng như sấm động. Có cái tập tục kiểu gì lạ như thế không?

Ở Đài Bắc tuyệt đối không thể có cái cảnh đó. Thực khách như một lũ người chết đói ào vào quán cơm, dù có rõ ràng là quán đã đầy người. Như người vào hang cọp, nhìn thấy bàn nào bát đĩa ngổn ngang là chỗ sắp ăn xong, họ liền đến vây quanh. Thực khách đang ngồi ăn nhìn thấy thế trận như vậy cũng chẳng lấy làm lạ. Họ biết những con mắt của

bọn chết đói đang nhìn mồm họ một cách giận dữ. Nhưng họ vẫn điềm nhiên không thay đổi khí thế và sắc mặt. Cuối cùng, bọn người ăn xong no nê bỏ đi, nhường chỗ cho bọn đói vừa mới đến. Bọn này chẳng bao lâu cũng lại bị vây y như lúc nãy bởi một bọn đói khác vừa mới đến đang đứng dương mắt nhìn mồm họ.

Cảnh tượng này như diễn lại đoạn phim trên đồng cỏ Phi châu: một con chó sói nghiêng đầu nhìn một con cá sấu đang ngoạm con mồi của nó.

Điều đáng tiếc là rất nhiều tiệm ăn Tàu ở Mỹ cũng bắt đầu nhiễm cái thói xấu xếp hàng này, bỏ mất cái văn hóa truyền thống “xem ăn” của chúng ta.

Ai cũng bảo nước Mỹ là một nước tự do. Theo ý tôi thì ngược lại. Ở Mỹ để được trở thành người điên anh cũng phải xếp hàng.

Trích từ “ Dẫm lên đuôi nó “

RÚT CUỘC LÀ CÁI NƯỚC GÌ?

Căn cứ trên sách vở ta ngỡ rằng Trung Quốc là một nước có lễ nghĩa, nhưng nhìn vào hành vi, thì ngược lại, chúng ta chẳng khác nào một nước man rợ. Điều tâm nguyện tối cao của tôi là mong sao Trung Quốc sớm trở thành một nước lễ nghĩa.

Nghe như thế, thấy có cái gì đó không xuôi tai, một anh bạn trợn mắt hỏi: “Theo ý anh thì Trung Quốc là một nước lễ nghĩa giả tạo à?” Tôi bảo: “Tôi

không nói thế! Ý của tôi là Trung Quốc hiện tại còn chưa có được tư cách để làm một nước lễ nghĩa giả tạo nữa, vì thật ra nó còn là một nước dã man nguyên thủy”.

Nói chưa dứt lời tôi đã phải vội vàng ấn cái ghế đầu vào đít anh, vì có vẻ như anh đang muốn ngắt xiu. Ngồi trên ghế rồi anh bắt đầu lên cơn suyễn nặng.

Lên cơn suyễn vì lòng yêu nước như anh bạn tôi thì nhiều vô cùng tận, nhưng khẩu vô bằng chứng. Bây giờ hãy để tôi đưa các vị đi tham quan xem cái man rợ đó như thế nào. Xin quý vị hãy đừng để cho cảm tính làm lu mờ óc phán đoán.

Tiết mục thứ Nhất: ĐÁM CUỐI

Ngay cả những ngôi sao màn bạc với bao lần ly hôn cũng đều phải công nhận:

kết hôn là một việc trọng đại của đời người. Nếu không, sao họ vẫn cứ phải lập đi lập lại cái chuyện này sau khi đã từ bỏ nó? Bởi vì trên con đường đời, kết hôn vẫn là một bước nhảy vọt và đột phá.

Một người con trai và một người con gái già từ hoàn cảnh, tập quán cố hữu, nhảy lên một con thuyền khác, từ đó làm thành một trung tâm gia đình riêng, cùng chèo chống con thuyền đi vào một đại dương mới lạ đầy hứng thú.

Đây là một sự thay đổi quan trọng lắm. Vì vậy, dù nghi thức truyền thống cổ lỗ của Trung Quốc hay nghi thức tôn giáo du nhập từ phương Tây, nó vẫn là một cái gì rất trang nghiêm. Trong cái trang nghiêm và hoan lạc này mọi người đều chúc mừng cho sự đổi thay.

Chả cần nói đến thời xa xưa, chỉ

trong những năm 40, các đám cưới ở nhà quê vẫn còn đúng là mười phần long trọng. Chàng rể phải đích thân đến gia đình nhà vợ để đón dâu, hoặc ngồi kiệu, hoặc ngồi xe. Về đến nhà chồng, sau ba lạy: vái trời đất, cha mẹ, vái lẫn nhau, thì hai người mới thành vợ chồng.

Ở nhà thờ cũng có những ý nghĩa tương tự. Giữa tiếng nhạc trang nghiêm, chú rể đứng chờ trước thánh đàn. Cô dâu nắm tay bố, hoặc anh, từ từ xuất hiện, rồi đi lên phía thánh đàn, nơi đó người bố hoặc anh mới trao cô dâu cho chú rể. Rồi mục sư, hoặc linh mục, nhân danh thượng đế tuyên bố hai người thành vợ chồng.

Không hiểu bắt đầu từ thời nào, đại khái sau khi nhà Thanh bị diệt vong không lâu lắm, người Trung Quốc không còn thích cách quỳ lạy cũ, lại cũng không

ưa cách quá tây của nhà thờ, họ bèn phát minh ra một thứ không giống ai, đến bây giờ vẫn còn dùng, gọi là “đám cưới văn minh”.

Hôn lễ không ra hôn lễ mà biến thành một loại phường chèo. Lễ đường cũng không phải lễ đường mà trở nên một thứ miếu đền ồn ào, náo nhiệt. Mọi người đến không phải để chúc mừng đám cưới, mà để tìm gặp bè bạn, trao đổi xã giao với những người sống trong cùng một thành phố mà hai, ba, bốn năm rồi chưa gặp mặt nhau. Phòng cưới thành ra một loại trà đình, tửu điểm.

Độ chùng nghi lễ đã xong, tức thì đám này bày mà chược, đám nọ tụ tập hàn huyên, thăm hỏi tin tức, than vãn cuộc đời, luận bàn thời cuộc, ngay cả chửi rủa người này người nọ cũng là chuyện bình thường. Tất cả là một khu-

ng cảnh ồn ào, náo nhiệt, sôi sục đến độ khi người chủ hôn đứng lên muốn nói vài câu cũng chẳng ai nghe ai được ông ta nói gì, mà ngay cả chính ông ta cũng không nghe được mình nói gì nữa.

Người mai mối thường thường phải lộ diện sớm thì bây giờ mới xuất hiện, cũng chẳng còn nhớ tên cô dâu là gì, lại quên luôn cả trách nhiệm thiêng liêng trong công tác của mình, bắt đầu nói đùa, kể chuyện nhảm nhí về việc động phòng trước mặt gia nhân thân thuộc,

Mồm miệng người này đầy những chuyện hạ lưu, đạt đến trình độ dâm dục mà nếu những người biên tập tờ báo Playboy của Mỹ có mặt ở đó cũng phải đi gọi cảnh sát đặc trách về thuần phong mỹ tục.

Mọi người lớn nhỏ dự những đám

cười như vậy đều bị dồn vào một không khí tuồng chèo. Có thể nói đó là cái chợ bán thức ăn cũng không phải là quá. Đối với hai họ, đây là một dịp để chịu đựng những điều sỉ nhục, và đối với thượng đế là lúc để khóc thương cho nhân thế.

Tiết mục thứ Hai: ĐÁM MA

Chết so với cười còn là một chuyện lớn hơn. Một người trong đời có thể kết hôn nhiều lần, nhưng chỉ có thể chết một lần. Đó là sự chấm dứt của một mạng sống, chấm dứt một cách vĩnh viễn. Vứt lại tất cả các thành tựu phấn đấu đầy gian khổ của cuộc đời, bỏ lại những người thân thuộc yêu mến nhất, buông xuôi tay ra về.

Ở nhà quan – trạm dừng cuối cùng trên hành trình cuộc sống, qua trạm này người ra đi sẽ vĩnh viễn dừng lại trong

mộ phần – bầu không khí của lễ tang không những phải trang nghiêm mà còn phải rất bi thương. Người xưa nói: “những người chịu tang rất là vui vẻ” (Tang gia đại duyệt) nghĩa là chỉ “vui vẻ” khi các nghi thức tang lễ và chôn cất đều đúng cách, chứ không phải vui vì người đó chết; và như thế là tốt, là hay!

Thế mà ngày nay trong việc ma chay thường hay thấy một hiện tượng mới: Khách tang vào đến cửa đầu tiên đến nghiêng mình trước linh cữu. Gia thuộc người quá cố quỳ phục bên cạnh linh cữu, lúc bi thương đều có tiếng khóc; nhất là mẹ già, con dại, cô nhi, quả phụ tiếng khóc nghe lại càng đứt ruột. Nhưng khi tiếng khóc của gia đình người chết vẫn chưa dứt thì ông khách tang này đã phóng ngay lại chỗ một người khách khác, vẻ hể hả: “Ái dà! Ông bạn, lâu ngày quá không

gặp. Trông mặt anh đạo này có vẻ phú ông đấy, chắc hẳn quên hết cả bạn bè cũ rồi!” Người kia cũng vui vẻ đáp lại: “Tôi đang đi tìm anh đây! Toàn bị những thứ hiếu hỉ ma chay khỉ gió thế này nó hành. Nào đi đi, ta đi tìm chỗ tán gẫu cái đã”. Vừa ra đến cửa thì đằng trước lù lù một nhân vật tiến vào. Hai con động vật máu lạnh kia lật đật cong lưng xuống: “Chào ngài Bộ trưởng! Dạ ngài vẫn mạnh giỏi chứ ạ?” Ông Bộ trưởng gật đầu cười, vừa bắt tay vừa đi vào. Hai con động vật máu lạnh kia liền thay đổi ý định, bèn theo bén gót đằng sau, mặt mày hớn hở.

Thế là tang khách quây cả lại, ầm ĩ lên. Nhà lễ tang bỗng chốc đã biến thành một thứ câu lạc bộ xã giao. Kỳ thực, nếu ông Bộ trưởng kia không đến chẳng nữa thì tang lễ cũng trở thành một bản sao của cái loại “đám cưới văn minh” đã nói

trên. Nghĩa là khách tang hầu như trong lòng chẳng có một tý tâm tình gì gọi là xót xa thương tiếc người đã khuất, bất quá chỉ như người đi vãn cảnh miếu đền.

Sự thực, ngay ở nơi quàn xác chết hiển nhiên cũng đã thành chỗ kết bè, kết đảng, lại đương nhiên thành chỗ “xa nhà gặp người quen” thì nét mặt tự nhiên phải tươi cười rạng rỡ. Chẳng trách người Tây phương trách người Trung Quốc là quá lãnh đạm và tàn khốc.

Than ôi! Chỗ quàn xác, nơi cô nhi quả phụ đau lòng, nơi thượng đế cũng đau lòng!

Tiết mục thứ Ba: QUÁN ĂN

Quán ăn Trung Quốc là một nơi đầy nghi lễ. Có thể nói tinh hoa của những nghi lễ ăn uống này tập trung toàn bộ

trong hai cuộc chiến bắt buộc. Cuộc chiến thứ nhất là “Cuộc chiến tránh chỗ ngồi”.

Tại một bàn tiệc thông thường vẫn có một chủ tọa – một loại khách danh dự – thường là một người có chức vị hoặc giàu sang. Nhưng cái ghế chủ tịch này dường như là nơi có rắn độc ẩn núp, nên người được chọn nhất định tránh không chịu ngồi. Thấy người khách danh dự như vậy, tức thì những người khách khác cùng với chủ nhân hè nhau lại lôi kéo, reo hò, quát tháo. Có khi người này mặc dù sùi cả bọt mép ra vẫn khăng khăng không chịu.

Có kẻ thì nhanh mắt, nhanh tay, áp dụng kiểu “tiên hạ thủ vi cường”, nghĩa là cứ đặt đít ngồi ngay xuống bất cứ chỗ nào đó, rồi tuyên bố: “Đây là chỗ chủ tịch rồi!” Thế là mấy người kia không

còn cách nào khác đành chịu thua ầm ỨC NGỒI XUỐNG. Lúc chủ tọa đã yên vị, lại đến chỗ ngồi ở ghế thứ nhì, thứ ba, thứ tư,... cứ mỗi lần như thế lại hò hét náo động cả đến mười hoặc hai, ba mươi phút trước khi bụi bặm lắng xuống.

Không cần kể các chuyện rườm rà như người chúc rượu, kẻ tiếp thức ăn, một trường hỗn chiến trong bàn tiệc có thể làm cho thực khách đều mệt chết đi được, mà hãy nói đến hồi tan tiệc – mọi người ra về – lúc này cái trận chiến thứ hai mới bộc phát. Đó là “Cuộc chiến tránh cửa”.

Mọi người giờ đây giống một đàn chim cánh cụt chen chúc nhau trước cửa, chẳng khác nào ở ngoài đường là cạm bẫy nguy hiểm khôn lường, chỉ cần bước thêm một bước sẽ rơi vào mồm lang sói. Thế là chẳng ai chịu đi, ngay cả

người ngồi ghế chủ tọa dù có bị đuổi ra khỏi hội cũng nhất định không ra trước. Thế là lại cãi nhau ỏm tỏi. Và cuối cùng mặc dù cố giãy dụa người chủ tọa vẫn bị cả bọn tổng cổ ra ngoài. Người này nếu già yếu, không đứng vững còn có thể bị bọn người xô đẩy ra kia đập cả lên đầu.

Đây chỉ là những thứ hai năm rồ mười trong số những thứ khác cũng táng đờm kinh hồn không kém của cái “văn minh” Trung Quốc.

Trích từ “Những con trùng dậy sớm”

CHẲNG KỂ THỊ PHI, CHỈ NÓI ĐẾN CHÍNH ĐẠO

Cái nét chính của Chủ nghĩa thể lợi là không phân biệt phải trái. Vì phải trái dưới con mắt thể lợi hoàn toàn tùy thuộc vào thể lực và tài sản.

Có người bạn kể tôi nghe một chuyện ở quê anh miền Chiết Giang. Bà con anh có một người trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật in tiền giả vùng địch chiếm để dùng vào việc mua vũ khí đạn dược cho quân du kích.

Chẳng may anh này bị địch bắt và đem xử bắn vào cái đêm trước khi thắng lợi một hôm. Khi tin anh bị giết loan về làng, những kẻ gọi là chính nhân quân tử không ai không lắc đầu than:

“Thằng bé đó thật là tốt, không hiểu sao không sống đảng hoàng. Nếu nó chịu đi con đường chính đạo thì đã không ra nông nổi ấy!”

Đó là cách đánh giá trong thâm tâm của người Trung Quốc đối với một vị anh hùng chống giặc cứu nước. Mặc dù trong lòng đầy thương xót, nhưng họ lại bảo: “không sống đảng hoàng”, “không chịu đi con đường chính đạo”, tức là hoàn toàn không những không hề có một ý gì kính trọng cả, mà còn là một sự thờ ơ, tàn nhẫn nữa.

Trong cái “hũ tương” văn hóa Trung

Quốc, chỉ có phú quý, công danh, tài lộc mới được gọi là “con đường ngay thẳng”. Còn những hành động không mang đến công danh phú quý thì toàn là những thứ “không đảng hoàng” và không phải là “chính đạo”.

Thật chẳng còn một tí nào nhân tính, chẳng còn tiêu chuẩn phải trái gì nữa. Tất cả hoàn toàn đảo lộn. Sự khác biệt giữa con người và súc vật hầu như cũng không còn.

Cái duy nhất còn lại – ghê gớm nhất – là con mắt thế lợi mà thôi.

Trích từ tập “Đập tan hũ tương”

PHỐ TÀU - MỘT ĐỘNG QUÝ NUỐT TƯƠI NGƯỜI TRUNG QUỐC

Da số người Trung Quốc đều cố gắng “không mất gốc”, nghĩa là tích cực chia rẽ, xâu xé nhau. Bất kỳ ở góc biển chân trời nào hễ có người Trung Quốc là có can xé lẫn nhau.

Nghe nói tại nước Mỹ có một cơ quan chuyên nghiên cứu những đặc tính này để tìm hiểu tại sao người Trung Quốc đối với người da trắng lại rất tử tế mà

đối với đồng bào mình lúc nào cũng chỉ như chực muốn giết lẫn nhau.

Từ khi những bang hội ma-phia trẻ Trung Quốc nổi lên hoành hành trong các quán cơm Tàu, nhiều quán đã phải chi những món tiền lớn để mời một người da trắng đến gác két tiền, như kiểu một loại bùa trừ tà. Chẳng bao lâu sau những băng đảng này không thấy xuất hiện nữa. Đó là nói về giới vô học.

Còn giới trí thức – đặc biệt là số người Trung Quốc có học vị tại các trường đại học Mỹ – giống như gừng càng già càng cay – tự nhiên họ phải biểu hiện cái đặc tính này một cách tài ba hơn. Cùng dạy tại một trường đại học, lại cùng là người Trung Quốc đáng lẽ họ phải tương thân tương trợ, hòa thuận với nhau. Nhưng khi chứng kiến tận mắt tôi mới thấy được là không phải như vậy.

“Những chuyên gia về học ‘kiêm’ học về chuyên gia” đó nếu thuyết trình hoặc giảng dạy về vấn đề đoàn kết thì có thể hay ho đến thượng đế cũng có thể khóc được. Nhưng trên thực tế chẳng lúc nào họ muốn đội trời chung với nhau. Ví dụ: giáo sư A mời tôi đi quán nhưng quyết không mời giáo sư B tham gia. Ông giáo sư C nghe nói tôi ngủ nhà ông giáo sư D, tức khắc thanh minh không muốn kết bạn với cái loại người trục lợi như tôi. Tôi rời nhà ông E, định nhờ ông ấy chở giúp đến nhà ông F, thì ông E nói: “Anh bảo thế nào? Gặp thằng đó à? Thôi, anh đi bộ cho nó khỏe nhé!”

Các phố Tàu trên thế giới đã thành những động quỹ nuốt tươi người Trung Quốc, thành nơi chứa chấp vô số người ở chui không giấy tờ. Ở đó, trẻ con hoặc các bà già nhiều khi không có cách nào

ngoài cách làm việc trong các xưởng quần áo lậu với đồng lương không đủ húp cháo cầm hơi, chẳng khác gì những nô lệ da đen thuở nào. Họ chôn vùi cuộc đời trong những xưởng đó mà chẳng ai nghe được tiếng kêu than. Dù có cơ hội để kêu khóc nhiều khi họ cũng không dám. Những xưởng may lậu này thường chỉ nhắm bóc lột người Trung Quốc chứ không hề dám đụng đến người da trắng.

Những người Trung Quốc trong giới học đường và guồng máy chính phủ cũng không là một ngoại lệ. Nếu sếp của anh là người Trung Quốc thì anh hãy coi chừng. Không những anh có thể quên cái việc thăng tiến đi, mà nếu có chuyện thái người thì anh sẽ là kẻ đầu tiên phải cuốn gói. Bởi vì sếp anh phải chứng minh cho người da trắng cấp trên thấy anh ta không thiên vị, rất chí công vô tư.

Nhưng sự thực cái óc “tư” của anh ta nếu đem nhét vào con thoi không gian cũng không đủ chỗ chứa. Để làm vừa lòng ông chủ da trắng, anh ta không ngần ngại mổ thịt một đồng bào, bước lên cái thi thể đó như một bàn đạp mà tiến thân.

Người Trung Quốc vì đầu óc hãi sợ truyền kiếp nên sẽ vĩnh viễn bị lừa bịp, bắt nạt. Giống chuyện một phụ nữ Trung Quốc ở Mỹ kể cho tôi nghe hai năm rưỡi mười những đau khổ của bà trong vụ bị người ta lừa tiền một vỏ nặng. Thế mà lúc tôi đề nghị đem chuyện đó viết lên báo, thì bà thất sắc, vừa khóc vừa bảo: “Ông ơi! Ông ở tận bên Đài Bắc, đối với bọn chó săn đó thì không có gì phải lo. Nhưng em tôi đang ở Xan Phrăng-xít-x-cô. Ông hại nó mất. Ông đúng là cái thằng chuyên gây ra tai họa thôi!” Nói xong bà chùi nước mắt nước mũi lên người tôi

và bắt tôi thể nếu viết gì về bà thì sẽ chết đuối ngay trong cái cốc nước trà.

Than ôi! Trong thế giới này chỉ có cái thiên tính nhu nhược của người Trung Quốc mới không dám can cứ trên lý lẽ để đấu tranh. Nếu có một vài người dám làm vậy thì những con giòi trong hũ tương cho rằng đấy là những phần tử cực đoan không an phận.

Mọi người đều sống theo cái kiểu: “Thôi! Bỏ qua! Bỏ qua đi! Cái gì đã qua thì cứ để nó qua, quá khứ thì hãy để cho nó là quá khứ!” Rồi chờ đến lúc Ngọc Hoàng thượng đế đột nhiên mở mắt phán: “Người ác sẽ gặp quỷ ác!” Và như vậy khác nào đặt ngang hàng những anh hùng chống bạo lực với loại “côn đồ”, còn người lương thiện lại đồng nghĩa với hèn nhát và dễ bị bắt nạt, thiếu can đảm và phẩm cách.

Tại sao những băng đảng trẻ người Hoa không dám động đến cái người da trắng gác kết ở các tiệm cơm Tàu? Bởi vì họ quá biết rằng ăn hiếp một người Trung Quốc thì cũng dễ như đối với một con kiến. Y sợ sệt nhút nhát đến chết được, đối với bất kỳ việc hung bạo gì cũng đều quen thói cúi đầu nhẩn nhục, miệng câm như hến. Nhưng nếu ăn hiếp một tay da trắng, luật sư xuất đầu lộ diện, thì không biết sự thể sẽ ra sao?

Trước khi tôi đi Mỹ, một người bạn đến chia tay bảo: “Khi nào anh trở lại Đài Loan tôi hy vọng rằng anh sẽ không bảo người Trung Quốc ở đâu cũng là người Trung Quốc nữa!” Nhưng giờ đây dù có dẫn lòng ép dạ thế nào đi nữa tôi vẫn phải bảo: “Người Trung Quốc ở đâu cũng vẫn là người Trung Quốc”. Chao ôi! Cái căn bệnh thâm căn cố đế làm cho tương lai

của người Trung Quốc thật mù mịt!

Tại nước Mỹ - một xã hội đen trắng lẫn lộn - người Trung Quốc phải đơn độc chiến đấu vì thiếu sức mạnh tập đoàn, dẫu có thể đạt đến một trình độ nào đó nhưng rồi cũng rất bị giới hạn. Không những họ vĩnh viễn không thể nào so sánh được với người Do Thái, chỉ cần so sánh với người Nhật, người Đại Hàn là cũng thấy bị thua tới cả trăm nghìn năm ánh sáng rồi. Số người Nhật di cư sang Mỹ so với Hoa kiều chỉ bằng một nửa, thế mà họ bầu lên được hai Đại biểu Quốc hội. Tôi có thể nói trước rằng: cả trăm năm nữa đám di dân Trung Quốc vẫn không thể bầu nổi một đại diện của mình.

Người tù trưởng da đỏ “Thượng úy Giắc” có nói một điều rất đau thương như sau: “Những người da trắng các anh

có tiêu diệt chúng tôi đâu. Kẻ tiêu diệt chúng tôi là chính chúng tôi đó!” Không phải người da trắng bài xích người Trung Quốc tại Mỹ; tự thân người Trung Quốc đã làm như vậy, khiến cho chính người Trung Quốc mới bị lâm vào cảnh khốn khó.

Trích từ « Dẫm lên đuôi nó »

NÓI CHUYỆN VỀ "NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ"

Trần Văn Hòa viết cho Bá Dương:

Cái bài báo “Người Trung Quốc xấu xí” của ông trong “Tự lập văn báo” làm tôi không cầm lòng được. Nếu không thổ lộ với ông thì tôi không thể nào chịu nổi.

Tôi nghĩ những ý kiến dưới đây của tôi có thể giúp ông tham khảo thêm chăng?

Về việc ông nói rằng “phải biết thưởng

thức và phải có năng lực thưởng thức”, tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Nhưng trước khi nói đến người thưởng thức, và năng lực thưởng thức, tôi nhận thấy người Trung Quốc rất bủn xỉn trong vấn đề ca ngợi người khác. Chỉ có bản thân mình là đáng khen, còn những người khác đối với họ đều là cứt chó hết. Trong tiếng Trung Quốc các thành ngữ kiểu: “Trí thức hay khinh nhau” (Văn nhân tương khinh), “Cùng nghề hay ghen nhau” (Đồng hành tương kỵ), “Cùng tính thì hay khích bác nhau” (Đồng tính tương xích), v.v... nhiều không kể xiết. Cho nên nếu mọi người đều dám ca ngợi, mà ca ngợi một cách công khai, thì tự nhiên sẽ có sự thưởng thức và đánh giá.

Ngạn ngữ phương Tây bảo: “Cái kẻ địch mà lòng dạ hẹp hòi là loại kẻ địch đáng sợ nhất”. Đặc biệt người Trung

Quốc thường không chịu được người khác khá. Người khác mà khá, y sẽ bảo làm gì có chuyện đó. Người ta có thật sự tốt đi nữa thể nào y cũng phải đi bảo với tất cả mọi người rằng không phải vậy.

Vì sao người Trung Quốc không thích ca tụng, thưởng thức? Tôi nghĩ điều này cũng có liên quan đến việc ông bảo: “Người Trung Quốc không thích nói sự thật”.

Ngoài chuyện này ra, người Trung Quốc còn không dám tức giận trước mặt người lạ. Vì không dám công khai tức giận nên cũng không dám công khai ca tụng, không dám yêu mà cũng không dám ghét. Tôi cho rằng người Trung Quốc còn có thêm đặc tính là ít khi biểu lộ sự biết ơn chân thành. Nếu một người Trung Quốc thành công, anh ta sẽ nghĩ đây là kết quả của sự cần cù nỗ lực của

riêng mình chứ chẳng liên quan gì với xã hội, nhân quần. Chẳng phải ơn huệ gì đối với cái cơ hội đã giúp anh ta thành công cả. Việc này giải thích thái độ vô trách nhiệm đối với xã hội của người Trung Quốc.

Ngoài ra, sự thành công của người Trung Quốc chỉ mang lại huy hoàng cho một gia đình, một họ tộc. Những người bên ngoài không thể chia xẻ được cái vinh dự đó. Cái thành công của anh là việc riêng của anh. Cái thành công của tôi là việc riêng của tôi, chẳng có gì liên can đến người ngoài, người khác cả.

Không chịu khen ngợi, không dám tức giận, thích những lời giả dối, bịa đặt, những thứ này có thể đều do kết quả của tính « nội quan » quá trớn trong văn hóa Trung Quốc. Người Trung Quốc dưới sự hun đúc của văn hóa Trung Quốc mang

một tâm địa cực kỳ mù mờ, tăm tối. Cái tâm địa này làm cho người ta không dám yêu, ghét, không dám biết ơn và hy sinh.

Không ai muốn hy sinh, vì hy sinh tức tạo nên sự thành công cho kẻ khác. Nghĩa là “chỉ có lợi riêng cho một người nào đó mà không thể có lợi cho mọi người”. Vì vậy không những chẳng ai muốn hy sinh, mà còn tệ hơn nữa là tự bản thân mình không muốn hy sinh, nhưng lại muốn người khác hy sinh cho mình.

Tôi gọi đó là cái “mặc cảm liệt sĩ”.

Bao khổ nạn của người Trung Quốc đều từ cái vòng luẩn quẩn đó mà ra.

Gửi Ông Trần Văn Hòa:

Sự phân tích của ông làm tôi rất cảm phục. Đúng là nghe được một tiếng khen từ mồm người Trung Quốc khen một người Trung Quốc khác cũng khó như đi lên trời.

Dĩ nhiên không phải hoàn toàn không có sự khen ngợi người khác nơi người Trung Quốc. Nhưng những sự ngợi khen đó thường mang tính chính trị - không phải là lời nói thốt từ đáy lòng. Nó là cái thứ “tình hư, ý giả”. Mà thực ra không ai biết nó muốn nói gì, chẳng khác nào đối với một con ngựa lại khen cái sừng nó đẹp.

Đa số người Trung Quốc đều sống một cuộc đời đầy tình cảm tự ty đến độ bệnh hoạn, không làm sao có khả năng thấy được ưu điểm của người khác, càng

không thể đánh giá được sự khác biệt giữa mình và người.

Nếu một người Trung Quốc vô tình tán dương một người khác, tức thì phát sinh ngay những tình huống sau đây:

1- Nếu người được tán dương có tỷ địa vị, thì sẽ nghe người ta nói: “Sao? Lại đi bộ đít nó à?”

2- Nếu người đó địa vị thấp kém, thì: “Sao? Lại mua bán nhân tâm à?”

3- Người đó là họ hàng hay bè bạn của anh, sẽ có câu: “Dĩ nhiên! Quan hệ của các anh là đặc biệt rồi! Đương nhiên anh phải bốc thơm anh ta chứ!”

4- Người đó hoàn toàn xa lạ, tức khắc: “Anh có biết đếch gì về người ta đâu! Nếu biết rõ chắc anh cũng chẳng dám nói mò như thế!”

Dù thế nào đi nữa, tán dương người khác là một sự không thể chấp nhận được. Cái mà có thể chấp nhận được là chửi bới sau lưng.

Người Trung Quốc hễ cứ tụ tập lại một nơi, nếu không ngồi lê đôi mách về chuyện người khác thì không thể nào là con cháu của “ông vua vàng”, của “rồng thiêng” được. Có câu: “Đại Hán thiên thanh”. Thiên thanh là gì? Đó là tiếng nói của người Trung Quốc khi tụ tập lại với nhau để công kích, bới móc đến không còn một cái gì về đời tư của kẻ khác. Kỳ thực chuyện này không nhất thiết lúc nào cũng hàm chứa ác ý nhưng là một thứ phản ứng tự nhiên của sự phát bệnh do vi-rút Tàu.

Chắc anh phải biết ông Chó chứ? Ông Chó mỗi lần gặp mặt một đồng loại tức thì ngửi ngửi đít lẫn nhau. Hễ mùi

xông lên tới não thì cả hai đều rất lấy làm thỏa mãn lắm. Cái động lực đẩy người Trung Quốc tụ họp lại với nhau là cái nhu cầu phê bình kẻ khác. Một khi có người vỗ tay bảo anh phê bình đúng, tức là đã ngửi được đít anh và lấy làm thỏa mãn về cái mùi của anh rồi, tức là hai người đã cảm thấy đồng điệu với nhau đấy.

Nhà văn Lỗ Tấn cổ động chúng ta phải dám thương, dám ghét. Yêu và ghét là hai khả năng mà vì lo sợ một cách bệnh hoạn thành ra người Trung Quốc đều đã đánh mất cả. Yêu thì sợ chúng cười, ghét thì sợ chúng thù. Thế là yêu và ghét quện với nhau thành một thứ lực lượng gian ác.

Chính sức mạnh này đã nổ bùng lên trong cái tai họa lớn 10 năm tại lục địa qua cái gọi là Cách Mạng Văn Hóa. Tất

cả những dã man, hung bạo, xảo trá, đố kỵ, tàn nhẫn tiềm tàng trong nội tâm sâu thẳm, thâm nhập vào xương cốt người Trung Quốc đều đã được biểu hiện qua nó, làm cho nhân cách người Trung Quốc càng thấp hèn.

Đừng nói đến hướng thượng, đi lên. Chỉ để khôi phục cái mức độ của những năm 30 sợ rằng phải mất đến năm mươi năm nữa. Bởi vì xây dựng bất cứ một cái gì thường phải mất gấp năm lần thời gian dùng để phá hoại nó.

Cứu vớt cả một dân tộc, cái trọng trách này chúng ta không thể để trong tay một vài quan chức cầm quyền, mà mỗi người Trung Quốc chúng ta phải chia ra mà tự đảm đương.

Một quốc dân hạng ba không thể nào sinh ra được một chính phủ hạng nhất,

cũng như một chính phủ hạng ba không thể nào có được một quốc dân hạng nhất cả.

Chúng ta, anh bạn trẻ và tôi - một người đã già nua; chúng ta phải bắt đầu việc ấy. Chúng ta không thể nào chỉ trong chốc lát mà thay xương đổi thịt. Nhưng nếu thay đổi được – dù chỉ một tế bào – thì chúng ta cũng phải làm ngay.

Anh có nghĩ rằng việc đấy là một việc nằm trong tầm tay chúng ta không?

Trích từ “Quảng trường Thông giám”

KIÊU NGẠO HẢO

Có một số người như bị mắc cái bệnh làm cao, hễ cứ nói đến nước Mỹ thì lại lên mặt sổ toẹt: “Văn hóa của nước Mỹ nông choẹt!” (Có người lại cho là loại văn hóa “chẳng có nền tảng gì”; người thì cho là “không có chiều sâu!”; đại khái là một thứ lảng nhãng không ra gì).

Văn hóa nước Mỹ có thật nông cạn không? Đó lại là một vấn đề khác. Nhưng cứ giả sử cho là nó nông cạn đi thì chúng

ta lại càng phải thấy xấu hổ, thay vì lên mặt. Chẳng khác nào chuyện một anh chàng dòng dõi thư hương bị phá sản, áo quần rách rưới, ngồi xồm trong một ngôi miếu đổ, sống nhờ vào cơm thừa canh cặn mà còn gào lên: “Ông nội tao làm đến tể tướng! Còn bố nó bất quá chỉ là một tên đào cống mà thôi!”

Không những không biết tự lấy làm hổ thẹn vì sao mình lại bần cùng đến thế, lại còn dương dương đắc ý về chuyện đổi phương xuất thân bần tiện.

Cái câu này đáng lẽ phải để cho người khác nói về chúng ta mới đúng. Nhưng nếu có người nói như vậy chắc chắn sẽ không khỏi xảy ra một vụ đấu khẩu kịch liệt. Khi tuyên bố không khống như thế thì rõ ràng cái kiêu ngạo kia đã che lấp hết sự sáng suốt của mình rồi.

Kiều ngạo hảo chỉ là một thứ tự mãn làm cho hoa mắt – Tự mình say sưa, tự mình ý dâm, trùm chần lên đầu rồi nghĩ ngợi bậy bạ.

Ông Khổng Khâu thuở xưa đã phí công tìm ra bao nhiêu thứ “tích cổ” cho người sau lấy đó làm gương sửa mình. Ngày nay đồng bào Trung Quốc không phải tốn một tý công sức nào mà vẫn có một nước Mỹ trước mắt để có thể nhìn vào, sờ vào, tìm tòi nghiên cứu, thể nghiệm. Không hiểu vì sao người Trung Quốc vẫn còn đem cái lòng kiêu ngạo hảo của mình để chối bỏ cái kiểu mẫu sống đó, viện cớ rằng nó là một thứ ngoại lai từ nghìn dặm?

Chúng ta cũng không thể ca ngợi nước Mỹ là một đóa hoa được. Nếu thật tình nó đẹp như một đóa hoa thì người Mỹ đã không phải dùng đến những nhà

lao. Nhưng có một điểm nhất định có thể giúp cho chúng ta học tập, đó là lối sống của người Mỹ, một thứ vũ khí rất lợi hại để người Mỹ chống những phê bình của các lưu học sinh đến từ bất cứ nước nào (kể cả những người từ cái hố lưu huỳnh chui lên).

Chỉ cần hỏi một câu: “Anh thấy nước Mỹ là không được, không hay. Vậy theo anh cái phương thức sinh hoạt của người Mỹ thì thế nào?” Nhìn một cách tổng quan ai cũng phải công nhận nước Mỹ là một xã hội tự do dân chủ, có một nền công lý rất vững mạnh và rộng rãi.

Cái tệ hại nhất của lòng kiêu hãnh là tự mình xây lên cho mình một bức tường. Tự mình cô lập mình vào trong một cái thùng chứa nước, uống nước vào phình cả bụng lên, chẳng khác nào cái bụng phệ của Bá Dương tôi đây, phình

lên đến nỗi không còn cách nhét thêm một thứ gì nữa, cùng lắm chỉ thêm được vài khẩu súng Tây, mấy khẩu cà-nông và dăm chiếc tàu bọc thép. Còn những thứ văn hóa ghê gớm, cơ bản hơn kia – giáo dục, nghệ thuật, lễ nghĩa, đạo lý cá nhân, tinh thần xử thế – không những không thể nhét thêm vào mà chỉ cần nhìn đến một cái cũng đã thấy nổi da gà lên rồi.

Thật ra để tự cứu lấy mình, chúng ta không nhất thiết cần phải noi gương nước Mỹ, nước Đức, nước Nhật. Nhưng cũng không nên quên rằng sau Chiến tranh Thế giới Lần thứ II nước Đức và nước Nhật đã phục hưng nhanh chóng đến độ đáng sợ. Người Trung Quốc khi tìm hiểu về vấn đề chỉ thấy nguyên nhân của nó nào là ở Kế hoạch Marshall Lần thứ IV, nào là Chiến tranh Hàn Quốc, nào là cơ sở công nghiệp vốn vững mạnh

của hai nước này. Nghe ra dường như tất cả chỉ là vấn đề vận may mà thôi.

Than ôi! Mọi người đều quên một điều là sau khi bại trận, hai nước này đã trở thành một thứ quốc gia hạng ba, nhưng dân của hai nước này vẫn là loại dân hạng nhất với cả tiềm lực văn hóa thâm hậu. Chẳng khác nào một anh khổng lồ ba đầu sáu tay, dùng một cái bị đánh gục xuống đất, một lúc sau từ từ hồi tỉnh đứng dậy phủi quần bước đi, vẫn đường đường là một hảo hán.

Còn cái anh Trung Quốc bị lao phổi đến thời kỳ thứ ba kia, nhất thời đứng trên vũ đài thế giới dương dương tự đắc, nhưng rồi một cơn gió lạnh thổi đến lập tức hắt hơi ba bốn cái thật to, mũi dãi ròn ròn. Có người bảo uống átx-pi-rin đi, thì lại bảo người đó có tư tưởng quá khích, làm lung lay đất nước. Kết

quả giống một củ hành trồng ngược, hai người đỡ cũng không nâng lên được.

Hễ cứ có ai nói nên bắt chước người khác là có một chút gì đó không thể nhìn nhục được – đại trượng phu tất phải đập đất chống trời, oanh oanh liệt liệt, làm cho những đứa nhãi ranh phải khâm phục, ghen tị chứ ai lại đi bắt chước! Vấn đề là cái mẽ ngoài này ở đời Đường, đời Hán thì đích thực là có. Song thời thế đã đổi thay rồi!

Cái ông phương Tây kia đã nổi lên quá mạnh, đánh không nổi, chửi cũng không thắng, thôi thì những chuyện cũ kia cũng chỉ như mây khói. Hiện tại phương pháp duy nhất có thể làm là học hỏi họ. Mà cũng không còn con đường nào khác.

Nếu như cứ một mực kiêu ngạo hão, giống một bà lão già lúc nào cũng giơ cái chân bị bó vừa kinh vừa thối của mình lên khoe nào là bó đẹp, bó khéo, thì không tránh được sẽ đi vào cái ngõ của sự diệt vong. Kiêu ngạo hão làm chúng ta có cảm tưởng hão huyền là người Trung Quốc không thể nào bị diệt vong, vin vào cơ dân tộc Trung Quốc có thừa sức đồng hóa. Bằng chứng là chúng ta đã hai lần bị mất nước rồi, một lần về tay Mông Cổ và lần thứ hai về tay Mãn Châu. Nhưng kết quả chẳng qua chỉ như một con diều đảo cánh, kẻ xâm lược chả đã cúp đuôi bỏ chạy rồi ư? Đối với Mãn Châu còn tệ hại hơn, nghĩa là chẳng còn đường nào mà cúp đuôi chạy nữa!

Cái lý luận và bằng chứng này tuy làm chúng ta càng tự tin hơn, nhưng chúng hoàn toàn không thể bảo đảm

rằng trong tương lai chúng ta sẽ không còn có thể bị mất nước nữa.

Có một điều cần chú ý là bất kể một quốc gia, dù lớn thế nào chẳng nữa, lúc chưa bị diệt vong vẫn nghĩ mình sẽ không bao giờ bị diệt vong. Mà một dân tộc trước khi bị tuyệt chủng, dĩ nhiên cũng là một dân tộc chưa bao giờ bị tuyệt chủng. Song, nếu cuối cùng chẳng may bị diệt vong, ắt cuối cùng cũng bị tuyệt chủng.

Cái kiêu ngạo hão kia chỉ che lấp tầm nhìn, mê hoặc con tim, làm cho không thấy được những nguy cơ ở bên trong cũng như bên ngoài. Lúc nguy cơ đến thật thì chỉ có đám dân đen và con cháu sau này lại phải khóc mà thôi.

Khi đến Peloponnese (Pê-lo-pô-ne-dơ), người Hy-lạp còn ở trong tình trạng

ăn lông ở lỗ, đít còn đóng khố, thì dân ở đảo Crê-tơ (Crète) đã có một nền văn minh xán lạn huy hoàng, không chỉ biết luyện thép mà còn có những thành tựu kỹ thuật cao độ khác. Nhưng sau đó, chỉ trong một khoảng thời gian 200 năm, người Crê-tơ đã bị người Hy-lạp chinh phục đến không còn dấu vết gì cả.

Năm nghìn năm trước ở Nam Mỹ đã có những cung điện của đế quốc In-ca, hiện tại vẫn còn tìm thấy di tích trong vùng núi hoang của Pê-ru. Chỉ cần căn cứ vào các kiến trúc tráng lệ đó chúng ta cũng đủ thấy trình độ văn hóa của họ cao như thế nào (Vào lúc người In-ca xây những lâu đài này thì người Trung Quốc chúng ta còn là một dân tộc dã man ăn lông ở lỗ). Nhưng bây giờ người In-ca ở đâu?

Bá Dương, người viết những điều này, không phải là kẻ chuyên môn đi làm mất tinh thần người khác. Nhưng chúng ta cần thấy rõ rằng cạnh tranh là một thứ rất vô tình. Ông trời kia không thể vì anh Trung Quốc có 5.000 năm văn hóa mà phái thiên binh xuống bảo hộ như Đường Tăng được.

Vì vậy nhân lúc còn đang sống trên thế gian này, chúng ta cần phải cấp tốc rèn luyện, làm sao nôn ra được tất cả những thứ dư thừa trong ruột, ăn vào được những thứ có chất dinh dưỡng tốt. Hiện tại chúng ta thương tiếc những quốc gia đã bị tiêu vong trong lịch sử, những dân tộc đã bị tuyệt chủng, nhưng đừng hy vọng trong tương lai hậu thế sẽ lại thương xót chúng ta như vậy.

Có thể tóm lại trong một câu như thế này chẳng: “Đừng để cho người đời sau lại bị người đời sau nữa khóc”.

Trích từ tập “Đập tan hũ tương”

NOI GƯƠNG TÂY PHƯƠNG NHƯNG KHÔNG LÀM NÔ LỆ

Trong “Truyện Phong thần”, một thứ Iliad (I-li-át) của Trung Quốc, thì thần tiên như mây, yêu quái như mưa, tuy rằng rốt cục đều quy về chuyện tà không thể thắng chính, nhưng trong quá trình hai bên đấu với nhau có những màn rất gay cấn, rất oanh liệt.

Trong số thần thánh của “Truyện Phong thần”, lợi hại nhất phải kể tới Ân

Giao với cái Phiên Thiên Ấn – một loại bửu bối vô địch thiên hạ. Chỉ cần ông ta niệm thần chú rồi hô lên một tiếng tức thì cái vũ khí ấy bay vút lên không. Lúc nó hạ xuống, đừng nói đến xương thịt con người, ngay cả ngọn núi Hy-ma-la-ya kia cũng có thể bị búa làm đôi.

Phải kể đến cái hay nữa của nó là chính ngay Quảng Thành Tử, sư phụ của Ân Giao, cũng không có cách nào chống cự được vũ khí này, nên khi thấy học trò mình trở mặt, trắng trợn vút bửu bối ấy lên, thì cũng bay hồn bạt vía, vội vàng tháo chạy.

Bá Dương tôi đang lúc được yên thân, bỗng nhiên cũng bị cái vũ khí vô địch này giáng xuống, nhưng vì thời đại đã đổi thay, bây giờ vì hiện đại hóa nên Phiên Thiên Ấn không còn gọi là Phiên Thiên Ấn nữa mà đổi tên đổi họ, gọi là

“Sùng dương, mị ngoại” (Tôn sùng Tây phương, nịnh nọt nước ngoài). Chỉ cần bị ông Ân Giao hiện đại giảng cho một câu “Sùng dương, mị ngoại” này thì so với cái “Phiên Thiên Ấn” 3.000 năm về trước còn nặng hơn cả nghìn cân.

Ở Los Angeles, lúc tôi đang nói chuyện trong buổi hội thảo, bỗng có thánh giả chuyển đến một tờ giấy, trên ấy viết thế này: “Lão già kia! Không ngờ nhà ngươi lại thờ Tây, nịnh ngoại như vậy, cứ nhất thiết cho rằng nước Mỹ là hoàn mỹ, nhưng thực ra nước Mỹ lại không phải hoàn mỹ như ngươi tưởng đâu!”

Sau đó ít lâu, một tờ báo ở Los Angeles tên là “Nam Hoa thời báo” có đăng một bài của Đạc Dân tiên sinh với đoạn viết thế này:

“Phải kịch liệt phê bình cái quan

niệm ‘Thờ Tây nịnh ngoại’. Ông Bá Dương cũng giống như bao nhiêu người Trung Quốc khác, lúc vừa mới đặt chân đến đất Mỹ, bị lầm lạc giữa những biểu tượng xã hội tốt đẹp của nó, bỗng thấy xấu hổ vì cái nhơ bẩn của mình đâm ra có mặc cảm tự ti. Ví thử ông Bá Dương cứ ở đây thêm vài ba năm nữa, tôi tin rằng cái quan niệm của ông ấy về Mỹ tất chẳng còn giống như bây giờ”.

Cái vũ khí ghê gớm “Thờ Tây, nịnh ngoại” này đại khái đã được hình thành trong những năm 40 của thế kỷ thứ XIX sau Chiến Tranh Nha Phiến (1840) để hại người đời. Muốn hiểu rõ nội dung của nó ta có thể đọc những lời mạt sát sau đây của một ông bạn già người Trung Quốc: - “Những kẻ ‘Sùng dương, mị ngoại’ như các người [một cách nói rất khách sáo đấy, còn không sẽ thẳng thừng gọi là Hán

gian, bồi Tây (dương nô), đồ bán nước (mãi quốc tặc) - BD]. Trăm câu nghìn chữ nói gì đi nữa chẳng qua cũng chỉ để ca ngợi rằng nước Mỹ là tốt đẹp. Nếu nói các nhà khoa học Mỹ giỏi, cái đó có thể cho là đúng, còn lại đi bảo là văn hóa Mỹ hay hơn văn hóa Trung Quốc thì không ai ngửi được. Ai dám nói rằng chúng ta lại phải đi học làm người theo kiểu Mỹ?”

Cái cách nói này không phải chỉ riêng của ông bạn già đó mà còn là giọng điệu của quá nhiều người Trung Quốc khác, quá nhiều đến độ nó làm cho huyết áp của tôi tăng lên ghê gớm!

Sự kiện này đưa ra ánh sáng một vấn đề rất quan trọng: Có một số người hay đem hai sự kiện hoàn toàn khác nhau, hai hành vi không liên hệ nhân quả gì với nhau mà dán dính vào nhau; không dùng đầu não nhưng dùng nước bọt để

dán, đúng là những kỹ thuật viên cao cấp!

“Thờ Tây” và “nịnh ngoại” là hai thứ cách nhau cả mười vạn tám nghìn dặm, chẳng có gì dính dáng với nhau, nhưng nếu một khi đem dán dính vào với nhau, chúng có thể dùng làm công cụ để “đánh vỡ đầu” và có thể “tặng thêm” cho vô số những tai họa khác.

Thật ra kẻ bị tổn thương nhất trong chuyện này không phải là những kẻ bị chửi là “thờ tây, nịnh ngoại”, mà chính là những kẻ vì sợ bị gọi là nịnh ngoại nên không dám “thờ Tây”, nghĩa là không dám nhận rằng mình tán thưởng những điều hay của Tây phương. Tôi không bảo không có những người đích thực là “Sùng dương, mị ngoại”. Cái loại động vật này nhiều không biết bao nhiêu rồi đựng cho hết. Nhưng tôi chỉ muốn nói

rằng còn có rất nhiều bạn bè khác tuy là “thờ Tây” nhưng không “nịnh ngoại” tý nào.

Tại hội trường ở Los Angeles hôm đó, trong chốc lát, vì quá căng thẳng mà tôi quên mất cái thân phận làm khách của mình đi, mới bộc lộ chân tướng bằng những câu hỏi sau đây đối với thân hào nhân sĩ trong buổi họp:

Các vị hôm nay đến đây bằng gì? Bằng xe ô-tô hay xe cút-kít? Nếu dùng xe ô-tô tức là thờ Tây rồi đó. Tại sao trên đầu các vị không tết đuôi sam, hoặc vấn tóc lên đỉnh đầu mà lại rẽ ngôi bên phải, bên trái? Rẽ ngôi như thế chẳng phải là thờ Tây à? Tại sao các bà không bó chân đi rón ra rón rén mà lại đi giầy cao gót? Không bó chân mà đi giầy cao gót là thờ Tây rồi. Tại sao đàn ông không mặc áo thụng, áo cánh, áo lương tay rộng mà lại

mặc âu phục? Mặc âu phục tức là thờ Tây vậy. Sao, các vị không hút thuốc lào (điều nước) mà lại hút thuốc lá thơm? Hút thuốc lá cũng là thờ Tây. Sao các người không nấu cơm bằng than, củi, rơm và thổi lửa để nhóm bếp mà lại dùng lò điện, bếp ga? Lò điện, bếp ga cũng là thờ Tây. Sao các người không ngủ trên cái kháng (một loại giường xây bằng gạch hoặc đất, ở dưới có bếp lửa vừa để nấu ăn vừa sưởi ấm vào mùa đông ở miền Bắc Trung Quốc) mà lại ngủ trên giường nệm, giường lò xo? Ngủ trên giường lò xo, giường nệm không phải là thờ Tây hay sao? Tại sao khi các người gặp sếp của các người, các người không quì mọp, đập đầu xuống đất cho kêu lên binh binh, mà lại chỉ bắt tay nói “Hai!” [Hi]? Bắt tay rồi chào “Hai!” không phải thờ Tây là gì? Tại sao các người không thắp đèn dầu để đọc sách thay vì dùng đèn điện? Dùng

đèn điện cũng là thờ Tây đấy. Vì sao lúc gửi thư lại không nhờ bạn bè đi đưa hộ mà lại dán tem bỏ vào thùng thư? Dán tem và bỏ thư vào thùng không phải là thờ Tây à? Tại sao các người không đi xem chiếu bóng ảnh bằng da lừa, mà lại đi xem xi-nê? Xem xi-nê không phải thờ Tây là gì? Tại sao các người không gân cổ lên mà kêu gọi, la hét thay vì đi gọi điện thoại? Gọi điện tức là thờ Tây chứ còn gì nữa. Tuy nhiên tôi không tin rằng tất cả các ông, các bà lại đi nịnh ngoại.

Sau đó, lúc trở về Đài Loan, tôi càng cảm thấy nặng nề như đeo một quả cân, cảm thấy sự việc cần được làm sáng tỏ để cho lòng được thanh thản. Cuộc duyệt binh lớn ngày Quốc khánh Đài Loan (mồng 10 tháng 10) vừa qua, chắc vẫn còn trong ký ức các vị những hình ảnh nóng hổi, nào súng tây, pháo tây,

trống tây, kèn tây, dao tây, kiếm tây, dàn nhạc tây. Những thứ ấy phải chăng đều là những sản phẩm thờ Tây, nhưng có phải chăng vì thế đều là nịnh Tây hết? Từ những thứ đi trên mặt đất cho đến những thứ bay trên không trung đều là những sản vật thờ Tây. Có thể nào nghi rằng vì có một sự cấu kết, nịnh bợ nước ngoài nào đó chăng?

Nhìn vào bên trong một gia đình, hiện tượng trên đúng là càng trầm trọng hơn. Tất cả những người viết văn viết báo, viết thư nặc danh để chửi tôi là kẻ làm hại đến tình cảm tốt giữa “nhân dân” và “nhà nước” thường vẫn dùng bút nguyên tử, bút máy, mà không dùng bút lông. Dùng bút nguyên tử, bút máy, rồi đánh máy, sao chụp, những người này nỗ lực thờ Tây thế có nịnh ngoại không?

Trong phòng khách, phòng làm việc, các công sở toàn thấy những ghế sô-pha, ghế bành mà không thấy dùng trường kỷ. Tuần trước tôi đến thăm một người bạn. Anh ta chỉ mặt tôi quát bảo: “Đồ thờ Tây, nịnh ngoại!” Tôi bị quát thành thử mới điên lên, tìm được một cái búa đã định đập cho tan nát cái nhà xí bệt ở nhà anh ta. Vợ anh ta ra năn nỉ, tôi cũng cóc cần, tôi thể không đội trời chung với cái loại nhà xí bệt giạt nước “thờ Tây, nịnh ngoại” này.

Tôi mà đập xong cái nhà xí thì thế nào cũng sẽ đập tiếp đến cái vô tuyến, cái đài, cái tủ lạnh, bếp ga, điện thoại, đèn điện, v.v...Cuối cùng, cô con gái của anh ta – nữ sinh tốt nghiệp đại học, bị trúng độc thờ tây rất nặng, chẳng còn biết kính lão, tôn hiền, cũng không biết gì là lễ nghĩa – bèn gọi cảnh sát đến để đuổi tôi ra khỏi

nhà. Thế là chấm dứt cuộc xung đột đó. Nếu không, với cái búa của tôi, mà họ lại ở tầng 12, cả gia đình họ chưa chắc còn chỗ để đặt đít ngồi.

Sau đó suy nghĩ mãi, tôi cũng không thể nào hiểu được tại sao con gái anh ta lại có thể hành động như một kẻ nịnh ngoại kiều đó được. Than ôi! không thể tưởng tượng nếu thượng đế nổi trận lôi đình, tịch thu tất cả những thứ mà người Trung Quốc tích lũy từ ngày thờ Tây đến giờ, không biết sẽ còn lại được gì?

Anh bạn tôi với cái Phiên Thiên Ấn chắc chắn sẽ nói: “Ai bảo chúng ta để làm người, để xử thế lại phải đi học Tây phương?”

Ái dà! Anh này đúng là dớ dẩn, thế mà còn phải hỏi! Về mặt làm người, xử thế đương nhiên lại càng phải thờ Tây,

học những cái ưu điểm của họ chứ, nhưng như thế không có nghĩa là phải đi nịnh họ.

Về phương diện chính trị, chúng ta lại không phải đã thờ Tây đến ngập đầu rồi hay sao? Đầu tiên chúng ta đã vứt cái hệ thống vua quan từ 5.000 năm để nhất quyết học theo lối bỏ phiếu bầu cử của họ. Tiếp theo là đã cho cái truyền thống phong kiến một cái đá đít để học theo con đường chính trị dân chủ.

Về chế độ kinh tế, chúng ta cũng đã bỏ cái 5.000 năm trọng nông khinh thương, học theo người Tây phương trọng công nghiệp và buôn bán. Như vậy là đã vứt đi cái nhân sinh quan 5.000 năm xem việc làm quan là con đường tiến thủ duy nhất để học người Tây phương cái kết cấu xã hội nhiều tầng lớp rồi còn gì.

Về mặt văn hóa, tất cả những công cụ truyền bá đại chúng, kể cả báo chí, vô tuyến; tất cả các nghệ thuật, sáng tác, kể cả tiểu thuyết, thơ, kịch nói, hội họa, âm nhạc có cái nào mà không bắt chước Tây phương đến chóng cả mặt? Nhưng tất cả những thứ này có làm cho cả nước trên dưới đều thành những kẻ nịnh hay vọng ngoại không?

Cái Phiên Thiên Ấn “Sùng dương, mị ngoại” này đem dùng cho con người, chỉ là một sự sai lầm về ngữ nghĩa học, thật không thể nào hiểu và phân tích nó được.

Ông Đạc Dân bảo: “Nếu tôi ở lại Mỹ thêm vài ba năm nữa, cái lòng tin của tôi chắc chắn sẽ không còn như thế nữa”. Đó là một điều có thể có mà cũng có thể không.

Nếu chúng ta mong mỗi vũ khí của Trung Quốc được tinh vi hơn, tất nhiên cần phải học hỏi phương Tây. Nếu chúng ta mong mỗi việc quản lý công thương nghiệp được hiệu quả hơn, cũng phải học phương Tây. Nếu chúng ta muốn xã hội Trung Quốc được văn minh hơn, tất phải học cái cách nói “xin lỗi”, “cảm ơn” của người phương Tây. Nếu chúng ta muốn người Trung Quốc xếp hàng, tôn trọng chỗ qua đường của bộ hành, đi qua cửa lò xo biết từ từ thả cửa ra thì chúng ta phải học tập người phương Tây.

Nếu chúng ta muốn người Trung Quốc có thể mở rộng cái tấm lòng nhỏ hẹp ra, chúng ta phải học tập của người phương Tây sự vui vẻ phóng khoáng, tấm lòng thích giúp người. Nếu chúng ta muốn người Trung Quốc thân thể cường tráng tất phải học tập người Tây phương

dùng thì giờ để vận động chứ không phải để xâu xé lẫn nhau.

Tất cả những thứ này có gì là nịnh ngoại đầu? Đứng trước người Tây phương, lễ độ, lịch sự, có thật là chúng ta không cảm thấy thẹn vì mình thấp hèn không? Thế mà chúng ta chỉ biết phản ứng bằng cách cho đến đít vẫn “không quên cái gốc của mình”, đến cùng vẫn cau mày, quắc mắt. Sách cổ có câu: “Biết xấu hổ tức là có can đảm”, thế mà cho đến chết cũng không nhận cái sai của mình, chỉ biết kích động giận dữ và cho rằng như vậy là viên mãn, đạt đạo rồi. Thật ra biết xấu hổ, không chỉ cần có can đảm mà thôi, còn cần có cả trí tuệ nữa .

Ông Đạc Dân cho là “tự thẹn vì mình thấp hèn” sẽ dẫn đến chỗ “tự hạ mình”, nhưng thật ra hai ý niệm này hoàn toàn không có liên hệ nhân quả. “Tự cảm thấy

mình chưa được” cố nhiên có khả năng đưa đến chỗ “tự xem mình không ra gì”, nhưng cũng có thể đưa đến chỗ tự biết mình và vì vậy có thể tự sửa mình cho khá hơn. Trường hợp Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản cũng như thế thôi.

Trói buộc con người vào trong cái vòng của tâm tình kích động, cái đó thuộc về chiến thuật phong hỏa liên hồi của thời đại Phiên Thiên Ấn nhưng đồng thời cũng là một trong những đặc tính của người Trung Quốc.

Có vị giáo sư người Mỹ viết một quyển sách nhan đề “Nhật Bản là số một”, thế mà không có một người Mỹ nào tức giận bảo rằng ông ta là đồ phản quốc hoặc đi làm bồi cho nước ngoài.

Bá Dương tôi bắt quá chỉ viết một vài thiên phóng sự dựa trên những ấn tượng

hoàn toàn hời hợt mà cái Phiên Thiên Ấn kia đã bay xuống chực chụp vào đầu không biết bao nhiêu lần.

Than ôi! Dù anh có nhắm vào cổ tôi mà giáng xuống thì tôi vẫn cứ kêu lên rằng: “Tuyệt đối phải bắt chước phương Tây, nhưng không làm nô lệ cho họ”.

Xin đọc giả lượng thứ!

Trích từ “Dẫn lên đuôi nó”

KỲ THỊ CHỦNG TỘC

Vốn là một thứ thâm thù huyết hận giữa các dân tộc, sự kỳ thị chủng tộc trên thế giới hiện nay đang trên đà được khắc phục bởi ý thức con người và sự phát triển của nhân quyền.

Nhưng đối với người Trung Quốc vốn thông minh tuyệt vời – vừa làm ra vẻ ta đây rất trịnh trọng, vừa tính toán rất chi ly, nhưng chung quy vẫn chỉ luẩn quẩn trong cái quan niệm khu vực đầy cảm tính của cái nước tương kia - thì cách

tốt nhất không gì hơn là tự than khóc cho số phận hẩm hiu của mình. Người Trung Quốc cơ bản không có một tư cách gì để công kích và phê bình sự phân biệt chủng tộc của người Mỹ da trắng cả. Mà hiện nay nước Mỹ có lẽ là một trong những nước mà sự kỳ thị chủng tộc được xem là ít nhất trên thế giới.

Cứ nhìn thử chung quanh, nước lớn nước bé, nước mạnh nước yếu đếm không xuể, nhưng e rằng chỉ có nước Mỹ là nước còn tiếp tục chấp nhận người Trung Quốc nhiều nhất. Giả sử không có nước Mỹ thì không hiểu tất cả những người Trung Quốc ngày đêm mơ tưởng như điên cuồng đến việc rời bỏ nước để di dân không biết sẽ đi đâu?

Tôi nói như vậy không có nghĩa là người Mỹ da trắng không kỳ thị chủng

tộc, hoặc không kỳ thị gì đối với người Trung Quốc.

Tôi chỉ muốn nói cái đầu óc kỳ thị nơi người Trung Quốc, so với kỳ thị chủng tộc, còn ở mức độ thấp kém hơn, vì nó là đầu óc kỳ thị địa phương. Ở bất cứ một nước nào đã đạt đến một nền văn minh cao, cái đầu óc kỳ thị địa phương này tự nhiên biến mất để nhường chỗ cho lợi ích của những đảng phái chính trị.

Có bao giờ anh nghe nói người Mỹ của tiểu bang Virginia tẩy chay người của tiểu bang Arizona chưa? Hoặc người Nhật ở đảo Honshu (Bốn châu) tẩy chay người ở đảo Shikoku (Tứ Quốc) không? Thế mà cái kỳ thị chủng tộc của người Trung Quốc so với cái kỳ thị của người Mỹ còn kinh khủng hơn nhiều.

Nếu ta đem kết hợp lại với nhau

những ý niệm rất hẹp hòi kiểu “Con cháu của Hoàng Đế và Thần Nông”, “Đại Hán oai trời”, “Không phải là tộc loại của chúng ta”, “Lòng dạ khác chúng ta” thì chỗ còn lại cho người các dân tộc khác sống sẽ chẳng còn gì!

Có một số người Trung Quốc ở Mỹ – địa vị xã hội cũng chẳng hơn gì những người Mỹ da đen nhưng lại xem những người này không đáng một đồng xu – hễ cứ nhắc người Mỹ da đen thì lại lắc đầu lia lịa như bị động kinh. Cái hành vi khinh thị ấy có thể làm cho người ta tức mà chết được. Không ai có thể tưởng tượng nếu 11 % của dân Trung Quốc là da đen hoặc da đỏ thì mấy ông da vàng kia sẽ sốt lên đến bao nhiêu độ?

Người không cùng một tỉnh đã không thể chấp nhận, bao dung lẫn nhau rồi! Đối với người không cùng một chủng

tộc không biết sự thể sẽ như thế nào?

Kỳ thị chủng tộc là một thứ quan niệm ghê lở, nó dai dẳng và lây lan. Nhưng cái đáng làm ta ngạc nhiên, kinh dị là phương pháp nước Mỹ dùng xử lý cái loại ghê lở đó. Phương pháp của họ có thể không giống Trung Quốc, vì phương pháp Trung Quốc là: “Giấu bệnh vì sợ phải chữa” (Húy tật kỵ y) và “Cái xấu trong nhà không thể để lộ ra ngoài” (Gia xú bất khả ngoại dương). Sự thực đó là nguyên tắc chứ không phải phương pháp.

Phương pháp “chân chính” là một đảng bị chảy máu ở hậu môn lại lấy tay che đít nói: “Không, tôi có bị bệnh trĩ hành hạ đâu? Ai bảo tôi có bệnh trĩ tức là có ý đồ hoặc có lòng dạ gì đó!” Có cái “ý đồ” gì đó là một vũ khí truyền thống toàn năng. Chỉ cần tung nó ra, niệm vài

câu thần chú là đối phương phải vắt giò lên cổ mà chạy; đồng thời cái búi trĩ kia bỗng nhiên lành lại.

Ồ! Xin lỗi! Tôi nhớ mồm! Không phải cái búi trĩ kia bỗng nhiên lành mà tự nó đang ở tình trạng có bệnh bỗng nhiên biến thành tình trạng không có bệnh gì cả. Con giò của hũ tương, cái con người dị dạng, chỉ biết che dấu bệnh của mình chứ không muốn chữa nó.

Nước Mỹ là một xã hội lành mạnh, cường tráng đến độ nó có thể tự điều chỉnh mình. Thay vì lấy tay che đít thì cái phản ứng của nó lại là nói toáng lên cho mọi người biết: “Tôi có bệnh trĩ đây! Mỗi ngày tôi bị chảy mất 8.000 ga-lông máu [gallon = khoảng hơn 4 lít]. Tôi muốn biết giá của một chiếc quan tài là bao nhiêu?” Tất cả mọi người đều biết thì mọi người đều ý thức rằng mình có liên quan. Sau

đó tiêm thuốc, uống thuốc, mổ xẻ, biến ghế gỗ thành ghế xô-pha, biến cái lưng còng thành lưng thẳng để có thể đứng thẳng lên được.

Tất cả các phương tiện truyền thông hay văn học đều phải nói lên cái kỳ thị chủng tộc này, làm cho mọi người đều biết, làm cho mọi người đều sợ vì thấy mình có liên quan. Một xã hội lành mạnh phải dựa trên một tâm lý lành mạnh của người dân – người dân có trí tuệ biết tôn trọng sự thực, có dũng cảm thừa nhận những sai lầm, có năng lực tự sửa đổi.

Kỳ thị chủng tộc là một sai lầm. Đó là một sự thực không thể chối cãi. Người Mỹ có được cái trí tuệ và dũng cảm tìm cách sửa đổi và giải quyết một cách thỏa đáng những lỗi lầm. Họ có khả năng lựa chọn những quyết định đúng đắn khiến cho sự kỳ thị chủng tộc dần dần bớt đi,

và có thể một ngày nào đó không còn nữa.

Trích từ “Dẫn lên đuôi nó”

LẤY HỔ THEN LÀM VINH DỰ

Dưới sự ủy thác của Cục Giáo dục tỉnh Đài Bắc, Trường Đại học Sư phạm Công lập Đài Loan đã làm một cuộc điều tra xem ý kiến mọi người như thế nào về việc trừng phạt thân thể. Kết luận báo cáo cho biết: 91% thầy giáo, 85% gia trưởng, 80% học sinh đều cho rằng nếu không đưa đến việc đả thương thì sự đánh đòn là một việc nên làm. Cuộc điều tra này cho thấy cả người đánh lẫn người bị đánh – như chuyện Châu Du và Hoàng Cái ở trận Xích Bích – hai bên

cùng ưng thuận. Một bên ưng thuận đánh và một bên chấp nhận bị đánh.

Tại Đại hội thường niên của Hội Tâm lý học Trung Quốc và của Hội Tâm lý trắc nghiệm Trung Quốc vấn đề này cũng được đem ra thảo luận. Một số người dự Đại hội thuộc trường phái hiếu chiến đã dùng những lời lẽ khó hiểu để yêu cầu cải tạo các trường học thành những phòng tra khảo thời cổ đại. Ngay cả bản thân Chủ tịch chính phủ Đài Loan, ông Lâm Dương Cảng – mà vận mệnh cuộc đời lại hoàn toàn trái ngược với đời của Bá Dương tôi – đã tuyên bố với Quốc hội Đài Loan rằng lúc nhỏ sở dĩ ông đã học hành được vì bị thầy giáo đánh cho đau đến nỗi phải kêu trời. Ông Lưu Gia Dục, giáo sư Viện Y học quốc lập Dương Minh còn đưa ra kiến nghị với Bộ Giáo dục là đối với học sinh có thể dùng những hình

phật thân thể “thích đáng”.

Những sự đóng góp hay ho nhất phải là của bà Dương Thục Huệ, phóng viên tờ “Tự lập Văn báo” trên một mục đặc biệt nhan đề: “Yêu ư? Đánh ư?” Bà đề nghị: quan trọng nhất là làm sao vận dụng cho thích đáng, chỉ cần sao cho trẻ con đừng bị lầm lạc, Cục Giáo dục không cần quy định một cách quá “cứng nhắc”. Trong bài báo của bà ta có một đoạn đáng để lại cho hậu thế như sau:

“Một ông giáo nọ ở một trường Trung học công nổi tiếng tại Đài Bắc có ‘cái roi để đánh học trò’ và cái ‘tài dạy học’ cùng nổi tiếng như nhau. Ngay hôm đầu tiên bắt đầu dạy học, ông treo lên tường bao nhiêu là roi mây (chẳng khác nào một gian phòng dùng để tra khảo người thời xưa -BD). Sau đó giao hẹn với học trò: ‘Cứ mỗi một thành tích

dưới tiêu chuẩn mấy điểm là đánh mấy roi'. Kết quả là tất cả học sinh của lớp ông này đều đạt thành tích rất tốt (và tỷ lệ lên lớp cũng rất cao). Cái tên của ông toàn trường ai cũng biết (Nếu ông ta treo trong lớp những thanh kiếm thì không chừng tiếng tăm của ông ta có thể bay đến cả Luân Đôn nữa - BD). Tất cả học sinh đều xin được vào lớp của ông (Phải có một con số rõ ràng ở đây chứ không thể nói chung chung được - BD). Rất nhiều học trò sau khi đã tốt nghiệp rồi còn tiếc những lúc 'xếp hàng để được đánh tay' (những cô cậu vừa qua những đợt thi tàn nhẫn để vào trường xong có lẽ còn có cái tình cảm này, chứ về sau tôi e rằng làm gì còn chuyện đó - BD). Như vậy để thấy rằng vấn đề không phải ở chỗ sự trừng phạt thân thể có cần thiết không (Đối với những thầy giáo muốn nổi tiếng e rằng việc này mười phần quan

trọng - BD), nhưng ở chỗ ý nghĩa mà sự trùng phạt thể xác có thể đem lại được”.

Cái đoạn văn này (của bà Dương Thục Huệ) là một trong những sản phẩm văn hóa đặc biệt của cái hũ tương.

Thật ra, cái loại sản phẩm này đã xuất hiện trên thị trường từ thời Tống vào năm 1068. Thời ấy, hoàng đế còn nhỏ lúc học nghe thầy giáo giảng bài thì ngồi, thầy giáo thì lại đứng bên cạnh như học trò.

Thừa tướng kiêm thầy giáo của gia đình là Vương An Thạch vì tôn sư trọng đạo mới đề nghị cho phép thầy giáo cũng được ngồi.

Tin tức của đề nghị này truyền ra, cái vai tương kia liền bắt đầu sủi bọt. Một trong những đại thần kiểu giò bọ tương

dầu là Lữ Hối bèn kêu toáng lên như bị đâm lên đuôi, và đặng đặng sát khí kết tội:

– Vương An Thạch vọng tưởng ngôi cạnh vua khi giảng bài cho vua, muốn xóa bỏ cả cái tôn nghiêm của hoàng đế để đưa cái tôn nghiêm của thầy học hoàng gia lên. Quả là họ Vương không biết gì về sự hòa thuận trên-dưới, mà cũng không biết gì về sự phân biệt vua-tôi!

Ôi thôi! Ngay từ thời cổ cũng đã có những ông giáo lấy làm vinh dự được đứng bên cạnh hoàng đế như thế. Chẳng trách thời nay, cũng có học sinh “xếp hàng để được khỏ tay” và lấy đó làm vinh dự.

Tôi lại nhớ đến năm 1910 - vào những ngày mới thành lập nước Trung Quốc Dân Quốc - có một lão già người

Mãn Thanh bảo hoàng chạy đến trước huyện đường, tụt quần ra sai gia nhân đánh mình một trận bằng roi. Sau đó, dường như thấy người đã nhẹ nhõm, bèn bảo: “Sướng quá! Sung sướng quá! Đã lâu không được thưởng thức cái mùi vị này!” Kiểu biểu diễn này so với việc thích được quất vào tay còn tiến xa hơn một bậc.

Chuyện khó hiểu là: tại sao cái đầu óc nô lệ ở Trung Quốc vẫn không thể chấm dứt được? Mặc dù trong văn hóa Trung Quốc có một số truyền thống rất ư tàn khốc như bó chân đàn bà, thiến đàn ông, và nhục hình bây giờ đều đã bị bãi bỏ.

Bộ Giáo dục nghiêm cấm hình phạt thân thể, đó là một trong những quyết định rất đúng đắn. Không tưởng tượng được vào những năm 80 của thế kỷ XX này mà còn có người muốn đặt lại vấn

đề. Vấn đề ở đây đáng lẽ phải là đối với điều hổ thẹn phải biết hổ thẹn, chỉ có những kẻ mà đầu óc nô lệ đã thâm căn cố đế mới có thể có được cái tài là lấy điều hổ thẹn làm vinh dự.

Mối nguy cơ đích thực của dân tộc Trung Quốc vẫn là có những quái thai như Lữ Hối, như những đứa học trò “thích xếp hàng để được đánh tay”. Nếu những chuyện nhục nhã như thế lại trở thành vinh dự thì trên thế giới này chắc chẳng còn chuyện gì để lấy làm vinh dự nữa.

Những kẻ thích bị sỉ nhục thì hoặc bị mất cảm tính của con người, hoặc tỏ ra không biết; hoặc không quan tâm đến nó; hoặc để trốn tránh trách nhiệm hay có thâm ý gì khác; hoặc chỉ đơn giản vì họ là những kẻ trời sinh ra để làm nô lệ; hoặc đã là nô lệ từ trong bào thai rồi.

Những người chủ trương đánh đòn nhấn mạnh: “thương cho roi cho vọt”. Ôi! Tình thương ơi! Vì người mà con người đã phạm biết bao nhiêu tội lỗi mỗi ngày.

Bố mẹ vì thương mà bó chân con gái mình; nghĩ rằng trong tương lai nó sẽ dễ lấy chồng. Đó cũng là tình thương vậy. “Vua cha” đối với tiện dân thì đánh cho thịt nát xương tan, bởi vì “hình kỳ vô hình” (trong thời gian giam giữ thì không được đánh), đó cũng là tình thương dân như con đỏ.

Cứ thử hỏi một câu: – Thầy giáo đối với học trò, đánh một roi, đó là tình thương? Đánh 10 roi, 100 roi cũng vẫn là tình thương ư? Trên báo đăng chuyện thầy giáo đánh ba bạt tai làm cho học trò bị chấn thương sọ não rồi cũng nhất quyết bảo đó là vì mình thương nó.

Làm sao phân định được ranh giới đây? Làm sao biết được cái hàm ý của nó đúng hay sai? Trong nền giáo dục bằng tình thương làm gì có tiết mục “Tu lý học” (đánh đập học trò)? Còn nếu nói đến “thích đáng” thì thế nào là “thích đáng?” Ai định được tiêu chuẩn? Và làm sao biết được cái nào là hợp tiêu chuẩn?

– Chỉ cốt không gây thành thương tích là được!

Đó là tiêu chuẩn ư?

Trên thực tế, bất cứ một sự trừng phạt thân thể nào cũng đều để lại thương tích. Giống như bảo: “Cứ đút tay vào lò lửa, càng lâu càng tốt, chưa thấy thương tích thì chưa cần rút ra”. Cái ý nghĩa này nghe chừng cũng thảm não chẳng khác nào âm thanh của một bánh xe xì hơi. Bất cứ ai lúc sắp bắt đầu ra tay đánh thì

các thớ thịt đều gồng lên, tròn mắt long lên. Chỉ nội cái dáng điệu khủng khiếp này - thần thái và ánh mắt hung ác - dù chưa đánh thật cũng đã có thể làm cho người sắp bị đánh tổn thương rồi.

Cứ như đứa học trò đứng trước quyền uy tuyệt đối của người thầy, hoặc đứa con trước uy quyền tuyệt đối của ông bố, khi người bố giơ tay lên dọa đánh, đều đã cảm thấy mình bị hạ nhục như thế nào. Rõ ràng chẳng có tình thương gì ở đó cả! Chỉ có cái mầm mống của sự hận thù từ cả đôi bên, bởi vì đó là một thứ lăng nhục đối với nhân cách.

Đến lúc nào học trò không còn thích xếp hàng để được đánh tay nữa, lúc ấy các em mới có thể xóa bỏ được mặc cảm bị sỉ nhục, và lúc ấy sự trừng phạt thể xác mới không còn có ý nghĩa “tốt đẹp” nữa.

Nếu những trẻ em không làm nổi các bài thi lại phải chịu những sự trấn áp, bạo lực thì lòng tự trọng bẩm sinh của trẻ con, cái linh tính và trí tưởng tượng rất đáng quý của chúng e rằng sẽ bị tiêu tan mất.

Có đến 29% thầy giáo, sau khi Bộ Giáo dục nghiêm cấm đánh đòn học trò, đã cảm thấy “lòng lạnh như tro tàn, chẳng còn muốn dạy học nữa”. Những con người văn hóa theo nghề gọi là “gỗ đầu trẻ” này nếu không được phép thi triển cái thủ đoạn đánh đòn học trò quý khốc thân sâu thì họ cảm thấy đành phải thúc thủ, không còn cách nào khác. Như vậy Bộ Giáo dục có lẽ tốt hơn nên mời họ cuốn gói ra khỏi trường và giới thiệu họ đến làm gác cửa cho các sông bạc.

Bá Dương không đủ sức để phản đối 91%, 85%, cả đến 80% những người

đồng ý việc đánh đòn. Nhưng tôi đây có thể hướng về những người học trò bị sỉ nhục, đề nghị một bí quyết như sau: Nếu họ đánh các em, tuy các em không thể đánh lại được ngay bây giờ, nhưng khi lớn lên như một người trưởng thành, thì phải quyết tâm trả mối thù đó. Mười năm chưa có gì là muộn cả. Có những phần tử rất hiếu chiến có thể mắng các em: “Tôi cứ đánh đấy! Mười năm sau rồi ta nói chuyện!” Đối với cái loại rắn vườn này, các em vĩnh viễn đừng bao giờ quên chúng, hãy cứ thật tình hẹn chúng mười năm sau.

Nhưng đây chưa phải là ý chính của tôi.

Cái ý nghĩa chính, khiến lòng tôi thật đau xót, là: qua lần điều tra này (của Trường Đại học Sư phạm công lập Đài Loan) số người thích đánh đòn và những

người thích bị đánh đã chiếm một tỷ lệ quá cao.

Phàm mục đích của giáo dục là bồi dưỡng cái tôn nghiêm và vinh dự của nhân tính. Thế mà ngược lại, hôm nay mọi người đều đồng ý rằng: mục đích của giáo dục là tiêu diệt cái tôn nghiêm và vinh dự của nhân tính đó.

Có thể nói đây là một trong những xì-căng-đan lớn của thế kỷ XX và của vấn đề giáo dục. Điều đó chứng tỏ cái vai tương này không những rất sâu mà tương lại còn đặc nữa. Cho dù bây giờ chính phủ có xuất đầu lộ diện giúp đỡ đi nữa thì một số người cũng khó lòng sửa đổi được.

Vì thế chúng ta có thể nói rằng: cái nền giáo dục của chúng ta quá ư là dị

hình, đã đến chỗ đi ngược lại thiên chức của nó.

Càng nghĩ đến tôi lại càng thấy lạnh xương sống.

Trích từ “Dẫn lên đuôi nó”.

PHẦN III: CÁC BÀI PHÊ BÌNH SÓNG DỮ VỖ BỜ

1. Cái vai tương, một biểu tượng của căn bệnh văn hóa Trung Quốc
2. Làm sao sửa chữa cái bệnh đến chết cũng không nhận lỗi
3. Năng lực suy luận bị trục trặc
4. Nhảy ra khỏi hũ tương
5. Cần dấu cái ác phô trương cái thiện, đừng tự hạ mình
6. Người Trung Quốc hèn hạ
7. Không hiểu được hài hước

8. Có cái văn hóa không có văn minh?

9. Không thể bôi nhọ văn hóa Trung Quốc

10. Văn hóa Trung Quốc, bôi nhọ hay đánh phẩn?

11. Người Trung Quốc vĩ đại

Chữ viết tắt trong bài: BD: Bá Dương,
ND: Người dịch, NHT: Nguyễn Hồi Thủ

CÁI VẠI TƯƠNG – MỘT BIỂU TƯỢNG CỦA CĂN BỆNH VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Khiêu Lập Dân

Trong “Thất thập niên đại Tạp chí”,
Hong Kong, ngày 12-11-1973.

Phàm người Trung Quốc nào còn
quan tâm đến tiền đồ tổ quốc đều có thể
nghĩ đến một vấn đề căn bản sau đây: tại
sao Trung Quốc (từ 1842 đến 1949) lại
yếu thế? Mỹ, Nhật tại sao lại mạnh thế?

Diện tích của Trung Quốc rất lớn
(đứng thứ nhì trên thế giới chỉ sau Liên-

xô), người lại rất đông (vào bậc nhất thế giới), tài nguyên tương đối phong phú. Thêm vào đó, lại có một nền văn hóa mà một số người tự hào là lâu đời tới 5.000 năm. Đáng lý Trung Quốc phải là một quốc gia vào hạng mạnh nhất thế giới mới đúng. Nhưng sự thực lại không phải như vậy. Từ Chiến tranh Nha phiến (1840), bị các cường quốc liên tục đến xâm xé, Trung Quốc phải cắt đất bồi thường, chỉ tỵ nữa là đã bị phân chia.

Đối với câu hỏi trên, chỉ có hai cách trả lời:

Thứ nhất: Đầu óc và sức lực của người Trung Quốc tồi quá.

Thứ hai: Cái văn hóa truyền thống của Trung Quốc có vấn đề.

Đối với cái khả năng thứ nhất, có hai cách giải thích không giống nhau. Cách thứ nhất là: đầu óc, sức lực người Trung

Quốc tồi quá. Có lẽ họ chỉ khá hơn rợ Hung-nô, Đột-quyết và người da đen ở Phi Châu ngày hôm nay (chứ không phải ngày mai), nhưng chắc chắn là thua người Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Nhật.

Cách giải thích thứ hai: trí lực của tổ tiên người Trung Quốc rất khá, ít nhất cũng tài giỏi ở mức độ huy hoàng của những đời Hán, Đường. Nhưng bất hạnh thay, cái trí lực ấy càng ngày càng kiệt quệ, đời sau không bằng đời trước, sau vài trăm năm đã biến thành một dân tộc của những thằng ngu.

Giả sử đúng là trí lực của chúng ta quá tồi, chúng ta phải chấp nhận nó như thế thôi. Nhưng ai đã dạy chúng ta không biết tự mình phấn đấu nhỉ? Căn cứ trên « Định luật sinh tồn - mạnh được yếu thua » thì một đất nước bị biến thành cái loại « thuộc địa hạng bét » như thế bởi vì nó xứng đáng như thế. Nếu nói ngược

lại, giả sử không phải vì trí lực của chúng ta có vấn đề, nhưng vì cái văn hóa của chúng ta có vấn đề, thì tiền đồ của chúng ta còn có thể khá được, nhưng chúng ta phải biết tự sửa mình, can đảm vứt cái gánh nặng văn hóa ấy đi mới được.

Chúng ta vừa nói qua khả năng thứ nhất (trí lực có vấn đề), đó là một khả năng trên mặt lý luận, nhưng không tồn tại trong thực tế. Bởi vì không có một người Trung Quốc nào thừa nhận rằng trí lực của dân tộc Trung Quốc chúng ta lại thấp kém. Đây không phải là một vấn đề cảm tính hoặc vì muốn tự thổi phồng mình lên, nhưng một vấn đề trên mặt lý luận có chứng cứ, không thể phủ nhận.

Những chứng cứ này là gì?

Ta có thể nhìn thấy trong hai sự kiện sau:

1- Phần đóng góp của người Hoa

vào công cuộc phát triển kinh tế ở Đông-Nam-Á.

2- Những thành tựu về học thuật của người Hoa tại Mỹ, những thành quả này làm cho người da trắng vốn đầy tự tôn mặc cảm cũng phải thừa nhận rằng trí tuệ cá nhân người Hoa cao. Nhưng họ cũng biết người Hoa không đoàn kết, không hợp tác với nhau, chống đối nhau một cách kịch liệt và không phát huy được sức mạnh tập đoàn.

Ông Bá Dương trong tập “Đến chết không nhận lỗi” đã đưa ra một cách giải thích tuyệt vời về vấn đề của người Hoa chúng ta:

Một người đến thỉnh giáo một vị cao tăng, hỏi về kiếp trước và kiếp sau của mình. Vị cao tăng đáp bằng mấy câu thơ sau:

Muốn biết kiếp trước thế nào

Cứ xem mình sống ra sao kiếp này
 Đầu thai rồi thế nào đây
 Hãy nhìn vào việc hiện nay đang làm
 [Dục tri tiền thế nhân
 Kim sinh thụ giả thị
 Dục tri hậu thế quả
 Kim sinh tác giả thị]

Bá Dương lại còn than rằng: “Mấy câu danh ngôn này làm cho tôi liên tưởng đến cái văn hóa 5.000 năm của chúng ta”. Muốn biết cái văn hóa này tốt hay xấu, không phải cứ vùi đầu vào nghiên cứu cái đống giấy cũ, mà phải mở to mắt nhìn những tội nợ mà chúng ta đang phải chịu hôm nay thì may ra mới rõ được.

Vấn đề thì rõ ràng có rồi, mà cũng có thể nói rằng đó là vấn đề văn hóa. Vậy

phải đi thêm một bước nữa để tìm cách phân tích nó.

Ông Tôn Quang Hán, một người rất ngưỡng mộ ông Bá Dương, trong bài “Hoàn cảnh và đất đai” có viết:

“Nguyên nhân tại sao Trung Quốc không thể xây dựng được một quốc gia cường thịnh? Đó không phải vấn đề bẩm sinh, nhưng một vấn đề sau khi sinh. Nếu dùng ngôn ngữ của người làm ruộng để nói thì đó không phải là vấn đề ‘giống’ mà là vấn đề ‘đất’.

Đối với thực vật, đất là thổ nhưỡng, thủy phân, không khí, ánh sáng mặt trời, v.v...; đối với một dân tộc, đất là hoàn cảnh, tập tục của nhân tính nói chung.

Cho đến nay thực sự chúng ta chưa sinh sản được những loại cây tốt. Nguyên nhân, nếu không do hạt giống, thì nhất định phải vì đất đai, hoàn cảnh, có gì đó

không thích hợp cho những giống cây này sinh trưởng.

Trong văn hóa và tập tục 5.000 năm của Trung Quốc, ngoài phần tốt ra cũng có phần xấu. Phần xấu này là mảnh đất nơi hạt giống kia không thể lớn lên được. Cái phần văn hóa, tập tục rộng lớn, xấu xa này đúng như ông Bá Dương gọi một cách đơn giản và tóm lược là cái “vại tương”.

Tôi thấy Lỗ Tấn tiên sinh đã sáng tạo ra cái “A Q”, Lý Tông Ngô tiên sinh lại sáng tạo ra cái “Hậu hắc”, sau đó Bá Dương tiên sinh còn sáng tạo ra cái “hũ tương”, ba thứ này đều chí lý cả, chẳng khác nào ba chân của một cái đỉnh.

Nếu nói “A Q” đã vạch trần “nhân tính” của người Trung Quốc, “Hậu hắc” đã tố giác cái “quan tính” của người Trung Quốc, thì “Hũ tương” tựa hồ như gốc gác của hai thứ trên. Tại sao có “A

Q”? Chính do cái “Hũ tương” mà ra!

Thế thì cái “Hũ tương” đây là gì, và có gì ở trong đó? Định nghĩa của ông Bá Dương như sau:

“Một xã hội hỗn độn bị sâu ruỗng và tù hãm, lại bị loại chính trị nô tài thao túng, đạo đức què quặt, nhân sinh quan cá nhân, đồng tiền và thế lực làm vua. Một xã hội như thế làm cho linh tính con người chỉ có xơ cứng và tiêu tan đi thôi”.

Ông Bá Dương còn nói tất cả các thứ trong hũ tương ấy lại để ra những hiện tượng khác như: “sự sùng bái quyền thế một cách mù quáng”, “tính ích kỷ chắc như gông cùm”, “ngôn ngữ bịp bợm”, “mê đắm những xác chết”, “bất hợp tác”, “tàn nhẫn và đố kỵ một cách lạnh lùng, trắng trợn”, “làm phách và ngớ ngẩn”.

Trước khi nói về những sản phẩm

của hũ tương, tôi xin được nói thêm vài câu, vì một khi tràng giang đại hải về hũ tương rồi sợ không thể quay trở lại được nữa.

Một số người yêu nước nghĩ rằng Trung Quốc phải giàu mạnh. Không ai có thể phủ nhận điều đó. Nhưng làm thế nào để giàu mạnh mới là vấn đề. Chẳng lẽ cứ phô trương cái sọ của tổ tiên ra? Cứ trách cứ tổ tiên phỏng có ích gì? Chẳng lẽ cứ trách cứ tổ tiên cho đã đời, rồi thì quốc gia sẽ giàu mạnh lên chăng?

Tôi cho rằng làm như thế không phải là thượng sách. Dân tộc Trung Quốc là một dân tộc bị “bệnh”, năm tháng càng dài thì bệnh càng nặng.

Cái bệnh này bắt nguồn từ thời Hán Vũ Đế sùng đạo Nho, lại càng bị nặng thêm với những thứ kỳ quặc như khoa cử, như Lý học thời Minh, Tống, làm cho dân tộc Trung Quốc hầu như bị tiêu tan

hết linh tính, chỉ còn thoi thóp sống mà thôi.

Những đối thủ ngày trước như Hung - Nô, Đột - Quyết, Khiết - Đan, Tây - Hạ thực ra có một nền tảng văn hóa quá thấp, nên không tránh khỏi bị Hán hóa. Ngay cả sau này Mông Cổ và Mãn Thanh chỉ chinh phục được chúng ta trên mặt võ lực, còn trên mặt văn hóa lại bị chúng ta chinh phục lại. Những chiến thắng về văn hóa này làm cho chúng ta vốn mắc bệnh mà không hề biết.

Cho đến khi nhà Thanh bị ép buộc phải mở cửa cho Tây phương chúng ta mới gặp phải đối thủ lợi hại mà chúng ta chưa bao giờ gặp trước kia. Lúc đó, cái trạng thái bệnh tật nọ mới bị lộ tẩy ra ngoài.

Một dân tộc mắc “bệnh” cũng giống như một cá nhân, nếu không chữa cho hết bệnh thì không có cách nào khá lên

được. Dù dân chủ, dù khoa học, mà ngay cả đến những thứ thuốc bổ nhất thiên hạ cũng chẳng có ích gì cho một người bị bệnh đường ruột và dạ dày quá nặng.

Muốn chữa được bệnh trước hết phải tìm cho ra “căn bệnh”. Không thể vì sợ thuốc hoặc sợ đau mà giấu bệnh được. Nếu cần, dầu phải cưa tay cưa chân cũng kiên quyết làm, dù phải cắt bỏ dạ dày, thay thận cũng không tiếc. Cần phải có cái dũng khí như thế mới có khả năng cải tử hoàn sinh được. Vấn đề cốt lõi ở đây là phải khiêm tốn kiểm thảo căn bệnh văn hóa lâu đời này.

“Căn bệnh” này của dân tộc Trung Quốc xét cho cùng là gì? Lỗ Tấn, Lý Tông Ngô, Bá Dương,... trước sau đều đã chỉ rõ. Nhưng “thuốc thang” thế nào cho khỏi? Vấn đề trị bệnh này còn lớn hơn việc nêu rõ tên bệnh, song cơ hồ các vị đó chưa thấy ai đề cập đến cho chúng ta. Nhưng

nếu suy nghĩ kỹ ta có thể thấy cái “ ý tại ngôn ngoại ” của họ. Dường như trước tiên họ muốn chúng ta cùng tham khảo để thấy rõ từng chứng bệnh một, liệt kê ra từng nguyên nhân của căn bệnh. Để rồi sau đó người Trung Quốc - những ai còn biết suy nghĩ - từng người một nhìn vào những bệnh chứng này mà suy xét, cái nào xấu thì bỏ đi, cái nào không xấu thì giữ lại.

Nếu những người có lòng này càng ngày nhiều, “cái bỏ đi” và “cái giữ lại” càng ngày càng lớn. Như thế, tất chẳng mấy chốc cái bệnh lâu đời đó của dân tộc Trung Quốc sẽ không thuốc mà tự lành. Cái này có lẽ sẽ dính dáng đến vấn đề “biết dễ, làm khó” hoặc “biết khó, làm dễ” mà ở đây chúng ta không bàn đến.

Trong bài “Đến chết không nhận lỗi” (ở tập “Đập vỡ hũ tương”) có đoạn như sau:

“Có kẻ cho rằng người Trung Quốc bản thân không xứng đáng, cho nên mới để cho nước nhà ra nông nổi này. Không những không biết tự trách móc mình, mà trái lại, họ còn tức tối, đi trách cứ tổ tiên cái này không đúng, cái nọ không đúng, làm họ phải chịu hậu quả. Thay vì xây dựng một giang sơn tốt đẹp để họ được hưởng phúc lộc thì tổ tiên để lại cho họ một đất nước như thế”.

Đối với cách nói ấy, ông Bá Dương đã trả lời:

“Điều này chả khác chuyện cha với con. Nếu con khá giả, thông minh linh lợi, học qua được đại học, thế mà đời lại hỏng thì đương nhiên không thể trách cứ được bố nó: mà nó chỉ có thể tự trách mình không xứng đáng. Nhưng nếu như đứa con từ khi sinh ra đã bị vi trùng lậu làm cho hỏng mắt, lại bị di truyền làm

cho dở điên dở khùng, ngớ ngớ ngẩn ngẩn, lang thang đầu đường xó chợ xin ăn kiếm sống thì cái trách nhiệm của nó quá nhỏ. Nếu nó có mở mồm trách bố nó tại sao lại mắc bệnh phong tình, trách mẹ nó vì sao không chữa khỏi bệnh đi, thì chúng ta cũng không thể nhẫn tâm bắt nó im mồm được”.

Các sản phẩm của cái hũ tương mà ông Bá Dương đã nói đương nhiên không nhất thiết cái nào cũng hoàn toàn đúng, nhưng ít nhất cũng có một phần không sai. Văn chương ông Bá Dương xưa nay vốn mạch lạc phân minh, chỉ tiếc lúc nói về những sản phẩm hũ tương, hành văn lại hơi lộn xộn, có lúc lung tung lạc đề. Lúc thì vụt một cái lộn trở lại, lúc vụt một cái lại phóng đi.

Chúng tôi xin trích một phần giới thiệu nhỏ dưới đây - đã qua một lần chỉnh

lại theo nguyên tắc giữ đúng nguyên ý tác giả - để người đọc đối chiếu với nguyên văn làm bằng chứng:

Sản phẩm đầu tiên của hũ tương là sự sùng bái quyền thế một cách điên cuồng. Ở Trung Quốc thời cổ, người có quyền thế tối cao là Hoàng đế. Đối với ông ta những nguyên tắc luân lý đều vô nghĩa. Thân thuộc nhánh bên (không phải trực hệ) ở trước mặt Hoàng đế bất quá chỉ là “thần”, là “nô tài”, (Ví phỏng Hoàng đế đã được tấn phong, cho dù là bố mẹ cũng không được là ngoại lệ). Đối với cái thứ tính cách oái oăm trái với luân lý này (quan tính lớn hơn nhân tính), một loại đạo đức dị hình, không những không ai phản đối mà còn cho là ý trời, nghĩa đất.

Về mặt hoang dãm trong đời sống cung đình thì những Hoàng đế Tây phương còn phải kém xa. Chưa cần bàn đến cái “Ba nghìn người đẹp trong hậu

cung” của thời Đường, ngay thời Chu vương triều, thiên tử có thể có tới 121 bà vợ một cách hợp pháp.

Theo “Nội tắc” trong “Lễ ký” chỉ đề sắp xếp cho chu tất chương trình hàng ngày của cái việc “điên loạn đảo phụng”, sao cho cả hơn trăm bà đều được thấm đượm ơn mưa móc của nhà vua cũng đã là một điều khổ tâm rồi; chưa kể những chuyện ghen tuông tranh giành giữa các bà.

Tất cả các ông thánh đối với mấy việc này không những không phản đối, mà họ còn biến các loại “dâm đồ” này thành thiên tử thánh thần, biến cái kiểu “chơi loạn chơi tạp” này thành ra phép tắc chính thức của quốc gia, xã hội. Vì vậy Bá Dương cho rằng:

Thánh nhân không những chỉ hùa theo mà còn là đầu sỏ, cùng phạm tội với những kẻ có quyền và bọn dâm đồ.

Quyền lực nào khác xằng dẫu, thánh nhân không những không tìm cách để phòng sự dễ cháy của nó mà lại còn châm lửa thì khi nó bốc lên làm sao mà dập được?

Bá Dương cho là quyền lực của Hoàng đế Tây phương luôn luôn bị thành phần trí thức giới hạn, giám sát. Nhưng ở Trung Quốc thì các ông thánh lại vì phe nắm quyền mà phát minh ra thứ triết học kỳ quặc kiểu như sau:

“Khắp dưới gầm trời không có chỗ nào không là đất của nhà vua. Tất cả các kẻ sĩ trong thiên hạ có kẻ nào mà không phải là tôi của nhà vua”. Thì ra, sinh mạng tài sản của nhân dân đều do cái tên “đại dân đồ” đó ban cho. Chẳng trách cái thằng chơi gái thú dữ đó cứ muốn làm gì thì làm.

Khi sự tôn sùng quyền thế là nền tảng của 5.000 năm văn hóa truyền thống thì

cái quan hệ giữa người và người chỉ có sự “kính và sợ”, còn sự “thương yêu” thì không đáng kể. Cái gọi là “nhân” chỉ là thứ tìm thấy trong sách vở, khó mà gặp được trong hành động. Vả lại, chữ “nhân” này tựa hồ không có tính cách bình đẳng của hai bên cùng được lợi.

Sùng bái quyền thế một cách tuyệt đối đưa đến một nền chính trị nô tài và cái đạo đức dị hình, không còn tiêu chuẩn về thị phi, chỉ còn cái tiêu chuẩn vụ lợi bất kể phải trái. Chỉ còn một con đường là tiền tài, phú quý, công danh. Mọi người đều phải gọt đầu cho nhọn để liều mạng chui vào chỗ quan trường. Chỉ cần tôi có thể làm quan thì bất tôi làm gì tôi cũng làm.

Như Đào Uyên Minh - không vì năm học thóc mà uốn cong lưng - thì có được mấy người?

“Mười năm tân khổ” chẳng vì ng-

hiên cứu phát minh, chẳng vì viết sách lập thuyết, chẳng vì bôn ba cách mạng, mà chỉ vì “một ngày thành danh”. “Thành danh” ở đây có nghĩa là làm quan vậy.

Xưa nay, việc làm quan hấp dẫn người ta như điên cuồng cũng bởi vì:

1- Có quyền trong tay, dù ở cấp bậc nào (tùy quan lớn nhỏ) cũng muốn gì được nấy.

2- Được mọi người sùng bái.

3- Học vấn trở thành uyên bác (Đối với người Tây phương: tri thức là quyền lực. Đối với người Trung Quốc: quyền lực là tri thức).

4- Tài sản được gia tăng (Người Tây phương lấy buôn bán làm nguồn gốc của sự giàu sang. Người Trung Quốc trọng sĩ, khinh thương; lại bị ảnh hưởng của cái “Hà tất viết lợi” của Mạnh Tử).

Sở dĩ mồm không nói đến lợi, nhưng trong bụng lại nghĩ đến lợi một cách sống chết, vì thế mới làm quan để vợ vét. Chuyện tên đạo tặc khét tiếng Trịnh Chúng đời Nam Tống, sau khi quy hàng được bổ làm quan, bị đồng liêu coi rẻ, y tức mình bèn có thơ rằng:

Các vị làm quan để ăn trộm,

Trịnh Chúng ăn trộm mới làm quan!

(Các vị tổ quan hựu tổ tặc,

Trịnh Chúng tổ tặc tài tổ quan)

Đúng là một câu nói toạc móng heo cái việc làm quan!

Tôn thờ quyền thế quá độ - không cần nói đến trường hợp chính trị, học thuật - ngay cả đến tình hữu nghị giữa người với người cũng biến chất, biến thành thiên cận, thành thế lợi.

**LÀM SAO SỬA CHỮA CÁI BỆNH
ĐẾN CHẾT CŨNG
KHÔNG NHẬN LỖI**

Xã luận đăng trong tờ “Tin nhanh
tiếng Hoa”,

New York, ngày 12 tháng 8 năm
1981.

Nhà văn Đài Loan nổi tiếng Bá
Dương đang đến thăm nước Mỹ, trong
bài diễn thuyết hôm qua tại đây ông có
nói rằng dân tộc Trung Quốc sở dĩ ngã

một lần mà không dậy được nữa chủ yếu vì cái tính “đến chết cũng không nhận lỗi”.

Cách nhìn này của ông Bá Dương tuy chỉ là một sự thực hiện nhiên - không phải một phát hiện gì mới - nhưng không phải vì thế mà không là một phán đoán rất sâu sắc.

Chúng ta hãy thử nghĩ xem: những chính sách lừa nước hại dân, khu khu cố chấp của mấy chục năm gần đây ở Trung Quốc có phải vì cái tính đến chết cũng không nhận lỗi ấy mà ra sao? Cứ cho dù không phải hoàn toàn đúng như thế, nhưng trên thực tế cũng chẳng sai là bao nhiêu.

Và nếu ta nhìn rộng ra thì việc giữ thể diện, việc đến chết không nhận lỗi cũng chỉ là bản tính thông thường của toàn nhân loại, là khuyết điểm của tất cả các dân tộc và cộng đồng.

Kinh Thánh của đạo Cơ đốc nói mỗi người có hai cái túi. Cái túi đằng trước chứa các lỗi lầm của kẻ khác, cái túi đằng sau lưng chứa lỗi lầm của mình.

Nói cách khác, con người ta chỉ thích nói đến những chỗ không hay của kẻ khác mà không thích nói thật về cái sai của mình. Từ 2.000 năm trước cũng đã thế rồi, đến chết không nhận lỗi đã là cái bệnh chung của con người chứ không cứ chỉ của riêng người Trung Quốc.

Cái tính của con người vốn đều như vậy. Nhưng sao các quốc gia phương Tây lại bỗng tiến bộ vượt bậc về các mặt chính trị kinh tế, văn hóa, còn người Trung Quốc lại như thế? Có gì mâu thuẫn ở đây chăng?

Theo ý tôi câu trả lời cho việc này có liên quan đến vấn đề chế độ chính trị.

Nếu mỗi người đều có hai cái túi, cái

đằng trước đựng các lỗi lầm của người, cái đằng sau đựng các lỗi lầm của mình, thì mỗi người đứng ra phải đem những cái gì trong cái túi ở sau lưng mình mà bỏ vào cái túi ở đằng trước của người khác để có thể xem cho tỏ tường.

Vì nếu như mọi người đều đồng ý mở cái túi ở đằng trước mình, công bố toàn bộ tất cả, thì những cái sai lầm trong cái túi ở đằng sau của mọi người tất nhiên cũng phải lộ ra, không có cách gì dấu được, chối được.

Chế độ này gọi là tự do ngôn luận, chính nó là dân chủ.

Tự do ngôn luận, dân chủ là một thứ linh đan rất hiệu nghiệm để chữa chứng bệnh “Đến chết cũng không nhận lỗi”. Trái lại, nếu không có dân chủ, kẻ có quyền thế sẽ bịt mồm những kẻ thấp cổ bé họng; bọn có quyền thế lúc ấy chỉ nhìn thấy cái túi của bọn không có quyền

kia ở trước mặt chúng mà thôi. Còn bọn chúng lại bịt kín cái túi chứa lỗi lầm của chúng lại.

Không được nói đến, các lỗi lầm của những kẻ nắm quyền sẽ vĩnh viễn không lộ ra ngoài, và vì thế cũng không bao giờ có cơ hội để được sửa sai. Cho đến lúc cái sai lầm này trở thành quá lớn thì toàn bộ xã hội sẽ mắc phải tai ương.

Các quốc gia Tây phương có sai lầm không? Đương nhiên là có, và nhiều cái sai lầm cũng chẳng phải nhỏ gì.

Ví dụ sự bóc lột giai cấp thợ thuyền trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, sự áp bức các dân tộc bị trị dưới chế độ thuộc địa trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa đế quốc. Đó đều là những lỗi lầm to lớn.

Nhưng vì họ có dân chủ nên không đi bịt mồm mọi người. Vì vậy ngay tại

Luân Đôn, Các-Mác vẫn có thể mở Đại hội Cộng sản Quốc tế đầu tiên, phát biểu Tuyên ngôn Cộng sản mà không bị cấm đoán - đó là một dẫn chứng không thể phản bác.

Cho nên, dưới các chế độ tự do dân chủ, những lỗi lầm của họ không ngừng được đưa ra ánh sáng, và nhờ thế không ngừng được sửa sai. - Quốc hội được thành lập, các pháp chế bảo vệ quyền lợi công nhân đã ra đời, đời sống công nhân được cải thiện rất nhiều. Sau đó, những bài học của hai trận Đại chiến Thế giới cũng đã đưa đến cơ hội độc lập cho các thuộc địa.

Khổng Tử tán dương vua Vũ rằng: “Văn quá tắc hỷ” (Nghe được lỗi lầm của mình thì rất mừng): lại nói: “Thánh nhân chi quá, như nhật nguyệt kinh thiên” (Sự sai lầm của thánh nhân như mặt trời và mặt trăng đi qua trên bầu trời), ý nói

những người bình thường, vì khác với thánh nhân, mới đi dấu điểm những lỗi lầm của mình.

Khổng Tử tuy hy vọng mỗi người bình thường đều trở thành thánh nhân, nhưng lại không hề đưa ra được phương pháp tu thân cụ thể nào khả dĩ áp dụng được trong thực tế để đạt đến mục đích.

Trong khi đó, người phương Tây lại nghĩ ra cách dùng chế độ dân chủ biến mỗi người làm chính trị trở thành một ông thánh, hoặc ít nhất cũng có khả năng trở thành ông thánh trong việc xử lý những sai lầm của mình khi nắm quyền. -

Vì “Như mặt trời và mặt trăng đi qua trên bầu trời”, tất cả mọi người ai cũng đều nhìn thấy, nên không thể nào có sai lầm mà không chịu sửa chữa. Cứ thử nghĩ cho kỹ ta sẽ thấy cái công dụng của chế độ này to lớn là nhường nào!

Từ chuyện này chúng ta có thể rút ra một kết luận: Nếu chúng ta muốn mỗi người đều tự giác nhận lỗi của mình, dù chẳng phải để trở thành thánh cả, thì chỉ có một phương pháp duy nhất là thực hành dân chủ.

Dân chủ làm cho mỗi người không thể dấu diếm lỗi lầm của mình, tự nhiên có thể sửa đổi được cái tính “ Đến chết cũng không nhận lỗi ” kia.

Cho nên nếu hỏi Trung Quốc cần gì, cầu gì, thì chỉ có một thứ duy nhất mà thôi, đó là dân chủ.

NĂNG LỰC SUY LUẬN BỊ TRỤC TRẠC

Xã luận, trong tờ “Tin nhanh tiếng
Hoa”,

New York, ngày 13 tháng 8 năm 1981

Nhân bài diễn thuyết của ông Bá Dương về việc người Trung Quốc “đến chết cũng không nhận lỗi”, hôm qua trong mục xã luận chúng tôi đã nói rõ là để sửa chữa chứng bệnh này chúng ta không nên hy vọng vào sự “tự mình tỉnh ngộ” nơi mỗi cá nhân con người.

Kỳ vọng vào sự tỉnh ngộ của một

cá nhân chẳng khác nào như bảo rằng: “Mọi người ai cũng là Nghiêu Thuấn cả!” Đó là chuyện nằm mơ giữa ban ngày.

Chúng ta chỉ có thể sửa đổi chế độ chính trị, dùng áp lực của chế độ bắt những người không tự nguyện sửa đổi lỗi lầm không còn đường tránh né, không sửa không được. Chỉ có cách giải quyết đó mới thích đáng.

Nói đến những khuyết điểm của người Trung Quốc, chúng ta lại liên tưởng tới một vấn đề khác, đó là cái lô-gíc của người Trung Quốc. Có thể nói so với cái lô-gíc của người phương Tây thì cái lô-gíc của người Trung Quốc kém hẳn một bậc.

Mỗi một dân tộc đều có cái ưu và khuyết điểm của nó. Cái năng lực về trực giác của người Trung Quốc có thể nói là đứng vào hạng nhất thế giới, Tây phương cũng không thể sánh kịp. Điều này thật

rõ qua những phát minh ra la-bàn (Kim chỉ Nam), thuốc súng, v.v...

Người Trung Quốc bằng trực giác đã có thể tìm ra những thứ này trước bất kỳ quốc gia nào cả vài trăm năm hoặc cả nghìn năm. Nhưng người Trung Quốc vẫn chưa từng sáng tạo được khoa luận lý học. Vì vậy, tuy chế tạo ra la-bàn, thuốc súng, nhưng lại chẳng hiểu gì về nguyên lý khoa học của chúng. Thậm chí ngay đến cả thời nay Trung Quốc cũng không có khoa lô-gíc học như một bộ môn khoa học. Thế mà Tây phương từ rất sớm - ở thời đại A-ri-xtốt - đã tìm ra những nguyên lý của lô-gíc học và sử dụng nó như một công cụ.

Ông Bá Dương đơn cử những ví dụ để nói lên chuyện người Trung Quốc đến chết cũng không nhận lỗi. Kỳ thực người Trung Quốc đã thấy tầm quan trọng của

điều này từ lâu rồi. Hơn 2.000 năm trước Khổng Tử đã thành khẩn khuyên răn: “Quá như năng cải, thiện mạc đại yên” (Không có việc gì lớn lao hơn là biết sửa chữa lỗi lầm của mình). Nhưng phương pháp mà Khổng Tử đề xuất là mỗi người phải học theo Nghiêu Thuấn, đó là một phương pháp giải quyết bằng trực giác.

Đương nhiên, nếu mọi người đều có thể biến thành Nghiêu Thuấn thì còn gì bằng. Nhưng đáng tiếc rằng sự thực lại không thể nào như thế được. Cho nên cái phương pháp biến mọi người thành Nghiêu Thuấn rốt cuộc chẳng khác nào là không có phương pháp. Kết quả là sau 2.000 năm đế vương cũng đã chẳng biến được thêm một kẻ nào thành Nghiêu Thuấn cả.

Nếu người Trung Quốc biết vận dụng lô-gíc để suy nghĩ thì đã tìm ra được chế

độ dân chủ từ lâu, đã dùng được tự do ngôn luận để sửa đổi những lầm lạc của các kẻ thống trị.

Dưới chế độ dân chủ của nước Mỹ, Nixon phạm một cái lỗi nhỏ là muốn ăn cắp các văn kiện của đảng đối lập, kết quả bị tờ Bưu báo Hoa-Thịnh-Đốn (Washington Post) tố giác, muốn che đậy mà không che đậy nổi, rốt cuộc buộc phải từ chức Tổng Thống. Cho nên dưới chế độ dân chủ không có cách nào giấu được những sai lầm, có lỗi tất phải chịu trách nhiệm, không sửa chữa không được.

Ngược lại, ở Trung Quốc lục địa dưới chế độ độc đảng chuyên chế, trận động đất lớn tại Đường Sơn (1976) phải đến bao nhiêu năm sau này chúng ta mới biết được đã có bao nhiêu người bị thiệt mạng!

Trong tai vạ mười năm do bọn “Tứ

nhân bang “ (Bè lũ bốn tên) gây ra, số người chết oan trong toàn quốc có đến bao nhiêu triệu. Nếu bọn “ Tứ nhân bang “ không bị tan rã và bị xử tội, có lẽ đến ngày hôm nay chúng ta vẫn còn bị lừa bịp bởi cái “ Bất đoạn đấu tranh luận “ (Thuyết đấu tranh không ngừng) do Mao Trạch Đông nghĩ ra và nói rằng dùng nó để xây dựng thiên đường cho nhân dân Trung Quốc.

Những chế độ không dân chủ, tức không có chân lý, tức không thể sửa đổi lỗi lầm, điều này chẳng phải đã rõ như ban ngày ư?

Thế mà cho đến hôm nay vẫn còn nhiều người Trung Quốc tin rằng những kẻ thống trị sẽ tự động biến thành Ng-hiêu Thuấn, không cần có quyền lực khác để chế ngự và xét đoán, không cần có dân chủ để giám sát, lại cũng không cần có cả tự do ngôn luận để tố cáo!

Điều này chẳng phải đã chứng minh rằng người Trung Quốc không có một tý gì đầu óc lô-gíc ư? Bất cứ kẻ thống trị nào cũng đều ghét cay ghét đắng dân chủ, bởi vì nếu có dân chủ tức thì họ sẽ bị dân chủ tước bỏ tất cả những đặc quyền.

Điều kỳ quái là ở Trung Quốc có nhiều kẻ cũng hùa theo tập đoàn thống trị mà rêu rao rằng: “Dân chủ Tây phương là dân chủ của giai cấp tư sản, đó là một chế độ phản động”: mà nghịch lý thay những kẻ bị thống trị này lại chẳng có gì để mất vì chế độ dân chủ, cái đầu óc lý luận của họ quả tình bị trục trặc gì đó.

Điều này là một khuyết điểm rất đáng lo ngại của người Trung Quốc chúng ta.

NHẢY RA KHỎI HỮU TƯƠNG

Xã luận trong “Bắc Mỹ nhật báo”,
New York, ngày 24 tháng 8 năm 1981.

Ông Bá Dương, nhà phê bình xã hội rất nổi tiếng ở Đài Loan một thời, có một ngòi bút hài hước chứa chất chua cay; cơn thịnh nộ và lời chửi mắng của ông thường bắt người ta suy nghĩ và lo âu.

Văn ông tiêu biểu cho loại văn phê bình ra đời sau khi Trung Quốc thoát khỏi ách của thời đế chế. Ông từng ngồi tù mười năm - có thể nói đấy cũng là vận mệnh của một nhà phê bình xã hội giữa

thời văn hóa và chính trị chưa chuyển mình.

Hãy xếp lại một bên cảnh ngộ của ông, và mặc dù có thể làm cho những người yêu quý ông méch lòng, chúng ta hãy từ góc độ lịch sử thử bình luận về những phương thức lập luận của ông trong bối cảnh phê bình xã hội Trung Quốc cận đại xem nó như thế nào.

Hôm trước ông Bá Dương lấy đề tài là: “Người Trung Quốc và cái hũ tương” để diễn giảng tại New York. Đương nhiên “Hũ tương” không phải là một khái niệm duy nhất mà ông nghĩ ra, nhưng vì từ trước đến nay ông vẫn dùng nó để giải thích những hiện tượng bệnh hoạn của xã hội Trung Quốc, nên ở đây chúng tôi mới lấy nó làm đối tượng.

“Hũ tương” được dùng làm một phép ẩn dụ tuyệt vời. Bởi vì đó là một

hình tượng rất gần gũi đời thường, làm cho thoáng một cái, trong lòng, trước mắt, mọi người ai cũng có thể hình dung được cái xấu xa về tình trạng nhiều bệnh tật của xã hội Trung Quốc. Sự thực đây cũng là cái chức năng cơ bản của các nhà tư tưởng: đề xuất ra những khái niệm để cho mọi người có thể tìm thấy được ý nghĩa trong cái phức tạp rối ren.

Về phương diện này ông Bá Dương đã góp phần mở mang dân trí, cái công ấy không phải nhỏ. Điều chúng tôi muốn nói là: Cái loại khái niệm này có công dụng nêu lên những hiện tượng xã hội làm tiêu đề nhưng không giải thích được chúng. Nghĩa là thế nào?

Hãy lấy một ví dụ: Nếu ta tìm thấy một tương quan giữa hiện tượng phân phối của cải, tài sản trong xã hội Trung Quốc với các hiện tượng thuộc về “hũ tương” kia, tất có thể dùng sự phân phối

tài sản này để “giải thích” những hiện tượng xã hội nọ.

Hơn nữa chúng ta có thể suy ra rằng chính sách thuế má và chế độ tài chính có thể uốn nắn các hiện tượng “hũ tương” này. Nhất là khi một số ít người kiểm soát sự phân phối tài sản trong một cơ quan (bằng hình thức lương bổng chẳng hạn) thì tất yếu sẽ đưa đến những sự chui luồn, đấu đá ở trong đó.

Nếu không nhìn thấy được cái tương quan giữa phương thức phân phối của cải và hiện tượng chui luồn thì mặc dù nhiều người “ý thức” được những hội chứng « hũ tương » một cách chung chung, nhưng các hành vi “hũ tương” đặc thù này e rằng vẫn bị xem như chỉ giới hạn trong sự chia của cải thôi và như vậy sẽ không thể nào sửa đổi được.

Đương nhiên, sự phân phối của cải chỉ là một ví dụ, những tiến trình bầu

cử, tố tụng, v.v... đều có thể lấy ra làm các ví dụ khác.

Ở đây không bàn đến giá trị văn chương, chỉ nói đến ý nghĩa xã hội, thì trong vòng 100 năm nay ở Trung Quốc, tất cả các ông tiến sĩ chính trị học, xã hội học cũng chỉ đáng xách dép cho ông Bá Dương trong việc làm cho nhân dân ý thức được các thói hư tật xấu của xã hội Trung Quốc.

Trong quá trình cải thiện cách cư xử của người Trung Quốc chúng tôi chỉ hy vọng mọi người phân biệt được hai điểm: Một mặt làm sao kêu gọi được ý thức của từng cá nhân, và một mặt là khơi dậy ý thức xã hội, một thứ ý thức vượt lên trên vương quốc cá nhân.

Vì chủ yếu nhắm vào ý thức cá nhân, nên ông Bá Dương không tránh khỏi bị mỉa mai, chê cười, chửi bới từ mọi phía.

Nhưng dù sao đi nữa, cái đóng góp của ông vào sự nghiệp xây dựng dân tộc Trung Quốc đã vượt xa hơn hàng vạn lần các vị được gọi là “học giả”.

**CẦN DẤU CÁI ÁC PHÔ TRƯỞNG
CÁI THIỆN, ĐỪNG TỰ HẠ MÌNH,
Kiến nghị và phê bình đối với ông Bá
Dương.**

Từ Cần

“Hoa Kiều Nhật báo”, New York,

ngày 11 tháng 9 năm 1981

Độc báo thấy tin ông Bá Dương viếng nước Mỹ, tôi rất cảm thương cho những gì ông đã trải qua. Bây giờ ông có thể sang đây, những người quan tâm đến ông không khỏi lấy làm mừng. Vì không

Người Trung Quốc xấu xí

ít người vẫn kỳ vọng nơi ông, mong ông có thể soi sáng phần nào những ưu tư của người Trung Quốc hôm nay.

Ông đến đây, lại vẫn cường điệu về cái gọi là “văn hóa hũ tương”. Cái văn hóa 5.000 năm của Trung Quốc khai sáng từ Đường tông, Tống tổ bỗng bị ông sổ toẹt và vứt vào đồng rác, làm cho lòng tin và kiêu ngạo về văn hóa của chúng ta bỗng như bị dội một gáo nước lạnh. Lời nói của ông Bá Dương tôi tin rằng nó được thốt từ trong đáy lòng và dựa trên những kinh nghiệm đau thương của bản thân ông. Nhưng với địa vị trên văn đàn của ông hôm nay - nhất là trong lúc ông có thể ảnh hưởng đến không ít người - thì ông không thể nào trắng trợn đùa cợt chửi bới lung tung được. Cho nên đối với cái lý luận “hũ tương” của ông lần này tôi muốn đóng góp một vài lời phê bình không ác ý.

Ông Bá Dương không những chỉ tạt nước lạnh vào bao người, đả kích lòng tự tôn về văn hóa của bản thân chúng ta, mà lại còn giơ ra trước mặt người nước ngoài những thứ như hoạn quan, bó chân để họ cười vào mũi chúng ta nữa.

Thực chất cách nhìn của ông Bá Dương là một cách nhìn cực đoan nên mới hiểu lầm rằng hoạn quan, bó chân là những khuyết tật văn hóa. Thật ra những thứ ấy chỉ là những hành vi tàn khốc, bắt nguồn từ dục vọng cá nhân của các hôn quân độc tài, chuyên chế, hoàn toàn không thuộc về nền văn hóa chân chính của Trung Quốc.

Lấy một ví dụ: hậu thế vẫn cho rằng các luật thơ của Đường thi gò bó thơ ca. Nhưng thơ của người đời Đường sinh động, tự nhiên: luật thơ Đường được hình thành dựa trên ngôn ngữ và mức độ văn tự của thời đại nó. Đó là một

tinh thần thơ chân chính, chủ trương tự nhiên và sáng tạo. Người đời Đường không hề cần hậu thế lấy luật thơ của họ làm chuẩn. Chỉ vì hậu thế bỏ gốc lấy ngọn mà cho rằng nó gò bó.

Lại dựa vào thói quen trong cuộc sống mà nói thì cái áo “kỳ bào” là một thứ phục trang của dân tộc Mãn, vốn yêu kiều, đẹp dễ. Nhưng cái “kỳ bào” đời nay lại bó người, xẻ cao, chẳng còn được vẻ gì của ngày xưa nữa.

Đương nhiên chúng ta cũng không thể coi nhẹ tập quán độc ác của tổ tiên như hoạn quan, bó chân, nhưng chúng ta đều biết rằng truyền thống Trung Quốc vẫn có cái đức tính “ẩn ác, dương thiện” (Giấu điều ác, phô trương điều thiện).

Cứ như việc khai phá miền Tây nước Mỹ chẳng hạn, hiện đang được ca tụng như một bộ sử thi về lập nghiệp và phấn đấu, như những truyện cổ đầy tính

truyền kỳ và lãng mạn. Nhưng những gì đen tối và tàn khốc của thời ấy - mặc dù về mặt nào đó rất quan trọng - lại bị xóa bỏ đến dấu vết cuối cùng.

Các nhà nghiên cứu Tây phương chân chính không những chỉ ca ngợi mà còn rất thán phục cái đẹp và tinh tế của văn hóa Trung Quốc.

Nhật Bản đã hoàn toàn bắt chước phương Tây từ thời Minh Trị Duy Tân, song từ thời Ê-đô (1600 -1867) trở về trước đối với nền văn hóa Trung Quốc người Nhật lúc nào cũng phục sát đất.

Tinh thần văn hóa cơ bản của nước Nhật chẳng phải đã đến từ Trung Quốc hay sao?

Một nhà danh họa Nhật thế kỷ thứ XVIII, Tạ Xuân Tinh, không những lấy tên Trung Quốc, vẽ tranh Trung Quốc mà lại còn làm thơ Trung Quốc và được

mọi ca tụng là “một người Trung Quốc chính hiệu”.

Mặc dù được ca ngợi như một nước văn minh tiên tiến của thế giới, Nhật Bản ngày nay từ trong nhà ra đến ngõ đều mang dấu vết sâu sắc của ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc. Bây giờ họ tìm cách phân định ranh giới, phủ nhận quan hệ huyết thống với người Trung Quốc, quên hẳn cái khẩu hiệu “đồng văn đồng chủng” (cùng chữ viết, cùng nòi giống) trong thời kỳ Chiến tranh Trung - Nhật. Nhưng dù sao họ cũng không hề dám chối bỏ văn hóa Trung Quốc. Vì lý do gì?

Nếu là người Trung Quốc, có lẽ chúng ta cũng nên tự hỏi: văn hóa Trung Quốc là cái thứ gì? Chúng ta hiểu được nó đến đâu? Tại sao lại cứ đi chà đạp lên cái văn hóa đẹp đẽ thuộc về chúng ta, mà nhất thiết cho rằng cái vận xấu của người Trung Quốc ngày nay là do lỗi của

cái “văn hóa hũ tương”. Như vậy có phải là lý luận không?

Trung Quốc hiện có hơn 800 triệu người (năm 1981?). Cái việc cần kíp hiện nay là làm sao cho số người ấy đoàn kết với nhau và có được hạnh phúc. Ngay cả những người Trung Quốc ở Đài Loan chắc cũng nghĩ như vậy.

Để có điều kiện quốc phòng khả dĩ tự vệ được, nhân dân trẻ già lớn bé đều có cơ may được giáo dục, cái duy nhất có thể giúp cho một số đông người đi lên văn minh hiện đại - mà tinh thần vẫn còn có chỗ nương tựa - thì không phải văn hóa Tây phương, cũng không phải văn hóa Nhật Bản có thể làm được, mà chính là cái truyền thống văn hóa cổ xưa của chúng ta. Nó đã tích tụ những kinh nghiệm nhân sinh rất sâu sắc, có những tư tưởng khoa học rất phong phú, có thi ca, văn tự tốt đẹp, lại có cả mỹ thuật,

công nghệ, kiến trúc, âm nhạc, trang phục, v.v... muôn màu muôn vẻ.

Chỉ có văn hóa Trung Quốc mới có thể đưa chúng ta lên con đường văn minh, đưa 800 triệu người Trung Quốc đến con đường hạnh phúc được.

Người Nhật Bản đã dùng qua, đã tìm thấy lợi ích. Người Tây phương cũng đang nghiên cứu học tập nó. Chúng ta - những người thuộc về chính nền văn hóa đó - chúng ta lại lại nỡ lòng nào đi bêu riếu nó. Làm như vậy không những gây nguy hại đến tiền đồ quốc gia dân tộc mà lại còn trở thành lũ cháu con bất hiếu nữa.

Hãy dừng để cho người Nhật Bản nói rằng chỉ có họ mới là con cháu thừa kế chính thức của nền văn hóa Trung Quốc. Chúng ta phải mở to mắt ra mà nhìn cho rõ, suy cho kỹ, phán đoán nhiều, giống như ông Bá Dương bảo cần

suy nghĩ, bồi dưỡng năng lực phán đoán chính xác; trước tiên là cho hạnh phúc bản thân mình, sau đó cho hạnh phúc của 800 triệu người Trung Quốc khác .

NGƯỜI TRUNG QUỐC HÈN HẠ

Vương Diệc Lệnh

“Luận Đàn báo”, Los Angeles, ngày
2/1/1985,

“Bách Tính bán nguyệt san”, Hương
Cảng, ngày 16/1/1985,

“Tin Nhanh tiếng Hoa”, New York, ngày
11/2/1985.

Tôi vừa được đọc “ Người Trung Quốc xấu xí ” của ông Bá Dương, cảm thấy trong lòng bức bối không thể không nói ra được.

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

Một trăm năm trở lại đây người Trung Quốc thật khổ, thật đáng thương, mà tình hình ngày càng tệ hại. Ban đầu, cái khẩu hiệu của Dương Vực Phái: “Trung học vi thể, Tây học vi dụng” (Học truyền thống Trung Quốc để lấy làm thể chất, học theo Tây phương để làm công dụng) cũng còn có cái gì đó chưa đến nỗi lạc điệu lắm. Điều này có tính khả thi hay không thì chưa biết, nhưng nó còn có cái tâm ý muốn duy trì cái “thể chất” Trung Quốc. Về sau, dần dần “thể chất” này cũng không ai cần nữa, chỉ còn lời oán trách tại sao bố mẹ lại cho mình cái đầu tóc đen, cái bộ da vàng, giắt cũng không được, vứt cũng chẳng xong: rồi ta thán rằng: “Trắng ở nước ngoài tròn hơn trắng Trung Quốc”, và một mực chửi bố, chửi mẹ, chửi tổ tông.

Cái đó gọi là “truyền thống Ngũ Tứ” (Phong trào mồng 4 tháng 5/1919).

Đó là tình huống của mấy chục năm trước, thế mà so với thời nay vẫn còn khá hơn. Thời đó mới chỉ là trắng nước ngoài tròn hơn chứ chưa đến độ rậm ngoại thơm hơn. Bởi vì thời đó giao thông và thông tin chưa phát triển lắm nên không có cách nào bắt chước nhanh chóng và hiệu quả như thời nay được.

Vì vậy bây giờ, khi người Mỹ tự gọi họ là “xấu xí”, người Nhật tự gọi mình là “xấu xí”, tức thì có ngay người Trung Quốc lăng xăng ra vẻ thông thái, “tràng giang đại hải” viết liền một cuốn “Người Trung Quốc xấu xí”.

Mấy người Trung Quốc cố ý chửi đồng đó đều không phải là cái loại người Trung Quốc thông thường. Vài chục năm trước những phần tử “Ngũ tứ” – miệng hô “đả đảo”, tự xưng là “tiến bộ” - đều tự cho mình là đại văn hào, có trách nhiệm với đất nước. Chúng đội những

tên họ giả, và một người trong bọn họ đã thành danh với những quyển “Gia” (nhà), “Xuân”, “Thu” chất chứa mỗi thâm thù đại hận đối với truyền thống Trung Quốc. (Ám chỉ Ba Kim, nhà văn hiện đại Trung Quốc gốc Mãn Thanh - ND).

Chính họ đã, cố ý hoặc vô tình, làm công tác tuyên truyền mở đường cho sự nhuộm đỏ Trung Quốc sau này bởi Chủ nghĩa Mác.

Những tai vạ của thường dân Trung Quốc hơn 30 năm nay thực ra đã bắt đầu từ loại nhà văn chạy theo mốt này từ 60 năm về trước.

Ngày hôm nay lại chui ra cái ông Bá Dương, tự xưng là một nhà văn yêu quần chúng một cách phi thường để giương cao thêm cái truyền thống “Ngũ tú”. Trước hết y gào to: “Văn hóa hủ tương”, sau đó là bôi nhọ cái anh chàng “Trung Quốc xấu xí”.

Tôi là người Trung Quốc. Tôi có rất nhiều khuyết điểm và lỗi lầm - thậm chí những lỗi lớn, những lầm lớn - nhưng tôi không hề xấu xa, lại không hề công nhận người Trung Quốc nhất loạt đều xấu xa.

Bá Dương không biết có cho mình là người Trung Quốc không? Nếu ông còn cho mình là người Trung Quốc, tức phải thừa nhận rằng mình xấu xa, cái đó là tự do của ông ta. Nhưng ông ta không thể lôi kéo người khác đi theo ông ta như thế được.

Tôi không đồng ý với cái quan niệm “Người Trung Quốc xấu xí” này tý nào, nhất là với cái chủ ý và giọng điệu đó, nhưng không phải vì vậy mà tôi cho rằng toàn bộ quyển sách của ông Bá Dương là vô ích. Nó cũng có được vài câu đúng.

Ví dụ như chính Bá Dương đã nhìn nhận như sau:

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

“Người Trung Quốc có thể nói là một dân tộc thông minh nhất thế giới. Tại Mỹ, mấy người đỗ đầu các đại học thường là người Trung Quốc. Rất nhiều nhà khoa học lớn, kể cả người cha của khoa học nguyên tử Trung Quốc là ông Tôn Quan Hán, những người được giải thưởng Nobel là ông Dương Chấn Ninh, Lý Chính Đạo đều là những bộ óc hạng nhất.

Người Trung Quốc quả là không phải có phẩm chất xấu. Phẩm chất này có thể đưa Trung Quốc đến được một thế giới lành mạnh và hạnh phúc. Chúng ta có tư cách làm chuyện đó và chúng ta có lý do để tin rằng Trung Quốc có thể trở thành một nước rất tốt đẹp.

Nhưng chúng ta không cần phải cứ muốn quốc gia lớn mạnh. Quốc gia không lớn mạnh thì có can hệ gì? Chỉ cần làm sao cho nhân dân hạnh phúc rồi

thì đi tìm một quốc gia lớn mạnh cũng không muộn”.

Đoạn văn trên tôi cho là rất đúng. Đặc biệt tôi vô cùng tán thành câu “chỉ cần nhân dân hạnh phúc”. Chỉ tiếc ý chính của cả quyển sách lại không phải là những lời lẽ ngay thẳng này, nó toàn chất chứa những thú kể tội “người Trung Quốc xấu xa” mà tôi hoàn toàn không đồng ý.

Đọc hết quyển sách, người đọc có thể tự hỏi: “Thật ra người Trung Quốc có ‘xấu xa’ không?” Bá Dương đã trả lời một cách vớ vẩn và rườm rà với một đồng ví dụ rút ra từ thực tế nhằm chứng minh người Trung Quốc là “bẩn, loạn, ồn, và hay cấu xé nhau”.

Tôi tin rằng Bá Dương không thể bịa đặt, mà dù ông có đặt chuyện thì ý định của ông là gì?

Trên thế giới này dân tộc nào, quốc gia nào mà không làm ồn, không cấu xé lẫn nhau? Người Híp-py Mỹ không bắn sao? Tàu điện ngầm ở New York không loạn sao? Trên diễn đàn chính trị Mỹ, Âu, Nhật ồn ào náo nhiệt, sự hục hặc đấu đá lẫn nhau có phải ít đâu? Có cái xó xỉnh nào lại không có sự cấu xé lẫn nhau? Cứ theo cái lô-gíc của Bá Dương thì phải đặt cái đầu đề lại cho đúng là “Nhân loại xấu xí”.

Cái việc hoang đường nhất là ngay cả cổ họng của người Trung Quốc có to thật đi nữa thì có gì gọi là xấu xa? Quả vậy! Nhập sông tùy khúc, nhập gia tùy tục, phàm người Trung Quốc đến Mỹ - gồm cả bản thân tôi - đều phải sửa đổi cái tập quán nói to của người Trung Quốc, cố gắng bắt chước cách nói của những người có học thức trong giới thượng lưu nhân sĩ Mỹ, nói năng nhỏ nhẹ, thậm chí nói trên đường dây điện thoại chỉ nhỏ

như tiếng muỗi. Điều này là tất yếu.

Nhưng nếu có người nhất thời không thể sửa đổi được thói quen của mình thì cũng chẳng phải là một tội ác gì ghê gớm lắm. Làm sao lại có thể gọi họ là “xấu xa” được. Ngay ở chỗ này chúng ta cũng có thể thấy rằng ông Bá Dương trong lòng ghét người Trung Quốc đến chừng nào. Và một khi đã ghét mà muốn đổ tội cho người thì có khó gì đâu!

Tại sao một nhà văn tự xưng là “yêu nước thương dân” lại rắp tâm dùng đủ thứ hiện tượng vụn vặt chẳng có đầu cua tai nheo gì để bôi nhọ đồng bào mình? Tôi không có duyên được gặp vị này, chỉ căn cứ vào bài phỏng vấn ông do nữ sĩ Lý Lê thực hiện. Bà này xem ông là một nhà ái quốc lớn và nói rằng ông có một tấm lòng yêu nước mãnh liệt, ông rất kỳ vọng vào nước nhà, dân tộc.

Nhưng khi ông viết ra tất cả lại là một chuỗi toàn những giận trời, trách người, nguyên rủa không thôi. Cái nguyên nhân căn bản có lẽ vì Bá Dương đã hiểu một cách lệch lạc về văn hóa truyền thống Trung Quốc, nên đã lầm đường lạc lối; có lẽ bị cái “văn hóa hũ tương” do chính ông ta bịa đặt ra mê hoặc tâm trí, bị chính cái “mầm bệnh độc” do ông ta gieo ra làm tê liệt thần kinh của bản thân.

Cái văn hóa “bác đại tinh thông” của Trung Quốc dĩ nhiên có phần vương đạo, nhưng cũng có phần bá đạo, có nhân nghĩa, đạo đức, có trộm cắp, đĩ điểm, có chính tâm thành ý, có phong hoa tuyết nguyệt, bất kỳ phương diện nào cũng đều đạt đến đỉnh cao; trăm thứ bà dằn thứ gì cũng có.

Chẳng cứ nói anh chuyên tìm cái “hũ tương” và “mầm bệnh độc”, chứ thậm chí nếu muốn cố ý tìm cái “hũ cốt” hoặc vi

trùng cũng đều có thể tìm thấy. Nếu anh muốn bảo văn hóa Trung Quốc là một hũ cốt đầy vi trùng, thì văn hóa Trung Quốc cũng chẳng thiệt hại gì mà chỉ chứng minh rằng: anh là thằng thối tha không ngửi được đến mức vô phương cứu chữa.

Nếu lấy cùng một bộ “Tư trị thông giám” (xem chú thích của người viết bài này -Vương Diệc Lệnh - ở cuối bài) ra mà bàn, có người đọc xong nó có thể học được cách trị quốc bình thiên hạ. Trong khi đó Mao Trạch Đông đọc xong thì lại càng hoàn chỉnh hơn những thủ đoạn tấy nảo và chôn sống người, có lẽ ngay cả Xta-lin cũng không bì kịp.

Cái văn hóa truyền thống Trung Quốc là như vậy, giống như một lưỡi dao sắc, tùy anh có sử dụng nó hay không, và sử dụng như thế nào. Anh có thể dùng nó để trị bệnh cứu người, cũng có

thể dùng nó để giết người. Đương nhiên cũng có thể dùng nó để tự sát.

Cho nên, bất kỳ ai nếu manh tâm đi tìm cái lưỡi sắc của nó, đi tìm những thứ như “hũ tương”, “mầm bệnh độc”, thì chính người đó sẽ bị mắc bệnh độc chứ không phải văn hóa Trung Quốc.

Tôi xin nói thêm vài điều hơi ngoài lề.

Một trăm năm trở lại đây, vì chính trị Trung Quốc đen tối, nhà văn, trí thức viết lách thường bị tù đày, giết chóc, quản thúc lâu dài, bị chụp mũ. Điều đó chứng tỏ rằng những chính quyền tại chức vẫn tự coi mình là trời cao, đất rộng.

Bởi vì mọi người đều thù ghét các chính quyền chuyên chế, nên những cá nhân nào dám công khai thách thức bạo quyền đều được mọi người đồng tình, kính nể. Những kẻ bị tù đày vì lý do

chính trị hoặc là nạn nhân của một ý đồ chính trị cũng đều mang một vầng hào quang trên đầu.

Tôi cho rằng không hẳn như vậy hoặc ít nhất cũng không thể nói nhất loạt đều như vậy. Thật ra cũng có một số người bị tù ngục hoặc bị sát hại đáng được tôn kính. Ví dụ như những sứ thần ngày xưa dám can gián hoàng đế mà không sợ bị chém.

Gần đây một số nhà báo không sợ quyền lực dám vạch trần những sự đồi bại của các gia đình quyền quý họ Khổng, họ Tống. Có kẻ bị giết, kẻ ngồi tù, những sự hy sinh của họ đương nhiên có ý nghĩa, có giá trị đáng tôn thờ.

Còn đối với cái nhãn hiệu “liệt sĩ” của Lý Đại Chiêu và Hồ Giã Tân thì tôi cho là chết cũng không đáng tiếc. Nó chẳng khác gì cái nhãn hiệu “hữu phái” của Vương Diệc Lệnh này, tôi cho rằng

đó chỉ là việc tự đi chuốc vạ vào mình.

Tất cả “liệt sĩ” cũng như “hữu phái” ở Trung Quốc chỉ là những sản phẩm đồi bại của các chính phủ độc tài dựng lên. Nhưng nói về bản thân những người bị hại này, đối với cái việc họ bị bức hại thì chỉ có họ là thiệt thòi mà chẳng đem lại được ích lợi gì cho những người đang sống. Nói tóm lại nếu chịu đau khổ mà không đem lại một kết quả gì thì thật là đáng kiếp!

Dựa trên cái đạo lý này, tôi cho rằng ông Bá Dương mở mồm, rồi ngậm miệng, ngồi trong nhà lao hơn 9 năm và không biết lẻ bao ngày, tựa hồ như lao tù là cái đất mạ vàng của ông ta; nhưng cuối cùng tất cả những thứ đó chỉ là một việc thật vô ích!

Nếu nói theo lô-gíc của Bá Dương, thì trên đảo Đài Loan có một nhà văn còn tài tình hơn Bá Dương. Sau khi ông

ta ra tù, cho đến hôm nay ông ta vẫn còn múa bút trên đảo chửi loạn lên, phong độ không khác trước một tý nào, vẫn chửi đến cả 18 đời tổ tông của kẻ khác. Nhưng theo quan điểm của tôi thì điều đó chẳng có gì là ghê gớm hết.

Bất quá anh ta cũng chỉ là một nhà văn vong mạng (hết thời) mà thôi.

Cuối cùng, xin tóm lại một câu: Người Trung Quốc chưa chắc đã xấu, nhưng trong đám người Trung Quốc lại không thiếu những đồ hèn hạ!

* * *

Chú thích của Vương Diệc Lệnh:

Tôi chưa được đọc quyển “Tư Trị Thông Giám bản của Bá Dương”, mà cũng không thích đọc. Bởi vì tôi tin rằng dùng cái kiểu đánh đổ tất cả, chửi tất cả kiểu “Ngũ Tú” hay “Hong Vệ Bình”

để diễn giải “Tư Trị Thông Giám” thì sẽ chẳng còn gì là hình dạng của nó.

Tôi cực kỳ thán phục Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang). Sách của ông dạy dỗ các vua trị nước như thế nào, dạy các quần thần làm việc nước, dạy cho thường dân cách ăn ở, nước có đạo và vô đạo xử sự như thế nào. Ở xã hội như Trung Quốc, nếu nghiên cứu kỹ một chút quyển sách này thì sẽ bổ ích không ít, tối thiểu cũng không đến nỗi bị ngôi nhà lao của Quốc Dân Đảng hoặc phải đội mũ nhọn [bị đầu tố] của Đảng Cộng Sản.

KHÔNG HIỂU ĐƯỢC HÀI HƯỚC

Hồi Tuyên Xứ

“Tín báo”, Hương Cảng,

ngày 23/1/1985.

Trong báo “Bách tính” kỳ này có một bài văn nhan đề “Người Trung Quốc hèn hạ” của Vương Diệc Lệnh. Sau khi đọc Bá Dương ông này tuyên bố: “Trong lòng tức tối không thể không nói được”.

Bài văn mang tính bút chiến này đã công kích Bá Dương một cách thậm tệ. Giọng văn nhuần nhuyễn nhưng văn phong ác liệt, không hề có cái đôn hậu,

Dịch giả: Nguyễn Hồi Thủ

hòa nhã trong truyền thống tốt đẹp, cao quý của Trung Quốc. Ông ta sử dụng những thứ như “thối không ngủi được”, “vô phương cứu chữa”, “đồ hèn hạ”, “xem lao tù là cái đất mạ vàng”, v.v... Có thể nói thật là khe khát.

Nếu cái thuyết “người Trung Quốc xấu xí” của ông Bá Dương có cơ sở thì ông Vương qua bài văn này lại bị chính gậy ông đập lưng ông, và không những không phản bác được lý luận của ông Bá Dương mà còn cung cấp thêm bằng chứng cho nó.

Bộ mặt xấu xí của Vương Diệc Lệnh là bộ mặt thật của người Trung Quốc cả nghìn năm nay. Đó là một bộ mặt thiếu vắng phần hài hước.

Bá Dương chửi người Trung Quốc là xấu xí, nhưng có phải vì ông ta làm công tác nghiên cứu nhân chủng học và hy vọng đoạt được giải Nobel không?

Người viết tạp văn, cốt ý gây ra phản ứng nơi người khác để kích động tranh luận, hoàn toàn khác với các chuyên gia viết có chứng cứ rõ rệt của các ngành học thuật. Người Trung Quốc có xấu xí hay không cũng chẳng quan trọng gì, nhưng có người tức quá, la làng lên, đã tiêu phí không biết bao nhiêu tế bào não, đó mới là điều thật quan trọng.

Cũng cùng trong số “Bách tính” này có bức thư độc giả họ Lương. Ông này sau khi đọc “Người Trung Quốc xấu xí” của Bá Dương đã tỏ vẻ bị xúc động sâu xa, nên buồn bã chán nản mà rơi lệ.

Nhưng theo tôi thấy thì nước mắt của ông này và sự phẫn nộ của ông Vương Diệc Lệnh cũng chỉ là một thứ thẳng điếc cười thẳng câm.

Cả hai người đều có cái tinh thần của những người theo học thuyết Lão Trang, trong bụng đầy những quan niệm quá

ư là siêu thoát. Cho nên họ chưa có thể đọc được những gì ở giữa những hàng chữ của Bá Dương để lĩnh hội ra cái thú vị của hài hước, mà chỉ rơi vào mấy cái ví dụ mỹ miều, sinh động với những lời chú giải hoang đường cổ quái thôi.

Đọc văn chương Bá Dương thực ra cần có sẵn một ít tinh thần hài hước. Ông ta phá rối, làm trò, đem cái lưỡi dao của trí tuệ se sẽ lấp loáng trước mắt chúng ta. Người đầu óc linh hoạt có thể nắm bắt được tinh túy, những kẻ quá nghiêm nghị, ra vẻ trịnh trọng, thì lại hoàn toàn bị oóc-dơ.

Dân tộc Trung Quốc có một lịch sử lâu đời, làm sao tất cả đều có thể hoàn mỹ không tỳ vết? Ông Bá Dương tìm những thứ này ra chế diễu, kỳ thực là tự trào, gây ra cho chúng ta một ít tác dụng cảnh tỉnh. Vả lại nói xấu mà không nói đẹp, đó cũng là một cách tự khiêm.

Không hiểu được hài hước lại cho rằng ông ta đi ngoáy dao vào vết thương của mình thì thật là phụ cái lòng đau khổ của Bá Dương. Tuy thế, e rằng Bá Dương cũng không thích gì mấy cái việc người đọc bài mình phải khóc sùi sùi.

Nói tóm lại, dân tộc Trung Quốc là một dân tộc lớn, nói đẹp đẽ thì đẹp đẽ hơn bất cứ dân tộc nào, nói xấu xí thì cũng xấu xí hơn bất cứ dân tộc nào.

Nhưng có lẽ nên nói ra cái xấu vẫn tốt hơn là ca tụng cái đẹp của nó. Nói một cách khác, cho dù có xấu, cũng có cái đẹp của cái xấu chứ!

CÓ CÁI VĂN HÓA KHÔNG CÓ VĂN MINH?

Hồ Cúc Nhân

Báo “Luận đàn”,

Los Angeles, ngày 6/2/1985.

“Văn minh” và “Văn hóa” là hai khái niệm hay bị nhầm lẫn. Văn minh thật ra là gì? Còn cái gì gọi là văn hóa? Định nghĩa như thế nào? Thường thường mỗi người mỗi cách.

Một vài người trí thức Trung Quốc sô-vanh có cách nói rất cổ quái ly kỳ là

Tây phương không có văn hóa, chỉ có văn minh. Hoặc xua tay một cách khinh miệt: “Nước Mỹ không có văn hóa!”, nhưng không hề nghe họ nói nước Mỹ không có văn minh.

Giả sử chúng ta lại hỏi một câu: Trung Quốc có một văn hóa ưu tú, nhưng không có văn minh ư? Hoặc hỏi: Thế văn minh quan trọng hay văn hóa quan trọng? Không có văn minh làm sao có văn hóa?

Kỳ thực văn minh và văn hóa tuy hai mà một, tuy một mà hai, không thể tách rời ra được. Chúng ta có thể nói cái tương quan của chúng như sau: văn minh là sự thể hiện của văn hóa, văn hóa là bà vú nuôi của văn minh.

Văn hóa khi được biểu hiện cụ thể trong sinh hoạt và xã hội, cái đó là văn

minh. Lấy một ví dụ giản dị nhất: lễ phép là sự biểu hiện của văn minh. Mà Khổng Tử hệ thống hóa chữ “lễ”, chính đó là văn hóa.

Tại Trung Quốc từ hơn 2.000 năm nay cái nghi lễ của Khổng giáo được thể hiện trong chế độ xã hội, trong lời nói và việc làm, ở sinh hoạt thường ngày của nhân dân cũng như qua dịp lễ tiết quanh năm bốn mùa và những nghi thức khác. Tất cả những cái đó chúng ta phải hiểu là văn minh Trung Quốc. Văn minh chính là cuộc sống.

Nếu chúng ta chấp nhận cách nói này thì người Trung Quốc xem ra rất đáng bị chê cười. Vì ngay cả văn minh Trung Quốc chúng ta cũng không có, nói gì đến có thể có cái thứ xa xỉ là văn hóa. Bởi vì cái văn minh của chúng ta (nếu như có) thì đối với cái văn hóa của chúng ta nó thật không tương ứng tý nào. Vậy làm sao

nó thể hiện được cái văn hóa của chúng ta?

Nói thế có nghĩa là cái mà chúng ta thể hiện trong sinh hoạt hôm nay không phải là các giá trị của văn hóa Trung Quốc mà chỉ là những thứ đến từ văn hóa khác.

Vì vậy văn minh Trung Quốc ngày nay, nếu có nó, thì nó là một thứ con tư sinh mà đối với mẹ nó - văn hóa truyền thống Trung Quốc - không có gì gọi là liên hệ huyết thống nhiều lắm.

Gần đây tôi có đọc tác phẩm mới của ông Bá Dương là “Dẫn lên đuôi nó”, trong đó nói đến ấn tượng của ông khi sang thăm nước Mỹ. Ông thấy rằng nếu so sánh thì người Mỹ lễ phép hơn người Trung Quốc. Điều này cũng là ấn tượng của tôi khi đi du lịch ở Mỹ.

Người Trung Quốc so sánh với người

Mỹ - những người bình thường trong cuộc sống hàng ngày - thì trở thành những người “nguyên thủy”, “man rợ”, vì chúng ta ngay cả “Cảm ơn!”, “Xin lỗi!” đều cũng không biết nói.

Điều này hoàn toàn không phải tôi đặt điều. Nhân dân Trung Quốc, về lễ độ - biểu hiện của văn minh - không thể nào sánh được với nhân dân Mỹ, cũng không thể sánh được với Nhật Bản và Nam Hàn.

Nếu không có cái văn minh sinh hoạt cơ bản, làm sao có thể còn huênh hoang được về cái văn hóa của tổ tiên đã bị mai một rồi?

Không có văn minh làm sao có được văn hóa?

Cho dù có văn minh thì cũng chỉ là một thứ văn minh lai căng, còn nói cái văn hóa Trung Quốc nào nữa?

KHÔNG THỂ BÔI NHỌ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Lưu Tiền Mẫn

Báo “Luận Đàn”,

Los Angeles, ngày 6/3/1985.

Tại Đài Loan, những người biết tiếng ông Bá Dương không phải ít. Ngay cả tôi, tuy chưa hề đọc tác phẩm nào của nhà văn này, nhưng vì nghe đồn đại mãi về sự từng trải, cảnh ngộ của ông rồi cũng thành ra biết.

Hai mươi năm trước Bá Dương viết

Người Trung Quốc xấu xí

tạp văn ở Đài Loan. Thời ấy xã hội Đài Loan còn là một xã hội đóng kín, khô khan, nhạt nhẽo. Tạp văn của ông đương thời đã là một thang thuốc mát mẻ thích ứng với những lòng người bị ngột ngạt. Chính vì thế tạp văn của ông đã làm ông nổi tiếng.

Nhưng ở đời thường những sự thuận lợi dễ dàng nhiều khi vẫn mang lại cái rủi ro rất lớn. Ông viết rất nhiều, trên trời dưới biển không chuyện gì không động đến, lại không biết che đậy dấu diếm, sao tránh được việc xúc phạm vào vùng đất cấm, vào các húy kỵ của thời đại. Kết quả là sau đó ông bị tống đi Lục Đảo để đóng cửa nghiền ngẫm sự đời.

Đến khi được phóng thích, tiếng tăm của ông lại càng lẫy lừng; thừa thắng xông lên, cái ngang ngược của ông lại càng ghê gớm. Chửi bới một nhóm người chưa đã, ông bèn vung roi, phê kim bình

cổ. Ngay cả cái văn hóa 5.000 năm của Trung Quốc cũng bị ông đánh toi bời.

Gần đây tôi được đọc trên báo “Luận Đàn” bài diễn thuyết của Bá Dương tại Đại học Iowa (Mỹ) nhan đề “Người Trung Quốc xấu xí”: đọc xong lòng đầy xúc cảm. Đúng thế! Một nước to lớn như Trung Quốc, mà người cứ nghèo, chí cứ thấp, cùng quần lâu dài thì sẽ không thể nào thống nhất được mãi, đến lúc nào đó sẽ không khỏi bị tan rã. Ngay ngày hôm nay cũng đã có một bộ phận người Trung Quốc ở ngoài nước vượt được qua trình độ đại học đã không còn thừa nhận mình là người Trung Quốc, và tuyên bố thẳng thừng là chẳng còn gì dính líu đến nước này nữa.

Hiện nay trên thế giới có lẽ ngoài cái loại người như Bá Dương, không có một người dân thường nào ở các quốc gia nghèo khổ, vì nịnh nọt hoặc oán hận lại

vội vàng đi bơi lội đồng bào và văn hóa mà mình vẫn còn sống nhờ vào đó.

Nhà khoa học lớn người Hy Lạp Ác-Si-Mét có nói: “Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ bầy được cả quả đất”. Đại khái Bá Dương cũng mơ tìm được một điểm tựa - cái văn hóa hũ tương của ông - và dùng điểm tựa này để tấn công vào vận mệnh văn hóa của một nước lớn hơn một tỷ người.

Tại những nước giàu có, người dân nói về sự xấu xa của quốc gia mình thì cũng đã có hai quyển sách đã chào đời. Sau Đệ nhị Thế chiến, có một vị người Mỹ viết một quyển gọi là “Người Mỹ xấu xí”. Một vị khác người Nhật sau đó vài năm cũng vội vàng viết cuốn “Người Nhật xấu xí”. Hai tác giả này cảm thấy người nước mình hoặc vì tính tình kiêu xa, hoặc vì thiếu lễ độ đạo đức, mới viết văn cảnh tỉnh mọi người.

Đặc biệt để nhấn mạnh những điều không đồng tình, ông tác giả Nhật bất chấp đang ở giữa nhiệm kỳ đại sứ tại nước ngoài, đã cho in luôn. Việc phải đến tất đến, cái hành vi sai trái của một nhân viên nhà nước ấy đã làm ông mất chức. Nhưng qua việc này ta có thể thấy được tấm lòng thành của ông ta đối với đất nước như thế nào.

Tôi đã sống ở Mỹ hơn 10 năm, không lạ gì chuyện người Mỹ khá bận rộn trong cuộc sống thường ngày. Hàng ngày, vì việc này việc nọ bận đến không có thể rút ra, nên một quyển sách dầu hay như quyển “Người Mỹ xấu xí” có lẽ cũng chẳng làm cho người Mỹ bình thường nào cảm thấy thích thú được. Theo tôi, số người Mỹ biết đến quyển sách này không nhiều, đọc được kỹ nó có lẽ còn ít hơn nữa.

Tình hình ở Đài Loan lại khác hẳn.

Dù công thương nghiệp đang phát triển mạnh mẽ, dù cuộc sống thường ngày của người dân chẳng được nhàn hạ gì, nhưng cái thú tò mò hiếu kỳ nơi con người lại không hề giảm thiểu.

Nếu các ngài không tin thì cứ đến khu chợ Tây Môn Đĩnh, vừa đi chậm chậm vừa ngửa cổ nhìn lên trời, thì tôi bảo đảm với các ngài rằng chỉ trong khoảnh khắc những người chung quanh cũng sẽ đều ngẩn cổ nhìn lên trời xem có gì không.

Người dân sống ở Đài Loan đối với những sự vật xung quanh mình đều rất tò mò. Cho nên quyển sách của Bá Dương vừa ra đời một cái, dù không như giấy quý Lạc Dương, nhưng chắc chắn bán rất chạy.

Nhiều người Trung Quốc khi cãi nhau mồm miệng thường thường không

lừa lòi, chửi nhau đến cả ba đời tổ tông. Nguyên nhân vì người Trung Quốc rất trọng chữ hiếu, nên động đến tổ tông tức có thể làm cho đối phương đau và giận nhất.

Nhưng Bá Dương - trong quyển sách ông viết - đã chứng tỏ kỹ thuật chửi của mình còn tinh thâm hơn. Ông dè bủ cả một nền văn hóa. Đó là cách trút giận hay nhất bằng cách tóm cổ cả bọn Trung Quốc cùng một lúc.

Nếu rập khuôn theo công thức của Bá Dương mà nói thì “Đất nào quả nấy, xã hội nào nhân tài ấy”, và nhân tài Bá Dương đúng là đã làm được cái mình muốn. Ông đã chửi cả bàn dân thiên hạ người Trung Quốc.

Lịch sử hiện đại Trung Quốc là lịch sử của một dân tộc đầy rẫy tai họa. Xâm lăng từ bên ngoài, loạn lạc bên trong, ng-

hèo khó, khổ nạn lâu dài làm cho đức tự tin dân tộc của người Trung Quốc đã bị suy giảm.

Quốc gia chúng ta ngày nay bị chia đôi. Trung Cộng ở lục địa thì, ôi thôi, nghèo khổ, lạc hậu! Ở Đài Loan tình trạng hiện nay có khá hơn với lợi tức trung bình hàng năm hơn 3.000 đô-la Mỹ, nhưng so với hai nước Mỹ, Nhật thì thật ra vẫn còn là một xứ sở bần cùng.

Vì vậy người Trung Quốc ở giai đoạn này nên chú trọng đến một câu thích hợp với cái tình thế của mình hơn, đó là “Bần nhi vô xiển” (nghèo nhưng không nịnh), còn cái câu “Phú nhi vô kiêu” (giàu nhưng không kiêu), hoặc “Phú nhi hảo lễ” (giàu mà biết cư xử) chưa phải là chuyện ngay trước mắt, e rằng cái đó còn phải chờ đến một nửa thế kỷ nữa. Đến lúc đó có nói đến quyển “Người Trung Quốc xấu xí” của Bá Dương cũng vẫn

chưa muộn.

Nhưng đáng tiếc là Bá Dương lại quá quan tâm đến danh lợi trước mắt nên không nghĩ như vậy. Ông ta muốn bắt chước người Nhật, người Mỹ để làm người Trung Quốc đầu tiên bêu riếu cái xấu của người Trung Quốc ra, càng sớm chừng nào càng tốt chừng đó.

Kế hoạch của ông ta rất lớn, ông không chỉ chuẩn bị nó theo kiểu một người một ngựa, mà hy vọng mọi người cùng nhứt tề xông vào cùng ông tham chiến, cùng giúp ông làm cái việc bôi nhọ Trung Quốc cho được rầm rộ thêm.

Có lẽ vì có được cái kinh nghiệm phải trả giá đắt ở trong tù, Bá Dương biết rằng phạm việc gì muốn thành công phải suy nghĩ kỹ và có mưu sâu. Ông mời mọi người cùng viết với ông, để thứ nhất: gây thanh thế lớn, tăng thêm hiệu quả việc

bôi nhọ này: thứ hai: nhờ không may gặp phải tai vạ sau này thì còn có người đưa cơm nước vào nhà lao cho. Đúng là nhất cử lưỡng tiện.

Bây giờ chúng ta hãy thử xem chiến dịch bôi nhọ văn hóa Trung Quốc do Bá Dương tiến hành gây ảnh hưởng đến những người dân lương thiện như thế nào bằng cách lấy ngay những ví dụ mà Bá Dương đã đơn cử:

Chuyến đi Mỹ của vợ chồng Bá Dương đến Iowa một phần do chủ nhà hàng Yến Kinh là ông Bùi Trúc Chương tài trợ. Bá Dương tuyên bố ông Bùi đã thổ lộ với mình như thế này:

“Trước khi đọc sách của ông, tôi cho rằng người Trung Quốc là ghê gớm lắm. Sau khi đọc sách của ông xong, quan niệm của tôi đã thay đổi. Vì vậy tôi muốn mời ông đến để gặp mặt”.

Bá Dương nói thêm:

“Lúc ông Bùi đã thấy văn hóa chúng ta có vấn đề mới tự hỏi phải chăng đây là do phẩm chất của người Trung Quốc chúng ta có vấn đề?”

Đối với câu hỏi của ông Bùi, Bá Dương đã dùng cái kiến thức uyên thâm để trả lời như thế này:

“Tôi không nghĩ rằng phẩm chất chúng ta có vấn đề, đó không phải là một điều an ủi. Người Trung Quốc có thể là một trong những dân tộc thông minh nhất thế giới.

Tại các đại học Mỹ những người xếp hạng đầu bảng thường là người Trung Quốc, nhiều nhà khoa học lớn - gồm cả người cha đẻ của nền khoa học nguyên tử lực Trung Quốc Tôn Quan Hán, được giải Nobel như Dương Chấn Ninh, Lý Chính Đạo đều là những bộ óc hàng đầu.

Tôi cho rằng người Trung Quốc chúng ta vốn có phẩm chất cao quý”.

Một phẩm chất cao quý? Thì ra cái phẩm chất mà ông ta muốn nói đó chỉ là thứ phẩm chất sinh lý (sinh vật) chứ không phải là phẩm chất văn hóa.

Nhưng trên phương diện sinh vật học, các dân tộc và các giống người trên trái đất đều có một bộ não không hơn kém nhau mấy về kích cỡ. Các nhà khoa học đều không tin vào thuyết có sự sai biệt về phẩm chất của bộ óc giữa các dân tộc. Tại sao có dân tộc vào một thời kỳ nào đó lại biểu lộ óc thông minh đặc biệt, nhưng về sau lại bị suy đồi, tàn lụi đi? Tại sao người Anh ở thời đại Newton (Newton) nhân tài không ngừng xuất hiện, mà bây giờ lại như tuổi già sắp chết, không còn sinh khí nữa? Người Anh thời nay và người Anh ở thời đại Newton đâu óc không giống nhau hay sao?

Chúng ta thấy một điều là người mù thường vẫn có một thính lực phi thường. Kỳ thực các tế bào thính giác của họ cũng chẳng khác gì những người khác, chẳng qua vì người mù cần phải khai thác tiềm năng thính giác của họ nhiều hơn so với người bình thường mà thôi.

Người Trung Quốc học rất giỏi. Năng lực trí tuệ vào bậc nhất. Nhiều nhà xã hội học, tâm lý học, giáo dục học đang tìm hiểu xem việc này có phải do nguyên nhân văn hóa Trung Quốc không. Hễ dân tộc nào mà uống vào cái văn hóa có đầy tính dẻo dai, bền bỉ mà mạnh mẽ cứng cỏi này đều có khả năng trị được bệnh lười và bệnh ngu. Giống như Nhật Bản, Nam Hàn đều là những ví dụ rành rành trước mắt.

Giờ những tạp chí khoa học có uy tín của Mỹ như “Vật lý quan sát” ta sẽ thấy mỗi một kỳ số lượng các bài người

Trung Quốc gửi đăng nhiều kinh khủng. Cho nên có thể nói rằng văn hóa là một yếu tố của phẩm chất thông minh.

Mỗi khi tôi đi trên mảnh đất lớn của Trung Quốc, bất kỳ ở xó xỉnh nào, đối diện với đám đông người, nơi tâm linh tôi thường rạo rức cảm thấy một thứ trí tuệ mênh mông không bờ bến.

Cái “Hũ tương luận” của Bá Dương đã chà đạp văn hóa Trung Quốc rất nhiều. Nhưng muốn mà vẫn không thể hạ thấp được trí thông minh của người Trung Quốc, nên ông đành phải tách nó ra khỏi phẩm chất văn hóa của Trung Quốc. Đây là vì Bá Dương không nhìn lại vấn đề nhân quả, “Hũ tương luận” là hậu quả của một sự “xét đoán” thiếu suy nghĩ trên nhiều mặt.

Bá Dương nói rằng người Trung Quốc đã cố gắng rất ít cho văn hóa nhân loại. Từ thời Khổng Tử về sau mấy

nghìn năm cũng không sản sinh được thêm một nhà tư tưởng nào lớn nữa. Cái văn hóa này như một đầm nước ao tù. Đó là cái hũ tương văn hóa. Hũ tương bị thối làm cho người Trung Quốc biến thành xấu xa. Cái cách suy luận này nếu nói cho có vẻ thanh nhã thì nó rất nghèo nàn, dung tục; còn nếu nói một cách sỗ sàng thì nó là một sự giốn mặt, đùa dai.

Học trò trung học đều biết: sau Khổng Tử có Mạnh Tử, sau đó lại có Chu Hy, Vương Dương Minh, v.v... là những nhà lý học lớn (triết gia duy tân). Những vị này đều là những nhà tư tưởng lớn, nhưng không phải không có thể đếm được trên đầu ngón tay.

Ta hãy thử bàn một tý về Mạnh Tử.

Tư tưởng chính trị của Khổng Tử được nói đến trong thiên “Lễ vận” của “Lễ ký” rất cụ thể, có hệ thống: nhưng hệ thống tư tưởng này không phải không có

chỗ sai sót, sơ hở, và nó đứng vững được như một quốc sách hay không cũng vẫn còn là một vấn đề cần phải dẫn đo, cân nhắc.

Khổng Tử bàn về vua, luận về dân, nhưng đáng tiếc ông đã không làm sáng tỏ cái quan hệ giữa hai bên với nhau. Đến thời Mạnh Tử, cái lý luận chính trị của nhà nho mới tiến lên một bậc và đi đến được chỗ đột phá.

Mạnh Tử nói: “Vua sai lầm lớn thì phải can gián. Nếu lại cứ tiếp tục sai mà không nghe lời can ngăn tức phải truất ngôi.” (Quân hữu đại quá tắc gián, phản phục chi nhi bất thính, tắc dịch vị). Lại nói: “Dân mới quý, và sau đó mới đến nước nhà, còn vua thì không có gì là quan trọng” (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh). Mạnh Tử nói rõ rằng quốc gia và chế độ quân chủ đều do dân mà ra, nếu làm vua một nước mà không

xứng đáng với chức vụ của mình thì phải phế bỏ đi.

Cái cơ bản nhất trong tư tưởng trác tuyệt của Khổng Tử là câu “Thiên hạ là của mọi người” (Thiên hạ vi công), mà chủ nghĩa lấy dân làm gốc của Mạnh Tử đã nói rõ cái chữ “Công” này nghĩa là “Dân”. Vì vậy, “Thiên hạ vi công” có thể được tóm lược vào hai ý niệm dân chủ là “của dân” và “vì dân”.

Dân tộc Trung Quốc suốt 2.000 năm cùng xưng tụng Khổng Tử và Mạnh Tử vì thực ra Mạnh Tử đã phát huy rộng rãi và làm sáng tỏ tư tưởng của Khổng Tử.

Nếu nói đến vấn đề người Trung Quốc cống hiến rất ít cho văn hóa nhân loại thì theo tôi cần phải giải thích từ một góc độ khác. Sự truyền bá của văn hóa nhân loại hoàn toàn tùy thuộc vào vấn đề thông tin. Mà ở thời cổ đại sự thông tin đều dựa trên sức người, qua lối giao

thông đường thủy hoặc đường bộ mà lan ra.

Cho nên yếu tố địa lý đối với sự phát triển, truyền bá văn minh cổ đại là một vấn đề then chốt. Cho tới ngày nay tình trạng này cũng vẫn vậy. Một nước nhỏ ở dưới chân núi Hy-ma-la-ya như nước Bu-Tan (Bhutan) thử hỏi làm sao có thể phát triển công thương nghiệp như Đài Loan, Hồng Kông, Singapore?

Địa thế Trung Quốc nằm ở đại lục Đông Á, phía tây có sa mạc lớn chạy dài, các đường giao thông với Tây phương đều xa vời và hiểm trở. Cái điều kiện bất lợi về địa thế này làm cho phạm vi hoạt động của Trung Quốc bị giới hạn vào một góc Á châu.

Từ mấy nghìn năm nay người Trung Quốc phạm việc gì cũng phải tự lực cánh sinh. Ở vào hoàn cảnh thiếu sự tiếp xúc với bên ngoài, nền văn hóa Trung Quốc

trở thành một thứ văn hóa riêng biệt, rất lẻ loi, trơ trọi.

Thế giới Tây phương lại hoàn toàn khác hẳn. Các khu vực, các dân tộc cả nghìn năm có giao lưu, nối liền với nhau, tập trung trí tuệ rộng rãi nên thu được nhiều kết quả lớn. Văn hóa Tây phương vì vậy đã năm lần bảy lượt có những bước đột phá để đến được thành tựu như ngày hôm nay.

Nếu ví thử từ xưa đến giờ không tồn tại những trở ngại địa lý đối với việc trao đổi văn hóa giữa Đông-Tây, hoặc giả Trung Quốc là một nước nằm từ xưa ở Châu Âu, thì chúng ta có lý do để tin tưởng rằng sự cống hiến của người Trung Quốc sẽ cực kỳ nhiều và trọng đại đối với văn hóa nhân loại.

Cái tư tưởng lấy dân làm gốc của Nho gia Trung Quốc từ 2.000 năm nay chắc chắn có ảnh hưởng tích cực đối với

sự giải phóng các xã hội La Mã, Hy Lạp thời kỳ nô lệ. Tần Thủy Hoàng sau khi bãi bỏ được chế độ phong kiến đã triển khai một chế độ chính trị trong đó những người dân bình thường cũng được tham dự vào việc chính trị. Sự kiện này có lẽ cũng đã thức tỉnh được Âu châu trong thời trung cổ phong kiến.

Lại còn có một loạt phát minh lớn lao của người Trung Quốc, như kỹ thuật ấn loát, nếu được đưa vào Âu châu sớm hơn 500 năm thì thế giới thế kỷ XX này chắc chắn không như ngày hôm nay.

Văn hóa Trung Quốc phát triển đến một đỉnh cao nào đó thì ngừng lại, như đã nói, chủ yếu vì bị hạn chế bởi hoàn cảnh địa lý; và vì thế mang lấy cái thiệt thòi của một nền văn hóa riêng lẻ.

Nhưng người Trung Quốc không phải là một dân tộc dẫm chân tại chỗ. Thật ra đối với văn hóa tư tưởng từ bên

ngoài đến, Trung Quốc không phải là nước bài ngoại mạnh. Một trăm năm gần đây tại Trung Quốc phát sinh một loạt những sự kiện lịch sử đầy kịch tính. Cách đây bảy mươi năm, cái chế độ quân chủ lâu đời từ mấy nghìn năm đã sụp đổ chỉ bởi tiếng súng của cuộc khởi nghĩa Võ Xương.

Khổng Tử - trong 2.000 năm đã thâm nhập và chiếm giữ cái địa vị tối cao trong lòng người Trung Quốc - nhưng rồi đã không chịu nổi những tiếng hò hét của đám thanh niên học sinh trong phong trào Ngũ Tứ, và phút chốc bị mất chỗ đứng.

Sau phong trào Ngũ Tứ, chủ nghĩa Mác có gốc gác từ Âu châu, vừa được đề xướng đã lập tức vang dội khắp nước Trung Quốc để trở thành một loại học thuyết lầy lùnh. Chiến tranh Trung-Nhật chấm dứt, sau bốn năm nội chiến, Chính

phủ Quốc gia (Quốc Dân Đảng) rút ra Đài Loan thì Trung Quốc lục địa đã trở thành một nước cộng sản chủ nghĩa.

Qua 34 năm của chế độ cộng sản, chính phủ của một tỷ người Trung Quốc lại tuyên bố một cách chính thức với mọi người rằng chủ nghĩa Mác không thể giải quyết được những vấn đề Trung Quốc vốn có.

Người Trung Quốc dám làm, dám chịu, dám thay đổi. Trung Quốc bây giờ mà thành ra nông nổi này không phải vì nó chỉ khu khu ôm lấy cái “hũ tương” của mình mà không dám đập vỡ.

Cách Mạng Văn Hóa Trung Quốc lại chính là một trường hợp trong đó người ta phủ nhận hoàn toàn giá trị văn hóa truyền thống, cho nên mới chịu cái hậu quả khốn khổ đến như vậy.

Bá Dương bảo: “Cái bản của người

Trung Quốc là một trong những cái xấu xí của họ”, và lại còn bảo: “Có lẽ so với người Ấn Độ lại còn bẩn hơn một tý”. Tôi cho rằng tuyệt đại đa số người Trung Quốc sẽ không đồng ý với cách nhìn của Bá Dương.

Nếu so sánh các nước ở Á Đông, ta thấy mức độ sạch sẽ của người Nhật chẳng thua bất cứ nước nào trên thế giới, nước Trung Quốc dân quốc ở Đài Loan tuy có phần kém hơn, nhưng Ấn Độ thì phải nói là tệ nhất.

Mấy năm trước, lúc tổng thống Mỹ Carter đi thăm nước Ấn, trong chương trình tin tức buổi tối ở truyền hình Mỹ chiếu cảnh tiệc chiêu đãi của chính phủ, trong đó ai cũng thấy một chiêu đãi viên Ấn đứng sau lưng Các-tơ tay cầm một cái vỉ để đập ruồi cho vị thượng khách. Nếu đem so sánh điều kiện kinh tế, Nhật Bản là nước giàu nhất, Đài Loan ở mức

trung bình, còn Ấn Độ thì vào loại nghèo. Như vậy chúng ta có thể nói tình trạng vệ sinh của một dân tộc gắn liền với điều kiện kinh tế của nước đó.

Ở Los Angeles có hai khu phố Tàu (Chinatown), một cái ở trung tâm (nơi ông Bá Dương bảo tất cả đều có xu hướng bẩn, loạn) và một cái ở khu công viên Mông-tơ-rây (Monterrey Park). Khu phố Tàu thứ hai sạch sẽ hơn khu thứ nhất nhiều. Cả hai khu này đều do người Trung Quốc làm ra, nhưng phải thấy là sự khác biệt giữa hai khu này lại tùy thuộc vào mức độ giáo dục và thu nhập của người Trung Quốc ở mỗi nơi.

Người Trung Quốc khi tán gẫu rất ồn ào to tiếng. Cái chuyện không bình thường này cũng được Bá Dương quét vào trong cái thùng tính xấu của người Trung Quốc. Ông bảo:

“Tại sao tiếng nói người Trung Quốc

lại to? Bởi trong lòng họ không cảm thấy được yên ổn. Cứ tưởng tiếng càng to thì lý lẽ càng mạnh. Chỉ cần to tiếng, cao giọng thì lý lẽ sẽ về mình, nếu không tại sao cứ phải gân cổ lên như thế?”

Ông Lương Thục Thu trong bài “Nhã xá tiểu phẩm” nói rằng vấn đề người Trung Quốc nói to có thể vì cơ bản họ vẫn còn là người ở một nước nông nghiệp. Nông dân buổi sáng ra đồng thường chào hỏi nhau từ những khoảng cách xa nên phải lớn tiếng.

Có người lại bảo tiếng họ to vì vấn đề âm điệu của tiếng Hoa. Vì người Tô Châu nếu dùng tiếng Ngô Nùng (vùng Chiết Giang), âm điệu rất thấp, thì cả lúc cãi nhau thanh âm cũng vẫn cứ nhỏ.

Theo tôi vì tiếng Trung Quốc là tiếng đơn âm, chữ đồng âm quá nhiều, mỗi âm lại có đến bốn âm tiết khác nhau (tiếng tiêu chuẩn). Cho nên lúc nói nếu

không đủ to thì rất khó hiểu. Nhất là khi nói nhanh, nếu không nói lớn lại càng không có cách nào hiểu được.

Chúng ta đều có kinh nghiệm khi đi xem xi-nê bằng tiếng Trung, thường thường nếu cùng lúc không có phụ đề bằng chữ Hán trợ giúp, mà chỉ nghe tiếng không thôi, thì không thể hiểu được. Đó là vì lý do trên.

Về mặt văn phạm, tiếng Trung Quốc lại cũng chẳng giống loại tiếng nào cả. Nó không có thể giả định (Subjunctive mood) như tiếng Anh, khiến người Trung Quốc lúc nói thường phải hoa chân múa tay để giúp mồm miệng lên bổng xuống trầm cho ý tưởng diễn đạt của mình được rõ ràng hơn. Nói tiếng Trung, nếu muốn nói nhỏ, phải nói thật chậm và rõ ràng, kéo dài phân phát âm của từng chữ ra thì người nghe mới hiểu rõ.

Theo tôi nhận thấy cái bệnh nói to của người Trung Quốc chẳng có thuốc nào chữa được. Nếu đã không có thuốc chữa thì chúng ta cũng có thể xem cái đức tính nói oang oang này là một loại quốc hồn quốc túy. Như vậy không được hay sao?

Cái giao thông hỗn loạn ở Đài Loan thì ai cũng biết rồi. Đó là một sự thực không thể chối cãi. Nhưng đối với Bá Dương, người lấy điểm xuất phát là những cái xấu xa, thì nó lại là một yếu tố để quy tội cho cái văn hóa Trung Quốc. Ông ta bảo:

“Cũng chính vì cái hũ tương sâu không lường được này nên đối với biết bao vấn đề người Trung Quốc đều không dùng tư duy của mình để tự giải quyết, mà phải bắt chước, phải dùng cái tư duy của kẻ khác. Cái nước ao tù này, cái hũ tương này có vớt mút đào vào cũng sẽ

biến thành cút khô.

Những thứ ngoại lai một khi vào Trung Quốc cũng biến chất. Người ta có dân chủ, chúng ta cũng có dân chủ. Nhưng dân chủ của chúng ta là « mày là dân, tao là chủ ». Người ta có pháp chế, chúng ta cũng có pháp chế. Người ta có tự do, ta cũng có tự do. Người ta có gì, ta có nấy. Anh có chỗ dành riêng cho bộ hành sang đường, tôi cũng có, dĩ nhiên, nhưng chỗ dành cho bộ hành của chúng tôi là chỗ để dụ dỗ họ đến cho xe cán chết”.

Tôi cũng đã suy nghĩ về vấn đề này nhiều năm, xin đưa ra đây vài ý kiến để đóng góp với những người quan tâm đến nó. Cái trật tự giao thông ở Đài Loan mỗi năm mỗi tiến bộ, vì số xe cộ càng ngày càng đông. Trên đường cứ càng nhiều xe thì áp lực ngày càng tăng đối với người lái xe, làm cho họ phải càng tôn trọng

luật đi đường, đó là cái hậu quả tất yếu của việc « vừa sống vừa học tập».

Tại Mỹ trừ những người lái xe bình thường ra, tôi vẫn thường nghe nói còn có loại người lái xe “tự vệ”. Những người lái xe “tự vệ” này khác những người lái xe “tiêu chuẩn” ở chỗ họ có thêm hai đức tính: không sử dụng quyền ưu tiên của mình, và đối với những người phạm luật khác họ không tìm cách trả đũa.

Ở Đài Loan những người lái xe bình thường ít nhiều cũng có một hoặc hai đức tính này, nhưng bản thân họ vẫn chưa phải là những người lái xe “tiêu chuẩn” thông thường. Vì vậy giao thông Đài Loan mới phát sinh cái hiện tượng “bất loạn trong cái đại loạn”, và cái “đại loạn rất là kinh dị trong cái bất loạn đó”. Tại sao có chuyện người Trung Quốc và người Mỹ khi lái xe lại khác nhau?

Nếu chúng ta so sánh cách thi bằng lái xe ở hai bên bờ Thái Bình Dương thì sẽ thấy ngay manh mối của việc này.

Người Mỹ học lái xe ngay ở ngoài đường, từ lúc bắt đầu đã phải học và tuân theo các quy tắc an toàn của giao thông. Đến lúc đi thi cũng thi ngoài đường, ngoài vấn đề lái ở những nơi có rất nhiều xe còn phải kiểm soát tốc độ, cự ly sau trước, qua ngã tư, chọn tuyến phải trái, chuyển đường, giữ ưu tiên, v.v... Như vậy trong tâm lý người thi đồng thời hình thành được cái khuôn phép của một người lái xe “tiêu chuẩn” để có thể dùng vào việc lái xe trong thực tế sau này.

Tại Đài Loan lại không như thế. Lúc học lái xe trong những khuôn viên cố định của nhà trường, người tập lái học các động tác bẻ lái, đạp phanh, nhấn ga v.v... Sau đó lúc đi thi họ được trải nghiệm bởi những thiết bị điện của Sở

Lục lộ. Đồ xong cái mảnh bằng đó, thay vì gọi là bằng lái, nhẽ ra phải gọi là bằng “thao tác” thì mới đúng. Đến khi lái ra đường lớn, trong lòng hoàn toàn chưa có khuôn phép, vẫn rẽ ngang đảo dọc như một kẻ dã man không theo một quy tắc nào cả.

Ngay đến những người đã lái xe mười năm hoặc mấy mươi năm, trong lòng tuy đã có khuôn phép thành thực, nhưng đều cũng không phải là những tay lái tiêu chuẩn, nên tùy lúc, tùy thời đều có thể biến dạng. Tôi gọi đùa đó là kiểu tài xế “cao su”.

Vì vậy có thể nói vấn đề giao thông ở Đài Loan cuối cùng không phải là vấn đề con người, càng không phải vấn đề văn hóa nào đó, nhưng là một vấn đề chính sách. Do chính sách không đúng ngay từ đầu, chính quyền sau này khó có thể cải tiến cho nó khá hơn được.

Viết đến đây tôi lại nhớ đến một chuyện mấy năm trước, lúc ông Alexander Solzhenitsyn (A-lếch-xan-đơ Giôn-xê-nhít-xin) - một cây bút người Nga được giải thưởng Nobel về văn học - được phóng thích đến Mỹ.

Ông được mời đến diễn thuyết trong một buổi lễ đón tiếp. Ai cũng chờ đợi ông sẽ nói đến những điều hay ho về vấn đề tự do, nhân quyền. Nhưng trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông lại quay sang phê bình về kinh tế Mỹ. Ông công kích những nhà buôn Mỹ vì lợi nhuận đã táng tận lương tâm, bỏ vào thức ăn những chất hóa học dùng bảo quản thực phẩm rất độc hại.

Ông diễn thuyết vừa xong thì tờ báo lớn của Mỹ The New York Time (Thời báo New York) đã lên tiếng. Tờ báo viết:

“Dù ông Solzhenitsyn (Giôn-xê-nít-xin) ở tại Liên-xô đã kinh qua mọi khổ

nạn mà không hề khuất phục, việc này làm cho mọi người rất ngưỡng mộ, nhưng không phải vì vậy mà ông có quyền được tùy tiện phê phán xã hội Mỹ”.

Từ đó về sau không ai còn nghe ông Solzhenitsyn diễn thuyết cái kiểu đó. Có thể ông đã tự cảm như hèn, hoặc có thể không ai muốn mời ông diễn thuyết nữa.

Trong một nước có chế độ tự do ngôn luận, mọi người đều có khả năng phát biểu ý kiến của mình, ngay cả nói những điều phương hại đến kẻ khác mà chính phủ hay pháp luật không thể ngăn cấm được. Nhưng một tờ báo lớn lại có thể trở thành một sức mạnh trọng tài, và có khả năng làm cho người nói kia ăn không ngon ngủ không yên.

Người Trung Quốc chúng ta chưa có cái loại báo chí có thứ quyền uy như thế, song chúng ta có dư luận quần chúng.

Vậy, những người Trung Quốc còn lương tâm xin hãy đứng lên, vì người Trung Quốc chúng ta, vì văn hóa Trung Quốc mà nói vài câu cho lẽ phải.

VĂN HÓA TRUNG QUỐC: BÔI NHỌ HAY ĐÁNH PHẤN

Trương Thiệu Thiên

“Luận đàn báo”, Los Angeles,
ngày 3-9 tháng 4 năm 1985.

Mấy tháng trước ông Bá Dương nói chuyện ở Iowa về “Người Trung Quốc xấu xí” làm cho cộng đồng người Hoa ở Mỹ xôn xao, mãi đến bây giờ vẫn còn gợn sóng. Từ hai tháng nay trên tờ “Luận đàn báo” cơ hồ mỗi kỳ đều có một hai bài thảo luận về áng văn “xấu xí” của Bá Dương.

Người Trung Quốc xấu xí

Trong số ra gần đây nhất tôi lại được đọc bài của ông Lưu Tiền Mẫn nhan đề “Không thể bôi nhọ văn hóa Trung Quốc”. Ngoài vấn đề chỉ trích ông Bá Dương đã bôi nhọ văn hóa Trung Quốc, ông còn đưa ra rất nhiều giải thích sách vở về các khuyết điểm của người Trung Quốc. Bài văn này của ông Lưu đã chứng tỏ ông mất khá nhiều công phu để suy nghĩ về vấn đề văn hóa Trung Quốc, lại cũng nói lên cái nhiệt tình của ông đối với nó.

Sự nghiên cứu và cái nhiệt tình này của ông làm tôi rất khâm phục. Nhưng có nhiều luận điểm của ông tôi lại không thể chấp nhận được. Cho nên ở đây xin thảo luận như sau:

1- Ông Lưu bảo người Trung Quốc trước hết nên “bần nhi vô xiển” (nghèo nhưng không nịnh), còn “phú nhi vô

kiêu” (giàu nhưng không kiêu) thì chưa cần kíp lắm.

Theo thiên ý của tôi thì hai tâm trạng này có mối quan hệ nhân quả rất lớn. Giả sử một người có tiền, có quyền, hết sức kiêu căng, lại thích người ta nịnh nọt mình thì nhất định sẽ có những chuyên gia nịnh hót (mà Bá Dương gọi là “phái đoàn vẫy đuôi”) vây quanh người đó. Chỉ khi nào các vị có tiền, có quyền, biết tôn trọng bạn bè nghèo thì những bạn bè nghèo mới có thể bắt đầu không nịnh nọt được.

2- Ông Lưu bảo nước Anh ở thời đại Newton mới phát xuất nhân tài, còn thời nay chẳng khác nào một nước không còn sinh khí, như đến tuổi già sắp chết.

Vậy để xem thử cái “tuổi già sắp chết” của nước Anh bây giờ ở mức độ nào, ta cứ tiện tay dở danh mục các người đoạt giải Nobel từ năm 1960 cho đến năm 1984

(không nói đến cái tỷ lệ cao của Đại đế quốc Anh lúc vẫn còn hưng thịnh trước năm 1960). Ta sẽ thấy trong 25 năm đó tổng cộng trên 153 người đoạt giải ở lĩnh vực khoa học (vật lý, hóa học, sinh vật và ba loại y học) thì người Anh đã chiếm 25 giải rưỡi [năm 1975 một nửa giải hóa học được chia cho một người quốc tịch Úc làm việc hoàn toàn ở Anh là John Cornforth.]

Từ trước đến nay người gốc Hoa được giải vật lý có 3 vị, nhưng vì đều là quốc tịch Mỹ, làm việc nghiên cứu ở Mỹ nên trong danh sách họ chẳng được xem là người Trung Quốc nữa. Như vậy tỷ lệ số người Anh đoạt giải chiếm đúng 1 phần 6 của tổng số thế giới, và chỉ đứng sau nước Mỹ.

Đúng là sau Thế chiến Thứ nhất, nước Anh đã mất địa vị ưu thế trong lãnh vực khoa học kỹ thuật của thời Newton,

nhưng nếu nói là nước này đang ở vào tình trạng “không còn sinh khí” thì chẳng hóa ra là quá phóng đại lên không?

3- Ông Lưu bảo vì phạm vi hoạt động của người Trung Quốc thừa xưa chỉ loanh quanh ở một góc châu Á, cho nên không có lợi cho sự phát triển văn hóa.

Tôi thấy điều này rất buồn cười, chẳng khác nào ông bảo trước khi Tân Thế Giới bị chiếm làm thuộc địa thì phạm vi hoạt động của người Tây phương không bị giới hạn trong một góc Âu châu vậy.

Trung Quốc so sánh về đất đai và nhân khẩu cũng xấp xỉ tương đương với Âu châu. Thêm vào đó lịch sử Trung Quốc còn có một cục diện thống nhất trong một thời gian lâu gấp đôi Âu châu (Âu châu từ thời Trung cổ về sau đã chia thành bao nhiêu nước, mỗi nước có riêng một thứ tiếng, một văn hóa, chính

trị, tôn giáo,... chả có cái nào giống cái nào), cho nên sự giao lưu văn hóa giữa các khu vực với nhau đâu phải được dễ dàng thuận lợi hơn Trung Quốc như ông Lưu nói.

Thế tại sao Thời đại Phục hưng, Thế kỷ Ánh sáng, nền Chính trị Lập hiến Dân chủ, cuộc Cách mạng Công nghiệp, tất cả đều đã ra đời tại cái góc Âu châu đó?

Theo thiên ý thì văn hóa và công nghiệp Trung Quốc cho đến thời nhà Tống đã dừng lại, không tiến được vì bị gò bó bởi tư tưởng của các nhà Lý học.

Ngay từ thời Hán trở xuống, cái Nho học nhà nước đã hoàn thành việc dựng lên nhiều trở ngại rất lớn đối với học thuật và tự do tư tưởng.

Thời Tống, những người như Trình Di, Chu Hy, v.v...đều là những nhà Lý học

lớn, nhưng lại đem thu nhỏ phạm vi của Nho học lại. Họ cho rằng mỗi cá nhân, ít nhất mỗi cá nhân những người đèn sách, đều phải suốt đời không có con đường nào khác ngoài con đường học làm những ông thánh.

Cho đến lúc Lý học trở thành cái dòng chính của Nho học thì sức sống của văn hóa Trung Quốc liền bị chà đạp. Đồng thời tầng lớp sĩ phu, để củng cố quyền lợi, địa vị cá nhân, đã phân chia một cách độc đoán xã hội thành 4 giai tầng: sĩ, nông, công, thương, và đẩy địa vị xã hội của những nhân tài chuyên nghiệp (công), những nhà buôn (thương) xuống bùn đen. Các phát minh về công nghiệp thường thường bị xem là thứ “tranh dâm tranh xảo” (Đua đòi tà dâm và xảo trá), “điều trùng tiểu kỹ” (tiểu xảo dùng tặc nên các con trùng - rồng phượng), và rất ít được báo đáp khích lệ.

Với tâm lý xã hội như vậy, những kẻ có tài cao đều nghĩ đến việc làm quan. Còn lại những kẻ kém tài hơn mới đi làm công-thương-nghiệp.

Một xã hội khinh rẻ công-thương-nghiệp như vậy làm sao có thể hy vọng phát triển được khoa học kỹ thuật, công nghiệp làm sao tiến được?

Kỳ thực vào thời Nam Tống, Trung Quốc đã có thể có đủ điều kiện cho tư bản chủ nghĩa phát triển. Nếu như thời ấy có tự do trong lĩnh vực học thuật, nhà nước khích lệ công thương, cách mạng công nghiệp rất có khả năng xảy ra tại Trung Quốc trước khi ra đời tại nước Anh.

4- Ông Lưu đặt câu hỏi: “Một nước dưới chân rặng núi Hy-ma-la-ya như nước Bu-tan làm sao có thể phát triển công thương nghiệp như Đài Loan được?”

Tôi có thể đáp như thế này: “Cái đó chỉ tùy thuộc vào con người!”

Ông không thấy nước Thụy-Sĩ ở dưới chân núi An-pơ (Alpes) hay sao? Diện tích còn nhỏ hơn cả Bu-tan, không những nước này có công thương nghiệp phát triển, mà trong nhiều ngành nghề còn đứng vào hàng đầu thế giới.

Nếu căn cứ vào cái lý luận dựa trên vị trí địa lý thì tại sao Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, Ai Cập đều là những nước có địa thế thuận lợi lại không thể phát triển công thương nghiệp như Thụy-Sĩ là một nước nằm giữa lục địa dưới chân núi. Chưa kể đến các nước như Na Uy, Thụy Điển là những nước nằm trong một góc rất biệt lập của Âu châu?

5- Ông Lưu bảo Trung Quốc đã thay đổi quốc thể, chính thể và chính sách kinh tế một cách rất dễ dàng. Ông muốn chứng minh rằng người Trung Quốc đổi

với tư tưởng ngoại lai cũng không đến nỗi là những kẻ bảo thủ.

Tôi muốn hỏi ông Lưu:

Thế tất cả những thứ thay đổi ông nói ở trên đó có phải đã được thông qua một cuộc trưng cầu ý dân hoặc là sản phẩm của một quốc hội chân chính do dân bầu, nghĩa là bằng những trình tự hợp pháp của một quốc gia hay không?

Nếu đúng như thế, thì luận điểm của ông Lưu mới đứng vững được.

Nhưng nếu những thay đổi này chỉ là pháp lệnh của những kẻ nắm quyền, hoặc được thông qua bằng hình thức “con dấu cao su” của kẻ thống trị, thì điều đó chỉ minh chứng một điều là Trung Quốc thiếu nhân quyền. Những kẻ thống trị sau khi nắm chính quyền, với súng đạn hể chọn chính thể nào thì áp đặt chính

thể đó, chẳng cần biết nhân dân có đồng ý hay không.

“Văn hóa đại cách mạng” (Cách Mạng Văn Hóa), tuy khẩu hiệu thì hào nhằm lật đổ văn hóa truyền thống của Trung Quốc, nhưng bản thân lại nói lên rất rõ cái tính chất độc tài chính trị truyền thống và thói quen xâu xé lẫn nhau của người Trung Quốc.

Vì vậy, tôi vẫn cho rằng Cách Mạng Văn Hóa đúng là sản phẩm 100 % của cái “văn hóa hũ tương”, nó không thể nào có thể phát sinh ở một nước tôn trọng nhân quyền và dân chủ được.

6- Ông Lưu bảo người Trung Quốc nói to vì trong tiếng Hán có nhiều chữ đồng âm, nên vừa phải nói to vừa phải hoa chân múa tay mới diễn đạt được ý nghĩa muốn nói.

Nếu ý của ông Lưu mà đúng thì

chúng ta không thể nào giải thích được làm sao người Trung Quốc có thể dùng điện thoại để nói chuyện với nhau, vì lúc đó họ không thể hoa chân múa tay mà cũng không thể nói thật to được.

Các độc giả không tin cứ thử gọi ngay đây nói cho người thân hay bạn bè thử xem. Lúc đó mới thấy được cái lý luận của ông Lưu có tính thuyết phục hay không.

Theo ý tôi, người Trung Quốc nói to là vì họ không được dạy dỗ về cung cách nói chuyện và trình tự của hội nghị, không biết tôn trọng sự phát ngôn của người khác, nên thường khi đối phương nói chưa dứt đã vội át lời, bác bỏ lại luận điểm của người ta.

Cái hiện tượng giữa chừng ngắt lời kẻ khác trong xã giao thông thường là một việc luôn luôn xảy ra ở Trung Quốc.

Bởi vì trong lúc nói ai cũng tranh nhau phát ngôn cùng một lúc, nên mọi người bắt buộc phải gân cổ càng to càng tốt.

7- Ông Lưu đã tốn khá nhiều mực để giải thích sự hỗn loạn giao thông ở Trung Quốc. Ông cho rằng vì người Trung Quốc học lái xe tại những khu riêng biệt của trường dạy lái, không như những người Mỹ học lái xe một cách thực tế ở ngoài đường. Vì vậy người Trung Quốc mặc dù thi đậu được bằng lái xe, nhưng vẫn tiếp tục xem ngoài đường như khu vực riêng của trường lái, và vẫn cứ tiếp tục lái ngang, đâm dọc.

Mặc dù tôi biết rất ít về tình hình dạy lái xe ở Đài Loan, nhưng tôi có thể hình dung được khi dạy lái xe chẳng ai dạy cứ phải luôn luôn bóp còi hoặc dừng nhường người đi bộ ở chỗ dành cho bộ hành qua đường (nếu không tuân theo lời dạy thì làm sao đậu bằng được?)

Thế tại sao khi lái xe ra đường họ lại không hề rời cái còi và không hề tôn trọng người bộ hành ở lối dành cho người đi bộ qua đường tý nào cả? Xin ông Lưu giải thích giùm tôi.

Trên đây là một vài suy nghĩ của riêng cá nhân tôi sau khi đọc bài viết của ông Lưu.

Ông Lưu bảo ông Bá Dương bôi nhọ văn hóa Trung Quốc. Tôi thì cho rằng ông Lưu lại đi tô son cho những cái vết bẩn của văn hóa Trung Quốc.

Nhưng dù có nhấn mạnh trên những khuyết điểm hay che đậy sai lầm của văn hóa Trung Quốc chúng ta, tôi tin rằng cái động cơ của cả hai ông đều phát xuất từ tấm lòng thành.

Vì thế tôi cho rằng khi ông Lưu nói

Bá Dương xu nịnh nước ngoài thì ông không những làm tổn thương đến sự trung hậu của ông Bá Dương mà còn không đúng với lô-gíc.

Nếu Bá Dương là loại người xu nịnh thì đối tượng nịnh của ông ta tất phải là Quốc Dân Đảng chứ đâu phải là người Tây phương.

Một người có tài như Bá Dương, lại vốn là người của Cứu Quốc Đoàn (ông đã từng là Tổng cán sự của “Hiệp hội Các nhà văn Thanh niên” trong Cứu Quốc Đoàn), chỉ cần nịnh nọt nhà đương cục một tý là ông cũng có thể trở thành người được tin dùng từ bao đời nay rồi.

Hà tất ông phải chọn con đường mưu sinh bằng cách đi viết tạp văn đả kích thói hư tật xấu của xã hội, cuối cùng xúc phạm đến Quốc Dân Đảng, để cho

cái đảng này bắt nhốt ông trong vòng 10 năm.

Một người mang tình cảm và tư tưởng như ông, có thể còn có thái độ kiêu ngạo là đảng khác, đâu lý nào lại đi nịnh nọt.

Không biết ông Lưu có thấy thế không?

NGƯỜI TRUNG QUỐC VĨ ĐẠI

Châu Quế

“Luận đàn báo”, Los Angeles, ngày 13-3-1985,

“Tự lập văn báo”, Đài Bắc, ngày 12-4-1985,

“Bách tính bán nguyệt san”, Hương Cảng, ngày 16-5-1985.

Ông Bá Dương có một bài nói chuyện về “Người Trung Quốc xấu xí”. Ý kiến của tôi hơi trái ngược lại, tôi xin gọi nó ở đây là “Người Trung Quốc vĩ đại”.

Bất cứ nơi nào có người Trung Quốc tụ tập sinh sống, việc điều đầu tiên ai cũng thấy được là “đông, ồn, bẩn, loạn”. “Đông” vì chen chúc nhau mới vui nhộn, “ồn” vì người Trung Quốc thích ra oai hù dọa đối phương, “bẩn” vì không có bụi bay thì làm sao thấy được nắng đẹp, “loạn” vì tinh thần tự do, tự tại.

Mối quan tâm của người Trung Quốc đối với những đau khổ của kẻ khác, được biểu hiện qua lòng hiếu kỳ. Bởi vậy họ thích xem những cuộc hành hình, người chết, đám cháy, nước lụt, hoặc tai nạn xe cộ. Cảnh ngộ của người khác càng thâm thảm chừng nào thì họ lại càng thấy thích thú chừng nấy. Nếu không thế tại sao khi lỡ dịp xem một thảm cảnh đối với họ lại là mất đi một cơ hội lớn để hưởng thụ hạnh phúc của cuộc đời.

“Liên ngã thế nhân, ưu hoạn thực đa!” (Thương cho người đời: buồn lo,

hoạn nạn quá nhiều!) Nhìn những cái đau khổ của người đời, mà mừng rằng mình may mắn không bị sa vào trong đó, chẳng phải là một điều hưởng thụ lớn nhất trong cuộc sống hay sao?

Mười mấy năm trước, lúc Đài Loan đang xây dựng đường cao tốc trên toàn đảo, từ Đài Bắc đi Cơ Long chỉ có một con lộ nhỏ. Có lần trước một trường tiểu học công lập ở Tịch Chỉ xảy ra một tai nạn xe cộ. Một đứa bé đi qua đường bị một chiếc xe chạy gấp cán chết ngay tại chỗ. Cái xe sau khi gây tai nạn trước mắt mọi người cứ thế đứng đĩnh bỏ đi.

Cả hàng nghìn vạn con mắt nhìn thấy sự việc trên, thế mà không có một người nào đứng ra chặn xe lại. Đến khi cảnh sát tới, lại cũng không ai có thể đứng ra làm nhân chứng để cho biết một tý đầu mối nào về hung thủ. Mà ngay cả cái số biển xe cũng không ai ghi lại.

Trong phút chốc mọi người ào ào như ong vỡ tổ. Mặc dù cảnh sát hết sức mạnh tay ngăn chặn, quần chúng vẫn như một dòng thác dõng non lấp bể ùn ùn đến vây quanh cái thi thể bé nhỏ đó, và làm tắc nghẽn ngay con lộ.

Trong đám đông bỗng thấy một người đàn ông trắng kiện, trạc độ tứ tuần, mặt mày phấn khởi, mồm miệng thô tục, vừa hùng hổ gạt đám đông ra chui vào vừa chửi đổng:

– Đ. M. nó, lại cán chết người nữa rồi!

Anh ta chuẩn bị để thưởng thức một cảnh ngoạn mục hiếm thấy. Nhưng khi anh ta chen được đến chỗ nhìn thì bỗng nhiên như bị một cú điện giật, rồi khóc rống lên.

Đã mười mấy năm qua mà chỉ cần nhắm mắt lại là trong đầu tôi vẫn còn

thấy rõ ràng cảnh tượng ấy!

Mấy năm trước ở đoạn Tam Nghĩa trên xa lộ Đài Loan đã xảy ra một vụ đụng xe lớn, trong đó có khoảng từ 60 đến 70 xe xô vào đít nhau.

Nguyên nhân đầu tiên của vụ này chỉ vì có một chiếc xe bị tai nạn, nhưng những xe chạy sau đó vội vàng ngừng lại để xem. Thế là các xe từ phía sau đến phanh không kịp và đổ xô hết vào nhau gây nên một đống nát bét khổng lồ.

Tại những nơi có người Trung Quốc, chỉ cần một tai nạn xảy ra thì không bao giờ thiếu đám đông đến xem. Nhà cháy ngùn ngụt, lửa lên ngút trời, người bị nạn đang dậm chân kêu cứu trong biển lửa, nhưng giữa đội cứu hỏa và đám cháy thế nào cũng có một bức tường người đứng xem làm cản trở công việc cứu chữa.

Trong núi có tai nạn mỏ, vô số thợ bị

nạn còn nằm dưới mỏ, sống chết còn tùy vào không gian để thở. Ở vào thời điểm này, dù núi cao, đường xa thế nào đi nữa cũng sẽ có một đoàn người hiếu kỳ hỗn loạn từ xa lặn lội kéo tới lấp kín cửa mỏ, tranh giành đường đi với những người đến cứu nạn.

Chỉ cần nơi nào có dây ra một tý đường, thì chẳng quản khuất nẻo, thế nào đàn kiến cũng đánh hơi đến được. Xe lửa trật đường rầy, máy bay bị rơi, lụt làm vỡ đê, có người tự tử, hành quyết phạm nhân, người Trung Quốc đều như kiến tìm đường đến xem ngay.

Hơn hai mươi năm trước, một người đàn ông, trong lòng có điều uẩn ức, leo lên một mái nhà cao mười tầng ở Đài Loan tuyên bố sẽ nhảy xuống tự tử. Tức thì người kéo đến xem đầy đường, chật phố. Cảnh sát như gặp phải quân giặc, một đằng lo chẳng lười hứng người phía

dưới lầu, một đằng cho người lên thương thuyết, khuyên anh kia đừng nhảy.

Ký giả các báo đến giường sẵn máy ảnh, chỉnh sẵn ống kính chờ đợi để chụp lấy cái giây phút hiếm có. Nhưng anh chàng nọ vẫn tác quái, mặc cho cảnh sát nói gây cả lưởi, một mực vẫn nhất quyết bảo không nhảy không được, nhưng lại không nhảy ngay tức khắc, cứ kiểu đó kéo dài cả tiếng rưỡi đồng hồ.

Phải nói cái quần chúng tò mò của Trung Quốc có lòng kiên nhẫn trong thiên hạ không ai bì kịp, ngừng đầu theo dõi hai, ba tiếng đồng hồ rồi, cổ đã mỏi nhừ mà cũng không ai cần nghỉ ngơi một giây phút nào cả.

Khi cái đồng hồ nhà ga xe lửa đối diện gõ 11 giờ vẫn không thấy anh ta nhảy, mà người xem vẫn chưa ai ra về. Trong đám người đứng đó, một bà nội

trợ, tay xách cái làn không, mồm lẩm bẩm:

– Bảo nhảy mà mãi không nhảy cho rồi để cho người ta xem xong còn đi chợ chứ!

Tại sao người Trung Quốc lại thích xem tai nạn? Bởi vì người Trung Quốc một đời họ là một trường tai nạn. Một lần sinh làm người Trung Quốc là một lần phải hứng chịu những tai vạ lớn. Tai họa vĩnh viễn là đứa anh em sinh đôi của người Trung Quốc, có tránh cũng không nổi, chỉ có không biết là nó đến lúc nào và ở đâu thôi.

Trong Đạo đức kinh của Lão đàm có viết:

“Có và không đều cùng sinh ra lẫn nhau. Dễ và khó đều cùng đưa nhau đến một kết quả. Dài ngắn rồi cũng cùng tạo hình dáng của nhau. Cao thấp cũng đều

khuynh loát lẫn nhau. Âm và thanh đều hòa vào với nhau. Trước và sau đều tùy thuộc lẫn nhau” (Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy).

Khổ và sướng, hạnh phúc và tai họa không có gì tuyệt đối, tất cả chỉ là tương đối:

“Người ta cưỡi ngựa tôi cưỡi lừa, nhìn về đằng trước thì tôi không bằng, nhìn về đằng sau còn có người phải đẩy xe, so với phía trên thì không đủ, so với phía dưới thì tôi có thừa”.

Những người khác gặp những đau khổ vô cùng lớn, riêng tôi may mắn được thoát nạn. Nhìn cảnh ngộ bi thảm của kẻ khác để rồi ngẫm nghĩ về sự may mắn của bản thân mình (không bị hể hấn gì). Cái sự hưởng thụ đó trong cuộc đời này

nào phải được nhiều nhận gì cho cam!
Nếu không nắm lấy thời cơ mà hưởng
thụ hết mình thì chẳng phải là tội lỗi hay
sao?

Trong cuộc sống, người Trung Quốc
thực sự luôn luôn phải sắm vai chính của
những bi kịch, nên hễ gặp ai đang diễn bi
kịch thì làm sao có thể dễ dàng bỏ lỡ cơ
hội xem cho được?

Tôi còn nhớ thời kỳ Kháng chiến
chống Nhật, trên một bến phà bên bờ
sông ở Triều Thiên Môn tại Trùng Khánh,
mùa đông nước cạn, phà không thể cập
sát bờ, để lên phà phải qua một cầu nổi
thô sơ.

Hôm ấy phà vừa cập bến thì những
người khách cứ theo thói quen dùng cái
tài năng đặc biệt của người Trung Quốc là
xung phong hăm trận, tranh nhau xuống
trước, liều mạng chen lấn. Có một bà cụ

già vì thế bị xô đẩy rơi tòm xuống sông, lúc chìm lúc nổi.

Dưới nước cả trăm chiếc thuyền lớn bé vắn thân nhiên, trên bờ cả trăm nghìn người ai cũng chỉ đứng giương mắt nhìn mà không một kẻ nào nghĩ đến chuyện cứu người.

Lúc đó bỗng trong đám đông có một quân nhân Mỹ bước ra, cởi bỏ áo ngoài, nhảy ùm xuống sông. Sau một hồi rất chật vật, khó khăn, cuối cùng anh ta cũng cứu được người đàn bà ấy lên bờ.

Người lính Mỹ, sau khi hoàn thành cái việc nghĩa cứu người, bèn quay lại chỗ mình cởi bỏ áo để tìm, thì ôi thôi! Cái áo đã không cánh mà bay mất tự bao giờ!

Vị quân nhân Mỹ kia chỉ bị mất một cái áo, nhưng việc tôi gặp phải sau đây có thể còn thảm thương hơn nhiều.

Đó là câu chuyện ba mươi lăm năm trước, song nó còn đeo đẳng tôi không biết đến bao giờ. Hôm ấy ở ga xe lửa Đài Trung, tôi thấy một người lạ đi một mình bỗng đột ngột bị bạo bệnh ngã xuống trước cửa ga.

Vì tình thế lúc đó quá gấp rút, tôi kêu bữa một xe ba gác đến chở ông ta đi nhà thương cấp cứu. Đến bệnh viện, chưa làm xong thủ tục nhập viện thì người ấy đã qua đời. Bệnh viện bảo tôi phải thanh toán lệ phí thủ tục nhập viện rồi đem thi thể đi ngay, sợ ảnh hưởng đến thanh danh của họ.

Tôi chỉ trơ trọi có mỗi một mình ở đấy, không quen biết ai, cũng chẳng ai có thể cho tôi biết phải đem một tử thi vô danh đi nơi nào.

May mà nhà thương đã kêu cảnh sát lại. Cảnh sát dĩ nhiên bắt tôi khai tên tuổi

người chết, nguyên nhân cái chết, lại bắt tôi phải đem thi thể đến một nơi thích hợp để chờ thầy thuốc pháp y đến khám nghiệm. Dĩ nhiên để trả lời, bằng mọi cách phải biết được lai lịch người chết. Rà đi rà lại cả ngày, phải khó khăn lắm tôi mới tìm được gia đình người chết.

Người nhà tới, lập tức nêu lên một vấn đề rất nghiêm trọng. Họ bảo rằng người chết có mang theo mình 50 quan tiền mà bây giờ không tìm thấy nữa. Tôi liền bị cảnh sát gọi đi lấy khẩu cung, viết giấy cam đoan, rồi tìm cả người bảo lãnh. Tất cả những thứ thủ tục này làm tôi mất đứt một tháng trời. May mắn là tổ tiên tôi còn để đức lại, nên gia đình người chết cuối cùng cũng nói sự thực.

Họ thú nhận rằng vốn sợ phải hoàn lại số tiền xe và tiền nhập viện mà tôi đã ứng trước nên đã dựng đứng lên chuyện trong người kẻ xấu số có 50 quan tiền, để

cứ gọi là “tương” trước cho tôi “một quả” cái đã.

Nghìn may! Vạn may! Họ vẫn là người nhà quê thật thà, chỉ nói mất có 50 quan tiền. Chứ chẳng may họ lại bảo là mất 5 vạn quan tiền thì suốt đời, có lẽ đến bây giờ, tôi vẫn còn nằm trong nhà lao mất.

Người Trung Quốc đối với những đau khổ của kẻ khác thường có kiểu tò mò một cách trắng trợn, thích thú màò có vẻ đồng tình, nhưng đối với những thành tựu và hạnh phúc của kẻ khác thì giữ kín như bưng, cực kỳ bí ẩn, tâm địa đố kị cực kỳ ác độc.

Người Trung Quốc dù khoan hồng đại lượng cũng tuyệt đối không thể chấp nhận chuyện người mình quen lại khá hơn mình, tuyệt nhiên không thể chịu đựng được bất cứ phần tử nào ở cùng

trong cái biển khổ ấy lại thoát ly ra được. Đó là cái gọi là “không muốn thấy cháo của người nghèo đóng váng” (Cùng phường ăn mày mắng nhau dầy chiếu).

Mọi người đều cùng khổ, nấu cháo húp qua ngày, vạn nhất có người nấu nhiều hơn một tý, cháo nấu đặc hơn một tý, trên mặt bát đóng một lớp váng mỏng thì cái đó sẽ không khỏi gây ra vấn đề và không ai chịu được cả. Không đánh cho nó gục thì không được.

Lúc mọi người đều ăn mì canh xì dầu thì rất là vui vẻ, không có việc gì xảy ra. Chẳng may tình hình biến đổi, tôi chỉ có thể ăn mì ruốc, mà anh lại được ăn mì sườn, như thế làm sao tôi có thể chịu nổi? “Mình đói người khác cũng phải đói” thì lúc ấy mới không thấy được mình đói. “Mình chết đuối thì người khác cũng phải chết đuối” thì lúc đó mới không cảm thấy mình đang chết đuối. Nếu phải

nhảy xuống giếng tự tử tất phải tìm được người nhảy xuống trước để làm đệm cho mình.

Trong xã hội Trung Quốc, từ miệng kẻ bị thất bại vẫn nghe thấy nói có người thành công nào đó phải biết ơn anh ta, bởi vì nhờ có anh ta người nọ mới thành công được. Bạn bè cũ hoàn toàn không thể trở thành người làm của kẻ đã thành công. Người đã thành công cũng không thể nào có thể dùng bạn cũ của mình để làm việc cho mình được.

Trung Quốc là một dân tộc không biết sùng bái anh hùng. Người Trung Quốc chỉ sùng bái những con ma xui xẻo bị thất bại. Quan Công vì sơ xuất bị ám hại ở Kinh Châu, nên được người đời thắp hương cúng bái. Sở Bá Vương vì cùng đường phải tự刎 cổ nên được xem là anh hùng cái thế. Gia Cát Lượng vì cức cung tận tụy dưới trướng Lưu Bị nên

được tôn thờ là thần cơ diệu toán. Nếu Quan Công giữ được Kinh Châu, Sở Bá Vương có được thiên hạ, Gia Cát Lượng phục hưng được nhà Hán thì người đời sau chắc sẽ không sùng bái họ như vậy.

Đối với người chết còn như thế, huống hồ những người đang sống. Cùng xuất thân, cùng một hạng người như nhau mà nó lại cứ dám ngoi lên cao. Nếu không kéo cho nó xuống ngựa thì làm sao chịu được? Cái tinh thần “phản người cùng một tổ” này là một trong những thú truyền thống “ưu tú” của dân tộc Trung Quốc từ mấy nghìn năm nay.

Người Trung Quốc đối với những người nước ngoài to khỏe xưa nay vẫn chăm chú đến việc giữ hòa bình, nhất là đối với những kẻ địch hung hãn. Dầu cho họ có cưỡi lên đầu lên cổ mình thì cũng cứ khoan hồng đại lượng, thản nhiên chịu đựng.

Duy chỉ đối với giữa người mình với nhau thì lại không thể để cho ai làm dù một hạt bụi bay vào mắt, không thể để ai nói điều ong tiếng ve gì về mình. Nếu có chuyện đó xảy ra tức thì phải đập cho vỡ đầu, hạ độc thủ, phóng ám khí.

Những thủ đoạn bôi mặt đá nhau này hễ dùng đến thì không thứ nào không dùng đến mức tối đa. Nhất là kiểu bịa đặt, thư nặc danh, tung tin đồn, báo cáo mật,... càng là những tuyệt kỹ mà người Trung Quốc xưa nay vẫn đoạt giải quán quân trong thiên hạ. Người Trung Quốc đặc biệt nghiện những thứ này. Bất kỳ dưới chính quyền nào, hễ trong tay họ nắm được quyền sinh sát là y như bị tật nghiện giống như nghiện ma túy, rất khoái được báo cáo mật về kẻ khác, nghe rồi tin những báo cáo ấy như một người mù.

Từ thời Tần (221-207 trước Công

nguyên) Thương Ưởng đã làm một đạo luật gọi là “vu cáo phản tọa” (Vu oan cho người tội gì thì bị khép vào tội ấy), người Trung Quốc vốn là kẻ vẩn gìn giữ lại bất cứ thứ gì, thế mà không hiểu sao lại vứt cái đạo luật này đi?

Một bạn cũ của tôi là ông Trương Cung, một con người tài hoa, viết chữ đẹp, vẽ đẹp, khắc đẹp, một người mến yêu cổ đạo, tâm địa tốt, lòng dạ ngay thẳng nghĩ thế nào nói thế ấy. Vào thời quân phiệt Bắc Dương, ông bị người mật báo với tội danh “thuộc đảng Cách mạng”, bị xử tử hình. Cũng may là ngay lúc còn chưa bị hành hình thì cuộc Bắc Phạt thành công. Đến thời Mãn Châu Quốc (những năm 1930) ông lại bị mật báo là “phản tử Trùng Khánh”, cũng lại bị khép vào án tử hình. Chỉ còn một ngày nữa bị đem bắn thì quân Nhật đầu hàng, nếu không thì chắc chắn đã chết rồi.

Lúc quân cộng sản chiếm Đông Bắc ông lại bị mật báo là “Hán gian” và “gián điệp Quốc Dân Đảng”. Cùng một lúc hai tội danh này lại đưa ông đến một lần thứ ba bị tuyên án tử hình. Sau đó nhờ cuộc trao đổi tù binh ông được đem ra Đài Loan. Nhưng ở đây ông lại bị mật báo là “phỉ điệp” (gián điệp của thổ phỉ, tức gián điệp cộng sản), bị xử 7 năm tù. Ông Trương Cung năm nay đã 82 tuổi, không biết rồi còn có thể bị chụp thêm một cái mũ nào nữa lên đầu hay không?

Một người Trung Quốc, như một cá nhân thì thông minh tài trí: nếu nói về năng lực, tinh thần hăng hái thì chẳng thua ai. Nhưng lạ thay, điều khiến một tỷ người Trung Quốc lại cũng dễ như lừa một đàn cừu.

Anh chỉ cần để cho tất cả mọi người cùng chịu khổ, cùng bị hà hiếp như nhau thì họ sẽ chịu đựng được những cực khổ

và những sự ức hiếp đến độ không loại người nào có thể chịu được.

Nếu thi tài chịu đựng khổ cực, gánh vác tội vạ đồng thời ngâm đắng nuốt cay, nhất định người Trung Quốc đoạt giải quán quân.

Họ giỏi những thứ đó cho nên thường chỉ bị người dùng roi da quất lên lưng, bắt tụ tập lại thành hàng nghìn, hàng vạn giống một đàn kiến thợ để làm những công việc của bọn nô lệ, như xây Vạn Lý Trường Thành, đào Đại Vận Hà (kênh đào liên tỉnh Hà Bắc - Sơn Đông - Giang Tô - Chiết Giang - ND).

Nhất thiết anh đừng mong cải thiện cuộc đời họ. Cách tốt nhất là anh chịu khó lắng nghe họ kể khổ, làm phúc một tý cho họ bằng cách cho họ tưởng anh cũng khổ và đồng tình với họ. Chỉ cần như thế là họ thỏa mãn lắm rồi!

Chuyện “đập vỡ nồi để mọi người đều không có cơm ăn”, người Trung Quốc nào cũng làm được. Nhưng “nhặt củi để đốt cho đồng lửa chung cháy to lên” thì không người Trung Quốc nào làm nổi.

Khi xem xi-nê, đến đoạn cô nhi quả phụ gặp bước đường cùng, bi thương tuyệt vọng, tất cả người xem kẻ thì lau nước mắt, người chùi nước mũi, hết đợt này đến đợt khác. Cả rạp sụt sùi chẳng khác nào cuộc đời của chính bản thân mình đang được chiếu trên màn bạc vậy. Lúc đó người Trung Quốc mới thông cảm làm sao cái tâm trạng “người đói cũng như ta đói, người chết đuối cũng như mình chết đuối” (Nhân cơ kỷ cơ, nhân nịch kỷ nịch), cái tình cảm đó lúc ấy thể hiện đến cùng cực.

Nhưng lúc tan phim đi về, ra đến ngoài đường, bỗng thấy bên vỉa hè bao nhiêu trẻ thơ tàn phế đang bò lê bò càng,

người già yếu bệnh hoạn đang van xin bố thí. Những nhân sĩ hảo tâm mắt còn đỏ hoe vì vừa mới khóc trong rạp kia vội vàng hiên ngang đi lướt qua thật mau như không hề nhìn thấy gì.

Đó đúng là người Trung Quốc. Họ sống ở hai thế giới khác nhau, vĩnh viễn mang trong người một nhân cách song đôi. Một mặt là thế giới hiện thực đầy rẫy chiến tranh, đói khát, đau khổ, chết chóc, người với người quyết liệt kiểu “mày chết tao mới sống”. Ở đó, dù cho có là vua Đường, Nghiêu, Ngu, Thuần cũng không thể cho ai một cái bánh nướng. Những thứ của Kinh Thi hay lời dạy của Khổng Tử cũng không thể đem bỏ vào cho đầy nồi, nấu lên cho thành cơm được. Tu (thân), tề (gia), trị (nước), bình (thiên hạ) chỉ là những thứ của nhà người khác. Khi đói thì chỉ có mỗi cái bụng của mình là thứ quan trọng nhất.

Dân tộc Trung Quốc là một dân tộc lâu đời, có lịch sử văn hóa 5.000 năm, mà cũng có cả kinh nghiệm của 5.000 năm sống khốn khổ. Những ông thánh hiền xưa để lại cho chúng ta một lô lý luận về cách làm người phải như thế nào. Nhưng 5.000 năm sống gian khổ kia cũng mài dũa ra một lô kinh nghiệm quý báu về cách phải làm như thế nào để sinh tồn.

Trên lý luận thì phải làm như thế này mới đúng, nhưng trong thực tế lại phải làm như thế kia mới có hy vọng sống còn. “Lý tưởng” và “thực tiễn” vĩnh viễn tương phản nhau. Đã không thể vứt lý tưởng đi, lại không thể không chú ý đến thực tế. Thế là chỉ còn có cách cứ phải sống cùng một lúc trong cả hai cái thế giới đó, mang lấy cái nhân cách nhị trùng trong một thân phận.

Người Trung Quốc trong thế giới lý tưởng thì giảng đạo đức, nói nhân ng-

hĩa, nhất thiết có đủ cả những đức tính trung, hiếu, nhân, ái, tín nghĩa, hòa bình. Người Trung Quốc trong thế giới hiện thực lại luôn luôn giãy dụa bên bờ đói khát, nằm giữa ranh giới của sự sống và cái chết.

Trong đời người chuyện lớn nhất là làm sao giữ được mạng sống của mình. Để giữ được nó, không có việc gì mà không dám làm, dù phải lừa dối lẫn nhau, dù gặp sao hay vậy, sống tạm bợ cho qua ngày. Cái đạo lý làm người trong thế giới lý tưởng chỉ là tấm gương để cho người khác soi, là lời để cho người khác nghe. Cái hành vi trong thế giới hiện thực mới là cuộc sống thật của mình.

Bởi vậy anh mãi mãi không tài nào có thể đoán được ý đồ của người Trung Quốc qua lời nói của họ được. Một người Trung Quốc bảo anh ta chúa ghét khách sáo, nhưng anh đừng tưởng thật mà tùy

tiện với anh ta được. Anh ta bảo rằng hôm nay anh ta chẳng hứng nói chuyện gì cả, tuy vậy anh không thể không mời anh ta nói chuyện được.

Nếu chỉ có thế thì cũng đơn giản thôi. Chúng ta chỉ cần đảo ngược những lời anh ta nói, tất sẽ đúng ý anh ta, có phải thế không? Nhưng thực ra lại không phải hiển nhiên như vậy.

Người Trung Quốc nói, nhiều khi có nghĩa ngược lại, nhưng có lúc nó lại thật là như vậy. Anh có là con giun trong bụng anh ta cũng chưa chắc có cách gì biết đúng được ý của anh ta.

Lão Trương và lão Vương là bạn cũ. Con trai của lão Trương cưới vợ nhưng không gửi thiệp mời lão Vương. Việc này làm cho lão Vương nắm chắc lý lẽ trong tay, nên sau đó lúc gặp lão Trương, khí thế hùng hùng, bắt đầu hỏi tội:

– Anh xem bạn bè bằng nửa con mắt, có đúng không? Sao con lấy vợ mà không báo cho người ta một tiếng?

– Đó là chuyện của con trẻ, tôi chẳng dám phiền đến ông anh làm gì.

– Nói gì lạ thế! Chúng mình là chỗ thâm giao, sao lại có thể không báo cho nhau một tiếng nhỉ?

– Thôi, xin lỗi! Xin lỗi! Chủ nhật tuần sau đưa con thứ hai của tôi cũng sẽ lấy vợ mà. Cho dù thế nào đi nữa, nhất định cũng mời anh vui lòng đến dự cho!

– À! Ờ!

Thế là sau đó lão Vương đi nói khắp nơi rằng lão Trương liên tục mượn cớ con lấy vợ để làm tiền. Rồi lại lên đến mặt báo Cục Hành chính Nhân sự là lão Trương vi phạm vào “Mười điều Quy định đổi mới của ngành giáo chức”.

Các nhà hiền triết Trung Quốc đặt tiêu chuẩn cho con người quá cao, cái đòi hỏi của họ đối với con người quá khắc nghiệt, đặt ra quá nhiều quy phạm cho hành vi con người mà một kẻ trần tục hoàn toàn không thể tuân theo, nhất là càng không thể làm nổi trong một xã hội hiện thực.

Cứ chiếu theo các quy tắc của họ mà nhất nhất làm theo, nếu không bị gọi là đồ ngốc thì chắc chắn cũng sẽ đi đến chỗ bị diệt vong. Và lại họ còn nhất quyết cho rằng “nếu không thành thánh hiền, thà làm cầm thú” (Bất vi thánh hiền, tiện tác cầm thú). Thánh hiền trong đền miếu chỉ là những thứ thần tượng làm bằng đất, gỗ: cầm thú với con người thực ra có nhiều sự khác nhau. Người vẫn là người, tuy rằng có khuynh hướng muốn trở thành thánh hiền, nhưng xét cho cùng vẫn không phải là thánh hiền. Người là loại động vật có thất tình và lục dục.

Mục đích tối hậu của cuộc đời là sống còn. Mấy nghìn năm gian khổ đã tôi luyện cho người Trung Quốc tinh khôn ra. Cứ cái nguyên tắc nào, cái lý tưởng nào giúp cho họ sống còn được tức là những thứ cao nhất, lớn nhất, hay nhất.

Người Trung Quốc đều hy vọng mọi người nhiệt tâm vì công ích, ham làm việc nghĩa, xem việc thiên hạ cũng như việc mình, ít nhất có thể thấy bất bình thì tốt gươm tương trợ, bênh vực lẽ phải, ủng hộ chính nghĩa. Nhưng mấy nghìn năm đó lại dạy cho con người tuyệt đối chớ chuốc lấy những việc không đâu, vì kết quả của nó, nếu nặng có thể đưa đến chuyện mất mạng như chơi, nếu nhẹ cũng đưa đến những chuyện hết sức phiền toái.

Để sống còn, phương pháp duy nhất là sống như con rùa, lúc phải rút đầu

thì rứt đầu. “Tuyết trước nhà ai người nấy quét, chớ có lo đến sương trên mái ngói nhà người khác” (Các nhân tự tảo môn tiền tuyết, hữu quản tha nhân ngõa thượng sương), “nghề có thể nuôi thân thì theo, việc không dính đến mình chớ mó” (Nghiep khả dưỡng thân tu trước kỹ, sự vô can kỹ mạc lao tâm).

Trừ phi chán sống mới đi bắt chước Kinh Kha, Nhiếp Chính (Hai người hiệp khách đời Chiến Quốc, Kinh Kha đâm Tần Thủy Hoàng, Nhiếp Chính đâm Hàn Tương - ND). Tôi lại xin kể ra đây vài chuyện khác để nói về quy tắc sống đó:

Tại ngã tư, một người cưỡi xe máy bị xe đâm ngã lăn quay ra giữa đường, máu chảy lênh láng, nguy cấp trăm phần. Kẻ gây tai nạn đã cao chạy xa bay. Những xe qua lại đều vòng sang một bên mà đi thật nhanh, chẳng ai muốn rước phiền phức vào thân.

Đột nhiên có một anh tài xế tắc-xi tốt bụng đi qua thấy không đành lòng mới vội vàng dừng xe lại, ôm người bị thương lên xe đưa ngay đến nhà thương, đồng thời nộp hộ cả tiền nhập viện, chỉ cốt làm sao có thể cứu được một mạng người.

Người bị thương sau khi từ cửa địa ngục trở về (tai qua nạn khỏi) liền tố ngược lại, vu oan cho ân nhân cứu mạng chính là hung thủ đã làm mình bị thương.

Lý do anh ta đưa ra rất đơn giản: nếu không phải là người đã gây ra tai nạn thì có lý gì mà vốn không quen biết bỗng nhiên đem một người bê bết máu lên xe mình đưa đến nhà thương, lại còn trả dùm cả tiền nhập viện nữa?

Quan tòa cũng coi đó là lý do đầy đủ. Thế là vị lái xe tốt bụng ấy cuối cùng bị mắc vào ác báo, phải bán cả xe đi để bồi thường cho cái lỗi lầm đã cứu người

của mình, lại còn bị xử ngồi tù thêm một năm trời nữa.

Còn chuyện kiểu thế này có lẽ nhiều người cũng đã từng chứng kiến: một hôm trời mưa, trên chuyến xe buýt chật ních người, các cửa xe đều đóng kín mít. Lúc ấy lại có một đứa du côn dở thuốc ra hút trong xe, khói thuốc cay xè. Mọi người trong xe chảy cả nước mắt nước mũi, người thì ho, người thì nghẹt cả thở, thế mà không một ai dám đứng ra bảo cái đứa kia tắt thuốc đi.

Tại Trung Quốc, chỉ cần sự việc xúc phạm một lúc đến hai người trở lên thì tuyệt đối chẳng ai có thể đứng ra phản đối cả. Ai cũng nghĩ kẻ bị thiệt hại không phải chỉ có mỗi một mình ta. Nếu mọi người đều có thể chịu đựng được, không có lý do gì mình lại xuất đầu lộ diện để đối phó. Nếu phải thi sự nhẫn nại, chịu đựng thì trong trường hợp này, không

loại người nào có thể so với người Trung Quốc.

Đối với việc xâm phạm vào quyền lợi của bản thân, chỉ cần có người khác cũng bị như họ thì người Trung Quốc nuốt giận nín thinh, rút lui không dám đương đầu, không dám làm mếch lòng kẻ đang gây thiệt hại cho mọi người, không muốn cho ai khác có thể được hưởng lợi lây nhờ hành động hoặc sự can thiệp của mình.

Còn đối với những việc không liên quan đến quyền lợi bản thân, người Trung Quốc luôn luôn bo bo giữ mình, đứng ngoài cuộc, làm kẻ bàng quan đứng xem bên ngoài, không bao giờ nhúng tay vào. - Người giỏi đại gì đi ngủi cút chó? Anh bảo tôi là loại máu lạnh ư? Máu không lạnh thì làm sao tôi có thể sống lâu trăm tuổi được?

Bất cứ vào thời đại nào, làm người

Trung Quốc mãi mãi còn là một thứ tai họa. Từ 5.000 năm nay, người Trung Quốc luôn luôn giãy dụa trong đói khát, luôn luôn vật vờ trước cửa địa ngục, dở sống dở chết.

– Ăn uống no đủ rồi mới biết đến vinh nhục; kho đụn có đầy thì mới biết được đến lẽ nghi” (Y thực túc nhi hậu tri vinh nhục, thương lẫm thực nhi hậu tri lễ tiết).

Trong lúc còn đang sống chết, mắt còn chưa biết thế nào thì làm sao có thể ung dung vái chào ai được. Nếu bốn, năm ngày chưa có một hột cơm vào bụng, mắt mũi tối sầm, thì bất kể thịt chó, thịt bò, mà thậm chí ngay cả đến thịt người anh cũng vẫn cứ phải ăn để mà sống. Các ông thánh Trung Quốc còn phán thế này:

“Đừng lo ít, chỉ lo không đồng đều: đừng lo nghèo, chỉ lo không được an thân!” (Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân,

bất hoạn bản nhi hoạn bất an)

Đây là hai câu rất hồ đồ.

Đã ít thì làm sao mà đồng đều cho được?

Một quả táo nếu đem chia cho một vạn người ăn thì làm sao mỗi người có được một phần bằng nhau?

Đã nghèo thì làm sao mà yên thân được?

Nếu một người năm, sáu ngày không có một tý gì vào mồm thì làm sao anh ta có thể vui vẻ vái chào mọi người? Để rồi lui vào chờ chết chẳng?

“Đừng lo ít, chỉ lo không đồng đều” là câu dùng để dạy mọi người phải cố gắng chịu đói chịu khổ như nhau.

“Đừng lo nghèo, chỉ lo không được an thân” là để yêu cầu mọi người Trung

Quốc từ nơi đói khổ xin được tiến vào Ngục Môn Quan (Cửa Địa Ngục) một cách ngoan ngoãn.

Người giàu có chưa chắc đã rộng rãi, nhưng kẻ bần cùng và người keo kiệt nhất định là hai anh em sinh đôi, cả hai trạng thái này đều đưa con người ta đến chỗ trở thành ích kỷ.

Người Trung Quốc có ích kỷ không thì tôi không biết. Nhưng tôi nhớ một chuyện thế này. Năm 1949, tại một công xưởng quốc doanh, một viên chức có đôi giày đế bị thủng muốn tìm miếng da để chữa. Anh thấy ở trong một cỗ máy, chỗ bộ phận khởi động, có cái dây đai bằng da dài hơn 10 thước, khả dĩ có thể dùng được cho việc chữa giày. Thừa lúc đêm đến máy ngưng chạy, anh lén cắt lấy khoảng 3 tấc.

Kết quả là giày anh sửa rất tốt, nhưng cỗ máy ở phân xưởng lại không chạy

nữa. Nó nằm bất động trong một thời gian hơn hai tháng, vì thuở đó những dây đai da như loại ấy còn phải nhập từ nước ngoài vào.

Chuyện anh chàng này - chỉ vì cắt một miếng da nhỏ nhưng làm hại cho cả một công xưởng - còn có thể có nguyên do: một phần vì giấy hỏng cần sửa gấp mà lại không biết cách nào làm tốt hơn, một phần vì bản thân vốn là thợ thuyền không được giáo dục đến nơi đến chốn, việc này còn có thể hiểu được.

Nhưng một giáo sư đại học chắc hẳn phải được giáo dục tốt hơn chứ?!

Năm đó, một phái đoàn giáo sư đến tham quan một cơ sở, thấy trên một ngôi đình trong hoa viên nơi đây, hoa đậu tía (Wistaria, Glycine) đang nở rất tươi đẹp. Cái loại hoa này từ dưới đất chỉ có một thân gốc bò lên đến trên nóc đình mới tỏa ra làm nhiều nhánh nhỏ, lan đi khắp

nơi, rũ xuống thành một cái tàn hoa lớn. Một giáo sư nhìn thấy loại hoa đẹp này rất lấy làm ưa thích, nhân lúc không ai chú ý, lấy kéo sắc ra, bụp một cái, anh ta cắt ngay một đoạn thân chính để đem về nhà ươm trồng.

Người Trung Quốc, nếu thấy một việc gì mang đến thuận tiện hay lợi ích cho mình, thì cứ làm chứ không cần biết đến những tai hại mà nó có thể gây ra cho những người khác.

Con dê phòng lụt là một thứ hệ trọng đến sinh mệnh và tài sản biết bao nghìn, vạn người. Thế mà có kẻ chỉ vì vài đồng bạc đã không ngần ngại cắt những giây thép trên cửa dê để đem đi bán cho đồng nát. Đến lúc lụt lội xảy ra làm hàng nghìn người chết, tổn thất ức triệu tài sản thì người đó chỉ nghĩ rằng “đó là việc của các người, chẳng can dự gì đến tôi”. Trận thủy tai năm 1959 là một chứng cứ rành

rành của việc ấy.

Chắc nhiều người hẳn vẫn còn nhớ câu chuyện xảy ra cách đây mấy năm. Có công ty nọ bán ra một lô thuốc kháng (trụ) sinh pê-ni-ci-lin dùng cho thú vật đã bị hư. Sau đó một nhà buôn mua được, đóng bao bì lại thành loại pê-ni-ci-lin cho người dùng, rồi đem bán ra thị trường. Người mua tiêm vào bị chết liên tục. Thế mà việc này rồi cũng “chìm xuống” luôn, không ai biết được kẻ nào là thủ phạm!

Hiện tại ở Đài Loan chẳng vẫn còn thấy có nhiều ống tiêm nhựa đã dùng ở nhà thương xong lại được đem ra bán trên thị trường hay sao?

Một bộ máy cơ khí trị giá hàng nghìn, hàng vạn đô-la Mỹ là đồ công cộng, tài sản chung của mọi người, song nếu tôi cửa được một ống sắt từ trong đó ra để làm một cái gậy, dù cái gậy ấy không

đáng giá tới vài chục đô nhưng nó là của tôi, thì tôi cứ làm. Nếu anh không thấy rõ chuyện này, anh không xứng đáng là người Trung Quốc chút nào hết.

Rất may thay ở các nơi công cộng bây giờ đều dùng cửa tự động. Việc này làm cho cơ hội mất mặt của người Trung Quốc đã bớt đi nhiều. Trước kia khi còn dùng cửa lò xo, người Trung Quốc mỗi khi đi ngang chỉ cần lấy chân đạp một cái để mở cửa rồi bước phất qua, mặc kệ không cần biết đằng sau có ai không, cứ thả cho cửa buông ra làm nhiều người đến sau đập mày, đập mặt. Đó cũng là một trong những “đức tính” của người Trung Quốc.

Hiện nay Đài Loan đã có tiền rồi, ngành du lịch cũng được mở mang, người Trung Quốc lại càng có nhiều cơ hội để biểu diễn những truyền thống ưu

việt của họ ở những nơi ăn uống đông du khách.

Người Trung Quốc lúc nào cũng luôn mồm bảo “bị thiệt thòi là được phúc” (Ngật khuy thị phúc). Nhưng trên thực tế họ lại rất sợ bị thiệt thòi.

Tại những bàn tiệc ăn thả cửa, lúc lấy thức ăn, bất kể mặn ngọt chua cay, lại cũng không hề ước lượng xem mình ăn được chừng nào: cứ thấy có thứ nào bày trên bàn là nhồi cho thật đầy vào bát đến độ có thể làm bội thực được một con voi. Nhưng rồi lại không thể ăn nhiều hơn người khác, cuối cùng phải bỏ lại thừa mứa phí phạm biết bao nhiêu.

“Trời đất là quán trọ của muôn loài” (Thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lữ); nhưng người Trung Quốc lại xem đất nước mình là một quán trọ, chỉ là chỗ để trú chân tạm thời, không có ý định ở lâu dài. Họ chỉ thích những việc nhanh được

lợi của một thứ “chụp giật chủ nghĩa” nhỏ nhen.

Câu “Quan không sửa chữa công đường” (Quan bất tu nha) là ý nói không ai muốn làm việc gì để kẻ khác có thể trục lợi. “Trẻ tuổi không trồng cây hồ đào” (Thiếu bất chủng hồ đào), bởi vì cây này (walnut, noyer) phải trồng mười mấy năm mới ra quả.

Vật liệu mà người Trung Quốc dùng để xây nhà thường là đất, gỗ mặc dầu vẫn có những thứ bền bỉ hơn như gạch, ngói, đá, thép. Lịch sử Trung Quốc cả mấy nghìn năm nhưng chỉ thấy còn lại rất ít những nhà cửa cổ kính, cái cổ nhất nhiều lắm may ra được vài trăm năm. Trong khi đó, nhà cửa của người Tây phương ở khắp nơi đều xưa cũ như lịch sử của họ.

Người Trung Quốc không yêu mến một tí nào cái “quán trọ lớn” họ đang ở

tạm trên trái đất này, cũng chẳng nghĩ gì đến những lũ khách sẽ đến đó một khi họ đã ra đi. Nguyên do cũng chỉ vì quá nghèo khổ, nghèo khổ nên ở đâu, lúc nào cũng gần kề sự chết đói, chẳng thể nào nghĩ được đến một việc gì khác ngoài sự sống còn.

Người Trung Quốc đối với những tài nguyên có tầm quan trọng sống còn của con người trên trái đất vẫn có thái độ “giết gà lấy trứng, tát đầm bắt cá”, chỉ cần có được cái lợi ngay trước mắt, không bao giờ nghĩ đến chuyện trường kỳ như kiểu nuôi cừu để lấy len.

Hễ chỗ nào có người Trung Quốc ở qua, đất đai thường bị khai thác đến kiệt quệ, rừng bị tàn phá một cách vô tội vạ, cầm thú bị săn bắn đến tuyệt chủng, cá tôm bị đánh bắt đến không còn sinh sản kịp. Mảnh đất trên đó vốn có một dây chuyền sinh thái của vạn vật đều bị

người Trung Quốc bóc xé đến tro tro chẳng còn gì ngoài một vùng cát vàng mênh mông.

Tại Vũ Cống, ở Cửu Châu (Ung Châu), nơi ngày xưa là “ruộng đồng bát ngát”: ngày nay “chỉ có nước mà không có thuyền, mười quả núi thì chín quả trọc”. Phía đông bắc Trung Quốc (Mãn Châu) và Đài Loan ngày nay còn tương đối trù phú, bởi vì hai miền đất này là nơi người Trung Quốc di dân đến muộn, vì vậy tài nguyên vẫn còn chưa bị tàn phá đến cạn kiệt.

“Người quân tử mà thích của cải thì phải kiếm được nó bằng cách hợp đạo lý” (Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo). Cái câu nói của người xưa này xem ra vẫn còn có giá trị đến ngày nay. Con người phải theo đuổi lợi ích, nhưng không khi nào được quên chính nghĩa.

“Nghĩa” và “lợi” vốn không hề xung khắc mà còn bổ túc cho nhau nữa. Nhưng xưa nay các ông thánh Trung Quốc cứ ra rả bảo “nghĩa” và “lợi” không thể đi đôi với nhau. Nào là “hãy giữ tình bạn cho trong sáng, không được mưu lợi: hãy làm cho đạo lý sáng tỏ, không được tính toán công lao” (Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kế kỳ công).

Vấn cứ cái thói đạo đức giả, nào là trọng nghĩa khinh tài, không màng đến chuyện thành công. Ở đâu lưỡi lúc nào cũng lớn lối nói toàn chuyện trên trời dưới biển, hoàn toàn chẳng giống với cái gì xảy ra trong cuộc sống thực tế cả.

Mấy thế hệ người Trung Quốc được giáo dục trong tinh thần của “Nghĩa Hòa Đoàn” (tên một hiệp hội đời Thanh, 1899 khởi nghĩa ở Thiên Tân, chủ trương phò Thanh diệt Tây phương, đưa đến việc tám cường quốc liên quân đánh Trung

Quốc - Boxers - ND) hể mở miệng ra là nói: “Vì cái chủ nghĩa thực dụng của Tây phương mù mịt, nên cái đạo đức của Trung Quốc bị đắm chìm” (Do vu Tây phương công lợi chủ nghĩa đích di mạn, tài sử đắc Trung Quốc nhân đạo đức luân táng). Sự thực thì lại hoàn toàn trái ngược. Vì trên thế giới này không có loại người nào lại thực dụng bằng người Trung Quốc.

Người Trung Quốc làm bất cứ việc gì, trước tiên bao giờ cũng nghĩ đến một vấn đề:

“Chuyện này có chỗ nào mình lợi dụng được không? ”

Ông bác học người Anh Newton trước khi tìm ra “Định luật vạn vật hấp dẫn” (còn gọi là “Thuyết trọng lực”) đi đồng thì phân rơi vào hố xí, sau khi phát minh định luật này, lúc đi đồng phân vẫn cứ rơi vào hố xí. Hoàn toàn không

phải là trước khi phát minh thì đi đại tiện cút bay lên đầy trời. Vì vậy dân tộc Trung Quốc không bao giờ “phát minh” ra được một “thằng ngốc” như Newton cả.

Ga-li-lê tìm được “Nguyên lý rơi tự do của vật thể”, đối với người Trung Quốc đây chỉ là cái trò chơi mất thì giờ, chẳng có giá trị thực dụng gì cả. Những người “hiền” chẳng ai chơi cái trò đó!

Người Trung Quốc khấn Bồ-tát phù hộ cho họ trúng số độc đắc. Nếu họ trúng thì họ sẽ diễn ngay cái tuồng đền ơn, trả nghĩa. Nếu không trúng thì họ sẽ rửa Bồ-tát là đồ tượng gỗ, tượng đất. Chỉ cần có gì hay thì thần thánh nào họ cũng thờ. Bằng không thì họ chẳng tin thánh thần nào cả, chỉ tin vào chủ nghĩa thực dụng của họ mà thôi.

Người Trung Quốc không có cái cuồng tín tôn giáo, không hề có những

thánh tử vì đạo, lại cũng không thể để xảy ra chiến tranh vì tín ngưỡng.

Người Trung Quốc lại càng không có những chuyện tình trong đó những người yêu nhau chết vì tình yêu. Người Trung Quốc học đạo “Trung Dung”, học “sự tự kiểm chế”, học cái gì cũng phải một vừa hai phải. Nói trắng ra tất cả lại vẫn xuất phát từ quan điểm thực dụng. Không thể buông thả cho nhiệt tình bộc lộ, càng không thể quả quyết về một việc nhỏ nhen nào. Bất cứ cái gì cũng cân nhắc lợi hại, đắn đo xem có đáng hay không đáng.

“Cần gì!” (Hà tất!) là một câu đầu lưỡi nói lên cái nguyên tắc chỉ đạo tất yếu của người Trung Quốc khi buộc phải khuất phục một thế lực xấu.

Anh bị người ta gài bẫy, bị oan tày đình, tan cửa nát nhà, vợ con ly tán. Anh phải báo thù, phải đòi cho được lẽ phải.

Lúc đó bạn bè sẽ khuyên anh:

“Cần gì! Sự việc đã thế rồi, dĩ nhiên anh phải rửa oan, báo thù. Nhưng người đã chết rồi có sống lại được nữa đâu? Kẻ đã ly tán rồi làm sao có thể đoàn tụ được? Đối với anh (hành động bây giờ) phỏng có ích chi?”

“Cần gì phải làm như thế!”, “Có ích lợi gì đâu!”. Hai câu này khiến cho xã hội Trung Quốc vĩnh viễn không có chính nghĩa, làm cho người Trung Quốc vĩnh viễn không thể giữ vững được nguyên tắc.

Bị chủ nghĩa thực dụng chi phối, hễ có người đụng một tý vào những việc khó khăn hay mạo hiểm là người Trung Quốc liền cho rằng đó là những thằng điên.

Châm ngôn của người Trung Quốc là:

“Thân nghìn vàng (của ta) không thể ngồi trong ngôi nhà sắp đổ” (Thiên kim chi tử, tọa bất thùy đường), và “Tay không đánh nhau với cọp, không thuyền mà lội bừa qua sông lớn thì có chết cũng không ai thương tiếc, nhưng ta thì không thể nào như vậy!” (Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dĩ giả - lời Khổng Tử khuyên Tử Lộ là học trò lỗ mãng).

Trên thế giới này biết bao việc mạo hiểm như nhảy dù từ trên không, đi thuyền qua thác nước, đi mô-tô qua tường lửa, v.v... đó chỉ là những thứ của mấy thằng khờ khạo, kiến thức nông cạn. Người Trung Quốc chân chính không thể nào làm những thứ đó. Bởi vì theo họ nghĩ, ngoài việc tìm lấy những cảm giác mạnh ra, làm những thứ đó chẳng đem lại được một lợi ích thực tế gì.

Người Trung Quốc lúc dự hội nghị không bao giờ dám nói ngay ra một

cách thăng thẩn và chính xác ý kiến của mình. Hội nghị kết thúc rồi cũng tuyệt đối không dám bỏ đi những ý kiến riêng của mình.

Nói chuyện về đạo lý với người Trung Quốc chỉ là chuyện uống công. Lúc bắt đầu xin góp ý về một việc nào đó thì mọi người không ai có ý kiến gì cả, nhưng khi sự việc đã được quyết định rồi thì tất cả mọi người đều muốn có ý kiến.

Nói tóm lại một câu: người Trung Quốc mãi mãi không thể nào một lòng đoàn kết, vĩnh viễn không thể chủ động giữ vững được các quy tắc, cho nên chỗ nào có người Trung Quốc nhất định là có khả năng xảy ra hỗn loạn.

Người Trung Quốc không bao giờ quý trọng tình cảm của người khác, cũng không bao giờ quan tâm đến sự sống chết của kẻ khác. Lúc người Trung Quốc nói, họ muốn cả thế giới nghe được lời

họ. Lúc đang nói, vì muốn toàn thế giới lắng nghe, nên họ phải gào lên thật to cho tiếng rền mái ngói, cho tất cả đối phương đều khiếp sợ oai mình. Chỉ cần có hai người Trung Quốc ở một chỗ là có thể ồn ào đến chết người được.

Nơi nào người Trung Quốc đã đặt chân đến thì không thể có chỗ nào là không bẩn. Có hơn một tỷ người Trung Quốc trên thế giới này, làm sao mà không chật chội được?

Ngoài ồn, chật, bẩn, loạn, lại còn thêm cái tật “thích xem” (người khác đau khổ), hoặc “chỉ quét tuyết trước nhà mình mà không động tý gì đến sương trên mái ngói nhà người khác”.

Họ luôn mồm “nhân nghĩa” mà tâm địa ích kỷ, tham lam. Một đảng hô to khẩu hiệu: “Phải tử tế với người và súc vật!”, trong khi đó ngày ngày không ngừng xâu xé lẫn nhau.

Tóm lại, người Trung Quốc đúng là một dân tộc vĩ đại, vĩ đại đến độ làm cho người đời nay không có cách nào hiểu nổi tại sao họ có thể tồn tại được trên quả địa cầu này những 5.000 năm?

